
VIỆN Y HỌC DÂN TỘC THƯỢNG HẢI

380 BÀI THUỐC ĐÔNG Y HIỆU NGHIỆM

Người dịch: - Lương y Ngô Xuân Thiều
- Hải Ngọc
- Lâm Huy Nhuận

Kỹ thuật vi tính: - Bs. Lê Trung Tú

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA - 1990

Tham khảo 2 cuốn tương tự sau:

Người dịch: Lê Văn Sửu
(Hoàn thành năm 1987)

SỔ TAY PHƯƠNG TẾ LÂM SÀNG ĐÔNG Y

Bản dịch từ:

Trung-Y Phương Tế Lâm Sàng Thủ Sách

của:

Thượng Hải Trung-Y Học Viện và Tổ Nghiên Cứu Lý Luận Trung-Y biên soạn

Nhà xuất bản Thượng Hải Nhân Dân – 1973

(Dùng trong gia đình và bạn bè thân thiết - Không phổ biến rộng rãi)

VIỆN Y HỌC DÂN TỘC THƯỢNG HẢI

399 BÀI THUỐC ĐÔNG Y HIỆU NGHIỆM

Người dịch: - Lương y Ngô Xuân Thiều
- Hải Ngọc
- Lâm Huy Nhuận

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 2001

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU	3
Chương 1	4
KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ CÁC BÀI THUỐC ĐÔNG Y	4
Chương 2	9
THUỐC GIẢI BIỂU	9
Chương 3	17
THUỐC THANH NHIỆT	17
Chương 4	36
THUỐC TẢ HẠ	36
Chương 5	48
THUỐC HÒA	48
Chương 6	53
THUỐC ÔN	53
Chương 7	58
THUỐC TIÊU	58
Chương 8	65
THUỐC BỔ ÍCH	65
Chương 9	83
THUỐC LÝ KHÍ	83
Chương 10	88
THUỐC NGỪNG NÔN GIÁNG NGHỊCH	88
Chương 11	93
THUỐC CHỈ THỐNG	93
Chương 12	101
THUỐC HOẠT HUYẾT	101
Chương 13	110
THUỐC CHỈ HUYẾT	110
Chương 14	115
THUỐC CHỈ KHÁI, ĐỊNH SUYỄN VÀ HÓA ĐÀM	115
Chương 15	130
THUỐC HÓA THẤP VÀ LỢI THỦY	130
Chương 16	139
THUỐC KHU PHONG THẤP	139
Chương 17	145
TRỊ NGƯỢC TỄ	145
Chương 18	149
THUỐC KHU TRÙNG	149
Chương 19	153
THUỐC KHAI KHIẾU	153
Chương 20	160
THUỐC TRẦN KINH	160
Chương 21	164
THUỐC TRỌNG TRẦN AN THẦN	164
Chương 22	170
THUỐC CỐ SÁP	170
Chương 23	177
THUỐC TRỊ UNG DƯỞNG	177
Chương 24	185
NGOẠI DỤNG PHƯƠNG TỄ	185

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sách 380 bài thuốc Đông y hiệu nghiệm này là một tài liệu do Viện nghiên cứu y học Dân tộc Thượng Hải (Trung Quốc) biên soạn rất công phu, nó không đơn thuần giới thiệu những bài thuốc hay, mà theo từng chương mục nó còn hướng dẫn việc phân chia các loại bệnh, cách chữa bệnh, cách dùng phương thuốc cho phù hợp. Được tính, công năng từng vị thuốc, phương thuốc cũng như cách ghép vị, gia giảm, được phân tích tỷ mỉ. Những bài thuốc nêu ra ở đây được chọn lọc rút ra từ những cuốn sách thần dược cổ truyền như “Cảnh Nhạc toàn thư”, “Thương hàn luận”, “Hoà tễ cục phương”... Kết hợp với những phương thức hiệu nghiệm cho các bệnh viện y học dân tộc Thượng Hải, Thiên tân, Nam Kinh trong quá trình thực nghiệm lâm sàng cầu thành.

Đây là một tài liệu vừa có tính lý luận vừa hướng dẫn thực hành, vừa kết hợp phương thuốc cổ truyền với nghiệm phương điều trị hiện tại. Nó có ích cho các lương y tham khảo chữa bệnh và cũng rất có ích cho những người tìm hiểu nghiên cứu về y học dân tộc và những người muốn tự chữa bệnh cho mình.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

© text: <http://phongthuyquan.vn>

© Kỹ thuật vi tính: **Bs. Lê Trung Tú**



HÀ NỘI - 2012

Chương 1

KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ CÁC BÀI THUỐC ĐÔNG Y

I. CÁCH CẤU TẠO MỘT BÀI THUỐC

Ta lấy một vị thuốc hoặc nhiều vị thuốc bào chế theo một phương pháp nhất định để chữa một bệnh nào đó thì thuốc đó gọi là một bài thuốc.

Có bài thuốc chỉ có một vị, người xưa đã từng dùng như cao Tỳ bà diệp, cao Tang chi, cao Kim anh tử, thuốc sắc *Độc sâm thang* hoặc như thuốc viên Hoàng liên, Diên hồ sách, thanh nhiệt tiêu viêm (chỉ một vị Bồ công anh chế thành) hoặc là thuốc tiêm Bản lam căn, hoặc thuốc lưu truyền trong dân gian như vị mã xỉ nghiễn (rau sam) chữa đau bụng đi tả, ngư tinh thảo chữa bệnh ung phổi, xú ngô đồng chữa huyết áp cao v.v... Bài thuốc một vị có đặc điểm chủ yếu là chuyên chữa một bệnh, nguồn thuốc tại chỗ, nhân dân lao động dễ học biết và sử dụng, dễ nghiên cứu tính năng tác dụng và hiệu quả của vị thuốc đó, là cơ sở hình thành các bài thuốc có nhiều vị.

Có bài thuốc nhiều vị. Từ xưa đến nay dùng thuốc để chữa bệnh đều bắt đầu từ một vị thuốc. Đến khi thấy chỉ dùng một vị để chữa bệnh không đủ hiệu nghiệm mới dần dần dùng hai vị hoặc nhiều vị phối hợp lại, cùng dùng hai vị thuốc một lúc có thể bổ sung hạn chế của vị thuốc kia (như cùng dùng Ngô thù với Hoàng liên), khử được chất độc của vị thuốc (như cùng dùng Sinh khương với Bán hạ), làm dịu chất mạnh của thuốc (như cùng dùng Đại táo với Đinh lịch) hoặc phối hợp phát huy hiệu quả lớn hơn (như cùng dùng Can khương với Phụ tử, qua việc ghép vị (phối ngũ) như vậy tác dụng của nó không giống như dùng một vị thuốc riêng lẻ. Qua thực tế chữa bệnh nhiều năm do kinh nghiệm tích lũy được mà hình thành các bài thuốc. Năm vững nguyên tắc ghép vị thuốc thì sử dụng thuốc tốt hơn hợp với các chứng bệnh phức tạp nâng cao được kết quả điều trị. Đó là đặc điểm của y dược học Trung Quốc, chữa bệnh theo phép biện chứng. Những bài thuốc hiệu nghiệm do người xưa để lại rất là quý báu cần được khai thác, phát huy và nâng cao lên.

1. Nguyên tắc tạo thành bài thuốc:

Bài thuốc đông y được tạo thành bởi 3 thành phần:

1.1. Vị thuốc chủ:

Căn cứ bệnh tình chọn một, hai vị thuốc chủ yếu làm nòng cốt chữa bệnh, đó là thành phần chủ yếu. Như bài *Tam thừa khí thang* lấy Đại hoàng làm vị thuốc chủ tức là xác định cách chữa công hạ thực nhiệt ở vị tràng.

1.2. Vị thuốc phụ trợ:

Căn cứ đặc điểm của bệnh, cân nhắc chọn vị thuốc chủ rồi lại chọn những vị thuốc khác ghép vào để vị thuốc chủ phát huy được tác dụng cần thiết để điều trị càng sát hợp với bệnh tình. Như bài *Ma hoàng thang* lấy Quế chi làm vị phụ trợ cho Ma hoàng để tăng thêm tác dụng tân ôn giải biểu; bài *Xạ can Ma hoàng thang* lấy Xạ can làm vị phụ trợ để giảm tác dụng tân ôn hòa giải biểu của Ma hoàng mà tăng thêm công hiệu tuyên phế bình suyễn.

1.3. Vị thuốc gia thêm theo bệnh:

Tức là theo bệnh thứ yếu của bệnh nhân mà cho thêm vị thuốc vào như ho thêm Hạnh nhân, tiêu hóa không tốt thêm Lục thần khúc, Mạch nha.

Điều cần nói thêm là: Vị thuốc chủ và vị thuốc phụ trợ trong bài thuốc không hạn chế một hay hai vị, rất nhiều bài có đến hai, ba vị tạo thành. Nhưng lúc có vị thuốc chủ hoặc vị thuốc phụ trợ có từ hai vị trở lên, có thể xảy ra hai tình huống!

Một là sau khi ghép vị rồi có thể tăng cường hạn chế hoặc cải biến tác dụng của vị thuốc chủ hoặc vị thuốc phụ trợ như Ngân hoa cùng dùng với Liên kiều trong bài: *Ngân kiều tán* thì tác dụng thanh nhiệt sẽ được tăng lên, vì hai vị đó được tính tương tự như nhau; Ma hoàng cùng dùng với Thạch cao trong bài *Ma hạch thạch cam thang* là để hạn chế nhau vị Ma hoàng thì tân ôn còn Thạch cao thì tân

hàn, khí vị tương phản để tạo thành bài thuốc khai phế thanh nhiệt, Quế chi và Bạch thược trong bài *Quế chi thang* là vị thuốc chủ nhưng khí vị tương phản cốt để điều hòa dinh vệ: Tình huống khác là ứng dụng kết hợp một lúc hai cách chữa bệnh như bài *Đại thừa khí thang* lấy Hậu phác, Chỉ thực ghép vị Đại hoàng là ứng dụng kết hợp một lúc hai cách chữa công hạ và hành khí, phá khí, tác dụng của nó càng mạnh hơn. Như bài *Hoàng long thang* lấy Nhân sâm, Đương quy để ích khí dưỡng huyết phối vị với Đại hoàng để công hạ, đó là kết hợp ứng dụng giữa công và bổ, trở thành bài thuốc vừa công vừa bổ. Cũng có thể gọi vị thuốc nói trên là “sứ dược”, tức là chọn vị thuốc nào đó có tác dụng đến một phủ tạng, kinh lạc nào đấy, dẫn thuốc đến thẳng nơi bị đau như Kiết cánh dẫn thuốc đi lên, Ngưu tất dẫn thuốc đi xuống. Cũng có vị thuốc có tác dụng điều hòa giữa các vị thuốc như thường dùng Cam thảo trong nhiều bài thuốc nhưng không phải bài nào cũng dùng nó.

Tóm lại, nguyên tắc tạo thành bài thuốc là một bộ phận trong phép chữa bệnh biện chứng của đông y, là cách vận dụng cụ thể của “Lý, phép, phương, dược”. Chỉ có chẩn đoán chính xác, phân biệt rõ bệnh tình nặng nhẹ, thư cấp, bệnh nào chính phụ quyết định nguyên tắc điều trị, chọn đúng vị thuốc chủ, vị thuốc phụ trợ có mục đích thì mới tạo nên một bài thuốc hiệu nghiệm.

2. Nguyên tắc ghép vị thuốc:

Bài thuốc được tạo nên là do việc ghép các vị thuốc lại với nhau. Dùng một vị hoặc nhiều vị phối hợp với nhau phải tuân theo phương pháp chọn vị thuốc. Do việc ghép vị thuốc khác nhau mà tạo nên tác dụng khác nhau như Quế chi ghép với Ma hoàng thì ra mồ hôi nhưng ghép với Thược dược thì ngừng ra mồ hôi. Qua việc ghép vị thuốc, có cái tăng thêm hiệu lực của thuốc như Đại hoàng ghép với Mang tiêu thì tác dụng tả hạ càng mạnh, có cái có thể giảm bớt tính năng của thuốc như Phụ tử dùng chung với Địa hoàng thì Địa hoàng hộ âm, cơ thể giảm bớt tính tân nhiệt cương tác và suy âm của Phụ tử; có vị thuốc có thể khiên chế độc tính của vị thuốc khác để giảm bớt tác dụng phụ, như Bán hạ phối hợp với Sinh khương thì Sinh khương khiên chế chất độc của Bán hạ để nó có thể phát huy được tác dụng ngừng nôn khử đờm.

Cần phải nêu rõ, cách tạo bài thuốc và ghép vị thuốc không phải bài nào cũng chặt chẽ, hoàn chỉnh mà phải nhìn một cách tổng hợp toàn diện để đánh giá tác dụng mỗi bài thuốc, có bài tạo nên tác dụng hợp đồng, tập trung như 4 vị trong bài *Hoàng liên giải độc thang* đều là vị thanh nhiệt tả hỏa, 8 vị trong bài *Bát chính tán* đều là vị thanh nhiệt thông lâm; có bài tạo thành tác dụng ngược lại như cùng dùng Quế chi và Thược dược trong bài *Quế chi thang*; có bài cùng dùng vị hàn nhiệt (như bài *Tả kim hoàn*), cùng chữa bổ tả (như *Hoàng long thang*), biểu lý đồng trị (như bài *Phong phong thông kinh tán*) v.v..., đều là do bệnh tình phức tạp mà định cách chữa thích hợp; có bài thuốc ở dạng chiếu cố toàn diện như bài điều hòa khí huyết và bổ ích khí huyết trong thân thể bệnh nhân.

Định lượng mỗi vị thuốc trong thang nhiều ít, chủ yếu do bệnh tình mà định, nếu bệnh đơn giản hoặc cách chữa cần chuyên một thời gian, thì lượng thuốc cần ít nhưng tinh; nếu bệnh phức tạp cần có hai cách chữa phối hợp thì vị thuốc tất nhiên phải nhiều lên. Nếu quá nhiều vị trong một thang, có 1 lúc nó sẽ khiên chế nhau, ảnh hưởng nhau, cần phải chú ý, cho nên khi bốc thuốc cần chú ý trọng điểm, lại phải chiếu cố thỏa đáng toàn diện, sao cho “nhiều mà không tạp, ít mà tinh chuyên”.

Định lượng mỗi vị thuốc trong một bài thuốc thông thường định lượng vị thuốc chủ nhiều hơn các vị khác, thuốc phản tá (tức là dược tính phản lại với vị thuốc chủ, thuốc phụ trợ khiên chế vị thuốc chủ) thuốc điều hòa thuốc dẫn kinh thì định lượng thường ít hơn các vị thường dùng nhưng phải xem tình hình cụ thể của bệnh và thuốc mà định. Như bài *Tả kim hoàn* thì Hoàng liên là thuốc chủ, Ngô thù là thuốc phản tá (cũng có thể gọi là thuốc dẫn kinh) thì tỷ lệ của 2 vị thuốc là 6/1. Bài *Đại tiểu thừa khí thang* đều lấy Hậu phác, Chỉ thực là thuốc phụ trợ, nhưng do bệnh tình khác nhau nên định lượng Hậu phác, Chỉ thực trong bài *Thừa khí thang* nhiều hơn gấp đôi mức thường dùng. Do vậy, định lượng vị thuốc không chỉ phân biệt vị thuốc chủ và thuốc phụ trợ mà còn căn cứ bệnh tình mà gia giảm.

II. GIA GIẢM BIẾN HÓA BÀI THUỐC

Một bài thuốc dù là từ xưa hay ngày nay mới tạo nên đều có nguyên tắc và phạm vi nhất định vì vậy không thể dập khuôn cứng nhắc, lúc chẩn đoán xem bệnh căn cứ vào thể chất khỏe yếu của bệnh nhân, tuổi nhiều hay ít, xem xét chất lượng vị thuốc mà vận dụng gia giảm thích đáng và linh hoạt.

1. Gia giảm biến hóa vị thuốc:

Một bài thuốc do vị thuốc gia giảm mà biến đổi công dụng và phạm vi thích ứng. Ví như bài *Quế chi thang* vốn là bài giải cơ, điều hòa dinh vệ thích hợp chữa biểu chứng ngoại cảm, đồ mồ hôi sợ gió mà sốt không rõ rệt, giả sử mắc bệnh ấy lại thêm thở khò khè thì thêm Hạnh nhân, Hậu phác sẽ chữa khó thở, nếu như sốt nóng biểu hiện rõ thì thêm Hoàng cầm sẽ có tác dụng thoái nhiệt. Đó là trường hợp chủ chứng không biến mà có thêm chứng phụ thì gia giảm biến hóa như vậy. Lại ví như *Ma hoàng thang* vốn là bài tân ôn phát hãn nếu như biểu hàn không nặng mà ho nhiều bỏ Quế chi đi, trở thành bài chỉ khái bình suyễn. Tuy chỉ giảm đi một vị nhưng tác dụng chữa bệnh đã khác nhau.

2. Thay đổi cách ghép vị thuốc:

Sau khi thay đổi cách ghép các vị thuốc chủ yếu thì trực tiếp ảnh hưởng ngay đến tác dụng của bài thuốc. Lấy vị Hoàng kỳ làm ví dụ nếu ghép với Nhân sâm, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ trở thành bài *Bổ trung ích khí thang*, có tác dụng thăng đề bổ khí, nếu ghép với Đương quy thì trở thành bài *Đương quy bổ huyết thang* có tác dụng bổ huyết, nếu ghép với Bạch truật, Phòng kỷ thì trở thành *Phòng kỷ hoàng kỳ thang* có tác dụng lợi thủy, nếu ghép với Bạch truật, Phòng phong thì trở thành bài *Ngọc bình phong tán*, có tác dụng cố biểu chỉ hãn, nếu ghép với Xuyên sơn giáp, Gai tạo giác thì thành bài *Thấu nông tán* có tác dụng nung mù; nếu ghép với Quế chi, Thược dược thì thành bài *Hoàng kỳ kiến trung thang* có tác dụng ôn trung bổ hư; nếu ghép với Đương quy, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa thì thành bài *Bổ dương hoàn ngũ thang* có tác dụng tiêu ứ thông lạc; Nếu ghép với Miết giáp, Địa cốt bì thì thành *Hoàng kỳ miết giáp tán* có tác dụng thanh hư nhiệt. Qua đó ta có thể thấy việc ghép các vị thuốc trong một bài thuốc có liên quan mật thiết đến tác dụng chủ trị nhất là thay đổi các vị thuốc chủ yếu thì tác dụng chữa bệnh của bài thuốc ấy cũng biến đổi.

3. Thay đổi định lượng vị thuốc:

Nếu định lượng vị thuốc trong bài thuốc biến đổi lớn thì tác dụng chính cũng biến đổi theo. Ví như bài *Chỉ truật thang* và *Chỉ truật hoàn* cùng gồm 2 vị Chỉ thực và Bạch truật ghép nên. Nhưng Chỉ thực ở bài trước định lượng gấp đôi Bạch truật nên lấy tiêu tích đạo trệ làm chủ; bài sau thì Bạch truật gấp đôi Chỉ thực nên lấy kiện tỳ hòa trung làm chủ. Bài trước nguyên chữa đầy dưới vùng tim có thủy âm, bây giờ có người dùng để chữa sa dạ dày cho rằng tất phải dùng nhiều Chỉ thực mới hiệu quả; bài sau thường dùng để kiện tỳ hòa trung, trợ tiêu hóa. Qua đó ta thấy, vị thuốc giống nhau nhưng liều lượng khác nhau thì tác dụng chủ trị của bài thuốc cũng đổi khác, phạm vi thích ứng cũng khác nhau.

4. Thay thế vị thuốc:

Nắm vững nguyên tắc thay đổi cách ghép các vị thuốc trong bài thuốc thì khi lâm sàng chữa bệnh có thể theo phép chữa và ý nghĩa bài thuốc mà không dùng tất thấy các vị thuốc nhất là những vị thuốc quý hiếm, có thể dùng vị thuốc có dược tính tương tự thay thế mà không ảnh hưởng đến hiệu quả chữa bệnh. Ví dụ 3 vị Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá tác dụng của nó có khác nhau nhưng đều là vị khô hàn, đều dùng thanh nhiệt tả hỏa, táo thấp, cho nên có thể dùng vị này thay thế vị kia. Chỉ thực và Chỉ xác, tác dụng của nó nhanh chậm khác nhau, Nhân sâm và Đảng sâm tuy mạnh yếu khác nhau nhưng có thể dùng thay thế nhau khi chữa bệnh. Hiện nay khi chữa bệnh thường dùng sừng trâu thay Tê giác, sơn dương giác thay Linh dương giác, Trân châu mẫu thay Thạch quyết minh v.v... không ảnh hưởng mấy đến hiệu quả trị bệnh. Nhưng cần chú ý khi dùng vị khác thay thế thì định lượng cần thay đổi, vị nào nhẹ thì tăng, vị nào trọng thì giảm như dùng Đảng sâm thay Nhân sâm thì định lượng cần tăng thêm, dùng Chỉ thực thay Chỉ xác, định lượng nên giảm bớt.

Ngoài ra, còn có thể căn cứ vào tác dụng riêng của từng vị thuốc mà chọn vị thuốc khác thay thế để đạt một mặt tác dụng nào đó. Ví như Sơn thù có tác dụng bổ ích can thận, thì khi muốn bổ ích can thận có thể dùng Nữ trinh tử, Câu kỷ tử, Thỏ ti tử v.v... thay thế.

III. PHÂN LOẠI TÁC DỤNG BÀI THUỐC

Muốn phân loại tác dụng bài thuốc, chủ yếu căn cứ vào cách chữa bệnh, nếu căn cứ vào 8 cách là hãn, thổ, hạ, hòa, ôn, thanh, tiêu, bổ thì có thể chia thành bài giải biểu, bài ủng thổ, bài tả hạ, bài hòa

giải, bài ôn nhiệt, bài hàn lương, bài tiêu dao, bài bổ ích, nếu 8 cách trên chưa khái quát được hết thì lại chia thành bài lý khí, bài lý huyết, bài khu phong, bài hóa thấp, bài khai khiếu, bài cố sáp, bài tải ngược, bài khu trùng v.v... Nhưng có bài thuốc không chỉ có một tác dụng như bài *Tứ vật thang* có thể bổ huyết, lại có thể hoạt huyết, có thể quy về bài bổ ích cũng được mà quy về bài lý huyết cũng được. Vì vậy trong các sách thuốc, theo cách phân loại hạng mục khác nhau mà phân loại từng bài thuốc cũng khác nhau. Ngoài ra, còn có bài thông dụng và bài chuyên dụng như bài *Kiến tỳ ích khí thang* bổ khí, bài *Tứ vật thang* bổ huyết, *Lục vị địa hoàng hoàn* bổ âm, *Quế phụ bát vị hoàn* bổ dương đều là bài thông dụng, phạm vi sử dụng rất là rộng rãi. Các bài chuyên dụng chỉ dùng chữa một chứng bệnh nào đó như bài *Đại hoàng mấu đơn thang* theo tác dụng của nó là thanh nhiệt giải độc nhưng phần lớn dùng chữa bệnh đau đại tràng. Bài *Thập khôi hoàn*, theo tác dụng của nó là lương huyết nhưng thường dùng để chỉ huyết. Vì vậy cách phân loại ở sách này là căn cứ vào thực tế chữa bệnh, để phân còn bài thuốc chuyên dùng thì phân riêng, với bài thuốc có tác dụng đan xen thì các chương trước sau đều có để tiện tra cứu.

IV. CÁC LOẠI BÀI THUỐC VÀ CÁCH DÙNG

1. Loại thường dùng:

Thuốc đông y thường dùng gồm 5 loại: Thang, hoàn, tán, cao, đan. 4 loại nói sau là thuốc chế sẵn thường gọi là cao đan hoàn tán, có loại mang tên là hoàn tán nhưng thực tế ứng dụng như thuốc thang.

1.1. Thuốc thang:

Đem vị thuốc đun với nước thành thuốc nước (có lúc cho vào ít rượu) bỏ bã đi, uống nóng gọi là thuốc thang. Vị thuốc đông y phần lớn là thực vật, cho nước vào đun sôi, chất thuốc trôi ra trong nước, sau khi uống hấp thu vào người tác dụng của nó tương đối mạnh mà dễ xử lý linh hoạt, thích ứng với các loại bệnh, là một loại thông dụng nhất trong các loại. Với chứng bệnh phức tạp biến chứng nhiều, dùng thuốc thang là hợp nhất. Khuyết điểm lớn nhất của nó là đun sắc không tiện và trẻ con không thích uống.

1.2. Thuốc viên (hoàn):

Đem vị thuốc tán nhỏ ra, rồi dùng mật hoặc hồ ngào với bột thuốc viên lại gọi là thuốc viên (hoàn). Khi dùng thuận tiện nhưng vì trong thuốc có cả bã nên hấp thu chậm, thường dùng chữa bệnh thư hoãn. Nhưng có vài vị thuốc được tính mãnh liệt mà muốn được hấp thu từ từ nên chế thành hoàn như bài *Thập tảo hoàn*, *Đế dương hoàn*, những vị thuốc có hương thơm như Xạ hương, Băng phiến không tiện đun sắc, thường dùng chữa bệnh cấp tính nên phải chế sẵn thành hoàn để khi cần đến có thuốc dùng ngay (như thuốc khai khiếu). Khuyết điểm của thuốc hoàn là tính chất của vị thuốc không được luyện trước, trong thuốc có bã, uống liều lượng ít hiệu quả không cao (trừ thuốc khai khiếu) mà uống nhiều thì trở ngại tiêu hóa, thường vì hấp thu chậm mà hiệu quả điều trị kém, đồng thời do bảo quản khó, để lâu quá dễ biến chất mất tác dụng.

1.3. Thuốc tán:

Đem vị thuốc tán thật nhỏ gọi là thuốc tán. Thuốc tán có 2 loại uống trong và dùng ngoài. Thuốc tán uống trong có thể tiêu với nước nóng hoặc đun sắc lên uống như thuốc thang. Tác dụng của nó gần như thuốc thang, khuyết điểm là khi dùng không tiện, còn khó bảo quản hơn thuốc hoàn, thuốc tán dùng ngoài là đem vị thuốc tán thật nhỏ xoa hoặc đắp lên chỗ đau, phần nhiều dùng chữa bệnh ngoại khoa, thương khoa, hầu khoa, nhãn khoa.

1.4. Thuốc cao:

Đem vị thuốc đun với nước sắc lấy nước đặc xong, cô lại thành cao gọi là thuốc cao, chia làm 2 loại uống trong và dùng ngoài. Cao uống trong thì đun sắc thuốc xong bỏ bã, cho đường cục hoặc mật ong vào cô đặc thành cao, lúc dùng uống với nước chín. Ưu điểm của nó là tận dụng được hết tinh chất của thuốc, đã cô thành cao mùi vị thơm dễ uống, chữa bệnh mạn tính, trị bổ, điều lý là thích hợp, khuyết điểm là không để lâu được, phần nhiều dùng trong mùa đông. Thuốc cao dùng ngoài có thuốc cao và dầu cao.

1.5. Thuốc đan:

Thuốc đan là thuốc hoàn hoặc tán qua tinh chế nhào luyện nhiều lần như *Thăng đan*, *Hắc tích đan*, *Hồng linh đan* v.v... có thuốc muốn chứng tỏ linh nghiệm nên gọi là đan như *Thần tê đan*, *Cam lộ tiêu độc đan*. Thuốc đan có tán, hoàn, khoai (cục), có thể uống trong hoặc dùng ngoài. Ngoài ra còn có đan tửu đan lộ v.v...

2. Cách sắc thuốc:

2.1. Dụng cụ sắc thuốc:

Tốt nhất dùng nồi đất thì không bị ảnh hưởng phản ứng hóa học.

2.2. Lượng nước đun sắc:

Tùy theo lượng thuốc nhiều ít mà định, lần đầu chừng 2 bát ăn cơm (ước 1000 gam) lần thứ hai một bát. Theo lượng thuốc nhiều ít, thể tích lớn nhỏ (như Hạ khô thảo, Cúc hoa thể tích lớn dùng nhiều nước), mức độ hút nước của vị thuốc (như Phục linh, hoài sơn hút nhiều nước) mà thêm bớt.

2.3. Điều cần chú ý khi sắc thuốc:

1. Trước khi đun sắc phải cho vị thuốc ngâm vào nước lạnh một lúc cho ngấm mềm thuốc, để tinh chất của thuốc dễ thôi ra.
2. Thuốc có vị thơm phát tán, đun 3-5 lần sôi là được. Trong bài thuốc có một hai vị như vậy có thể đun sau hoặc uống thẳng.
3. Thuốc bổ ích nên đun chậm lửa nhỏ.
4. Loại khoáng thạch, có vỏ nên đập nhỏ trước khi đun.
5. Những vị thuốc sau khi đun nóng dễ biến chất như Câu đằng, Đại hoàng v.v..., cần đun sau, sôi 3-5 lần là được.
6. Thuốc có dược tính độc như Phụ tử, Ô dầu, Thảo ô thì phải đun trước chừng một tiếng đồng hồ sau đó mới cho vị khác vào.
7. Thuốc quý hiếm cần sắc riêng, sắc xong mới hòa vào nước thuốc, loại quý hiếm mà khó đun như Tê giác, Linh dương giác nên đun riêng hoặc mài ra nước rồi uống thẳng.
8. Loại thuốc keo như Đường phèn, Mật ong, Agiao thì thắng chảy theo cách riêng sau đó hòa với nước thuốc đã sắc xong đem uống. Mang tiêu cũng nên uống thẳng.
9. Thuốc thảo mộc còn tươi, lúc cần có thể giã lấy nước uống thẳng.
10. Loại thuốc là nhân quả như Táo nhân, Bá tử nhân, Hạnh nhân, Đào nhân cần đập vỡ vỏ lấy nhân rồi mới đun sắc.
11. Loại thuốc dạng bột cần bọc vải mà đun, loại thuốc hạt nhỏ như Xa tiền tử, Tô tử, Đinh lịch tử, loại thuốc có lông nhỏ như Tuyên phúc hoa, Tỳ bà diệp có thể kích thích cổ họng cần bọc vải đun, nếu không bọc lại thì khi uống phải lọc cặn.
12. Vị thuốc có thể tích lớn như Ti qua lạc, Công lao diệp, Thanh quất diệp có thể đun trước bỏ bã xong lấy nước sắc với các vị khác; vị thuốc đất cát như Táo tâm thổ cũng có thể đun trước lọc sạch rồi dùng sắc các vị thuốc khác.

3. Cách dùng thuốc:

Theo tập quán với thuốc thang, mỗi ngày dùng một thang sắc 1 lần hòa lẫn rồi uống. Bệnh gấp, bệnh nặng nhất là bệnh ngoại cảm sốt nặng uống như vậy là không hợp lý. Cần phải thay đổi tập quán, mỗi ngày dùng 2-3 thang, mỗi thang sắc 2 lần hòa lẫn uống làm 2 lần (cách nhau 3-4 giờ) uống sau khi ăn cơm 2-3 giờ là thích hợp, khi bệnh gấp thì không cần chờ thời gian, thuốc thang nên uống nóng, thuốc phát biểu (phát hãn càng cần nóng hơn để ra mồ hôi). Nhưng khi sốt cao, miệng khát, thích mát thì có thể uống nguội, chữa bệnh tính hàn uống thuốc khử hàn mà người bệnh lại buồn bực, sợ nhiệt thuộc chứng chân hàn giả nhiệt thì có thể uống nguội. Người bệnh hay nôn ọe khi uống thuốc nên chia ra nhiều lần để khỏi nôn ra (trẻ em cũng nên chia thành nhiều lần uống). Thuốc hoàn thuốc cao dùng để điều bổ thường uống vào lúc sáng sớm chưa ăn gì hoặc uống trước khi đi ngủ.

Chương 2

THUỐC GIẢI BIỂU

Thuốc giải biểu còn gọi là thuốc phát biểu, có tác dụng sơ tiết tấu lý, tuyên thông phế vệ, phát tán ngoại tà để mồ hôi có thể giải ra, chữa tà ngoại cảm xâm nhập vào vệ biểu thân thể con người thường biểu hiện sợ lạnh, phát nhiệt, đầu đau, mũi tịt, rêu lưỡi mỏng, mạch phù.

Thuốc giải biểu dùng các vị thuốc tân tán phát biểu, tùy theo dược tính có thể phân làm 2 loại tân ôn giải biểu và tân lương giải biểu.

Thuốc tân ôn giải biểu là dùng các vị thuốc tính cay ấm để giải biểu, thường dùng các vị Khương hoạt, Phòng phong, Kinh giới, Tế tân, Tô diệp, Hương nhu, Hành trắng, Sinh khương v.v...

Bài *Kinh phòng*, bài *Độc tán* là bài thuốc tiêu biểu thường dùng để giải biểu tân ôn. Tác dụng chủ yếu của nó là dùng vị thuốc phát biểu có tính cay ấm để phát tán phong hàn, khai thông tấu lý, đạt tới mục đích giải trừ biểu chứng thường dùng trị chứng biểu hàn do phong hàn bên ngoài thúc ép vào phế vệ, bài thuốc tân lương giải biểu là dùng các vị thuốc có tính cay mát để phát biểu như Đậu cỏ (Đậu xị), Ngưu bàng tử, Cát căn, Phù bình, Tang diệp. Bài *Ngân kiều tán* là bài thuốc tiêu biểu thường dùng các vị thuốc tân lương để giải biểu. Tác dụng chủ yếu của nó là dùng các vị thuốc tân lương phát biểu để tán phong thanh nhiệt, sơ tiết tấu lý thường dùng chữa chứng biểu nhiệt do phong nhiệt nhập vào phế vệ. Do đó ta thấy phân biệt giữa tân ôn giải biểu và tân lương giải biểu chỉ ở chỗ dùng thuốc giải biểu có tính tân ôn hoặc tính tân lương mà thôi. Nhìn về tác dụng giải biểu mà nói, thì bài thuốc tân ôn tán hàn, phát hãn mạnh hơn còn tác dụng thanh nhiệt yếu hơn; còn bài thuốc tân lương thì phát hãn ít hơn mà thanh nhiệt mạnh hơn, theo các sách thuốc xưa để lại thì phân biệt giữa tân ôn và tân lương rất nghiêm ngặt vì cho rằng phong hàn phải dùng tân ôn, còn phong nhiệt phải dùng tân lương. Nhưng ngày nay qua thực tiễn chữa bệnh, phần lớn dùng cả tân ôn cùng tân lương mà kết quả thu được lại vừa lòng. Như chữa bệnh lưu cảm, đường hô hấp trên cảm nhiễm thường dùng bài *Khương bàng bồ bạc thang* là dùng cả Khương hoạt tân ôn và Ngưu bàng, Bạc hà tân lương để phát tán ngoại tà, giải trừ biểu chứng.

Trong bài thuốc giải biểu thường dùng các vị thuốc tuyên phế, thanh nhiệt, hóa thấp để thích ứng với các chứng bệnh ngoại cảm nhiệt mà lúc ban đầu không đồng thời biểu hiện ra.

Vị thuốc thường dùng để tuyên phế trong bài giải biểu là Ma hoàng, Hạnh nhân, Tiền hồ, Kiết cánh; tác dụng chủ yếu của nó là tuyên thông phế khí sau khi ghép với các vị giải biểu thì tăng thêm khai phát tấu lý, khu tà ngoại xuất. Ví như bài *Kinh phòng bại độc tán*, *Ngân kiều tán* phối dùng Kiết cánh là có ý nghĩa như vậy.

Trong bài giải biểu, vị thuốc thường dùng thanh nhiệt giải độc là Ngân hoa, Liên kiều, Bán lam căn, Bồ công anh, đó là phương pháp ghép vị (phối ngũ) chủ yếu trong bài tân lương giải biểu. Ví như trong bài *Ngân kiều tán* lấy Ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc ghép với Đậu cỏ, Ngưu bàng, Kinh giới, Bạc hà mà trở thành bài thuốc điển hình giải biểu thanh nhiệt.

Trong bài giải biểu thường dùng các vị hóa thấp như Hậu phác, Hoắc hương, nó thích hợp với chứng ngoại cảm biểu mà lại có triệu chứng thấp nhập bên trong (như ngực tức buồn nôn, rêu lưỡi dày nhờn để hóa thấp bên trong mà dễ giải biểu tà bên ngoài. Về mùa hạ thường dùng bài *Hương nhu ẩm*, lấy Hậu phác có tính khô ôn (đắng ấm) táo thấp ghép với Hương nhu trực thử giải biểu, đó là một trong những phương pháp ghép vị.

Cách sắc thuốc giải biểu, thường theo nguyên tắc ngâm nhiều đun ít là vì vị thuốc giải biểu thường có mùi thơm thanh thoát, đun sắc lâu quá dễ bị bay hơi, có vị như Bạc hà có thể cho vào sau (tức là sau khi đã sắc thuốc sôi rồi mới cho vị đó vào, đun sôi trào lên 3-5 lần là được). Lúc uống thuốc giải biểu nên uống nóng, uống thêm nhiều nước sôi, để mồ hôi ra vừa phải.

BÀI XUNG CỔ THANG

(Phụ: *Xung đầu nhũ*, *Xung khương hồng đường thang*)

« Xạ hậu phương »

Thành phần:

1. Xung bạch đầu (Liên tu): 3-7 cái, chừng 12-16 gam
2. Đậu cô: 12-20 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước uống. Bệnh nhẹ ngày uống một thang, chia làm 2 lần uống, bệnh nặng ngày uống 2 thang chia làm 4 lần uống.

Công dụng: Tuyên thông vệ khí thấu phát biểu tà, phát tán phong hàn, phát hãn thoái nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Thương phong, cảm mạo mới bắt đầu của biến chứng. Sợ lạnh, phát nhiệt, không ra mồ hôi, đầu đau, xương môi, ho, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù sắc.

Giải bài thuốc:

Xung bạch tân ôn, có tác dụng thông dương phát tán. Đậu cô phát hãn thấu biểu, trừ phiền thoái nhiệt.

Tính chất bài thuốc bình hòa, trong khi chữa thường ghép các vị giải biểu khác và các vị tuyên phế hóa thấp, dùng chữa bệnh ngoại cảm nhiệt ban đầu.

Cách gia giảm:

Người bệnh sợ lạnh, không ra mồ hôi, đầu đau, xương môi thường gia thêm các vị Khương hoạt, Kinh giới, Phòng phong, Bạc hà để tăng thêm tác dụng thấu biểu đạt tà;

Người bệnh phát nhiệt, miệng đắng, họng đau, hạt họng sưng đau, lưỡi đỏ hoặc rêu vàng biểu hiện rõ chứng lý nhiệt thường gia thêm các vị Sơn chi, Hoàng cầm, Ngân hoa, Liên kiều, Bán lam căn, Bồ công anh để thanh nhiệt giải độc trở thành bài thanh nhiệt giải độc;

Người bệnh ho khạc đờm không ra được, tiếng nói ồ ồ, biểu hiện rõ phế khí không tuyên thông thường gia các vị Ngưu bàng, Tiền hồ, Thiên y, Bạc hà, Kiết cánh, Tượng bối, Hạnh nhân để tuyên thông phế khí, giúp cho khu tán biểu tà;

Ngực buồn mệt mỏi, bụng đầy, miệng nhạt, miệng dính, rêu lưỡi dày nhờn thường gia thêm các vị Hoắc hương, Sa nhân, Khẩu nhân, Dĩ nhân, Hoạt thạch, Phục linh, Trần bì, Bán hạ, Chi xác, Hậu phác để hóa thấp, lợi thấp mà trở thành bài trừ thấp giải biểu.

Bài thuốc phụ:

1. Xung đầu nhũ:

1. Dùng Xung bạch đầu (Liên tu) 3-5 cái
2. Một ít sữa người

Đun cách thủy lên.

Dân gian thường dùng chữa trẻ con cảm mạo phát nhiệt.

2. Xung khương hồng đường thang:

1. Xung bạch đầu (Liên tu) 3-7 cái
2. Gừng sống (bỏ vỏ) 3-5 lát

Đun sắc xong cho vào ít đường đỏ, uống nóng ra mồ hôi.

Dân gian thường dùng chữa cảm mạo, cảm lạnh đau bụng.

KINH PHONG BẠI ĐỘC TÁN

« Nhiếp sinh chúng diệu phương »

Thành phần:

1. Kinh giới	12 gam	6. Độc hoạt	12 gam
2. Khương hoạt	12-30 gam	7. Sài hồ	12 gam
3. Xuyên khung	8 gam	8. Tiền hồ	8 gam
4. Kiết cánh	8 gam	9. Chi xác	8 gam
5. Phục linh	12 gam	10. Cam thảo	4 gam

Cách dùng: Nguyên là bài thuốc tán, mỗi lần uống 5 gam đến một lượng, thêm gừng sống (bỏ vỏ) 3-5 lát, lá Bạc hà sắc lên, chia uống 2 lần. Hiện nay thường dùng làm thuốc thang bệnh nhẹ uống một thang sắc lên chia 2 lần uống, bệnh nặng dùng 2 thang, sắc lên chia 4 lần uống.

Công dụng: Phát tán phong hàn, thoái nhiệt chỉ thống.

Chữa chứng bệnh: Lưu cảm, cảm mạo thuộc bệnh ngoại cảm nhiệt mới phát ở chứng biểu hàn như sợ lạnh, phát nhiệt đầu đau như búa bổ, cơ bắp đau nhức, không ra mồ hôi, mũi tịt, lưỡi trắng, mạch phù. Ngoài ra đốt xương đau nhức, mụn nhọt mới sưng mà có chứng biểu hàn cũng dùng bài thuốc này.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Khương hoạt, Kinh giới, Phòng phong để tán ôn giải biểu, phát tán phong hàn ghép thêm Độc hoạt để ôn thông kinh lạc, Xuyên khung để hoạt huyết khu phong nhằm chữa bệnh ngoại cảm nặng đầu đau, xương nhức, cơ bắp rã rời. Đồng thời, bài này còn dùng Sài hồ để giải cơ thanh nhiệt. Bạc hà để sơ tán phong nhiệt nên có tác dụng thoái nhiệt giải biểu mạnh. Trong bài còn dùng Tiền hồ, Kiết cánh để thanh tuyên phế khí, Chi xác để khoan trung lý khí, Phục linh để lợi thấp nên bài này còn có tác dụng thanh phế, sướng trung, lợi thấp.

Cách gia giảm: Nói chung chứng biểu hàn đều dùng cả bài, không cần gia giảm; hoặc chỉ dùng Khương hoạt, Độc hoạt, Kinh giới, Phòng phong thêm Tô điệp để tạo thành bài tân ôn giải biểu cũng có hiệu quả nhất định. Nếu ngoại cảm, biểu hàn mà cơ bắp, đốt xương đau không rõ rệt có thể bỏ bớt Độc hoạt; nếu ngực buồn bực có thể bỏ Cam thảo mà thêm Trúc nhựt tẩm nước gừng sao; nếu biểu hàn lộ rõ (sợ lạnh, phát nhiệt, đầu đau, không ra mồ hôi) mà lý nhiệt cũng rõ (họng đau, hột họng sưng đỏ, đầu lưỡi đỏ, miệng khô) gọi là “hàn bao hỏa” thì có thể bỏ Độc hoạt, Xuyên khung, thêm Ngân hoa, Liên kiều, Ngưu bàng, Bản lam căn, Lô căn là thuốc thanh nhiệt để giải biểu thanh lý, trẻ em cảm mạo, sốt cao, lại giật mình buồn bực, lúc dùng bài thuốc này có thể thêm Thiên y, Câu đằng, Chu sa, Đẳng tâm.

HƯƠNG NHU ẨM

(Phụ: Hoàng liên Hương nhu ẩm)

« Hòa lợi cục phương »

Thành phần:

1. Hương nhu	4-12 gam
2. Bạch biển đậu	12 gam
3. Hậu phác	4-8 gam

Cách dùng: Bài này vốn là bài tán, mỗi lần dùng 12-20 gam sắc lên uống nguội. Ngày nay dùng làm thuốc thang, sắc thuốc. Nếu bị nôn thì uống nguội còn thì uống nóng, một ngày 2 lần.

Công dụng: Phát hãn giải biểu, trừ thử, hóa thấp, hòa trung.

Chữa chứng bệnh: Bài này thường dùng trong mùa hè, dùng chữa phong hàn trú ở biểu, thử thấp căn ở lý. Mùa hè thu cảm mạo, vị tràng viêm. Phong hàn trú ở biểu là sợ lạnh, phát nhiệt, đầu đau, không ra mồ hôi, mạch phù. Thử thấp căn ở lý là ngực buồn, buồn lợm thậm chí nôn mửa, đau bụng đi tả, rêu lưỡi nhờn.

Giải bài thuốc: Tính của Hương nhu là tân ôn, có tác dụng phát hãn giải biểu mạnh đồng thời có thể lợi thấp, khứ thử cho nên là bài giải biểu thường dùng chữa thử thấp. Hương nhu và Hậu phác là tân ôn táo thấp sau khi phối hợp với Bạch biển đậu để kiện tỳ hòa trung thì bài thuốc này không chỉ là đơn thuần giải biểu mà còn có tác dụng hóa thấp trệ, hòa tràng vị nữa. Cho nên về mùa hè thu, mắc bệnh đường tiêu hóa bị cảm nhiễm, vị tràng viêm, kiết lý, thường lấy bài thuốc này làm cơ sở để gia giảm.

Cách gia giảm: Người bị ngoại biểu tà mà lý thấp hóa nhiệt, sốt cao, miệng khát rêu lưỡi vàng nhơn hoặc mép lưỡi tấy đỏ, có thể bỏ Biển đậu gia Hoàng liên (tức *Hoàng liên hương nhu ẩm*, cách phân giải ở bài phụ); lúc ngực tức, bụng chướng, đau bụng có thể thêm Mộc hương, Sa nhân, Hoắc hương, Chỉ xác; thấp trệ nặng mà đau bụng, đi tả, lý cấp hậu trọng có thể gia Mộc hương, Bình lang, Hoàng cầm, Hoàng liên.

Bài phụ:

Hoàng liên Hương nhu ẩm:

Tức là bài *Hương nhu ẩm* bỏ Bạch biển đậu gia Hoàng liên (nguyên bài có Biển đậu nhưng thực tế chữa bệnh thường bỏ đi không dùng).

Phạm vi thích hợp với bài này là ngoài thì biểu hàn trong thì thấp nhiệt, nên ghép thêm Hậu phác, Hoàng liên để thanh nhiệt hóa thấp, khác với hóa thấp hòa trung ở bài *Hương nhu ẩm*. Hậu phác, Hoàng liên là thuốc chủ yếu để thanh hóa vị tràng thấp nhiệt, lúc đường tiêu hóa cam nhiễm mà thấy triệu chứng thấp nhiệt, thường dùng bài này.

NGÂN KIỀU TÁN

« Ôn bệnh điều biên »

Thành phần:

1. Ngân hoa	40 gam	5. Liên kiều	40 gam
2. Đậu cô	20 gam	6. Nguru bàng	20 gam
3. Kinh giới	16 gam	7. Kiết cánh	24 gam
4. Cam thảo sống	5 gam	8. Lá tre	16 gam

Cách dùng: Định lượng vị thuốc nói trên là dùng lúc làm thuốc tán. Thuốc tán, mỗi lần dùng 24 gam, lấy thêm 2 nhánh Lô căn tươi sắc lên khi hơi thơm bốc thì lấy ra uống. Dùng đun quá để được khinh thanh phát tán. Người bệnh nặng, ngày uống 3 lần đêm 1 lần, bệnh nhẹ ngày 2 lần đêm 1 lần. Ngày nay dùng làm thuốc thang, đem sắc uống, ngày dùng 1-2 thang chia làm 2-4 lần uống.

Công dụng: Tân lương thấu biểu; thanh nhiệt giải độc.

Chữa chứng bệnh: Mới bị ngoại cảm nhiệt, lại phát nhiệt rét thì không ra mồ hôi hoặc ra ít, đau đầu, ho thở, họng đau, rêu lưỡi mỏng trắng, hoặc mép lưỡi ứng đỏ, mạch phù sắc. Hiện nay chữa bệnh nếu ngoại cảm dẫn đến phát nhiệt, thường lấy bài thuốc này gia giảm thêm vị để dùng, chữa đường hô hấp trên bị cảm nhiễm tương đối tốt.

Giải bài thuốc: Bài thuốc này rất hay dùng khi chữa bệnh là một bài tiêu biểu về tân lương giải biểu. Dùng Đậu cô, Nguru bàng tử, Kinh giới, Bạc hà giải biểu phát hãn, khu tà ngoại xuất. Dùng Nguru bàng tử, Kiết cánh, Sinh cam thảo để thanh tuyên phế khí mà lợi yết hầu để chữa ho, đau họng; Liên kiều, Ngân hoa, Lá tre để thanh nhiệt mà giải nhiệt độc; Lô căn sinh tân chỉ khát mà trừ vị nhiệt. Vì vậy, đặc điểm bài thuốc này là tân lương thấu phát; mới mắc bệnh ngoại cảm nhiệt, tà ở phế vệ đều dùng được.

Cách gia giảm: Rõ ràng là biểu chứng, không ra mồ hôi, rét dữ mà nhiệt cao có thể thêm Khương hoạt Tây hà liệu để tăng thêm tác dụng thấu biểu đạt tà; ra mồ hôi mà không giải nhiệt, có thể bỏ Kinh giới, Bạc hà thêm Hoàng cầm, Thạch cao; Phế khí không thông mà ho nhiều, có thể thêm Tiên hồ, Hạnh nhân, Tượng bối để thanh tuyên phế khí, mới bị lên sởi có thể thêm Phù bình, Thiên y để giải sởi liễn tà, cuồng họng sung đau nặng có thể thêm Xạ can, Mã bột, Qua kim đắng, Bán lam căn để giải độc lợi hầu, thấp can trung tiêu mà ngực tức, đầy hơi muốn nôn có thể bỏ Cam thảo, Lô căn mà thêm

Hậu phác, Hoắc hương, Chi xác để hóa thấp sưng trung; chế vị nhiệt thịnh mà chảy máu mũi, khắc ra máu có thể thêm Mao căn, Hoàng cầm, Sơn chi để mát huyết thanh nhiệt; nhiệt thương tân dịch mà miệng khát lưỡi khô có thể thêm Thiên hoa phấn để sinh tân giải khát, ăn bị trệ mà bụng chướng miệng hôi, đi tả hoặc bí tiện có thể thêm Chi thực, Lục thần khúc, Sơn tra, Mạch nha để tiêu thực dẫn trệ.

TANG CÚC ẨM

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

1. Tang diệp	6-12 gam	5. Cúc hoa	4-12 gam
2. Liên kiều	8-16 gam	6. Bạc hà	4-8 gam
3. Hạnh nhân	12 gam	7. Kiết cánh	4-12 gam
4. Sinh cam thảo	4-8 gam	8. Đò căn tươi	1 nhánh

Cách dùng: Thuốc thang, đem sắc uống, ngày dùng một thang chia làm 2 lần.

Công dụng: Sơ phong thanh nhiệt, thông phế.

Chữa chứng bệnh: Mới bị thương phong, cảm mạo, phát nhiệt rét dữ đau đầu, mũi tịt ho, rêu lưỡi mỏng, mạch phù.

Giải bài thuốc: Các vị thuốc bài này gần giống bài *Ngân kiều tán*, đều là thuốc tân lương giải biểu ghép với các vị thuốc thanh nhiệt, kèm thêm thanh tuyên phế khí là bài thuốc thường dùng để xua tán tà ở phế vệ nhưng vì bài này dùng thuốc giải biểu ít, chưa dùng Kinh giới, Đậu cỏ mà chỉ dùng Tang diệp, Bạc hà nên chỉ xua tán được tà phong nhiệt tương đối nhẹ, tác dụng phát hãn thấu biểu kém hơn *Ngân kiều tán*; Trong thuốc thanh nhiệt chỉ dùng Liên kiều mà chưa dùng Ngân hoa thì tác dụng thanh nhiệt cũng yếu; về thuốc thông phế ghép dùng cả Kiết cánh, Sinh cam thảo, Hạnh nhân thì tác dụng thông phế hay hơn *Ngân kiều tán*. Do vậy, bài này là liều thuốc nhẹ tân lương giải cảm, thường dùng chữa ngoại cảm phong nhiệt mới bắt đầu, loại bệnh rét nhiều phát nhiệt nhẹ lại ho, mũi tịt, phế khí không thông.

Cách gia giảm: Người bị ho nhiều mà khí lại nghịch có thể thêm Tiên hồ, Tô tử, Tượng bối, Ngưu bàng để tăng thêm tác dụng thông phế giáng nghịch; ho nhiều đờm rêu lưỡi trắng nhờn có thể thêm Trần bì, Bán hạ, Phục linh, Chi xác để thông hóa thấp đàm; ho có đờm mà da vàng, rêu lưỡi vàng hoặc lưỡi nổi hồng có thể thêm Hoàng cầm, Đồng qua tử, Tang bạch bì, Trúc lịch, Bán hạ để tiêu nhiệt hóa đàm; rét dữ mà phát nhiệt tuy không biểu hiện rõ mà đầu đau nhẹ là phong nhiệt quấy ở trên có thể thêm Bạch tật lê, Mạn kinh tử để xua tán phong nhiệt mà đầu và mắt thanh thoát. Ngoài ra khi bị ngoại cảm nhiệt đã uống *Ngân kiều tán* rồi, nhiệt đã thoát mà chưa thanh, có thể dùng bài này để thanh lý dư tà.

SÀI CÁT GIẢI CƠ THANG

« Thương hàn lục thư »

Thành phần:

1. Sài hồ	4-12 gam	6. Cát căn	8-16 gam
2. Khương hoạt	8-16 gam	7. Bạch chi	4 gam
3. Kiết cánh	4-8 gam	8. Hoàng cầm	8-16 gam
4. Cam thảo	4-8 gam	9. Thạch cao	20-40 gam
5. Thược dược (Xích thược)	2-3 gam		

Cách dùng: Ngày dùng một thang đem sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Giải cơ thanh nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Ngoại cảm mát nhiệt, biểu chứng chưa giải mà nhiệt bên trong lại thịnh biểu hiện sợ lạnh, tráng nhiệt, không ra mồ hôi, đau đầu, xương đau, mũi khô, môi khô, miệng đắng, buồn bực không yên, rêu lưỡi trắng, lưỡi ửng đỏ, mạch hoạt sác.

Giải bài thuốc: Bài này lấy Cát căn, Sài hồ để tân tán thanh nhiệt và lấy Khương hoạt để tân ôn phát biểu nhằm giải tỏa biểu tà để người và xương khỏi đau; dùng Bạch chỉ tân lương phát tán nên trừ được đau đầu, đau lưng. Hoàng cầm, Thạch cao thanh được nhiệt ở phế vị, Thược dược mát huyết thanh nhiệt, Cam thảo, Kiết cánh thông phế lợi hầu. Do đó, bài này thực tế là thuốc giải cả biểu lý, dùng để chữa bệnh biểu chứng nặng mà nhiệt bên trong lại thịnh.

Cách gia giảm: Nhiệt thịnh thương tân, lưỡi khô tảo có thể thêm Thiên hoa phấn, Tri mẫu để sinh tân dưỡng vị; đã hạ nhiệt rồi thì bớt Thạch cao mà gia Hoàng liên, rét dữ mà nhiệt trong thịnh, lưỡi đỏ, có thể bỏ Khương hoạt, Bạch chỉ gia Ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc.

KHƯƠNG BÀNG BỒ BẠC THANG

« Nghiệm phương »

Vị thuốc:

- | | | | |
|----------------|-----------|-------------------|---------|
| 1. Khương hoạt | 12-20 gam | 3. Ngu ru bàng tử | 12 gam |
| 2. Bồ công anh | 20 gam | 4. Bạc hà | 4-8 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sôi 3-5 phút là được, chia làm 2-3 lần uống.

Công dụng: Giải biểu, thanh nhiệt giải độc.

Chữa chứng bệnh: Ngoại cảm phát sốt, cúm, đường hô hấp bị cảm nhiễm, hạt họng viêm, tuyến nước bọt viêm.

Giải bài thuốc: Đặc điểm ghép vị ở bài thuốc này là cùng dùng tân ôn và tân lương có tác dụng phát tán ngoại tà mạnh; Bồ công anh thanh nhiệt giải độc và Ngu ru bàng tử thanh tuyền phế khí còn có tác dụng thông phế thanh nhiệt. Vì vậy bài này thường chữa bệnh cảm cúm lây lan, đường hô hấp trên cảm nhiễm, đường tiêu hóa cảm nhiễm hoặc bị thấp trệ cản trở, cần gia thêm các vị hóa thấp, đạo trệ, hòa vị v.v...

Cách gia giảm: Bị ho mà phế khí không thông có thể thêm Kiết cánh, Hạnh nhân, Tiền hồ; cuống họng sưng đau nặng có thể thêm Bản lam căn, Xạ can, Mã bột; ngực tức, vị đầy, buồn nôn rêu lưỡi dày nhơn có thể thêm Hậu phác, Bán hạ, Chi xác, Lục khúc v.v...

KẾT LUẬN

1. Chương này chọn 13 bài thuốc kể cả 2 bài phụ và 4 loại thuốc chế sẵn đều là bài thường dùng trong chữa bệnh nhưng vì nó là bài thuốc tiêu biểu có đặc điểm về phối ghép các vị thuốc nên có thể nói nhiều về các phương pháp giải biểu, để tùy theo người bệnh nặng nhẹ thư gấp mà điều trị linh hoạt.

2. Bài thuốc giải biểu có thể chia ra 2 loại tân ôn giải biểu và tân lương giải biểu. Xem các bài thuốc ở trên thì thấy phân biệt giữa tân ôn giải biểu và tân lương giải biểu không chỉ khoanh trong dược tính cay ấm hoặc cay mát mà phải phân tích bài thuốc một cách toàn diện. Ví dụ trong bài *Kinh phòng bại độc tán*, vì dùng cả Khương hoạt và Độc hoạt nên sức tân ôn phát tán tương đối mạnh, tuy đồng thời dùng cả Sài hồ, Tiền hồ là vị khổ hàn tiết nhiệt, nó vẫn là bài tiêu biểu về tân ôn giải biểu; Trong bài *Ngân kiều tán* tuy lấy Đậu cồ, Kinh giới làm vị thuốc chủ yếu về tân ôn giải biểu nhưng lại ghép thêm Ngân hoa, Liên kiều là thuốc khổ hàn thanh nhiệt nên trở thành bài thuốc tiêu biểu cho tân lương giải biểu, lại như bài *Khương bàng bồ bạc thang*, tuy dùng Khương hoạt tân ôn nhưng phân tích cả bài thuốc nó vẫn thuộc phạm trù tân lương giải biểu.

3. Lúc dùng thuốc giải biểu chữa bệnh, ngoài việc xem xét người bệnh biểu hàn hoặc biểu nhiệt mà chọn tân ôn giải biểu hoặc tân lương giải biểu ra còn xem biểu chứng nặng hoặc nhẹ, có mồ hôi hoặc không mồ hôi để chọn vị thuốc giải biểu thích hợp. Ví dụ nếu trúng phong, cảm mạo, đau đầu, mũi tịt, ho mà nhẹ thì thường chọn thuốc giải biểu yếu như Kinh giới, Phòng phong, Tang diệp, Cúc hoa, Tô diệp, Xung bạch, Đậu cồ; nếu biểu chứng ở người bệnh rất rõ như rét dữ không ra mồ hôi, sốt cao, đau đầu, đốt xương và bấp thịt đau mỗi nên chọn thuốc giải biểu có tác dụng mạnh như Khương hoạt, Ngưu bàng, Cát căn, Hương nhu, Tây hà liễu, Phù bình, Bạc hà; phát sốt mồ hôi ra mà không giải được thì phải chuyển sang thanh nhiệt mà không giải biểu, có lúc dùng ít vị giải biểu nhưng chính vẫn là dùng thuốc phát biểu tác dụng yếu như Lá dâu, nước giá đậu trong; phát sốt mồ hôi ra không giải được mà rét nhiều, thường là triệu chứng biểu tà chưa giải được, ngoài việc chọn thuốc giải biểu có tác dụng yếu còn phải chọn thuốc thanh nhiệt và phát tán như Sài hồ, Thanh cao cùng phối hợp sử dụng (cần phân biệt bệnh này với bệnh khí hư biểu vệ bất cố, tự ra mồ hôi sợ gió).

4. Trong bài giải biểu ngoài tân ôn giải biểu và tân lương giải biểu ra, còn có tư âm (dưỡng huyết) giải biểu, trợ dương ích khí, giải biểu, hóa âm giải biểu, thấu thẩm giải biểu gọi là tư âm (dưỡng huyết) giải biểu; thực chất là khi sử dụng thuốc giải biểu như Đậu cồ, Cát căn, Tô diệp, Xung bạch, Bạc hà còn gia thêm các vị Địa hoàng, Mạch môn đông để dưỡng âm tăng dịch, người bệnh vốn bị thất huyết, thoát dịch lại mới bị thêm chứng ngoại cảm tà nên nguyên lý chủ yếu là: Mồ hôi làm cho tân dịch và máu biến hóa, lúc huyết hư tân dịch khô tất nhiên nguồn mồ hôi không đủ cho nên vừa phải bổ âm tăng dịch mà phải giải biểu mới bổ sung được nguồn mồ hôi để tà ngoại cảm theo mồ hôi giải ra. Gọi là trợ dương (ích khí) giải biểu thực chất là dùng Phụ tử, Đương sâm, Hoàng kỳ là những vị thuốc ôn dương ích khí ghép vào với Khương hoạt, Tế tân là những vị thuốc giải biểu để chữa cho người bệnh dương khí vốn hư nhược. Tuy người bệnh bị ngoại cảm tà nhưng biểu hiện sắc mặt hoảng hốt, thân sắc lờ đờ, chân lạnh, mạch chìm... Nguyên lý chủ yếu là do dương khí không đủ không chống lại được ngoại tà cho nên vừa cho trợ dương ích khí vừa cho phát hãn giải biểu, bồi bổ đủ dương khí trong người mới trục tà ra ngoài, toát mồ hôi mà giải cảm.

Còn như hóa âm giải biểu thực chất là ôn phế hóa âm, thuộc loại giáng nghịch bình suyễn.

Thấu thẩm giải biểu, chủ yếu là chọn mấy vị thuốc tân lương giải biểu có tác dụng phát biểu tương đối mạnh như Ngưu bàng tử, Phù bình, Cát căn ghép thêm vị thuốc thăng tán như Thăng ma để chữa cho người lên sởi đậu không tốt, loại này thuộc về tân lương giải biểu.

Mấy cách biến hóa trên, trong thực tế chữa bệnh gặp phải không nhiều nên không giới thiệu thành bài thuốc chuyên.

5. Người xưa cho rằng *Ma hoàng thang* và *Quế chi thang* là bài thuốc tiêu biểu về tân ôn giải biểu. Bài trước chữa phát sốt, sợ lạnh không ra mồ hôi, bài sau chữa phát sốt sợ gió có ra mồ hôi, nhưng căn cứ vào thực tế chữa bệnh ngày nay tác dụng giải biểu ra mồ hôi, giảm sốt của *Ma hoàng thang* không tốt bằng Thông phế bình suyễn nên thường dùng để chữa bệnh ho mà không dùng giải biểu; bài *Quế chi thang* nguyên gốc là điều hòa dinh vệ mà không phải chữa giải biểu cho nên chương này không đưa vào.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. CẢM MẠO PHIẾN

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|-----------------|---------------|------------------|
| 1. Kiệt cánh | 4. Kinh giới | 7. Đậu cỏ non | 10. Lá dâu |
| 2. Bạc hà | 5. Kim ngân hoa | 8. Liên kiều | 11. Câu đằng |
| 3. Cam thảo | 6. Ngưu bàng tử | 9. Lá tre non | 12. Bạch cúc hoa |

Thuốc này chế thành phiến, mỗi lọ 18 viên.

Cách dùng: Ngày dùng 3 lần, mỗi lần 6 phiến, uống với nước chín.

Công dụng: Tân lương giải biểu, thanh nhiệt tuyên phế.

Chữa chứng bệnh: Trúng gió cảm mạo.

2. NGÂN KIỀU GIẢI ĐỘC HOÀN

Thành phần:

- | | | |
|-----------------|---------------|-----------------|
| 1. Kim ngân hoa | 4. Kinh giới | 7. Bạc hà |
| 2. Liên kiều | 5. Kiệt cánh | 8. Ngưu bàng tử |
| 3. Cam thảo | 6. Đậu cỏ non | 9. Lá tre non |

Thuốc này chế thành hoàn, còn có lúc chế thành phiến gọi là “Ngân kiều giải độc phiến”, mỗi gói 15 phiến.

Cách dùng: Loại hoàn mỗi lần dùng 1 hoàn, ngày 2-4 lần, loại phiến mỗi lần dùng 4 phiến ngày 2-4 lần.

Công dụng: Tân lương giải biểu, thanh nhiệt tuyên phế.

Chữa chứng bệnh: Cảm mạo phát sốt.

3. NGỌ THỜI TRÀ

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|----------------|--------------------|-----------------|
| 1. Mao truyệt | 6. Chi thực | 11. Thổ hoắc hương | 16. Khương hoạt |
| 2. Bạch chỉ | 7. Phòng phong | 12. Sơn tra | 17. Kiệt cánh |
| 3. Lục khúc | 8. Xuyên khung | 13. Hậu phác | 18. Cam thảo |
| 4. Mạch nha | 9. Tử tô | 14. Hồng trà diệp | |
| 5. Trần bì | 10. Sài hồ | 15. Liên kiều | |

Cách dùng: Mỗi lần dùng 1-2 bánh (nửa gói đến một gói) bọc vào vải sắc với nước uống.

Công dụng: Phát tán phong hàn, hóa thấp tiêu đạo.

Chữa chứng bệnh: Phong hàn cảm mạo, hàn thấp trở trệ, thực tích nội trở.

4. THUỐC TIÊM SÀI HỒ

Thành phần:

- | | |
|---------------|-----------|
| 1. Bắc sai hồ | 2. Tế tân |
|---------------|-----------|

Cách dùng: Tiêm bắp, ngày 1-2 lần, người lớn lần đầu 4 ml, về sau mỗi lần 2 ml, trẻ con mỗi lần 2 gam.

Công dụng: Giải nhiệt thấu biểu.

Chữa chứng bệnh: Cảm gió độc, viêm phổi, viêm họng, thủy đậu, viêm tuyến nước bọt.

Chương 3

THUỐC THANH NHIỆT

Thuốc thanh nhiệt là thuốc chủ yếu gồm các vị có tính hàn lương để thanh tiết tà nhiệt độc có tác dụng thanh nhiệt, tả hỏa, lương huyết giải độc. Đây là phép “thanh” trong 8 phép. Thuốc thanh nhiệt chủ yếu chữa bệnh lý nhiệt như trong quá trình mắc ngoại cảm nhiệt xuất hiện tráng nhiệt hoặc ra mồ hôi mà không giải, buồn bực, tinh thần không minh mẫn, phát ban, xuất huyết, có triệu chứng nhiệt vào khí phận và vào dinh huyết, da bị cảm nhiễm mà bị mụn nhọt sưng tấy; mặt vàng bộc lộ mắc chứng bại huyết; huyết nhiệt đi lung tung gây nên các loại xuất huyết; rắn cắn bị thương và các loại nhiệt độc khác; bị can nhiệt, vị nhiệt v.v...; trong hoàn cảnh nào đó có thể chữa bệnh kết hạch, bệnh hư nhiệt do cảm nhiễm mãn tính gây nên.

Bởi vì thuốc thanh nhiệt dùng phạm vi tương đối rộng, bài thuốc khá nhiều, ở chương này căn cứ từ thực tế chữa bệnh chúng tôi chia bài thuốc thanh nhiệt thành: Thanh khí nhiệt, thanh thấp nhiệt, thanh huyết nhiệt (bao gồm thanh dinh nhiệt), tả hỏa giải độc, thanh tạng phủ nhiệt, thanh hư nhiệt để tiện chọn dùng.

I. Thanh khí nhiệt

Đặc điểm chủ yếu của thuốc thanh khí nhiệt là lấy các vị thuốc tân hàn (cay lạnh), khổ hàn (đắng lạnh) như Thạch cao, Chi tử, Liên kiều, Hoàng cầm làm vị thuốc chủ yếu, còn việc phối ghép thêm các vị khác thì căn cứ bệnh tình phát triển mà gia giảm.

Cách phối ghép vị thường dùng nhất là:

1. Dùng vị thuốc có tác dụng thanh nhiệt mà tuyên thấu như lấy Chi tử, Hoàng cầm ghép với Đậu cỏ, Ngưu bàng, Thạch cao, Cát căn gọi là cách thanh khí tuyên thấu thích hợp với những bệnh ngoại cảm nhiệt tà, tuy đã từ biểu nhập lý nhưng khí phận có nhiệt mà biểu tà chưa giải hết, lại thấy sợ rét, sợ gió, mồ hôi ra ít hoặc không ra; những bài thuốc thường dùng như *Chi tử cổ thang*, *Cát căn cầm liên thang*, *Cao cầm thanh đờm thang*. Bài *Chi tử cổ thang* là lấy vị Chi tử khổ hàn tiết nhiệt ghép với vị Đậu cỏ thoái nhiệt tuyên thấu; Bài *Cát căn cầm liên thang* là lấy 2 vị cầm liên thanh nhiệt táo thấp ghép với Cát căn thấu biểu giải cơ. Bài *Cao cầm thanh đờm thang* là lấy vị Hoàng cầm thanh nhiệt hóa thấp ghép với vị Thạch cao thơm tho đạt tà.

2. Cách ghép với những vị thuốc có tác dụng thanh nhiệt mà sinh tân như một lúc dùng cả Tri mẫu, Thạch cao thì gọi là cách thanh nhiệt bảo tân dùng để chữa khí phận nóng quá, bệnh chứng tráng nhiệt, phiền khát, mồ hôi ra nhiều, mạch lớn mà trong sách Thương hàn luận “gọi là dương minh kinh chứng”, Bài thuốc thường dùng là *Thạch cao tri mẫu thang* (Tên cũ là: *Bạch hổ thang*).

3. Cách ghép với những vị thuốc tuyên thông phế như Ma hoàng, Hạnh nhân gọi là cách thanh nhiệt tuyên phế để chữa những bệnh khí phân nhiệt thịnh mà đàm nhiệt chẹn ngang ở phế làm phế khí bế tắc, ho thở nhiều. Những bài thuốc thường dùng là *Ma hạnh thạch cam thang*, *Ngân kiều hợp tử* (bài thuốc kinh nghiệm của bệnh viện Thử Quang - Thượng Hải). Bài thuốc là dùng Thạch cao có dược tính tân hàn thanh khí ghép với Ma hoàng, Hạnh nhân khai phát phế khí; bài sau là dùng Ngân hoa, Liên kiều, Ngưu tinh thảo tính thanh nhiệt giải độc ghép với Ma hoàng, Hạnh nhân, Lô căn, Đông qua tử để khai phế khứ đàm (ở chương này chưa truyền bài này vào), có thể xem ở bài chỉ khái bình suyễn và hóa đàm ở chương 14 và bài trị ủy thương ở chương 23). Bệnh nhiệt ở khí phận phạm vi rộng, biến hóa nhiều nên khi dùng bài thuốc thanh khí nhiệt có thể phối hợp với các cách hóa thấp, tả hỏa giải độc, thanh dinh lương huyết để thích ứng với các bệnh nhiệt ở khí phận.

II. Thanh thấp nhiệt

Bài thuốc thanh thấp nhiệt là dùng các vị thuốc khô hàn táo thấp thanh nhiệt (như Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá) ghép với các vị khô tân ít ôn (như Hậu phác, Bán hạ), các vị có hương thơm thông hóa (như Hoắc hương, Khâu nhân, Xương bồ), các vị thấm nhuận lợi thấp (như Thạch cao, Thông thảo) để tạo thành bài. Lấy các vị thuốc khô hàn táo thấp thanh nhiệt làm thành phần chủ yếu của bài thuốc vừa có tác dụng thanh thấp nhiệt vừa có tác dụng tả hỏa giải độc, thích hợp với những bệnh thấp nhiệt hóa hỏa mà sốt cao, buồn bực, không khát nhiều, rêu lưỡi vàng, kiết lỵ, hoàng đản. Các bài thường dùng là *Hoàng liên giải độc thang*, *Bạch đầu ông thang*, *Nhân trần cao thang*. Dùng những vị thuốc có mùi thơm để thông hóa lợi thấp làm vị thuốc chính để chữa thấp nhiệt kéo dài, nhiệt lúc ẩn lúc hiện, ngực đau, bụng chướng, đầy ứ, tiểu tiện ít mà nước đỏ rêu lưỡi vàng. Bài thường dùng là *Cam lộ tiêu độc đan*. Nếu thấp nhiệt trở trệ trường vị thường dùng thuốc khô hàn táo thấp thanh nhiệt ghép với thuốc khô tân vị ôn như bài *Liên phác âm*.

III. Thanh huyết nhiệt

(Bao gồm thanh dinh nhiệt)

Bài thuốc thanh huyết nhiệt trước đây chia làm 2 loại thanh dinh, lương huyết, nhưng thực tế phân biệt không nhiều có thể gọi chung là thanh huyết nhiệt. Bài thuốc thanh huyết nhiệt gồm những vị thuốc được tính cam hàn (như Sinh địa tươi), hàm hàn (như Huyền sâm, Tê giác). Nếu nhiệt độ bốc mạnh thấy sốt cao, buồn bực, lưỡi nổi gai đỏ thường dùng thuốc tả hỏa giải độc như Ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Đại thanh diệp, Bản lam căn, Tử thảo; nếu nhiệt nhập tâm dinh mà tâm thần mê mẩn thì nên dùng thuốc thanh tâm, khai khiếu, thông đờm như Lá tre tươi, Thạch xương bồ, Trần đảm tinh, Uất kim; nếu thấy huyết phạm nhiệt mà hao huyết, động huyết nên dùng vị thuốc lương huyết, tán huyết như Đan bì, Xích thực. *Bài thanh dinh thang* và *Tê giác địa hoàng thang* đều lấy Tê giác hàm hàn và Sinh địa cam hàn làm vị thuốc chủ yếu. Còn bài *Thanh dinh thang* dùng Liên kiều, Hoàng liên khô hàn để tả hỏa giải độc nên tác dụng thanh nhiệt giải độc của nó tương đối mạnh. Bài *Tê giác địa hoàng thang* dùng Đan bì, Xích thực là những vị thuốc lương huyết, tán huyết, tác dụng lương huyết tương đối mạnh, là bài thuốc tiêu biểu về lương huyết giải độc.

IV. Tả hỏa giải độc

Bài thuốc tả hỏa giải độc dùng phần lớn những vị thuốc thanh nhiệt giải độc là chủ yếu như Đại hoàng, Hoàng liên, Đại thanh diệp, Bản lam căn, Đan sâm, Tử thảo, Cam trung hoàng. Như *Tả tâm thang*, *Hoàng liên giải độc thang* là dùng Đại hoàng, Hoàng liên, Hoàng cầm để tả hỏa giải độc; *Thần tê đan* là dùng Tê giác, Cam trung hoàng, Tử thảo, Bản lam căn, Ngân hoa để tả hỏa giải độc, *Phổ tế tiêu độc ẩm* là dùng Hoàng cầm, Hoàng liên, Bản lam căn, Liên kiều, Thăng ma để tả hỏa giải độc.

V. Thanh phủ tạng lý nhiệt

Bài thanh tạng phủ lý nhiệt, căn cứ vào đặc điểm phủ tạng mà phối ghép những vị thuốc khác nhau. Như bài *Long đả tả can thang* là tả hỏa ở gan mật lại thanh thấp nhiệt ở gan mật, bài *Tả phế tán* (Tên cũ là: *Tả bạch tán*) dùng tả phế hỏa.

VI. Thanh hư nhiệt

Bài thuốc thanh hư nhiệt thường dùng những vị thuốc dưỡng âm thanh nhiệt (như Miết giáp, Thạch cao, Địa cốt bì, Ngân sai hồ, Tân quý). Ví dụ bài *Thạch cao miết giáp thang* lấy Thạch cao khô hàn để giải tả, lấy Miết giáp hàm hàn để tư âm làm thành phần chủ yếu của bài thuốc. Loại thuốc này thích hợp chữa bệnh ngoại cảm nhiệt ở thời kỳ sau hoặc trong quá trình chữa bệnh mạn tính (như kết hạch) mà âm dịch thương tổn, tả nhiệt ẩn náu ở âm phân biểu hiện như sốt nhẹ, sốt cơn, cổ đỏ, gầy mòn, lưỡi nổi gai đỏ mà ít rêu. Lúc dùng bài thuốc này, cần chú ý đến sức khỏe của tỳ vị nếu thấy bụng chướng, đi đại đường, dạ dày đầy hơi có thể giảm liều lượng để kiện tỳ, hòa vị, sướng trung.

CHI TỬ CỎ THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Chi tử 8-16 gam
2. Đậu cỏ 12-16 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Xua tà giải nhiệt, trừ phiền giải muôn.

Chữa chứng bệnh: Bệnh ngoại cảm nhiệt ở khí phận mới như phát sốt, ngực tức, tâm phiền, rêu lưỡi vàng hoặc lưỡi đỏ. Trong sách “Thương hàn luận” thì bài này chữa ngoại cảm nhiệt như kinh hãn, thổ hạ hậu mà vẫn hư phiền không ngủ được, giạt mình.

Giải bài thuốc: Bài thuốc này dùng Chi tử khổ hàn để tả hỏa, giải nhiệt trừ phiền ghép với Đậu cỏ để xua tà giải nhiệt nên có tác dụng tán tà ở biểu, tiết nhiệt ở lý, trừ phiền ở trung, là bài thanh khí nhiệt thường dùng khi ứng dụng cụ thể, trên cơ sở bài thuốc này, gia thêm các vị thanh nhiệt giải độc, hóa thấp lợi thấp, ít khi sử dụng đơn độc; khi nhiệt ngoại cảm vào dinh huyết, cũng lấy bài thuốc này làm cơ sở gia thêm các vị thuốc thanh dinh lương huyết để chữa. Như bài *Hắc cao phương* (trong sách “Xa hâu phương”, chủ yếu do 2 vị Đậu cỏ, Sinh địa tươi hợp thành) gồm bài thuốc này cộng với các phương thuốc lương huyết là phương pháp chữa theo thuyết ôn bệnh học là “nhập dinh vu khả thấu nhiệt chuyển khí”.

Cách gia giảm: Bệnh ngoại cảm nhiệt, nhiệt ở khí phận mà biểu tà chưa dứt có thể cũng dùng Ngưu bàng với Bạc hà; miệng khô, miệng đắng, lưỡi đỏ, rêu vàng là lý nhiệt tương đối mạnh có thể gia thêm Liên kiều, Hoàng cầm, họng đau, chảy máu mũi là vì nhiệt nhiều có thể gia thêm Ngân hoa, Lô căn; ngực tức, buồn nôn, lưỡi nhơn là bị thấp nặng có thể thêm Hậu phác, Bán hạ, Chi thực (xác), Phục linh.

CÁT CĂN HOÀNG CẨM HOÀNG LIÊN THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|-----------|--------------|--------|
| 1. Cát căn | 12-20 gam | 3. Hoàng cầm | 12 gam |
| 2. Hoàng liên | 4-8 gam | 4. Cam thảo | 4 gam |

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc uống, chia 2 lần.

Công dụng: Giải cơ thấu biểu thanh thấp nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Sốt cao, tâm phiền, đi tả cấp tính, phân thối, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mạch sắc.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Cát căn làm thuốc chủ, Hoàng cầm, Hoàng liên làm thuốc tá để thanh nhiệt táo thấp, Cam thảo để hòa trung nên bài này có thể giải cơ thấu biểu lại có thể thanh nhiệt chỉ tả là bài giải cả biểu lý. Bài này vốn chữa bệnh nhiệt tính ở biểu, chưa giải được, tà nhiệt nhập lý, ép nhiệt hạ lợi, bây giờ dùng chữa tràng viêm cấp tính, bệnh lý có vi trùng, thân nhiệt, đi tả (nhiệt tả).

Cách gia giảm: Nếu người bệnh nôn mửa gia Bán hạ, ăn uống bị trệ có thể gia Sơn tra, Lục thần khúc, đau bụng có thể gia Mộc hương.

CAO CẦM THANG

« Thông tục Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Thạch cao	6-16 gam	5. Hoàng cầm	8-16 gam
2. Trần bì	6-12 gam	6. Bán hạ	8-12 gam
3. Chi xác	6-12 gam	7. Trúc nhự	8-12 gam
4. Phục linh	8-16 gam	8. Phách ngọc tán (tức Lục nhất tán gia Thanh đại)	8-16 gam

Cách dùng: Ngày một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh tiết thấp nhiệt ở gan mật, hòa vị.

Chữa chứng bệnh: Tà thấp nhiệt ngoại cảm không giải hết, người rét mà phát nhiệt, có mồ hôi không giải được, sáng nhẹ chiều nặng, đầu nặng chân tay mỏi, ngực tức ách, buồn nôn, miệng khô khát mà không muốn uống, tiểu tiện đỏ, rắt, rêu lưỡi trắng hoặc vàng, mạch sắc yếu.

Giải bài thuốc: Bài này lấy chất thơm của Thạch cao để thanh nhiệt thấu tà phối hợp với Hoàng cầm khổ hàn để tiết nhiệt nhằm thanh giải thấp nhiệt, Trần bì, Bán hạ, Chi xác, Trúc nhự để lý khí, giáng nghịch, hòa vị; Phục linh, Phách ngọc tán để đậm thấm lợi thấp và tiết nhiệt. Bởi vậy, nguyên lý ghép vị thuốc của bài này tương tự như bài *Cam lộ tiêu độc đan*, cũng là bài thuốc tiêu biểu về thanh nhiệt lợi thấp, điều hòa khí cơ bắp, thường chữa bệnh thấp nhiệt trong mùa hè như sốt vừa, sốt nhẹ hoặc hệ thống tiêu hóa cảm nhiễm mà gây nên thấp nhiệt lưu ở khí phận. Bài này chú trọng thấu tà còn bài *Cam lộ tiêu độc đan* chú trọng hóa thấp đó là chỗ khác nhau giữa hai bài thuốc.

Cách gia giảm: Người bị thấp nhiều mà rêu lưỡi dày có thể gia thêm Hậu phác, Hoắc hương để tăng tác dụng hóa thấp; người sốt cao có thể gia Ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên để thanh nhiệt giải độc; người gây rét, đau đầu, ít mồ hôi có thể gia thêm Đậu cò, Bạc hà để xua đuổi ngoại tà; người bị đau bụng đi tả có thể thêm Biền đậu y tiêu hà để.

THẠCH CAO TRI MẪU QUẾ CHI THANG, THẠCH CAO TRI MẪU THƯƠNG TRUẬT THANG, THẠCH CAO TRI MẪU NHÂN SÂM THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Thạch cao	4-12 lượng	3. Tri mẫu	12-20 gam
2. Cam thảo	4-8 gam	4. Gạo sống	40 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh khí nhiệt, tả vị hòa, sinh tân, chỉ khát.

Chữa chứng bệnh: Chứng khí nhiệt thuộc bệnh ngoại cảm nhiệt. Như sốt cao, phiền khát muốn uống, mặt đỏ, ra nhiều mồ hôi, sốt dữ mạch hồng đại hoặc hoạt sắc, vị hỏa dẫn đến đau đầu, đau răng, chảy máu mũi máu răng.

Giải bài thuốc: Bài này là bài tiêu biểu về dùng vị thuốc tân hàn để thanh nhiệt. Bài thuốc lấy Thạch cao vị tân hàn để thanh khí và Tri mẫu vị khổ hàn để tả hỏa làm vị thuốc chủ yếu; Cam thảo, gạo sống là vị phụ trợ để dưỡng vị hòa trung có tác dụng thanh tiết lý nhiệt, sinh tân chỉ khát mà trừ phiền.

Cách gia giảm: Hiện nay khi dùng bài thuốc này để chữa chứng nhiệt ở khí phận trong bệnh ngoại cảm nhiệt thường dùng các vị thuốc thanh nhiệt giải độc; lúc chữa bệnh dịch viêm não thì dùng Đại thanh diệp, Bản lam căn, lúc chữa chảy máu răng, máu mũi dùng vị lương huyết như Sinh địa tươi, Xích thực, chữa bệnh vị nhiệt mà đau đầu thường dùng vị thuốc tân tán như Bạch chỉ, Ma hoàng, lúc chữa bệnh phong thấp thường dùng Thương truật, Quế chi, còn gạo sống thường không dùng.

Bài thuốc phụ:

1. Thạch cao Tri mẫu quế chi thang: (Tên cũ: Bạch hổ quế chi thang)

Tức là *Thạch cao tri mẫu thang* gia Quế chi nguyên chữa “ôn ngược”, thân không hàn mà nhiệt, đốt xương đau nhức, thỉnh thoảng nôn mửa.

Hiện nay thường dùng để chữa phong thấp viêm đốt xương biểu hiện phát sốt, ra mồ hôi, phong nhức, phiền táo miệng khát, lưỡi trắng và đốt xương sưng đau. Ngoài ra mùa hè hay bị chứng sốt cao, phiền khát, ra mồ hôi, sợ gió cũng dùng thuốc này.

2. Thạch cao Tri mẫu thương truật thang: (Tên cũ: Bạch hổ gia thương truật thang)

Tức là *Thạch cao tri mẫu thang* gia Thương truật.

Nguyên chữa thấp ôn ra mồ hôi nhiều, người nặng, chân lạnh.

Hiện nay thường dùng chữa phong thấp viêm đốt xương và bị sốt cao vào mùa hè thu biểu hiện thấp khôn nhiệt thậm, đầu nặng, phiền nhiệt, tức ngực, miệng khát không muốn uống, ra mồ hôi nhiều, đốt xương đau nhức, rêu lưỡi trắng, lưỡi đỏ.

3. Thạch cao Tri mẫu nhân sâm thang: (Tên cũ: Bạch hổ gia nhân sâm thang)

Tức *Thạch cao tri mẫu thang* gia Nhân sâm (hoặc Đảng sâm).

Nguyên nhân chữa bệnh ngoại cảm nhiệt, biểu tà đã giải, nhiệt chui vào lý, tân khí đều bị thương tổn. Hiện nay có người dùng chữa chứng thử nhiệt trẻ con, cũng có hiệu quả nhất định.

TRÚC DIỆP THẠCH CAO THANG

« Thương hàn luận »

Vị thuốc:

1. Trúc điệp (Lá tre)	4-12 gam	5. Bán hạ	8-12 gam
2. Thạch cao	4-12 lạng	6. Gạo sống	40 gam
3. Mạch môn	8-16 gam	7. Cam thảo	4-8 gam
4. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm)	4-16 gam		

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt, dưỡng vị, sinh tân chỉ khát.

Chữa chứng bệnh: Sau khi bị sốt, nhiệt chưa thanh hết, khi âm đều bị thương tổn, miệng khô môi se, lưỡi đỏ, ít rêu, đầy chướng, mạch sắc nhỏ; hoặc vị âm không đủ, vị hỏa thượng nghịch, miệng lưỡi nứt nẻ, lưỡi tía đỏ mà khô, miệng khát, mạch đập nhẹ, hoặc mắc bệnh tiêu khát (đái đường), vị hỏa thịnh, ăn tiêu chóng đói, ngoài ra còn có thể chữa thanh thử nhiệt.

Giải bài thuốc: Bài này có thể chia thành 4 loại vị thuốc.

1. Lá tre, Thạch cao là tiêu vị nhiệt, tả vị hỏa;
2. Nhân sâm, Mạch môn đông là ích khí, dưỡng âm, sinh tân;
3. Bán hạ là hòa vị, giáng nghịch;
4. Gạo sống, Cam thảo là điều dưỡng vị khí.

Cách gia giảm: Khi vị khí, vị âm không đủ mà chứng vị nhiệt không biểu hiện rõ (như miệng hôi, lưỡi nứt) có thể bỏ Thạch cao, lưỡi sáng bóng như gương, có thể thêm Thanh học tươi, Thiên hoa phấn để sinh tân tăng dịch; nếu khát mà thực nhiệt không qua vị kinh và đái nhiều biểu hiện thận suy, có thể bỏ Thạch cao mà gia Hoàng tinh, Thiên hoa phấn, Sinh địa, Thục địa, Sơn thù nhục.

THẠCH CAO THỰC ĐỊA TIỄN

(Tên cũ: Ngọc nữ tiễn)
« Cảnh Nhạc toàn thư »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|-----------|-------------|-----------|
| 1. Thạch cao | 40-80 gam | 4. Thực địa | 16-40 gam |
| 2. Mạch môn đông | 8-16 gam | 5. Tri mẫu | 8-12 gam |
| 3. Ngưu đằng | 8-16 gam | | |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đem sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh vị nhiệt, tả vị hỏa, bổ thận tư âm.

Chữa chứng bệnh: Bài này chữa các bệnh do thận âm không đủ, vị hỏa cực thịnh gây ra đau đầu, miệng khô khát, lưỡi nứt nẻ, chân răng sưng đau, chảy máu mũi và tiêu khát, tiêu cốc mau đới.

Giải bài thuốc: Bài này là bài thuốc tiêu biểu kết hợp nhiều vị thuốc để vừa bổ hư vừa tả thực. Thạch cao tân hàn thanh nhiệt, tả vị hỏa và Thực địa bổ thận tăng âm là 2 vị thuốc chủ yếu; dùng Mạch môn, Tri mẫu tư âm giáng hỏa để tăng thêm tác dụng “tráng thủy chi chi dĩ chế dương quang”, Ngưu tất dẫn thuốc đi xuống. Tóm lại, bài này thuộc phạm vi tư âm tỏa nhưng khác với bài *Tri bá bát vị hoàn*. Bài này tả hỏa nhằm vào vị nhiệt là chính còn Tri bá bát vị hoàn là nhằm vào âm hư hỏa vượng là chính và còn có tác dụng thanh lợi nhiệt hạ tiêu thấp nữa. Không biểu hiện ra.

Cách gia giảm: Lúc vị hỏa cực thịnh mà thận âm suy tổn (trong lúc mắc bệnh ngoại cảm nhiệt mà khí và huyết đều tổn thương như sốt cao, lưỡi tưa, miệng khô khát, thì lấy Sinh địa tươi thay Thực địa, Huyền sâm thay Ngưu tất để tăng thêm tác dụng tang dịch sinh tân, lương huyết thanh nhiệt; lúc mắc bệnh viêm họng cấp tính, lưỡi viêm mà miệng lưỡi nứt nẻ cũng có thể dùng cách gia giảm này, như thấy lưỡi có tia đỏ mà khô, hoặc lưỡi trơn bóng không có rêu thì có thể gia thêm Sa sâm, Thạch斛.

BẠCH ĐÀU ÔNG THANG

(Phụ: *Bạch thực thang*, Khuẩn lý thảo dược phương)

« Thương hàn luận »

Vị thuốc:

- | | | | |
|-----------------|--------|---------------|-----------|
| 1. Bạch đầu ông | 20 gam | 3. Tần bì | 12-16 gam |
| 2. Hoàng bá | 12 gam | 4. Hoàng liên | 4-8 gam |

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh thấp nhiệt, lương huyết, giải độc, chỉ lý.

Chữa chứng bệnh: Đi lý viêm tràng, đại tiện ra máu, lý cấp hậu trọng lỗ đít nóng nát.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Bạch đầu ông để thanh nhiệt ở huyết phận, cùng với vị Tần bì để nhuận mát, 2 vị này là thuốc chủ yếu để lương huyết chỉ lý, gia thêm Hoàng bá, Hoàng liên để thanh thấp nhiệt giải độc, toàn bài nhằm thanh lý nhiệt, là bài thuốc chuyên dùng chữa kiết lý, hiệu quả tốt.

Cách gia giảm: Người đau bụng lý cấp hậu trọng có thể gia Mộc hương, Chỉ xác, Bình lang, người ăn uống bị trệ có thể gia Sơn tra, Thần khúc; người mắc biểu chứng có thể gia Kinh giới; người hư nhược hoặc bị bệnh lý lâu ngày âm bị thương tổn, có thể gia Cam thảo, A giao; ngoài ra, có thể dùng Hoàng liên thay cho các vị thanh nhiệt giải độc khác như Hoàng cầm, Ngân hoa v.v...

Bài phụ:

1. Thực dược thang:

Gồm các vị Hoàng cầm, Hoàng liên, Xích thực, Đương quy, Đại hoàng, Bình lang, Cam thảo, Mộc hương, Nhục quế.

Chữa bệnh lý, đại tiện ra máu nhòe, đau bụng, lý cấp hậu trọng. Bài này dùng 3 vị hoàng để tả giải độc, khử trệ, dùng Xích thực, Đương quy, Nhục quế phụ trợ để hành huyết, “hành huyết thì đi đại tiện ra máu nhòe sẽ giảm”; Mộc hương, Bình lang điều khí, “điều khí thì hậu trọng sẽ trừ”. Cam thảo có tác dụng điều hòa các vị thuốc và giảm đau.

2. Khuẩn lý thảo dược phương:

Gồm 3 vị Thiết nghiễn thái, Địa cầm thảo, Phong vĩ thảo mỗi thứ một lượng.

Có thể thanh thấp nhiệt, lương huyết, giải độc chữa các chứng bệnh lý có vi trùng, viêm tràng, phát nhiệt, đau bụng đi tả, đại tiện ra huyết nhòe, lý cấp hậu trọng.

NHÂN TRẦN CAO THANG

(Phụ: *Chi tử bá bì thang*)

« Thương hàn luận »

Vị thuốc:

- | | |
|--------------|-----------|
| 1. Nhân trần | 20-40 gam |
| 2. Chi tử | 12-20 gam |
| 3. Đại hoàng | 18-12 gam |

Cách dùng: Ngày dùng một thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt thấp, thoái hoàng đản.

Chữa chứng bệnh: Dương hoàng, thân nhiệt, mát mặt, toàn thân vàng như nghệ, tiểu tiện vàng đỏ, giọt ngắn, đại tiện không thông (hoặc tích táo) miệng khát, bụng ngực chướng ách rêu lưỡi vàng nhòe.

Giải bài thuốc: Đây là bài thuốc chuyên chữa bệnh hoàng đản thấp nhiệt, nhân trần thanh thấp nhiệt, lợi đản là vị thuốc chủ yếu chữa bệnh hoàng đản trong bài thuốc này. Ghép với Chi tử khổ tả hòa để thấp nhiệt theo đường tiểu tiện mà ra; *Đại hoàng thang* nhuận tràng vị để thấp nhiệt theo đường đại tiện mà xuống. Dùng cả 3 vị thuốc để thanh lợi thấp nhiệt, tiêu ra theo đường tiểu tiện, đại tiện để chữa người mắc bệnh hoàng đản thuộc chứng dương chứng thực, chứng nhiệt.

Cách gia giảm: Bài này bỏ Chi tử, Đại hoàng mà phối hợp với bài *Ngũ linh tán* gọi là *Nhân trần ngũ linh tán*, nhằm chủ trị khử thấp lợi tiểu tiện, thích hợp với người mắc bệnh hoàng đản mà đại tiểu thông thoáng. Bỏ Chi tử, Đại hoàng gia *Thương truật* (hoặc *Bạch truật*), Phụ tử gọi là *Nhân trần truật phụ thang*, hoặc gia *Can khương*, Phụ tử gọi là *Nhân trần phụ tử can khương thang* để chữa chứng âm hoàng, da vàng tối, sợ lạnh, ngực ách nước, bụng chướng, miệng nhạt, đại tiện lỏng, rêu lưỡi trắng nhòe. Nhân trần tuy dược tính khổ hàn, nhưng truật, phụ, Can khương tính ôn, nên có tác dụng lợi thấp thoái hoàng, không vì khổ hàn mà thương tổn đến tỳ.

Bài phụ:

Chi tử bá bì thang:

Gồm 3 vị Chi tử, Hoàng bá, Cam thảo hợp thành.

Nhằm thanh nhiệt, lợi tiểu tiện, chủ trị chứng dương hoàng thân nhiệt, bụng không đầy chướng, đại tiện thông nhuận nên trong bài không dùng Đại hoàng; dùng Hoàng bá ý nghĩa cơ bản giống như dùng Nhân trần (có thể gia Nhân trần); dùng Cam thảo vừa hòa hoãn tính khổ hàn của Chi tử, Hoàng bá vừa thanh nhiệt giải độc.

CAM LỘ TIÊU ĐỘC ĐƠN

« Ôn nhiệt kinh vi »

Thành phần:

1. Hoạch thạch	15 lạng	7. Nhân trần	11 lạng
2. Hoàng cầm	10 lạng	8. Thạch xương bồ	6 lạng
3. Mộc thông	5 lạng	9. Xuyên bối mẫu	5 lạng
4. Xạ can	4 lạng	10. Liên kiều	4 lạng
5. Bạc hà	4 lạng	11. Bạch khấu nhân	4 lạng
6. Hoắc hương	4 lạng		

Cách dùng: Tỷ lệ liều lượng nói trên dùng làm thuốc viên (hoàn). Mỗi lần dùng 8-12 gam, ngày dùng 1-2 lần, hoặc dùng túi vải bọc sắc chung với bài thuốc khác, trọng lượng từ 12 gam-40 gam. Cũng có thể thay đổi liều lượng đổi thành thuốc thang sắc uống.

Công dụng: Thanh hóa thấp nhiệt, giải độc, tuyên thông khí cơ.

Chữa chứng bệnh: Thấp nhiệt tiềm lưu, thỉnh thoảng sốt nhẹ (sốt vừa) ra mồ hôi mà nhiệt không giải, đi tiểu tiện đỏ và xén, ngực tức, chân tay rã rời, đại tiện nhão mà không thông sượng, có triệu chứng bệnh hoàng đản nhẹ, hoặc đau họng, má sưng, rêu lưỡi mỏng trắng hoặc khô nhờn hoặc vàng nhạt.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Hoắc hương, Khẩn nhâm, Thạch xương bồ để hóa thấp, dùng Hoạch thạch, Nhân trần, Mộc thông để lợi thấp, dùng Hoàng cầm, Xạ can, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc, dùng Xuyên bối mẫu để hóa đàm tán kết, dùng Bạc hà để sơ tán ngoại tà chữa các chứng thấp nhiệt trở trệ trong mùa hè thu như sốt nặng vì thấp, sốt nhẹ không lui và ngực tức tay chân rã rời, bụng ách, đi tiểu tiện đỏ mà ít v.v...

Cách gia giảm: Bài này nếu dùng thuốc thang thì thường không dùng Xuyên bối mẫu, Xạ can, Mộc thông mà có thể thay bằng Thông thảo, Hạnh nhân, Ý dĩ, Hậu phác.

LIÊN PHÁC ÂM

« Hoắc loạn luận »

Thành phần:

1. Hoàng liên	4-8 gam	5. Hậu phác	4-12 gam
2. Đậu cỏ	12-16 gam	6. Sơn chi tử	8-12 gam
3. Bán hạ	8-12 gam	7. Thạch xương bồ	4-8 gam
4. Lô căn	40-80 gam		

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt hóa thấp, điều hòa tràng vị.

Chữa chứng bệnh: Tràng vị thấp nhiệt bên trong, biểu hiện như tràng vị viêm cấp tính, hoặc loạn, thương hàn, lý có vi trùng và bị thấp trong mùa hè, cụ thể ngực tức, bụng đầy ách, đi tả, rêu lưỡi vàng nhờn.

Giải bài thuốc: Dùng Hoàng liên tính khổ hàn và Hậu phác tính tân khổ ôn làm vị thuốc chủ yếu của bài thuốc này, phụ thêm Chi tử. Đậu cỏ giải uất đạt tả; dùng bán hạ, Thạch xương bồ để hóa trọc hòa vị; Lô căn thanh vị bảo tân mà không quá nhuận dịch tác dụng bài này chủ yếu là khai tân giáng khổ. Gọi là khai tân là dùng những vị thuốc có dược tính cay như Hậu phác, Bán hạ, Thạch xương bồ để khai thấp; gọi là giáng khổ tức là dùng các vị thuốc có dược tính đắng như Hoàng liên, Chi tử để giáng hỏa, khai thấp giáng hỏa thì thanh khí thăng còn trọc khí giáng, cơ khí vị tràng điều hòa nên thổ tả ngừng. Bài thuốc này vốn dùng chữa hoắc loạn (gồm hoắc loạn trực tính và vị tràng viêm), hiện nay

khi chữa bệnh thường dùng bài này để chữa đường tiêu hóa bị cảm nhiễm kèm theo vị tràng bị hỗn loạn.

Cách gia giảm: Người mắc bệnh tả nhưng mót rặn (lý cấp hậu trọng) có thể thêm Mộc hương, Bình lang để hành khí, phá khí; người ăn bị trệ có thể thêm Chi thực. Lục thần khúc, Sơn tra để tiêu thực đạo trệ, lúc bị nôn mửa nặng, có thể thêm chút ít Ngô thù du để gây tác dụng phân tán mà sốt nặng do thấp như sốt cao, lưỡi đỏ, có thể thêm Ngân hoa, Liên kiều, Hoàng cầm để thanh nhiệt giải độc.

TẢ TÂM THANG

(Phụ: *Phụ tử tả tâm thang*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Đại hoàng 6-12 gam
2. Hoàng liên 4-12 gam
3. Hoàng cầm 8-16 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tả hỏa, thanh nhiệt, giải độc.

Chữa chứng bệnh: Mọi chứng hỏa thực nhiệt. Như đang mắc bệnh ngoại cảm nhiệt, bị sốt cao, mặt hồng, mắt đỏ, buồn bực, hôn mê phát cuồng, rêu lưỡi vàng nhờn, lưỡi có gai đỏ vì nóng quá làm huyết đi lung tung nên thổ huyết, chảy máu mũi, thấp nhiệt nung đốt mà sinh bệnh hoàng đản; mụn nhọt chảy nước, vàng bị bị đơn sung tấy, mắc chứng bại huyết, mặt mắt sung đỏ, miệng lưỡi lở loét, đi lỵ ra máu nhờn, đều có thể dùng bài thuốc này.

Giải bài thuốc: Bài này tuy lấy tên là “*Tả tâm thang*” nhưng thực tế không phải chuyên trị tả tâm hỏa mà là tả mọi thực hỏa, giải nhiệt độc, thanh thấp nhiệt. Trong bài này tuy lấy Đại hoàng là thuốc chủ nhưng mục đích không phải chuyên để công hạ mà là để tiết nhiệt, tả hỏa, giải độc. “3 vị hoàng” dùng ở đây, dược tính khổ hàn, có thể tiết nhiệt, táo thấp, nên thích hợp chữa các bệnh tháo nhiệt cản trở tràng vị, uất mà hóa hỏa, rêu lưỡi vàng nhờn hoặc nổi gai vàng, sốt cao, buồn bực, tức ngực, úchương, bí đại tiện. Trong “*Thương hàn luận*” dùng bài thuốc này để tiết nhiệt trừ tức ách là có nghĩa như vậy. Còn ở “*Kim quỹ yếu lược*” dùng bài thuốc này để tiết nhiệt trừ tức ách là có ý nghĩa để đạt tác dụng tả hỏa, tiết nhiệt, giải độc. Tả đi thì chính an, nhiệt độc giải rồi thì huyết ngưng ra, khác với việc lương huyết tán huyết ở bài *Tế giác địa hoàng thang*, lúc sử dụng cần phân biệt rõ.

Với các vị thuốc khổ hàn, trong thực nghiệm chữa bệnh diệt vi trùng ở ngoài thân thể thấy rõ tác dụng diệt trùng, kết quả điều trị cho thấy nó có chất chống vi trùng.

Cách gia giảm: Lúc ứng dụng bài thuốc này để chữa cả thấp lẫn nhiệt thì phải coi nhiệt nặng hơn thấp hoặc thấp nhiệt hóa hỏa mới phù hợp. Nếu thấp nhiệt hóa hỏa, nhiệt đốt tâm dịch, thấy có triệu chứng tâm dịch bị tổn thương (miệng khô, lưỡi táo) có thể thêm Thiên hoa phấn, Lô căn, thậm chí có thể gia Thạch học tươi, Sinh địa tươi, nếu thấp nhiệt hóa hỏa mà cả thấp và nhiệt đều nặng ngang nhau, thấy rêu lưỡi dày nhờn, ngực tức, ách chướng có thể thêm Hậu phác, Bán hạ; nếu bị nôn mửa nhiều mà khó uống thuốc, có thể thêm 3 lát gừng tươi; bụng đầy không nhiều, đại tiện bình thường có thể dùng Đại hoàng chế; người bị đau bụng trên dữ dội (như viêm túi mật cấp tính) có thể thêm Chi xác hoặc Chi thực, Xuyên lỵện tử, Diên hồ sách, đó là những vị thuốc lý khí chỉ thống.

Bài phụ:

Phụ tử Tả tâm thang:

Tức là bài này gia Phụ tử.

Dùng cho những người bị tả nhiệt bốc mạnh mà dương khí không đủ, ra mồ hôi nhiều, chân tay lạnh, mạch nhỏ.

HOÀNG LIÊN GIẢI ĐỘC THANG

« Ngoại thai bí yếu »

Thành phần:

1. Hoàng liên	4-12 gam	3. Hoàng cầm	8-16 gam
2. Hoàng bá	12-16 gam	4. Chi tử	8-16 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tả hỏa giải độc, thanh thấp nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Mọi chứng thực nhiệt hỏa, điên cuồng mê loạn, hoàng đản thấp nhiệt, mu nhọt chảy nước vàng, nóng quá đến thổ huyết, mũi ra máu.

Giải bài thuốc: Bài này dùng 3 vị Hoàng cầm, Hoàng liên, Hoàng bá có được tính khổ hàn để tả thực nhiệt ở Thượng trung, hạ tiêu lại phối hợp với Chi tử tính khổ hàn để tiết nhiệt, tác dụng giống như bài *Tả tâm thang*, là bài thuốc có hiệu lực mạnh để tả hỏa giải độc, thanh thấp nhiệt. Nhưng bài này chưa dùng Đại hoàng mà dùng hoàng bá để tả thấp nhiệt ở hạ tiêu, Chi tử tả hỏa tam tiêu, khiến tà nhiệt ra theo đường tiểu tiện khác với bài *Tả tâm thang* dùng Đại hoàng làm thuốc chủ khiến tà nhiệt ra theo đường đại tiện. Vì vậy, bài *Tả tâm thang* thích hợp chữa tích nhiệt ở vị tràng, còn bài này thích hợp chữa thấp nhiệt ở hạ tiêu (đường nước tiểu bị cảm nhiễm). Còn như bài này có thể trị chứng hôn mê cuồng loạn, thổ huyết, chảy máu mũi thì về nguyên lý giống bài *Tả tâm thang* nhằm đạt tác dụng chuyên tả tà nhiệt.

Cách gia giảm: Bài này khi ứng dụng chữa bệnh thường ghép thêm Ngân hoa, Liên kiều thì tác dụng thanh nhiệt giải độc càng hay hơn. Lúc chữa bệnh hoàng đản có thể thêm Nhân trần; đại tiện bí hoặc không thông sảng, có thể thêm Đại hoàng; chữa bệnh u nhọt chảy nước vàng tấy có thể thêm Bồ công anh, Tử hoa địa đing; miệng lưỡi lở loét có thể thêm Cam trung hoàng; thổ huyết, chảy máu mũi có thể thêm Sinh địa tươi, Đan bì, Xích thực, đi lỵ ra máu nhờn, rặn mót có thể thêm Mộc hương, Bình lang; đi tiểu nhiều mà mót, đau bọng đái có thể thêm Xa tiền, Mộc thông, Phong vĩ thảo.

PHỔ TẾ TIÊU ĐỘC ẨM

« Đông đan thập thư »

Thành phần:

1. Hoàng cầm	8-16 gam	8. Hoàng liên	4-12 gam
2. Liên kiều	8-16 gam	9. Huyền sâm	8-16 gam
3. Bản lam căn	8-20 gam	10. Mã bột	2-4 gam
4. Ngưu bàng tử	12-20 gam	11. Cương tâm	4-12 gam
5. Thăng ma	4-8 gam	12. Sài hồ	4-12 gam
6. Trần bì	6-12 gam	13. Kiết cánh	4-6 gam
7. Cam thảo	2-4 gam	14. Bạc hà	4-6 gam

Cách dùng: Bài này nguyên là thuốc tán, nghiền vị thuốc thành bột, mỗi lần dùng 20 gam đến 40 gam, sắc nước uống, hiện nay dùng thành thuốc thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Sơ tán phong nhiệt, thanh nhiệt giải độc.

Chữa chứng bệnh: Nguyên bài thuốc thích ứng chữa bệnh “Đại đầu ôn” (thường bị ở đầu và mặt), ngày nay người chữa đơn ở đầu và mặt, còn chữa viêm tuyến nước bọt ở hàm, viêm tai cấp tính mà bị sốt cao, sung mọng răng phát sốt và mặt bị độc sưng to.

Giải bài thuốc: Đây là bài thuốc tiêu biểu chữa thanh nhiệt giải độc và sơ tán phong nhiệt. Các vị Hoàng cầm, Hoàng liên, Liên kiều, Huyền sâm, Bản lam căn, Thăng ma nhằm thanh nhiệt giải độc;

các vị Bạc hà, Ngưu bàng, Cương tằm, Sài hồ nhằm sơ phong tán nhiệt. Các vị Kiết cánh, Cam thảo, Mã bột giải thanh nhiệt độc ở đầu và mặt mà còn thanh lợi cổ họng nên có thể chữa bệnh cổ họng sưng đau.

Cách gia giảm: Bí đại tiện có thể thêm Đại hoàng; lúc biểu hiện không ra mồ hôi, sốt cao, đau đầu có thể thêm Khương hoạt để tăng tác dụng tán tán thấu tà, trẻ em có triệu chứng Kinh giật, có thể thêm Câu đằng, Thiên y.

TÊ GIÁC ĐỊA HOÀNG THANG

« Thiên kim phương »

Thành phần:

1. Tê giác	1-4 gam	3. Thược dược (Xích thược)	8-12 gam
2. Sinh địa	12-40 gam	4. Đan bì	8-16 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, thanh huyết tán ứ, thanh tâm.

Chữa chứng bệnh: Ngoại cảm nhiệt, nhiệt nhập dinh huyết, thấy sốt cao, thần không tỉnh táo, động huyết (gồm thổ huyết, chảy máu mũi, đại tiện ra huyết), phát ban mề đay, lưỡi gai đỏ, mạch sắc nhỏ; ngày nay thường dùng chữa các chứng viêm gan cấp tính vàng da, gan hôn mê, chữa người mắc chứng đi đái ra máu, độc chứng bại huyết, u nhọt nước vàng, xuất huyết dịch do huyết nhiệt gây ra.

Giải bài thuốc: Bài này là bài thuốc tiêu biểu về lương huyết giải độc, nhiều bài thuốc khác nhằm thanh dinh, lương huyết, giải độc, cũng từ bài này mà biến hóa đi. Tê giác thanh tâm, lương huyết, giải độc, Sinh địa lương huyết, dưỡng âm thanh nhiệt, đó là những vị thuốc chủ yếu, phụ thêm Xích thược, Đan bì nhằm lương huyết tiết nhiệt, hoạt huyết tán ứ; tuy chỉ có 4 vị thuốc mà có thể thanh được nhiệt ở dinh huyết, thanh tâm và ngừng xuất huyết. Bài này thường dùng Xích thược vì nó có tác dụng lương huyết tán ứ mạnh hơn Bạch thược, thường dùng Sinh địa tươi vì nó lương huyết, ngừng xuất huyết mạnh hơn Sinh địa thường; Tê giác quý hiếm nên thường dùng ngưu hoàng do người làm hoặc sừng trâu thay thế (vị trước mỗi lần uống thẳng 0,5-1 gam, vị sau mỗi lần 20 gam - 40 gam sắc uống).

Cách gia giảm: Người bị nhiệt vào tim mà tâm thần hôn mê, có thể dùng thêm Tử huyết đan hoặc cùng dùng Thạch xương bồ tươi, Trần đảm tinh, Thiên Trúc hoàng; lúc kinh quyết, thường dùng “*An cung ngưu hoàng hoàn*” cùng với Ngọc đan; sốt nhiều mà hôn mê ít có thể dùng *Ngưu hoàng thanh tâm hoàn* hoặc dùng các vị Ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Hoàng cầm, Đại thanh diệp, Tử thảo để tăng thêm tác dụng thanh nhiệt giải độc.

THANH DINH THANG

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

1. Tê giác	1-4 gam	6. Sinh địa	20-40 gam
2. Huyền sâm	8-16 gam	7. Trúc diệp tâm	4-8 gam
3. Ngân hoa	12-20 gam	8. Liên kiều	8-20 gam
4. Hoàng liên	4-8 gam	9. Đan sâm	8-20 gam
5. Mạch môn đông	8-16 gam		

Cách dùng: Ngày dùng một thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, lương dinh thanh tâm.

Chữa chứng bệnh: Ngoại cảm, nhiệt nhập dinh huyết, biểu hiện sốt cao, buồn bực, tâm thần không tỉnh táo, nói lảm nhảm, lưỡi gai đỏ, mạch sắc nhỏ.

Giải bài thuốc: Bài này từ *Tê giác địa hoàng thang* biến hóa ra. Tê giác, Sinh địa là thuốc chủ của bài thuốc, ghép thêm Ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc, Hoàng liên, Trúc diệp tâm để thanh tâm tả hỏa, Đan sâm thanh tâm, lương dinh, Huyền sâm, Mạch môn để dưỡng âm sinh tân, cho nên bài này có tác dụng thanh nhiệt giải độc mạnh hơn bài *Tê giác địa hoàng thang*; vì chưa dùng Đan bì, Xích thược nên tác dụng lương huyết tán ú, chỉ huyết yếu hơn. Cho nên bài này rất thích hợp chữa bệnh nhiệt nhập dinh huyết (lấy dinh làm chủ biểu hiện như sốt cao, buồn bực, tâm thần mê hoảng mà chưa bộc lộ tình trạng hao huyết, động huyết).

Cách gia giảm: Giống bài *Tê giác địa hoàng thang*.

THANH ÔN BẠI ĐỘC ÂM

« Dịch chân nhất đắc »

Thành phần:

1. Thạch cao	40-80 gam	8. Sinh địa hoàng	20-40 gam
2. Tê giác	1-4 gam	9. Hoàng liên	4-12 gam
3. Chi tử	8-16 gam	10. Kiết cánh	4-8 gam
4. Hoàng cầm	8-16 gam	11. Tri mẫu	8-16 gam
5. Xích thược	8-16 gam	12. Huyền sâm	8-16 gam
6. Liên kiều	8-16 gam	13. Cam thảo	3-6 gam
7. Đan bì	8-16 gam	14. Lá tre	4-8 gam

Cách dùng: Sắc nước chia 2 lần uống. Thạch cao đun trước chừng 10 phút sau khi sôi thì cho các vị thuốc khác vào. Tê giác mài với nước uống bằng hoặc dùng Ngưu hoàng nhân tạo 0,5 gam, sừng trâu 40 gam thay thế.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, tả hỏa, lương huyết, dưỡng âm.

Chữa chứng bệnh: Hòa thịnh sốt cao như sốt cao đột ngột, tâm thần mê hoảng, đầu đau như búa bổ, phát ban thổ huyết, ngón tay bắt chuồn chuồn, lưỡi nổi gai, môi rộp. Hiện nay thường dùng chữa các bệnh viêm não loại B, viêm màng não cấp tính, bại huyết.

Giải bài thuốc: Bài này dùng các vị thuốc gia giảm của 3 bài *Thạch cao tri mẫu thang*, *Tê giác địa hoàng thang*, *Hoàng liên giải độc thang* tạo thành, cho nên nó có tác dụng đại thanh khí nhiệt tả vị hỏa của bài *Thạch cao tri mẫu thang*, lương huyết giải độc của bài *Tê giác địa hoàng thang*, tả hỏa giải độc của bài *Hoàng liên giải độc thang*, cho nên sách “Ôn nhiệt kinh vi” có nói về bài thuốc này “đây là thuốc tiết hỏa ở 12 kinh, dùng nhiều Thạch cao chạy thẳng vào kinh vị để từ đó phân phát đi 12 kinh, đẩy lui dâm nhiệt, phụ thêm Hoàng liên, Tê giác, Hoàng cầm để tiết hỏa tâm phế ở Thượng tiêu, dùng Đan bì, Chi tử, Xích thược tiết hỏa ở can kinh; dùng Liên kiều, Huyền sâm để tán hỏa trôi nổi đó đây; dùng Sinh địa, Tri mẫu để chế dương phù âm, tiết hỏa cực mạnh, cứu thủy sắp tuyệt; Bài này giải độc đại hàn, dùng nhiều Thạch cao thì chứng nào mạnh nhất sẽ bình ổn trước, hỏa các kinh khác tự nhiên sẽ yên”.

Cách gia giảm: Nhiệt độc bốc mạnh, phát ban mà sắc mặt tối mờ thì thêm Đại thanh diệp, Tử thảo để thanh huyết nhiệt, lương huyết tán ú, lúc bị kinh phong về tay, gia thêm cương tâm, Thiên y, Thạch xương bồ tươi để trừ phong khai khiếu cũng có thể dùng cả *Ngọc đan* hoặc *An cung ngưu hoàng hoàn*; nếu thấy nhiệt uất vàng da (hoàng đản) có thể gia Long đóm thảo, Nhân trần, Hoàng bá để tả thấp nhiệt ở gan mật.

TẢ PHẾ TÁN

(Tên cũ: *Tả bạch tán*)

« Tiêu nhi dược chứng trực quyết »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|----------|-----------------|----------|
| 1. Địa cốt bì | 8-18 gam | 3. Tang bạch bì | 8-16 gam |
| 2. Sinh cam thảo | 4-6 gam | 4. Gạo sồng | 20 gam |

Cách dùng: Bài này vốn là thuốc tán, giờ dùng làm thuốc thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tả phế hỏa, thanh hư nhiệt, khỏi ho thở.

Chữa chứng bệnh: Phế nhiệt sinh ho, thậm chí thở khò khè khạc ra máu, miệng khô môi táo, lưỡi tia đỏ, rêu mỏng, mạch sắc nhỏ.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Tang bạch bì có được tính tân cam mà hàn, giỏi tả phế hỏa để khỏi ho, thở, thanh phế khí mà lợi thủy khứ đờm; Bạch cốt bì được tính khổ hàn, giải thanh hư nhiệt, lửa đốt trong xương; Cam thảo, gạo sồng nhuận phế dưỡng. Đây là bài thuốc tả phế hỏa, thanh hư nhiệt, rất thích hợp chữa bệnh âm hư phế nhiệt, ho thở ít đờm. Lúc vận dụng cụ thể, nếu nhiệt đờm là chính, nên dùng nhiều Tang bạch bì, nếu âm hư thấp nhiệt, ho, khạc ra máu là chính nên dùng nhiều Địa cốt bì.

Cách gia giảm: Nhiệt đờm bốc mạnh mà ho thở có thể thêm Hoàng cầm, Đinh lịch tử để tả phế nhiệt; lúc ho vì táo nhiệt có thể thêm Tri mẫu, Qua lâu bì, Hạnh nhân, Xuyên bối mẫu để nhuận phế; lúc âm hư thấp nhiệt, có thể thêm Thạch cao, Miết giáp, Ngân sài hồ để thanh hư nhiệt can hỏa phạm phế, đau tức khạc ra máu có thể thêm bài *Đại hạn tán* để thanh tiết can hỏa.

LONG ĐORM TẢ CAN THANG

« Y tông kim giám »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|----------|--------------|-----------|
| 1. Long đorm thảo | 2-8 gam | 6. Sinh địa | 12-20 gam |
| 2. Sơn chi tử | 8-16 gam | 7. Trạch tả | 8-18 gam |
| 3. Hoàng cầm | 8-16 gam | 8. Xa tiền | 12-20 gam |
| 4. Sài hồ | 4-12 gam | 9. Mộc thông | 4-8 gam |
| 5. Đương quy | 8-16 gam | 10. Cam thảo | 4-8 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tả can hỏa, thanh lợi thấp nhiệt ở can đorm.

Chữa chứng bệnh: Do thực hỏa ở can đorm mà gây nên đau đầu, mắt đỏ, miệng đắng, má đau, tai sưng đau; do can hỏa bị thấp nhiệt dẫn đến ngoại thực quản sưng đau ngứa, tiểu tiện đục, phụ nữ bị bạch đới.

Giải bài thuốc: Đây là bài thuốc tiêu biểu về tả thực hỏa ở can và đorm. Long đorm thảo là vị thuốc khổ hàn tiết nhiệt chuyên dùng tả thực hỏa ở can đorm và thấp nhiệt ở hạ tiêu, phối hợp với Hoàng cầm, Chi tử để thanh nhiệt tả hỏa trở thành bài thuốc thanh nhiệt tả hỏa tương đối mạnh. Sài hồ, Đương quy, Sinh địa đều có tác dụng sơ can, hoạt huyết, lương huyết, dưỡng âm phối hợp với các vị thanh nhiệt tả hỏa là có dụng ý tả trung có bổ, sơ trung có dưỡng khiến các vị thuốc tả hỏa không vì khô táo mà thương tổn âm; lại phối hợp với các vị thanh lợi như Mộc thông, Xa tiền, Trạch tả khiến thấp nhiệt ra theo đường tiểu tiện, nên bài này lại có tác dụng thanh lợi thấp nhiệt ở hạ tiêu.

Cách gia giảm: Lúc bí đại tiện có thể thêm Đại hoàng hoặc dùng chung với bài *Đương quy long hội hoàn* (gồm Đương quy, Long đorm thảo, Chi tử, Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá, Đại hoàng, Thanh đại, Lô hội, Mộc hương, Xạ hương).

THANH CỐT TÁN

« Chứng trị hoài thăng »

Thành phần:

1. Ngân sai hồ	8-16 gam	5. Hồ hoàng liên	4-12 gam
2. Tần quỳ	6-12 gam	6. Miết giáp	8-16 gam
3. Địa cốt bì	8-16 gam	7. Thạch cao	6-12 gam
4. Tri mẫu	8-16 gam	8. Cam thảo	4-8 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt, thoái cốt chung, dưỡng âm thanh hỏa.

Chữa chứng bệnh: Âm hư thấp nhiệt cốt chung (xương nóng như đốt); như bệnh kết hạch và một số bệnh mạn tính trong quá trình bị bệnh biểu hiện sốt nhẹ, sốt theo cơn, tay chân nóng trong, hỏa bốc lên mặt, toàn thân gầy mòn, lưỡi đỏ rêu lưỡi mỏng, mạch sắc nhỏ, yếu hư.

Giải bài thuốc: Bài này tuy gồm các vị hàn lương nhưng không phải là thuốc đại khổ, đại hàn là bài thuốc tiêu biểu chữa thanh hư nhiệt, nhiệt đốt trong xương mà gây sốt theo cơn. Bài này dùng Ngân sai hồ và Thạch cao, Tần quỳ (dùng Tần quỳ để khử nhiệt đốt trong xương không phải để trừ phong thấp) để thanh huyết nhiệt mà trừ nhiệt đốt trong xương, lại dùng Địa cốt bì để thanh phế hỏa, Hồ hoàng liên để thanh tâm hỏa, Tri mẫu thanh thận hỏa, nhưng tác dụng thanh hỏa của 3 vị thuốc là thanh hư hỏa mà không phải tả thực hỏa khiến hỏa trong tạng phủ được thanh thì sốt theo cơn sẽ lui; Miết giáp hàm hàn tư âm, bổ can thận để trị hư lao; Cam thảo cam bình hòa trung làm cho các vị thuốc khổ hàn không tổn thương đến khí vị.

Cách gia giảm: Bài này thoái nhiệt khá mạnh mà sức tư âm dưỡng huyết lại yếu, nếu mắc bệnh âm huyết hư suy hoặc khí và âm đều hư, cần gia giảm vị mà dùng. Nói chung thường giảm Ngân sai hồ, Hồ Hoàng liên mà gia thêm Đương quy, Sinh địa. Bài *Tần quỳ miết giáp tán* (trong “Vệ sinh ngọc giám”) là theo bài thuốc này bỏ Ngân sai hồ, Hồ Hoàng liên, Cam thảo và gia thêm Sài hồ, Đương quy, nếu sắc mặt hoảng hốt, tiếng nhỏ, ít khí, lời nói là khí và âm đều hư thì có thể thêm Đảng sâm, Hoàng kỳ (tẩm mật sao). Bài *Tần quỳ phù doanh thang* (trực chỉ phương) gồm các vị Tần quỳ, Miết giáp, Địa cốt bì, Sài hồ, Đương quy, Nhân sâm, Tử uyển, Bán hạ, Cam thảo, gừng, táo; bài *Hoàng kỳ miết giáp tán* (trong “Vệ sinh bảo giám”) gồm các vị Hoàng kỳ, Nhân sâm, Miết giáp, Tần quỳ, Địa cốt bì, Sinh địa, Thược dược, Tri mẫu, Thiên môn đông, Phục linh, Sài hồ, Tang bạch bì, Tử uyển, Bán hạ, Kiết cánh, Cam thảo, Nhục quế; nếu thấy đường ruột không tốt, đại tiện lỏng loãng là tỳ vị hư nhược, có thể bỏ các vị khổ hàn như Tần quỳ, Hồ Hoàng liên mà thêm Đảng sâm, Bạch truật, Sơn dược, Biển đậu, Lục thần khúc để kiện tỳ hòa vị.

THANH CAO MIẾT GIÁP THANG

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

1. Thanh cao	8-16 gam	4. Miết giáp	8-16 gam
2. Sinh địa	16-20 gam	5. Tri mẫu	8-16 gam
3. Đan bì	8-12 gam		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Dưỡng âm lương huyết, thanh nhiệt sinh tân.

Chữa chứng bệnh: Âm hư gây sốt cơn hoặc sốt nhẹ. Sau khi ngoại cảm nhiệt hoặc mắc bệnh mạn tính mà xuất hiện tà nhiệt ẩn náu ở âm huyết, âm dịch tổn thương mà hư nhiệt không lui, sốt cơn hoặc sốt nhẹ sau buổi trưa, gầy mòn, lưỡi đỏ ít rêu, miệng khô môi táo, mạch nhỏ (huyền) sác.

Giải bài thuốc: Bài này là bài thuốc tiêu biểu về dưỡng âm thanh nhiệt thích hợp với người bệnh âm huyết không đủ mà lại bị sốt cơn, nó khác với bài *Thanh cốt tán* chuyên thanh cốt chung đốt. Bởi vậy, bài này dùng Miết giáp hàm hàn để tư âm, thanh huyết nhiệt cùng với Thạch cao khổ hàn để thanh nhiệt, thấu tà ngoại đạt là vị thuốc chủ yếu của bài thuốc; đồng thời gia thêm Sinh địa, Mạch môn

đông, Đan bì để dưỡng âm sinh tân, lương huyết giáng hỏa; trong điểm phụ là “dưỡng âm” âm dịch khô phục thì hư nhiệt tự lui. Trong điểm phụ của *Thanh cốt tán* là “thanh hỏa”, lúc chữa bệnh cần nắm vững chỗ khác nhau mà xử lý.

DUỠNG ÂM THANH PHẾ THANG

Trích « Trung lâu ngọc hồ »

Vị thuốc:

1. Đại sinh địa 12-20 gam
2. Đan bì 8-16 gam
3. Mạch môn đông 8-16 gam
4. Huyền sâm 8-16 gam
5. Xích thược 8-12 gam
6. Cam thảo 4-12 gam
7. Bối mẫu 12-16 gam
8. Bạc hà 4-6 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Dưỡng âm thanh phế, lương huyết giải độc, thanh yết.

Chữa chứng bệnh: Âm hư ho khan, bạch hầu, viêm họng mạn tính.

Giải bài thuốc: Đây là bài thuốc kinh nghiệm chữa bạch hầu, những năm gần đây không ít tin vui khi dùng bài thuốc này chữa bạch hầu. Đông y cho rằng bạch hầu thuộc tà táo nhiệt, dễ hao thương âm dịch nên bài này cùng dùng 3 vị Sinh địa, Mạch môn đông, Huyền sâm là vị chủ (tức bài *Tăng dịch thang*) để dưỡng âm nhuận táo; Đan bì, Xích thược lương huyết thanh nhiệt; Bối mẫu tán kết nhuận phế; Cam thảo thanh nhiệt giải độc, Bạc hà tân lương nhằm thấu tiết nhiệt ở phế vệ, lợi yết hầu tiêu sưng là những vị thuốc phụ trợ.

Cách gia giảm: Người bị sốt cao có thể thêm Ngân hoa, Liên kiều; người bị táo có thể thêm Thiên môn đông, Tri mẫu, Lô căn; cổ họng sưng đau có thể thêm Bản lam căn, Bồ công anh, Xạ can, Kiết cánh, Cương tâm, Mã bột, người mắc biểu chứng có thể thêm Ngưu bàng tử, Thiên y.

Bệnh viện chữa bệnh lây thành phố Thiên tân chọn 3 vị sinh địa, Huyền sâm, Mạch môn đông trong bài thuốc này gia thêm Hoàng cầm, Liên kiều chế thành tễ thuốc chống bạch hầu kết hợp với cách chữa bạch hầu theo kiểu xung tán, hiệu quả tương đối tốt, không chỉ thoái nhiệt nhanh mà màng che rung cũng nhanh, cô khả năng tăng thêm thanh nhiệt giải độc.

NGÂN KIỀU THẠCH HỘC THANG

« Bài thuốc kinh nghiệm của bệnh viện Thu Quang - Thượng Hải »

Thành phần:

- | | | | | | |
|--------------|-----------|--------------|-----------|-------------|----------|
| 1. Ngân hoa | 12-20 gam | 4. Đan bì | 8-12 gam | 7. Thục địa | 26 gam |
| 2. Thạch hộc | 12-20 gam | 5. Phục linh | 16-24 gam | 8. Sơn dược | 12 gam |
| 3. Thù du | 8-12 gam | 6. Liên kiều | 12-20 gam | 9. Trạch tả | 8-16 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Dưỡng âm tư thận, thanh nhiệt giải độc.

Chữa chứng bệnh: Cảm nhiễm mạn tính ở đường tiết niệu thận âm suy tổn.

Giải bài thuốc: Trong thực tiễn điều trị, phát hiện phần lớn bệnh nhân mắc chứng cảm nhiễm mạn tính ở đường tiết niệu đều bị thận hư (đặc biệt là thận âm hư) mà bồi dưỡng đường tiết niệu phần nhiều là dương tính. Vì vậy, dùng *Lục vị địa hoàng hoàn* để dưỡng âm tư thận, dùng Ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc, gia thêm Thạch hộc vì loại bệnh nhân này phần lớn miệng khô môi táo để tăng thêm dưỡng âm sinh tân. Sau một thời kỳ dùng bài thuốc này, bệnh trạng chuyển tốt rõ rệt.

Cách gia giảm: Sốt cơn sau trưa, mặt đỏ thừng hỏa, tiểu tiện nóng có thể gia thêm Hoàng bá, Tri mẫu để tư âm giáng hỏa, thanh lợi thấp nhiệt ở hạ tiêu, túi thận tích thủy, mặt phù, tiểu tiện không lợi có thể thêm Ngưu tất, Xa tiền, rêu lưỡi dày nhờn, dạ dày không tiêu nên bỏ Thục địa, gia thêm Thương, Bạch truật, Hậu phác, Lục thần khúc; sắc mặt hoảng hốt, tinh thần mệt mỏi, sợ lạnh, lưỡi nhạt có thể thêm tiêu mao, Tiên linh tỳ, Hồ lô ba để ôn thận; đi đại vất, đại gấp, đại bị đau có thể dùng Sinh địa, Mộc thông hoặc hợp chung với bài *Bát chính tán* để lợi thủy thông đại; sau khi việc bồi dưỡng đường tiết niệu chuyển sang âm, có thể dùng *Tri tá bát vị hoàn*, *Lục vị địa hoàng hoàn*, *Kiên tỳ hòa vị hoàn* (Tên cũ là: *Hương sa lục quân tử hoàn*) để kiện tỳ hòa vị, bổ thận tăng thêm sức khỏe.

ĐƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG

« Lang thất bí tàng »

Thành phần:

1. Đương quy	12 gam	4. Sinh địa	16-20 gam
2. Hoàng liên	4-8 gam	5. Hoàng cầm	8-16 gam
3. Hoàng bá	8-16 gam	6. Hoàng kỳ	12-20 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tả hỏa tư âm, bổ khí huyết. Ngừng ra mồ hôi trộm.

Chữa chứng bệnh: Âm hư hỏa vượng, đổ mồ hôi trộm miệng khô tâm phiền, lưỡi tia đỏ, mạch hư sắc.

Giải bài thuốc: Bài này dùng “Tam hoàng” tả hỏa, “Nhị địa” tư âm, Hoàng kỳ, Đương quy bổ khí huyết, cùng phối hợp chữa, có tác dụng tư âm thanh hỏa, cố biểu chỉ hàn nên chữa bệnh do khí huyết hư nhược mà âm hư hỏa vượng hay ra mồ hôi trộm. Người tỳ vị hư nhược không nên dùng bài thuốc này.

KẾT LUẬN

1. Trong các bài thuốc lấy Thạch cao, Tri mẫu làm vị thuốc chủ ngoài việc dùng *Thạch cao tri mẫu thang* để đại thanh khí nhiệt, ghép thêm các vị Nhân sâm, Thương truật, Quế chi để thanh nhiệt ích khí, thanh nhiệt táo thấp, thanh nhiệt hòa dinh thông lạc ra, còn dùng thêm 3 bài *Trúc điệp thạch cao thang*, *Thạch cao địa hoàng tiễn* và *Thanh ôn bại độc ẩm* để nói rõ cách biến hóa gia giảm của nó. Thạch cao ghép với Nhân sâm, Mạch môn đông, Bán hạ thì thành bài thuốc ích khí âm, thanh dư nhiệt mà hòa vị giáng nghịch; Thạch cao, Tri mẫu ghép với Thục địa, Ngưu tất thì thành bài thuốc tráng thận thủy, tả vị hỏa; *Thạch cao tri mẫu thang* ghép với *Tê giác địa hoàng thang*, *Hoàng liên giải độc thang* thì thành lễ thuốc lớn tả hỏa giải độc.

Trong bài thuốc Hoàng liên, Hoàng cầm là vị thuốc chủ, chọn thêm *Tả tâm thang* và *Hoàng liên giải độc thang* để nói rõ những thang thuốc tả hỏa giải độc đều dùng nhiều vị thuốc khổ hàn tiết nhiệt táo thấp. Đồng thời còn đưa vào bài *Cát căn hoàng liên thang* 3 bài *Phổ tế tiêu độc ẩm*, *Thanh ôn bại độc ẩm*, *Đương quy lục hoàng thang* là muốn nói rõ có thể ghép các vị thuốc tả hỏa giải độc cùng với các vị thuốc phát biểu thăng tán, lương huyết thanh khí, bổ âm dưỡng huyết.

Trong các bài thuốc lấy Tê giác, Địa hoàng làm vị thuốc chủ yếu, có thể chọn thêm các bài *Thanh dinh thang*, *Tê giác địa hoàng thang* là muốn nói rõ các vị thuốc thanh dinh, lương huyết giải độc có thể ghép với nhau.

Trong các bài thuốc thuộc loại thanh thấp nhiệt, ngoài việc dùng các bài *Thanh âm thang*, *Hoàng liên giải độc thang* để tả hỏa giải độc có tác dụng trừ thanh thấp nhiệt ra còn chọn thêm các bài *Bạch đầu ông thang*, *Nhân trần cao thang*, *Cam lộ tiêu độc đan* và *Liên phác ẩm*. *Bạch đầu ông thang* chữa bệnh nhiệt lý là chính, để nói rõ thanh thấp nhiệt có thể dùng chung với tả và hạ; *Cam lộ tiêu độc đan* dùng chữa thấp nhiệt còn ẩn náu để nói rõ cách thanh nhiệt giải thấp có thể ghép các vị thuốc thơm tho tuyên hóa, điều sướng khí cơ với các vị thuốc lợi thấp đạm thẩm. *Liên phác ẩm* thanh nhiệt táo thấp thuộc loại bài thuốc tân khai khổ giáng.

Trong các bài thanh nhiệt trong tạng phủ, chương này chú trọng lý giải hai bài *Long đờm tả can thang* và *Thanh phế thang* (Tên cũ là: *Tả bạch tán*). Còn các bài *Tả tâm thang*, *Đạo nhiệt tán*, *Thanh vị tán*, *Tả tỳ tán* trước đây được coi là những bài thuốc tiêu biểu tả nhiệt trong tạng phủ, nhưng chúng tôi cho rằng nên quy *Tả tâm thang* vào loại tả hỏa giải độc, *Đạo nhiệt tán* nên quy vào loại hóa thấp lợi thủy thì thỏa đáng hơn; có bài thực tế ứng dụng chưa nhiều nên chưa quy vào loại nào.

Trong các bài thuốc thanh hư nhiệt, ở chương này chúng tôi đã chọn 2 bài *Thanh cốt tán* và *Thạch cao miết giáp thang* để muốn nói rõ rằng Thạch cao, Miết giáp ghép vào với nhau là phương pháp cơ bản để thanh hư nhiệt, đồng thời nói thêm là bài trước gia thêm Tần quỳ, Ngân sai hồ nhằm chữa thanh nhiệt, bài sau gia thêm Địa hoàng, Tri mẫu để nhằm tư âm. Ngoài ra còn nên thêm bài *Dưỡng âm thanh phế thang*, *Ngân kiều thạch học thang* nói rõ phương pháp ghép các vị thuốc tăng dịch tư âm và thanh nhiệt giải độc.

2. Tác dụng chủ yếu của các bài thanh nhiệt thường dùng chữa chứng bệnh tả nhiệt bốc mạnh, nhưng do tả nhiệt bốc mạnh thường làm tổn thương âm dịch cho nên khi sử dụng cụ thể cần phân biệt rõ mức độ âm dịch tổn thương với tình hình tả, chính hư thực thế nào. Nếu tả nhiệt bốc nạnh có gây tổn thương âm dịch nhưng không phải là mâu thuẫn chính thì cách chữa vẫn lấy tả hỏa thanh nhiệt giải độc làm chính. Nếu âm dịch tổn thương đã trở thành mâu thuẫn chủ yếu mà thấy lưỡi đỏ bóng ít rêu thì cách chữa nên lấy tư âm lương huyết là chính, kiêm thêm thanh nhiệt tả hỏa. Đồng thời khi dùng các vị thuốc dưỡng âm sinh tân, cần phải nắm vững đặc tính từng vị thuốc. Ví dụ thấy rêu lưỡi giải mà can táo thì dùng Lô hội, Thiên hoa phấn để dưỡng vị sinh tân. Nếu thấy lưỡi có tia mà khô, rêu ít thì dùng Sinh địa tươi, Thạch học tươi là những vị thuốc cam hàn để dưỡng âm tăng dịch; nếu thấy rêu lưỡi trơn bóng, lưỡi có tia mà khô nứt nẻ thì nên dùng Miết giáp, Quy bản là những vị thuốc hàm hàn để tư âm. Dùng thuốc dưỡng âm sớm quá hoặc không thỏa đáng thường không khử được tả ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị.

3. Những năm gần đây, trong khi chữa các bệnh khuẩn trùng bên ngoài thân thể và thực tế điều trị. Nhận thấy phần lớn các bài và các vị thuốc thanh nhiệt giải độc đều có tác dụng chống khuẩn trùng rất rõ nhất là trong dân gian càng thấy nhiều thảo dược như Xa tiền thảo, Phong vĩ thảo, Áp thác thảo, Lộc diễm thảo, Đan sâm, Bạch mao, Hạ khô thảo v.v... đều có tác dụng chống khuẩn trùng rất mạnh, có thể đã chế thành thuốc tiêm, như thế trong điều trị phạm vi ứng dụng thuốc thanh nhiệt càng rộng rãi.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. NHỊ DIỆU HOÀN

Vị thuốc: Hoàng bá, Thương truật nghiền nhỏ, đúc thành viên.

Cách dùng: Mỗi lần dùng 8-12 gam, uống với nước chín hoặc sắc nước uống ngày 1-2 lần.

Công dụng: Thanh nhiệt táo thấp.

Chữa chứng bệnh: Thấp nhiệt đi xuống gây ra một số bệnh như cước khí, khớp xương lung, đầu gối viêm đau, thấp lở, bị đới hạ, tiểu tiện đục...

Bài này gia Ngưu tất thành *Tam diệp hoàn* có tác dụng thông lợi kinh lạc, chữa thấp nhiệt ở hạ tiêu càng mạnh.

2. CẢM MẠO THẤP NHIỆT XUNG TỄ

Vị thuốc: Đại thanh diệp, Bán lam căn, Liên kiều, Thảo hà xa (Quyền sâm) chế thành.

Cách dùng: Mỗi lần 1-2 túi dùng với nước sôi, ngày dùng 3-4 lần.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc.

Chữa chứng bệnh: Lưu cảm, viêm họng hạt và các bộ phận khác bị cảm nhiễm mà phát sốt.

3. HƯƠNG LIÊN HOÀN

Vị thuốc:

Hoàng liên (cùng sao với Ngô thù xong lấy Ngô thù ra).

Quảng Mộc hương, nghiền nhỏ hòa nước viên lại.

Cách dùng: Mỗi lần dùng 4-12 gam, uống với nước sôi, ngày 2-3 lần.

Công dụng: Thanh thấp nhiệt, chữa bệnh lỵ.

Chữa chứng bệnh: Kiết lỵ, đại tiện ra máu nhờn, bụng đau, cấp lý hậu trọng (rặn mót).

4. THƯỢNG HẢI XÀ DƯỢC

1. Phiến tễ

Vị thuốc: (bỏ)

Cách dùng: Lần đầu dùng 10 viên, sau đó cách 4 giờ uống 5 viên. Sau khi bệnh giảm ngày dùng 3-4 lần mỗi lần 5 viên, uống liên 3-5 ngày. Với bệnh nguy nặng có thể tăng thêm liều lượng.

Công dụng: Giải độc rắn, tiêu viêm, trợ tim, lợi tiểu, chỉ huyết, chống rong huyết.

Chữa chứng bệnh: Bị rắn cắn, 5 loại rắn độc cũng có thể chữa được.

2. Xung tễ

Vị thuốc: (bỏ)

Cách dùng: Loại này phải dùng cả thuốc tễ, thuốc phiến phối hợp sử dụng, mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 1 gói, lần đầu dùng gấp đôi. Người hay bị nôn có thể dùng liều ít nhiều lần mỗi đợt 3-5 ngày.

Công dụng: Như thuốc phiến của Thượng Hải xà dược.

Chữa chứng bệnh: Như Thượng Hải xà dược.

3. Thuốc tiêm Số 1

Cách dùng: Thuốc này phải cùng dùng chung với Thượng Hải xà dược (thuốc tiêm số 2); nếu dùng cùng với Thượng Hải xà dược (xung tễ) hiệu quả càng tốt; ngày thứ nhất cách 4 giờ tiêm 1 lần, mỗi lần 1 ống, về sau mỗi ngày tiêm 3 lần, mỗi lần 1 ống tiêm vào bắp; lúc cần thiết có thể thêm 5-10% nước glucose (lọ 500 cc), tiêm tĩnh mạch; hoặc 20-50% glucose sau khi chảy được 20 cc thì cho chảy từ từ vào tĩnh mạch, mỗi đợt 3-5 ngày.

Công dụng: Như Thượng Hải xà dược (phiến tễ).

Chữa chứng bệnh: Như Thượng Hải xà dược (phiến tễ).

4. Thuốc tiêm Số 2

Vị thuốc: (bỏ).

Cách dùng: Thuốc này phải sử dụng với Thượng Hải xà dược (thuốc tiêm số 1) nếu phối hợp dùng với Thượng Hải xà dược (xung tễ) càng tốt, cách dùng và lượng thuốc giống Thượng Hải xà dược (thuốc tiêm số 1).

Công dụng: Như Thượng Hải xà dược (phiến tễ).

Chữa chứng bệnh: Như Thượng Hải xà dược (phiến tễ).

5. Ngân hoàng phiến, thuốc tiêm Ngân hoàng

Vị thuốc: Kim ngân hoa, Hoàng cầm

Cách dùng: Loại phiên tễ mỗi lần 2 viên, ngày uống 3-4 lần, thuốc tiêm mỗi lần 2 cg, ngày 1-2 lần, tiêm bắp.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc.

Chữa chứng bệnh: Đường hô hấp cảm nhiễm, viêm họng hạt, viêm họng cấp tính, u nhọt mưng mủ.

Chương 4

THUỐC TẢ HẠ

Ý nghĩa và tác dụng của thuốc tả hạ về mặt lý luận và thực tiễn điều trị, không dừng ở chỗ thông tiện, khái quát lại có 6 điểm như sau:

1. Dùng chữa chứng dương sinh phủ thực. Mục đích của nó là điều hoàn kết nhiệt ở vị tràng, tẩy xổ phân táo bón tích ở trong ruột. Biểu hiện lâm sàng điển hình là bốn chứng “bĩ, mãn, táo, thực”, quy tụ lại là đại thừa khí chứng mà bài *Điều khí thang* là phương thuốc tiêu biểu.
2. Dùng chữa nhiệt độc. Mục đích của nó là tả hỏa, thanh nhiệt giải độc. Bệnh chứng điển hình, thường thấy xuất hiện trong bệnh ngoại cảm nhiệt như sốt cao, buồn bực, mơ màng, nói lâm nhảm hoặc chân tay co rút, hôn mê, rêu lưỡi vàng. Bài *Tả tâm thang* (nói ở chương 3) là phương thuốc tiêu biểu.
3. Dùng chữa âm hàn tích trọc. Âm hàn tích trọc là nói do âm hàn tích trệ gây nên đau bụng, bí đại tiện, *Tam vật bị cấp hoàn* là phương thuốc tiêu biểu. Hoặc do dương khí suy vi, không thể hóa trọc gây nên hàn trọc nội trở như điều trị chứng viêm thận niệu độc mạn tính. *Đại hoàng phụ tử thang*, *Ôn tỳ thang* là phương thuốc tiêu biểu.
4. Dùng chữa chứng hỏa khí bốc uất lên trên. Hỏa khí bốc uất lên trên, phần nhiều do phong nhiệt thịnh lên trên hoặc do phế vị uất hòa hoặc do can hỏa thượng nghịch dẫn đến đau đầu kịch liệt, mặt hồng mắt đỏ, chân răng sưng nhức, xuất huyết, miệng lưỡi lở nứt, *Phòng phong thông kinh tán* (thường dùng chữa phong nhiệt bốc lên), *Luong cách tán* (thường dùng chữa phế vị uất nhiệt), *Đương quy long hội hoàng* (thường dùng chữa can hỏa thuận nghịch) đều là những phương thuốc tiêu biểu.
5. Dùng chữa thủy âm nội đình, đờm, dải ủng tắc mà gây nên thủy trũng, bụng đầy, ho. Mục đích của nó là công trục thủy âm, hạ đờm găng nghịch. *Thập táo hoàn*, *Khống điên đan* là những bài thuốc tiêu biểu.
6. Dùng chữa đơn thuần bí đại tiện (kể cả bí đại tiện theo thói quen), mục đích là nhuận trường thông tiện. Phương thuốc tiêu biểu là *Ngũ nhân hoàn*.

Sáu điều nói trên chỉ là nhìn từ góc độ lâm sàng để nói rõ tác dụng và phạm vi thích ứng của nó. Nếu như phân tích từ vị thuốc hợp thành bài thuốc tả hạ, thì các bài thuốc từ điều 1 đến điều 4 phần lớn dùng Đại hoàng làm thuốc chủ, lúc công trục viêm táo thường dùng cùng Mang tiêu, tác dụng tả hạ tương đối mạnh.

Những bài thuốc này sở dĩ dùng Đại hoàng làm thuốc chủ không chỉ Đại hoàng kích thích được các cơ ở ruột, gây nên co bóp, tiết ra chất nhờn dẫn đến tả hạ thông đại tiện mà còn quan trọng hơn là Đại hoàng còn có chức năng tả hỏa, thanh nhiệt, tiết dung giải độc và hoạt huyết khứ ứ. Theo kết quả nghiên cứu thực nghiệm hiện đại, Đại hoàng ngoài tác dụng tả hạ ra còn có tác dụng ức chế vi khuẩn, lợi đờm, xúc tiến huyết dịch tuần hoàn ở ruột và bổ sung huyết.

Các phương thuốc tả hạ lấy Đại hoàng làm thuốc chủ, tuy gia giảm các vị khác nhau để hành khí phá khí, thanh nhiệt giải độc, dưỡng âm tăng dịch, phát tán ngoại tà, ôn dương tán hàn hoặc phù chính ích khí nhưng tác dụng chủ yếu vẫn là do bản thân Đại hoàng.

Phương thuốc ở điểm thứ 5, thường dùng Cam toại, Nguyên hoa, Đại kích làm vị chủ vì nó có thể làm thành ruột tiết ra dịch thủy mà gây ra tả hạ mạnh nên gọi là trục thủy tể. Phương thuốc này thường dùng trị chứng thủy trũng, phúc thủy. Nhưng phải nêu rõ, trục thủy tả hạ chỉ là cách chữa tạm thời, là biện pháp khẩn cấp thì chữa kịp thời, khi chẩn đoán lâm sàng cần nắm vững thời cơ sử dụng.

Vị thuốc tả hạ ở điểm thứ 6 thường dùng loại quả và nhân có nhiều chất dầu để nhuận tràng thông tiện, tác dụng tương đối đơn thuần. Phương thuốc tả hạ ở điểm 5, điểm 6 lúc cần thiết cũng có thể dùng Đại hoàng.

Thuốc tả hạ là một phương pháp công tà. Lúc điều trị cần phân biệt rõ bệnh nhân chính khí mạnh yếu, tả khí thịnh suy và tương quan lực lượng giữa hai bên chính tà mà chọn phương thức tả hạ cho chính xác mới đạt được mục đích mong muốn. Đản bà có thai kỵ dùng thuốc tả hạ mạnh.

ĐẠI THỪA KHÍ THANG

(Phụ: *Phúc phương đại thừa khí thang*)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Đại hoàng 8-16 gam
2. Mang tiêu (hiện nay dùng chất của nó đã tinh chế là Huyền minh phần) 12-20 gam
3. Hậu phác 8-16 gam
4. Chi thực 8-16 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước uống. Cho Hậu phác và Chi thực đun sôi 3-5 lần, lọc bỏ bã rồi cho Mang tiêu hoặc Huyền minh phần, trộn vào là dùng được. Uống nước đều, 2-3 giờ sau vẫn chưa thấy tả hạ lại uống nước thứ 2, nếu đã thông đại tiện thì không uống tiếp nữa.

Công dụng: Điều hòa thực nhiệt ở vị tràng, công hạ phân tích tụ ở tràng, tiêu bã trừ mẫn và tả hỏa giải độc, tiết nhiệt lợi đờm.

Chữa chứng bệnh: Trong sách “Thương hàn luận” và “Kim quy yếu lược ngày xưa ghi chép phạm vi thích ứng của bài thuốc này là:

1. Chứng dương minh phủ thực: sốt con, nói lảm nhảm, cuồng tháo, bụng đầy căng ấn vào thấy cứng chắc, không đánh rấm được, tay chân lấm tẩm mồ hôi, rêu lưỡi nám vàng hoặc nám đen, mép lưỡi nổi gai hoặc rêu lưỡi tảo nứt nẻ, mạch có lực nhưng trầm hoạt.
2. Nhiệt kết bàng lưu: Tức là bệnh chứng biểu hiện sốt cao, buồn bực, tâm thần mê mẫn, bụng đầy căng đau tức, hạ lợi ứ trọc không thoải mái, rêu lưỡi nám vàng, mạch hoạt sắc, cũng là chứng dương minh phủ thực nhưng có hiện tượng giả về hạ lợi.
3. Thuốc chứng dương minh phủ thực dẫn đến hôn quyết, kinh quyết như sốt cao, hôn mê, tay chân co rút, cầm khâu răng nghiến, ngực bụng chướng đầy, đại tiện bí, thậm chí bị uốn ván.

Hiện nay, khi điều trị những người tràng bị trở tắc, viêm túi mật cấp tính, viêm ruột thừa cấp tính, tinh thần phân liệt mà bí đại tiện và trong quá trình chữa bệnh nhiệt tính mà thấy sốt cao, hôn mê, kinh phong, nói lảm nhảm thuốc chứng dương minh phủ thực, thường lấy phương thuốc này làm cơ sở, gia giảm thêm vị mà dùng.

Giải bài thuốc: Bài thuốc này gồm hai bộ phận là tả hạ và hành khí. Đại hoàng khổ hàn nhằm tiết nhiệt, tả hỏa, giải độc; Mang tiêu hàn nhằm nhuận táo, phá kết, nhuận kiên là bộ phận có tác dụng chủ yếu là tả hạ của bài thuốc này, điều hòa nhiệt kết ở tràng vị công hạ phân tích kết ở đại tràng. Hậu phác khổ hàn có tác dụng khoan trung hành khí, chi thực khổ hàn có tác dụng phá khí tiêu tích đạo trệ là bộ phận hành khí của bài thuốc này để tiêu bã trừ mẫn. Phối hợp giữa hành khí và tả hạ với nhau có tác dụng hiệp đồng, khiến cho tác dụng tả hạ tăng thêm.

Người xưa đối với tác dụng của bài thuốc này, quy nạp thành 4 chứng “bí, mẫn, táo, thực” - “Bí” là nói ở bụng dưới có cục cứng (tự cảm thấy hoặc sờ nắn thấy) hoặc do đó mà sinh ra bị chèn ép, cứng tắc và đau bụng, “Mẫn” là nói bụng dưới đầy chướng, “Táo” là nói táo ở ruột, tức là trong ruột có phân cục cứng nên đại tiện bí kết, rêu lưỡi khô táo, “Thực” là nói phủ thực, tức là có thực tà, trong ruột có thức ăn và phân tích lại. Phương thuốc này dùng 4 vị Chi thực, Hậu phác, Mang tiêu, Đại hoàng là nhằm vào bốn chứng “bí, mẫn, táo, thực”. Cho nên lúc vận dụng thực tế điều trị gia giảm vị thuốc nào, liều lượng bao nhiêu là căn cứ “bí, mẫn, táo, thực” nặng nhẹ mà linh hoạt sử dụng.

Căn cứ tư liệu nghiên cứu gần đây, tác dụng tả của Đại hoàng chủ yếu là trong vị thuốc có chất... nhờn kích thích làm cho cơ ruột co bóp, tiết ra chất nhờn mà tạo nên tác dụng tả hạ thông đại tiện. Thực nghiệm lại chứng minh, Đại hoàng đem sắc quá lâu, chất nhờn bị phí ra thì tác dụng tả hạ sẽ kém đi, ngoài ra Đại hoàng còn có chất chua tiết ra nên lại có tác dụng thu liễm. Vì vậy, khi nói về cách dùng Đại hoàng người xưa nói: “Đại hoàng sống khí nhuê mà đi trước, Đại hoàng chín khí đồn, mà hòa hoãn” là rất có lý vậy. Bài thuốc này dùng Đại hoàng sống uống sau là đạt được tác dụng tả hạ, bài *Tiểu thừa khí thang* dùng Đại hoàng sống cùng sắc lên thì đạt được tác dụng hoãn tả hạ. Ngoài ra bài thuốc này dùng Đại hoàng là thuốc chủ không chỉ đạt tác dụng tả hạ mà còn tác dụng tiết nhiệt, tả hỏa, giải độc. Những năm gần đây trong thể nghiệm ngăn chặn vi khuẩn ở ngoài da cũng phát hiện thấy Đại hoàng có tác dụng rõ rệt ngăn chặn các loại Bào cầu khuẩn bị tạt can khuẩn lục nồng can khuẩn, phế viêm song cầu khuẩn. Mang tiêu vì nó có chất chua nên có tác dụng gây tả. Còn như Hậu phác, chi thực có tác dụng hành khí khoan trung nên có thể làm cho đường tiêu hóa ở vị tràng tăng thêm co giãn

mà trong quá trình thực nghiệm mới phát hiện ra. Điều cần đặc biệt chú ý là, các bài thuốc trong những năm gần đây chữa các chứng bệnh bí tiện ở ruột, viêm cấp tính túi mật, viêm cấp đại tính ở đường tiết niệu, viêm cấp tính ở ruột thừa đều từ bài thuốc trên phát triển ra. Lý luận cơ bản và y học “lục phủ dĩ thông vi dụng” “bất thông tắc thông” “thông tùy lợi giảm” lại một lần nữa chứng minh trong thực tế. Thông qua nghiên cứu các phương thuốc phức hợp của bài thuốc này, có thể sơ bộ chứng minh bài thuốc có tác dụng tăng thêm sự co giãn đường tiêu hóa, tăng thêm dung tích đường tiêu hóa, cải thiện sự tuần hoàn huyết dịch ở đường tiêu hóa, hạ thấp sự thông thấu của các mạch máu nhỏ li ti, làm cho túi mật co bóp, mở rộng miệng ống mật, làm nước mật tiết ra nhiều, làm cho nguyên lý “hạ pháp” của y học có thêm luận cứ mới.

Cách gia giảm: Bài này là phương thuốc cơ bản về tả hạ. Thuốc thông hạ lấy Đại hoàng làm vị thuốc chủ thực chất đều từ bài thuốc này mà biến hóa đi. Các bài *Lương cách tán*, *Tăng dịch thừa khí thang*, *Hoàng long thang*, *Phòng phong thông kinh tán* đều căn cứ bệnh tình cụ thể mà gia giảm từ bài thuốc này. Ngày nay bài thuốc chữa chứng đau bụng cấp tính đều từ bài thuốc này phát triển lên. Việc tạo thành các bài thuốc, cách gia giảm, xem kỹ ở cách giải các bài, ở đây chủ yếu so sánh hai bài *Tiểu thừa khí thang* và *Điều vị thừa khí thang* để nói rõ cách gia giảm của bài thuốc mà thôi. *Tiểu thừa khí thang* do 3 vị Đại hoàng, Hậu phác, Chỉ thực hợp thành, so với bài thuốc này thiếu vị Mang tiêu, Đại hoàng cùng sắc chung với các vị khác mà không cho vào sau. Bài này, liều lượng Hậu phác, Chỉ thực so với bài *Đại thừa khí thang* giảm 3/4 và 2/5 nên tác dụng chủ yếu của nó là thanh nhiệt tả hỏa, khoan trung hành khí, khác với bài *Đại thừa khí thang* là công trực phân táo bón, điều hòa tràng vị kết nhiệt. Cho nên trong “Thương hàn luận” nói *Tiểu thừa khí thang* thích hợp chữa bệnh gì, chỉ nhấn mạnh “tiện cương” (tức là giải khỏi phân cứng trong đại tiện) có khác với *Đại thừa khí thang* giải bí đái tiện, bế khí.

Bởi vì triệu chứng “táo kết” ở trong ruột nhẹ hơn so với chứng bệnh của *Đại thừa khí thang* nên không cần dùng Mang tiêu hàm hàn đến nhuận hạ, làm mềm nhuyễn phân cục, Đại hoàng cũng không phải cho vào sau khi đun sắc thuốc để giảm nhẹ tác dụng tả hạ, đồng thời liều lượng Hậu phác, Chỉ thực cũng giảm đi tương ứng.

Bài *Điều vị thừa khí thang* gồm 3 vị Đại hoàng, Mang tiêu, Cam thảo hợp thành, chủ yếu nhằm chữa 2 loại bệnh táo, thực, đặc trưng là đại tiện bí, bụng đầy ác nhiệt, miệng khát. Tuy cùng dùng Đại hoàng với Mang tiêu nhưng không dùng Hậu phác, Chỉ thực, gia thêm Cam thảo để hòa với vị hoãn trung, tác dụng tả hạ tuy mạnh mà không tổn thương chính khí. Gọi là điều vị thừa khí tức là trong công hạ có cả hòa trung. Ba phương thuốc *Đại thừa khí thang*, *Tiểu thừa khí thang*, *Điều vị thừa khí thang* đều là phương thuốc chủ yếu chữa dương minh phủ thực nhưng do bệnh tình cụ thể khác nhau tức là 4 loại bệnh “bí, mãn, táo, thực” nặng nhẹ khác nhau mà có phân biệt khác nhau. *Tiểu thừa khí thang* chữa bí, mãn là chính, *Điều vị thừa khí thang* chữa táo, thực là chính, *Đại thừa khí thang* chữa đủ 4 bệnh bí, mãn, táo, thực, cho nên lúc lập phương thuốc có sự biến hóa gia giảm nói trên.

Phương thuốc phụ:

Phúc phương đại thừa khí thang: (Bài thuốc kinh nghiệm của bệnh viện Nam Khai - Thiên Tân)

- | | | | |
|--------------|------------------------|-----------------------|--------|
| 1. Đại hoàng | 20 gam (cho vào sau) | 5. Đào nhân | 12 gam |
| 2. Mang tiêu | 12-20 gam (uống thẳng) | 6. Xích thực | 5 gam |
| 3. Hậu phác | 40 gam | 7. Thái phục tử (sao) | 40 gam |
| 4. Chỉ xác | 12 gam | | |

Dùng chữa bệnh đường ruột táo bón, đầy hơi.

LƯƠNG CÁCH TÁN

« Hòa lợi cục phương »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|--------|----------------|--------|
| 1. Đại hoàng | 20 gam | 5. Mang tiêu | 20 gam |
| 2. Cam thảo | 20 gam | 6. Chi tử | 10 gam |
| 3. Hoàng cầm | 10 gam | 7. Bạc Hà diệp | 10 gam |
| 4. Liên kiều | 40 gam | | |

Cách dùng: Liều lượng nói trên là tỷ lệ liều lượng của nguyên phương dược chế theo thuốc tán. Hiện nay trong khi chữa bệnh thường dùng thuốc chế sẵn ở các hiệu thuốc, mỗi lần dùng 12-24 gam, bọc lại đun sắc lên ngày uống 1-2 lần hoặc gia thêm 1 gam lá tre cùng ít mật ong đun sắc lên, trẻ con dùng liều lượng ít hơn. Cũng có thể dùng liều lượng thích hợp chuyển thành thuốc thang, ngày dùng một thang chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, tả hỏa thông tiện.

Chữa chứng bệnh: Nhiệt ngoại cảm nhiệt thịnh ở phế vị biểu hiện sốt cao, mặt đỏ, đầu đau, cổ họng sưng đau, miệng lưỡi nứt nẻ, răng đau, mũi chảy máu, hồng cách phiên nhiệt, đại tiện bí kết, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sắc.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc tiêu biểu chữa uất nhiệt ở Thượng tiêu, trung tiêu táo thực. Bài thuốc dùng Liên kiều, Chi tử, Hoàng cầm có tính khô hàn để tiết nhiệt ghép chung với Đại hoàng, Mang tiêu để tả thực công hạ, khu tả nhiệt theo đường đại tiện mà ra, trừ táo thực ở trung tiêu, dùng Bạc hà có tính tân lương để xua tan uất nhiệt ở Thượng tiêu. Vì vậy, bài này tuy dùng Đại hoàng, Mang tiêu có tác dụng tả hạ thông tiện thuộc phạm vi ở phương pháp tả hạ, nhưng phân tích cách ghép vị thuốc và tỷ lệ liều lượng thì mục đích chủ yếu của bài thuốc này là thanh nhiệt tả hỏa. Còn việc tả hạ thông tiện chỉ là để tiết hết tả ra ngoài nên lấy tên là *Lương cách tán*.

Cách gia giảm: Bài này thường dùng thuốc chế sẵn bọc lại mà đun sắc. Hiện nay lúc chữa bệnh viêm túi mật cấp tính, sỏi mật thường lấy bài này làm cơ sở để gia giảm. Lúc thấy hoàng đản thì gia Nhân trần, Uất kim. Ngực hồng đau chướng gia Sài hồ, Xuyên luyện tử, Diêu hồ sách, lúc bị sỏi mật thì gia Kim tiền thảo, Hồ trượng, Chi thực (xác). Ngoài ra bị viêm não, viêm màng não cấp tính thấy đại tiện bí, buồn bực, cũng có thể từ bài thuốc này làm cơ sở gia Đại thanh diệp, Bản lam căn, Bồ công anh để thanh nhiệt, tả hỏa, giải độc.

PHÒNG PHONG THÔNG KINH TÁN

« Tuyên minh luận »

Thành phần:

1. Phòng phong 40 gam	6. Xuyên khung 40 gam	11. Đại hoàng 40 gam
2. Kinh giới 40 gam	7. Đương quy 40 gam	12. Mang tiêu 40 gam
3. Liên kiều 40 gam	8. Thược dược 40 gam	13. Cam thảo 80 gam
4. Ma hoàng 40 gam	9. Bạch truật 40 gam	14. Hoạt thạch 120 gam
5. Bạc hà 40 gam	10. Chi tử 40 gam	

Cách dùng: Liều lượng nói trên là liều lượng chế thành thuốc tán của nguyên bài thuốc, mỗi lần dùng 12-20 gam, bọc vải đun sắc uống. Hoặc dùng thuốc hoàn mỗi lần chừng 12 gam, cũng có thể chuyển thành thuốc thang đun sắc uống.

Công dụng: Tán phong giải biểu, thanh nhiệt tả hỏa, thông đại tiện.

Chữa chứng bệnh: Bài này thường dùng chữa chứng thực nhiệt, biểu lý đều thực, phong hòa thịnh như rét nhiều sốt dữ, buồn bực, đau đầu, bí đại tiện, nước tiểu đỏ, rêu lưỡi dày nhờn hoặc chứa cáu bẩn, mạch hoạt hoặc huyền sắc.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc kép giải cả biểu và lý, Phòng phong, Kinh giới, Ma hoàng, Bạc hà, Kiết cánh giải biểu tuyên phế. Liên kiều, Chi tử, Hoàng cầm, Thạch cao thanh nhiệt. Đại hoàng, Mang tiêu tả hỏa. Hoạt thạch lợi thủy thanh nhiệt, gia thêm Bạch truật, Cam thảo kiện tỳ hòa trung, Đương quy, Thược dược, Xuyên khung hoạt huyết chỉ thống nhằm công tả mà không tổn chính để đạt tới tán phong thanh nhiệt, tả hỏa giải độc, giải biểu thông lý.

Cách gia giảm: Bài này lúc dùng làm thuốc thang có thể căn cứ bệnh tình cụ thể mà linh hoạt gia giảm. Nếu thấy biểu chứng nghiêm trọng, phong hỏa nung uất ở trung, thượng tiêu mà đau đầu như búa bổ, mặt đỏ, mắt đỏ, miệng khát mà hôi thì thêm Khương hoạt, Ngưu bàng là thuốc giải biểu mà không dùng Bạch truật, Đương quy, nếu không bí đại tiện thì dùng Chế đại hoàng không dùng Mang tiêu, rét dữ đau đầu, biểu chứng không rõ rệt thì giảm bớt thuốc giải biểu.

HOÀNG LONG THANG

(Phụ: *Tăng dịch thừa khí thang, Tân gia hoàng long thang*)

« Thương hàn lục thư »

Thành phần:

1. Đại hoàng	8-16 gam	6. Đương quy	8-16 gam
2. Mang tiêu	12-20 gam	7. Kiết cánh	4-8 gam
3. Hậu phác	4-8 gam	8. Cam thảo	4 gam
4. Chi thực	8-16 gam	9. Gừng sống	1 lát
5. Nhân sâm (Đẳng sâm)	8-12 gam		

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc, chia 2 lần uống.

Công dụng: Phù chính công hạ.

Chữa chứng bệnh: Dương minh phủ thực, giải công hạ, bụng đầy cứng, bí đại tiện hoặc đại tiện không lợi, lại phát sốt, buồn bực, miệng khát, nói lảm nhảm. Toàn thân suy nhược, tinh thần mệt mỏi, chính hư tả thực, người già thể lực suy nhược đại tiện trắc trở, đường ruột yếu kém.

Giải bài thuốc: Bài này là *Đại thừa khí thang* gia thêm các vị thuốc ích khí (Nhân sâm), dưỡng huyết (Đương quy) tạo thành. Các vị thương táo trong bài thuốc là để hòa vị điều trung, có:

1. Lợi cho việc phát huy khả năng thăng thanh giáng浊 của vị tràng. Vì vậy cấu thành bài thuốc này có thể cho chia ra làm hai bộ phận là tả hạ công tả và ích khí, dưỡng huyết, hòa vị, là cách vừa công vừa bổ, nhưng trọng điểm phụ là công mà không phải bổ. Phù chính bổ hư chỉ là trợ cho việc trục tả ra ngoài thì thuốc tả hạ mới phát huy được tác dụng.
2. Còn việc khí huyết bị hao thương, chỉ sau khi triệt để giải trừ chứng dương minh phủ thực thì mới khôi phục được. Bài này dùng thuốc bổ hư trong thuốc công hạ là phát triển bài *Tam thừa khí thang*, là nguyên tắc cơ bản xác định cách chữa thực chứng thể hư.

Cách gia giảm: Bài này thích hợp với người mắc chứng dương minh phủ thực hoặc mắc chứng dương minh phủ thực không chạy chữa mà tổn thương khí huyết. Nhưng trong lúc lâm sàng, tình hình cụ thể của những bệnh nhân này thường biểu hiện không giống nhau: Có người lấy khí hư làm chính như mặt mày hoảng hốt, tinh thần mệt mỏi, khí đoản, buồn ngủ, rêu lưỡi dày nhờn, lúc này nên dùng nhiều sâm, truật, lúc nôn mửa nặng, có thể dùng Bán hạ, nước gừng, có người lấy âm dịch khuy hao làm chính như thang hòa, buồn bực, lưỡi đỏ bóng, nôn khan) lúc này có thể gia các vị thuốc tư âm dưỡng dịch như sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, bỏ đi các vị khổ táo như Hậu phác, Chi thực. Bài *Tăng dịch thừa khí thang* trong “Ôn bệnh điều biện” là bài thuốc tiêu biểu về tư âm công hạ. Nếu người bệnh âm và khí đều hư, có thể dùng cả sâm, địa, *Tân gia hoàng long thang* thuộc loại này, khi lâm sàng có thể căn cứ tình hình cụ thể mà chọn bài thuốc.

Phụ phương:

1. Tăng dịch thừa khí thang:

Huyền sâm, Mạch môn, Sinh địa, Đại hoàng, Mang tiêu.

Chữa chứng dương minh phủ thực mà âm hư thương tân.

2. Tân gia Hoàng long thang:

Huyền sâm, Mạch môn, Sinh địa, Đương quy, Hải sâm, Cam thảo, nước gừng, Đại hoàng, Mang tiêu.

Có thể gia giảm ứng dụng chữa chứng dương minh phủ thực, khí và âm đều tổn thương, chính hư tả thực. Vị Hải sâm trong bài, thường bỏ đi không dùng.

TAM VẬT BỊ CẤP HOÀN

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | |
|---------------|--------|
| 1. Ba đậu | 40 gam |
| 2. Đại hoàng | 8 gam |
| 3. Can khương | 80 gam |

Cách dùng: Nghiền bột nhỏ luyên với 40-50% mật làm hoàn như hạt đậu xanh (nguyên bài thuốc thì 3 vị nói trên liều lượng đều bằng nhau, theo thuốc chế sẵn của Thượng Hải). Mỗi lần dùng 5 phân, uống với nước nóng.

Công dụng: Công trực lãnh tích.

Chữa chứng bệnh: Bụng đầy chướng, đại tiện bí không thông, thậm chí miệng cảm khẩu thờ gáp, vô nhiệt, vô hư.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Ba đậu tính tân nhiệt toan hạ, khai thông bế tắc là thuốc chủ, Can khương giúp Ba đậu tính tân nhiệt để trực hàn, Đại hoàng giúp Ba đậu tả hạ để công tích. Ba vị phối hợp dùng, tác dụng tả hạ rất nhanh là bài thuốc tiêu biểu về cách ôn hạ. Chữa bệnh tích thực hàn khí tích kết ở vị tràng, bế tắc không thông, thậm chí đột nhiên bụng đau, vòm bụng đầy chướng nổi lên cao, đại tiện không thông, hơi ứ không chuyển đến nổi mặt xanh, cảm khẩu, bế cảm khẩu, bế quyết. Sau khi uống thuốc thường sôi bụng sau đó đại tiện thông (giữa chừng phản ứng nôn mửa), bệnh trạng giải từ từ, phải chuẩn bị sẵn lúc cần dùng gấp cho nên gọi là *Tam vật bị cấp hoàn*. Hiện nay cũng dùng bài thuốc này chữa đơn thuần về đường tiêu hóa không thông mà cấp tính và hàn tích lâu ngày trở thành lý cho người thể chất thực, cũng thu được hiệu quả nhất định.

ĐẠI HOÀNG PHỤ TỬ THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | |
|--------------|----------|
| 1. Đại hoàng | 8-12 gam |
| 2. Phụ tử | 8-12 gam |
| 3. Tế tân | 3-6 gam |

Cách dùng: Ngày dùng một thang đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn dinh tán hàn chỉ thống, công kí kiên phá tích thông hạ.

Chữa chứng bệnh: Âm hàn tích tụ, vòm bụng đầy chướng nên đau, đại tiện bí, chân tay lạnh, sợ lạnh hoặc phát sốt, rêu trắng, mạch trầm huyền.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc tiêu biểu về cách ôn hạ. Đại hoàng tuy tính chất thuộc khổ hàn như sau khi ghép với Phụ tử tính chất bản ôn đại nhiệt, tác dụng chủ yếu của nó không phải tả nhiệt mà cùng Phụ tử phát huy tác dụng tâu, tiết công hạ để khử trừ âm hàn tích tụ bên trong. Dùng Tế tân là lấy chất cay của nó để ôn kinh phát tán. Trong “Thương hàn luận” khi hàn tà phục ở âm phân, thường thường dùng Tế tân ghép với Phụ tử để tăng thêm tác dụng khu trừ hàn tà. Bài này cũng như bài *Ma hoàng phụ tử tế tân thang* đều cùng dùng Phụ tử, Tế tân. Nhưng bài này cùng ghép với Đại hoàng thì trọng điểm phụ của nó ở thực hàn tích tụ bên trong. Người xưa cho rằng “phi ôn bất năng tán kỳ hàn, phi hạ bất năng trừ kỳ thực, phi tân bất năng phát kỳ uất”. Cho nên dùng 3 vị Phụ tử, Đại hoàng, Tế tân là để thông ôn công hạ, tán hàn chỉ thống thuộc về cách ôn hạ vậy. Bài *Ma hoàng phụ tử tế tân thang* dùng Tế tân ghép với Ma hoàng thì trọng điểm phụ của nó là ôn tán hàn tà theo biểu mà giải, đó thuộc về cách ôn kinh giải biểu.

Cách gia giảm: Bài này vốn chữa hàn tà tích trệ ở bên trong mà có biểu chứng sợ lạnh hoặc phát sốt nên dùng Tế tân lấy thể lợi đạo để uất phát ra, nếu không phát sốt, đầu đau thì bỏ Tế tân, gia thêm Sinh khương hoặc Can khương, nếu đau bụng rất là nguy cấp thích sờ nắn, xoa ấm có thể thêm Quế chi, Bạch thực để hòa Vinh chỉ thống, rêu cấu bản, bụng chướng, đầy ứ tích trệ tương đối nặng có thể gia thêm Chi thực, lục thâm khúc để tiêu tích đạo trệ. Người thể hư hoặc tích trệ nhẹ, thì dùng Chế đại hoàng.

ÔN TỶ THANG

« Thiên kim phương »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|----------|-----------------------------|----------|
| 1. Đại hoàng | 8-16 gam | 4. Phụ tử | 8-12 gam |
| 2. Can khương | 4-8 gam | 5. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 4-12 gam |
| 3. Cam thảo | 4-8 gam | | |

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc, chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn dương kiện tỳ, công hạ hàn tích.

Chữa chứng bệnh: Thực hàn tích trệ, đau bụng bí đại tiện hoặc kiết lỵ lâu ngày mù đỏ trắng, gần đây chữa chứng thận viêm mãn tính cuối kỳ, đại sốn đường nước giải có chất độc thường dùng bài này gia giảm.

Giải bài thuốc: Bài này thực tế là *Tứ nghịch gia Nhân sâm thang* lại gia thêm Đại hoàng. *Tứ nghịch gia Nhân sâm thang* vốn dùng để ôn trung tán hàn, hồi dương cứu nghịch. Bây giờ gia thêm Đại hoàng trở thành bài ôn vận tỳ dương vừa công vừa bổ. Mục đích dùng Đại hoàng là điều hòa tả uế trợ bị tích trệ, dùng chung với các vị thuốc ôn dương để thích ứng với bệnh âm khí hư suy mà dẫn đến âm hàn nội thịnh, bụng đau bí đại tiện, đi lỵ lâu ngày, chất độc ở đường nước giải, chứng bệnh về máu đều thuộc chứng thực hàn. Bài này trong khi ôn dương cứu nghịch công tả, tả thực là để bổ hư tốt hơn, khác với bài *Hoàng long thang*, *Tăng dịch thừa khí thang* ở chỗ trong khi công hạ kết nhiệt ở vị tràng vừa bổ khí huyết, dưỡng âm dịch, bổ hư là để tả thực tốt hơn. Hai cách ghép vị thuốc, mới nhìn tựa hồ đều thuộc vừa công vừa bổ, nhưng xem xét tỷ mỷ thì trọng điểm khác nhau, đó là đặc điểm biện chứng trong khi chữa bệnh cần phải nắm vững.

Cách gia giảm: Người thực hàn bí đại tiện không cần gia giảm. Đi lỵ lâu ngày ra mù đỏ trắng, trong hàn có nhiệt, có thể gia thêm than Ngân hoa, Hoàng cầm, để tăng thêm tác dụng tiết tả khử trợ, nếu thấy đi lỵ hư hàn lâu ngày mà đại tiện không dùng có thể dùng Chế đại hoàng, nặng hơn có thể gia xích thạch chí, ngu dư lương, người đau bụng dữ dội có thể thêm Nhục quế để tăng thêm tác dụng ôn trung chỉ thống, người bị nôn mửa có thể thêm Bán hạ đối Can khương dùng Sinh khương để hòa vị giáng nghịch, nếu thuộc hậu kỳ thận viêm mạn tính, chất bản trệ lưu mà bị gầy mòn, sắc mặt vàng vọt, tinh thần lờ đờ, lưng đau, tức ách có thể thêm tiên mai, tiên linh tỳ là thuốc ôn thận, thêm Xa tiền, Ngu tất là thuốc lợi ôn tỳ. Ngoài bài thuốc này ra còn ba bài thuốc khác gia giảm khác nhau chút ít. Một bài xem ở Lãnh vị môn quyển 15 trong “Thiên kim phương” so với bài này hơn vị Quế tâm không có Cam thảo, một bài xem ở tâm phúc thông môn quyển 13 trong “Thiên kim phương” chủ trị “đau bụng, dưới rốn giao kết, đau ở rốn không thôi” tức là bài này gia Dương quy, Mang tiêu, một bài xem ở “Bản sự phương” tức bài này bỏ Nhân sâm, gia thêm Hậu phác, Quế tâm, Đại hoàng (Nhưng liều lượng ít) chủ trị đau xoắn ở giữa vị tràng, đau bụng tiết tả suốt năm, nghĩ làm việc vô thời hạn”. 4 bài *Ôn tỳ thang* tuy vị thuốc có khác nhau nhưng nguyên tắc ghép vị và cách chữa đều là ôn vận tỳ dương là chính, không khác nhau mấy.

ĐẠI HÀM HÙNG THẮNG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| 1. Đại hoàng | 8-12 gam |
| 2. Mang tiêu | 12-20 gam |
| 3. Cam toại (nghiền nhỏ) | 1-2 gam |

Cách dùng: Đun sắc uống. Sau khi đun nước sôi, cho Đại hoàng vào, lại đun sôi thì cho bột Mang tiêu, Cam toại vào, Chờ nước ấm thì uống. Nói chung uống trước 1/2, chờ 1/2 tiếng đồng hồ sau, chưa thấy đi đại tiện thì uống tiếp, nếu đã đi đại tiện, số thuốc còn lại không dùng nữa.

Công dụng: Tuấn tả trực thủy.

Chữa chứng bệnh: Phạm vi thích ứng của bài thuốc này là chứng “kết hung” giữa thủy và nhiệt kết với nhau, tức là “không đại tiện 5-6 ngày, lưỡi táo mà khát, ngày có cơn sốt nhẹ, từ dưới vùng tim đến bụng trên chướng cứng mà đau không thể đụng vào được”. Hiện nay thường dùng chữa chứng ruột bị tắc cứng nặng, đường ruột tích dịch.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Đại hoàng, Mang tiêu, Cam toại đều là những vị thuốc tả hạ tương đối mạnh nên gọi là phương thuốc tuân tả trực thủy. Trong đó, Đại hoàng, Mang tiêu là nhằm trực phân táo bón kết nhiệt ở trong ruột, Cam toại là tiêu nước bị ngưng kết ở bụng trên, cho nên bài này có thể chữa chứng “kết hung” công hạ từ dưới vùng tim đến bụng trên tích kết đau không sờ vào được, khác với bài *Đại thừa khí thang* điều hòa kết nhiệt ở vị tràng. Chỗ khác nhau không chỉ ở bài thuốc này tác dụng hạ mạnh hơn *Đại thừa khí thang* mà còn ở chỗ bên trong có thủy ẩm, nên thêm Cam toại để trực thủy. Vì vậy người xưa phân biệt giữa *Đại thừa khí thang* và *Đại hãm hung* là: *Đại thừa khí thang* trong ruột có phân táo bón, *Đại hãm hung* dưới vùng tim nước tụ. Nhưng 2 bài nói trên có chỗ giống nhau là đều thuộc thực nhiệt kết ở bên trong, trong ruột có phân táo bón kết nhiệt nên đều dùng Đại hoàng, Mang tiêu. Hiện nay trong điều trị người bệnh bị tắc đường ruột, đường ruột tích dịch nhiều, dùng *Đại thừa khí thang* gia Cam toại hiệu quả tương đối tốt.

Ngoài ra, bài này là phương thuốc tuân tả trực thủy nên khi sử dụng cần theo dõi chặt chẽ, đề phòng bất trắc.

CAM TOẠI THÔNG KẾT THANG

« Bài thuốc kinh nghiệm của bệnh viện Nam Khai - Thiên Tân »

Thành phần:

1. Bột Cam toại	1-2 gam	5. Hậu phác	20-40 gam
2. Đào nhân	12 gam	6. Đại hoàng	12-32 gam
3. Xích thực	20 gam	7. Mộc hương	12 gam
4. Sinh Nguưu tất	12 gam		

Cách dùng: Đun sắc uống, dùng lúc ruột bị tắc phân, tốt nhất rót quá đường vị quản vào trước khi rót nước thuốc vào, nên có một quãng thời gian làm cho vị tràng giảm áp để đường tiêu hóa trên ở trạng thái rỗng, có lợi cho việc phát huy tác dụng công hạ của thuốc, sau khi vị tràng giảm áp lấy nước thuốc đã sắc xong rót vào 1-2 lần (mỗi lần cách nhau 1/2-1 giờ), nhưng bột Cam toại giải hòa vào nước thuốc rót hết trong lần thứ nhất. Rót xong đóng kín vị quản 2-3 giờ, theo dõi chặt chẽ biến chuyển của bệnh tình. Nếu có cảm giác buồn nôn, dùng kim châm vào huyệt tam lý, nội quan, không để nôn thuốc ra. Sau khi uống thuốc 2-3 giờ nghe tiếng sôi bụng hoặc muốn đi tiêu có thể phối hợp phương pháp rửa ruột để dẫn phân bài tiết ra.

Công dụng: Hành khí hoạt huyết, trực thủy công hạ.

Chữa chứng bệnh: Căn cứ kinh nghiệm của bệnh viện Nam khai, bài này dùng chữa bệnh tắc phân ở ruột nghiêm trọng, đường ruột tích dịch nhiều, nơi cụ thể có hai trường hợp sau đây:

1. Ruột mới bị xoắn lòng ruột: Bị tắc ở sao vị tràng, bị tắc tràng, có xu thế bị dính, bệnh mắc lâu ngày, bụng chướng rất căng đều có thể dùng bài thuốc này. Sau khi cho uống thuốc, phải theo dõi chặt chẽ 6-24 giờ: Bệnh không thuyên giảm thì nên đổi dùng phẫu thuật.
2. Bệnh tắc ruột bị dính, bệnh tắc ruột có tính vận động, bệnh tắc ruột do hôi trùng và bệnh tắc ruột do phân táo bón đều có thể dùng bài thuốc này. Nhưng qua 12-32 giờ hoặc sau 3 lần công hạ mà không hiệu nghiệm thì phải xét dùng phẫu thuật.

Giải bài thuốc: Tính chất bài thuốc có thể chia làm 3 bộ phận: Hoạt huyết, hành khí, công hạ. Đào nhân, Xích thực, Nguưu tất dùng để hoạt huyết khứ ứ (Nguưu tất sống có thể khứ ác huyết) Xuyên Phác và Mộc hương khoan trung hạ khí, hành khí thông trệ, Cam toại, Đại hoàng công hạ trực thủy. Sở dĩ phải hành khí, hoạt huyết là để có lợi cho công hạ mà công hạ thì làm bật bị tắc thông ra, lại có lợi cho khí huyết vận hành và khôi phục chức năng của ruột. Trong bài chưa dùng Mang tiêu vị tác dụng tả hạ của Cam toại mạnh hơn Mang tiêu nhiều mà Phạm vi thích hợp là đường ruột tích dịch nhiều hơn nên không dùng Mang tiêu.

THẬP TÁO THANG

(Phụ: *Khống diên đan, Chu xa hoàn*)

Trích « Thương hàn luận »

Vị thuốc:

1. Cam toại
2. Nguyên hoa
3. Đại kích (Liều lượng bằng nhau)
4. Đại táo 10 quả

Cách dùng: Cam toại, Nguyên hoa, Đại kích tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 gam - 4 gam, uống lúc sáng sớm chưa ăn uống gì, lấy 10 quả Đại táo sắc làm thang, bỏ vỏ bỏ hạt, lấy nước uống. Hoặc chế thành hoàn, mỗi lần 2 gam - 4 gam, uống lúc sáng sớm bụng đói. Sau khi đi tả cợ kịch liệt rồi thì ăn cháo để hòa vị dương khí.

Công dụng: Công trực thủy âm.

Chữa chứng bệnh: Bài này thời xưa dùng chữa các chứng “huyền âm”, phù thũng nước bụng chướng. Gọi là “huyền âm” tức là dưới nách có thủy khí, bị ho vom ngực bị đau, dưới tim đầy cứng, nôn khan, đoản khí, đầu đau mắt mờ, lưỡi trơn, mạch huyền hoạt, gần đây thường dùng chữa các bệnh phù thũng nước nặng, nước ở ngực, nước ở bụng chướng đầy, không nằm thẳng được, hơi thở ngắn với những người thể chất còn tốt.

Giải bài thuốc: Đây là phương thuốc tiêu biểu về tuần tả trực thủy. Lúc nghiên nhỏ nuốt có tác dụng tả hạ rất mạnh nhưng có tác dụng phản ứng buồn lợm, nôn mửa, nếu sắc thuốc bỏ bã, chỉ có tác dụng lợi tiểu tiện nhẹ mà không có tác dụng tả hạ trực thủy, tác dụng phản ứng cũng mất, cũng không có. Vì vậy trong “Thương hàn luận” dùng thuốc bột uống là có ý nghĩa riêng. Trong bài dùng cả Đại táo là để hòa vị dương khí để giảm bớt tác dụng phản ứng.

Tóm lại: Bài này là phương thuốc tuần công trực thủy, lúc dùng cần phải thận trọng, quan sát tỷ mỉ bệnh nhân xem so sánh lực lượng chính tả ra sao. Ví dụ thủy ở bụng sau khi gan bị xơ cứng, nói chung thuộc về dạng gốc hư tiêu thực, dùng bài thuốc này tuần công trực thủy là cách giải quyết cấp thời “cấp tắc trị kỳ tiêu” mà không phải là phương pháp trừ tận gốc. Dùng Cam toại có thể gây nên nôn dữ dội, lúc dùng cần phải chú ý.

Phụ phương:

1. Khống diên đan: Cam toại, Đại kích, Bạch giới tử, liều lượng bằng nhau, tán nhỏ luyện với hồ làm hoàn. Mỗi lần dùng 1 gam đến 2 gam, sau khi ăn cơm đi nằm uống với nước gừng nhạt. Thường dùng chữa đờm dãi tích trệ ở phổi hoặc thủy ảm ép phổi mà gây ra ho không nằm thẳng được, hoặc người bệnh mặt, tứ chi thũng, ở hiệu thuốc có bán chế sẵn.

2. Đan xa hoàn: Hắc sừ nghiên nhỏ 4 lượng, Cam toại (nướng vỏ ngoài), Nguyên hoa, Đại kích (sao giấm) đều 1 lượng, Đại hoàng 20 gam, Thanh bì, Trần bì, Mộc hương, Bình lang đều 5 gam, Kinh phán 4 gam, tất cả nghiên nhỏ hòa với nước làm hoàn, mỗi lần dùng chừng 4 gam, sáng sớm bụng rỗng uống với nước ấm. Bài này ngoài tác dụng tả hạ ra, còn có tác dụng lợi tiểu tiện rất mạnh, thường dùng chữa bệnh phù thũng nước. ở hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn.

KỶ TIÊU LỊCH HOÀNG HOÀN

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1. Phòng kỷ | 12-20 gam | 2. Đỉnh lịch tử | 12-20 gam |
|-------------|-----------|-----------------|-----------|

3. Tiêu mục 4-8 gam 4. Đại hoàng 8-12 gam

Cách dùng: Vốn là phương thuốc hoàn, hiện nay dùng làm thuốc thang đun sắc chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Công trực thủy âm, lợi tiểu thông tiện.

Chữa chứng bệnh: Bài này vốn chữa đàm ẩm, thủy đi vào ruột, có tiếng róc rách, bụng đầy mà miệng lưỡi khô táo. Hiện nay dùng chữa bệnh thực chứng thủy ẩm đình trệ như thủy lưu ở ngực hoặc ở bụng gây nên đầy chướng ho thở, hoặc do đờm quấn ho thở mà mặt phù chân sưng.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc tiêu biểu để chữa các chứng ho, thở, thủy, mãn do thủy ẩm, đình trệ gây nên. Hai vị Phòng kỷ, Tiêu mục có tác dụng lợi niệu. Đình lịch tả phế giáng khí, khứ đàm hành thủy và có tác dụng lợi niệu hoãn hạ, Đại hoàng có tác dụng tả hạ. Tổng hợp tác dụng toàn bài thuốc là được tính khổ tân tuyên tiết, khiến thủy khí tiêu theo hai đường, đại tiểu tiện, để chữa chứng ho, thở, thủy, mãn.

Cách gia giảm: Bài này thường được dùng đến khi chữa bệnh, gia giảm có nhiều cách, khái quát lại đại thể có mấy loại: Lúc chữa chứng ho thở làm chính, có thể gộp thêm *Tam vật thang* để khai tiết phế khí. Lúc đờm quấn ở phổi có thể phối thêm *Tam tử thang* (Tên cũ là: *Tam tử dưỡng tân thang*) để hóa đờm hạ khí, lúc chữa thủy sưng làm chính có thể phối thêm *Ngũ linh tán*, *Ngũ bì ẩm* để phân lợi thủy thấp, lúc chữa chướng mãn làm chính có thể gia thêm Hậu phác, Bình lang, Chi thực, Thanh bì để hành khí khoan trung, nếu người bị bệnh lâu thể hư, trung khí không đủ có thể gia thêm Đảng sâm, Bạch truật, Hoàng kỳ để ích khí hành thủy.

NGŨ NHÂN HOÀN

« Thể y đặc hiệu phương »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|--------|----------------|----------|
| 1. Đào nhân | 12 gam | 4. Uất lý nhân | 8-12 gam |
| 2. Trung tử nhân | 12 gam | 5. Bá tử nhân | 12 gam |
| 3. Hạnh nhân | 12 gam | 6. Trần bì | 8-12 gam |

Cách dùng: Nguyên là phương thuốc hoàn, hiện nay dùng làm thuốc thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Nhuận tràng thông tiện.

Chữa chứng bệnh: Tân khô trang táo, đại tiện khó đi hoặc do tuổi già, sau khi sinh đẻ có thời gian bí đại tiện.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc dùng nhân các loại quả có chất dầu để nhuận tràng thông đại tiện. Trong bài có Trần bì để giữ tác dụng lý khí hòa vị. Uất lý nhân có tác dụng tả hạ nhất là khi đập vỡ vụn đun sắc lên. Cho nên với người thể chất hư nhược, có thể bỏ Uất lý nhân, gia thêm Ma nhân 5 gam thì ổn thỏa hơn.

Cách gia giảm thường dùng: Người già hoặc người sau khi sinh đẻ mà huyết hư, tân dịch không đủ bị bí đại tiện có thể gia thêm thủ ô tươi, Sinh địa tươi hoặc Nhục thung dung, Đương quy đầu, nếu ăn uống bình thường mà đại tiện bí, rêu lưỡi nhờn, có thể dùng *Tỳ ước ma nhân hoàn* (Tên cũ: *Ma nhân hoàn*: Ma nhân, Hạnh nhân, Đại hoàng, Hậu phác, Chi thực, Bạch thực, luyện với mật thành hoàn) ở hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn, mỗi lần dùng 12 gam uống với nước ấm. Hoặc *Nhuận tràng hoàn* (Đại hoàng, Đào nhân, Ma nhân, Đương quy, Khương hoạt, luyện mật thành hoàn) hiệu thuốc có bán, mỗi lần dùng 12 gam, uống với nước ấm.

KẾT LUẬN

Thuốc tả hạ trước đây chia làm 4 loại “hàn hạ” “ôn hạ” “nhuận hạ” và “vừa công vừa bổ”. Gọi là “hàn hạ” là dùng các vị thuốc tính hàn lấy Đại hoàng làm chủ tạo thành phương thuốc tả hạ để công trực thực nhiệt, tả hỏa giải độc, gọi là “ôn hạ” là dùng các vị thuốc tính tân nhiệt lấy Ba đậu làm chủ

hoặc thuốc tả hạ tính hàn phối hợp với thuốc tính tân nhiệt tạo thành phương thuốc công trực hàn tính, gọi là “nhuận hạ” là dùng các vị thuốc bàng nhân quả tạo thành phương thuốc nhuận tràng thông tiện, gọi là “vừa công vừa bổ” là dùng phương thuốc có các vị ích khí, dưỡng âm phối hợp với các vị thuốc tả hạ. Phương pháp phân loại này, tuy có ý nghĩa nhất định của nó, nhưng phải chỉ rõ, phương thuốc công trực thủy âm và công trực thực nhiệt, tuy cùng thuộc loại “hàn hạ” nhưng khi điều trị phải phân biệt rõ ràng, không thể lẫn lộn mù quáng, các bài thuốc tả hạ phần lớn dùng Đại hoàng làm thuốc chủ, *Tam thừa khí thang* là cách chữa chính, còn *Lương cách tán*, *Phòng phong thông kinh tán*, *Tăng dịch thừa khí thang*, *Đại hoàng phụ tử thang* đều là cách biến hóa của *Tam thừa khí*, mục đích chủ yếu là thông phủ tả trợ nhưng có tác dụng giải độc ở mức độ khác nhau. Còn bài thuốc dùng Cam toại, Nguyên hoa làm thuốc chủ để tả hạ có thể gọi chung là thuốc trực thủy, *Đại hãm hung thang*, *Thập táo thang* là cách chữa chính, *Khống điên đan*, *Chu xa hoàn* là cách biến hóa, tác dụng chủ yếu là qua tả hạ để công trực thủy ẩm mà *Cam toại thông kết thang* có tác dụng tả nhiệt, trực thủy, hành khí, hoạt huyết, đó là một bước phát triển quan trọng của y học ngày nay. Còn các bài thuốc dùng nhân quả để nhuận tràng thông tiện đều thuộc phạm vi của tả hạ.

Những năm gần đây, trong việc điều trị và nghiên cứu khoa học và thuốc tả hạ có nhiều tiến triển đặc biệt là thuốc dùng Đại hoàng làm thuốc chủ thường dùng để chữa các bệnh viêm túi mật cấp tính, đường ruột tắc trở, viêm đường tiết niệu, viêm ruột thừa, và bệnh viêm gan hay lây, chất độc ở nước giải. Với các bài thuốc dùng Cam toại làm thuốc chủ để trực thủy, khi điều trị tuy có tác dụng nhất thời về thoái thũng, tiêu phúc thủy, nhưng hiệu quả thường không bền mà còn có tác dụng ngược lại làm tổn thương đến hoạt động của gan thận, cho nên chỉ dùng lúc “cấp tác trị tiêu” mà thôi.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. THANH NINH HOÀN

Thành phần: Thuốc chủ bài này là một vị Đại hoàng. Dùng Đương quy, Sinh địa, Đảng sâm, Hoàng bá, Liên kiều v.v... gồm 24 vị, đem sắc lấy nước đặc, sau đó dùng Sinh đại hoàng qua 24 lần chung sái (đem phơi) rồi nghiền nhỏ chế thành.

Cách dùng: Mỗi lần 3 gam, uống với nước đun sôi để nguội.

Công dụng: Thanh hòa, lợi thấp nhiệt, có tác dụng tả nhẹ.

Chữa chứng bệnh: Vị hỏa miệng hôi, đầu đau, thấp nhiệt gây nên bụng chướng, đại tiện thất thường, thấp nhiệt rút xuống gây nên tiểu tiện đau rát và da dẻ thấp nề.

2. CANH Y HOÀN

Thành phần: Lô hội, Chu sa, chế với rượu làm hoàn.

Cách dùng: Mỗi lần 4 gam uống lúc sáng sớm chưa ăn gì hoặc trước khi đi ngủ.

Công dụng: Ôn thận thông tiện.

Chữa chứng bệnh: Đại tiện táo kết, tâm phiền dễ giận, ngủ không yên giấc, tác dụng thông tiện tương đối mạnh, sau khi uống thuốc có lúc xảy ra phản ứng đau bụng. Lô hội có chất lô hội tố có tác dụng sung huyết vào khí quản, phụ nữ có thai kiêng dùng.

3. BÁN LƯU HOÀN

Vị thuốc: Bán hạ, Lưu hoàng nghiền thành bột đun sắc với nước gừng sau chế thành hoàn.

Cách dùng: Mỗi lần 8-12 đồng gam uống với nước đun sôi để nguội

Công dụng: Tả hỏa thông tiện.

Chữa chứng bệnh: Người già, thể nhược, thận dương hư hàn gây nên chứng bí đại tiện hư lạnh, thận hư đầu đau cũng có thể dùng.

Chương 5

THUỐC HÒA

Thuốc hòa là loại thuốc điều chỉnh hoạt động của con người giải trừ bệnh tật là một trong 8 phương pháp theo nguyên tắc chữa bệnh, tà ở biểu thì cho phát hãn, ở lý thì cho công hạ, bệnh thiếu dương mà tà nửa ở biểu nửa ở lý, không thể phát hãn cũng không thể công hạ, do đó phải dùng cách hòa. Phương pháp hòa ngoài hòa giải bệnh thiếu dương ra còn phù chính đạt tà, điều chỉnh khí huyết, điều chỉnh mối quan hệ nội tạng. Chương này lấy các phương thuốc hòa giải thiếu dương điều chỉnh vị tràng, điều hòa can tỳ, điều hòa vinh vệ quy nạp thành thuốc hòa. Một vài phương thuốc điều hòa can tỳ như *Tứ nghịch tán*, *Tiêu giao tán* tuy cũng thuộc phạm vi thuốc hòa nhưng tác dụng chủ yếu của nó là sơ can lý khí nên sẽ giới thiệu ở chương thuốc lý khí.

1. Cách hòa giải thiếu dương:

Chữa chứng thiếu dương thuộc bệnh ngoại cảm nhiệt, chứng thiếu dương là một loại hình khác với chứng thái dương và dương minh là chứng nửa ở biểu nửa ở lý, tức là chứng nửa ở biểu có “hàn nhiệt vắng lai”, tà chưa rời khỏi biểu, lại có chứng nửa ở lý biểu hiện. Vùng ngực đầy, không muốn ăn uống, tâm phiền, muốn nôn, miệng đắng, họng khô, tà ảnh hưởng đến đờm phủ. Cách điều trị chỉ có dùng thuốc hòa giải hòa lý để thấu tà, mới đạt được điều nói trong “Thương hàn luận” là “vị khí được hòa, tự nhiên hãn xuất mà giải”.

Cách này thường dùng Sài hồ, Hoàng cầm, Bán hạ, bài *Sài hồ thang* là phương thuốc tiêu biểu về cách chữa này.

2. Cách điều hòa vị tràng:

Dùng chữa các chứng chức năng của tràng vị không ăn nhập với nhau, hàn nhiệt xen kẽ, thăng giáng không ổn định nên buồn bực dưới vùng tim, phiền nhiệt dâng lên nôn mửa đau bụng hoặc bụng sôi tiết tả. Cách chữa dùng tân khai khổ giáng, hàn nhiệt cùng dùng điều chỉnh chức năng của tràng vị thường dùng các vị Hoàng liên, Bán hạ, Quế chi, Can khương. *Bán hạ tả tâm thang*. *Hoàng liên thang* là phương thuốc tiêu biểu về mặt này.

3. Cách điều hòa can tỳ:

Là chữa can tỳ không điều hòa, tinh chí tức uất, ngực buồn không thư thái, hông đau, bụng đau, bụng tả. Thường dùng các vị Sài hồ hoặc Bạch thực và Bạch truật, Phục linh, Cam thảo tạo thành bài thuốc để sơ tiết can khí, điều lý tỳ vị. Thống tả yêu phương thuộc loại phương thuốc này.

4. Cách điều hòa vinh vệ:

Do ngoại cảm phong tà dẫn đến vinh vệ bất hòa, có lúc rét có lúc nóng hoặc nóng ít tự ra mồ hôi. Trong trường hợp này không thể chuyên cho phát hãn khử tà mà điều hòa vinh vệ là việc phải làm ngay. *Quế chi thang* là phương thuốc tiêu biểu về mặt này.

TIÊU SÀI HỒ THANG

Trích « Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Sài hồ	8-16 gam	5. Hoàng cầm	6-12 gam
2. Bán hạ	8-12 gam	6. Nhân sâm	12-16 gam
3. Cam thảo (nướng)	4-8 gam	7. Sinh khương	2-4 lát
4. Đại táo	4-6 quả		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hòa giải thiếu dương, phù chính khử tà.

Chữa chứng bệnh: Chứng thiếu dương, hàn nhiệt vãng lai, vùng ngực đầy tức, không muốn ăn uống, tâm phiền nôn mửa, miệng đắng họng khô, mắt mờ, rêu lưỡi mỏng trắng hoặc vàng nhòn, mạch huyền.

Giải bài thuốc: Sài hồ sơ tà giải nhiệt lại có thể giải uất kết ở vùng ngực mà giải phiền muộn. Hoàng cầm thanh nhiệt ở gan mật, hai vị hợp dùng là thuốc chủ để hòa giải thiếu dương, trị hàn nhiệt vãng lai, vùng ngực đầy tức, miệng đắng họng khô, Sinh khương, Bán hạ hòa vị giáng nghịch, trị tâm phiền muốn nôn, không muốn ăn uống, Nhân sâm, Cam thảo, Sinh khương, Đại táo phù chính hòa chung, giúp Sài hồ, Hoàng cầm đạt tà.

Bài này trừ hòa giải thiếu dương ra, còn có thể chữa phụ nữ sau khi sinh đẻ phát sốt nhiệt vào túi huyết, bệnh sốt rét, bệnh sốt đỡ rồi bị sốt lại.

Cách gia giảm: Nếu bị cả thái dương biểu chứng, đốt xương đau nhức, có thể phối hợp dùng cả bài *Quế chi thang*, nếu đại tiện bí kết mà nhiệt bên trong chưa thịnh, có thể gia Mang tiêu (tức Sài hồ gia *Mang tiêu thang*), nếu bị sốt rét, có thể gia Thường sơn sao rượu, Thảo quả nướng, nếu bị thấp đờm có thể gia Hậu phác, Thương truật, nếu bị cả chứng ngực buồn mở ác đau, thấp nhiệt cản trở bên trong có thể gia Chi xác, Kiệt cánh hoặc Hoàng liên, Qua lâu (kết hợp với *Tiểu hãm hung thang* pháp) là thích hợp nhất, có thể bỏ Nhân sâm, Cam thảo, Đại táo. Ngoài ra còn có người dùng bài tiêu *Sài hồ thang* hợp với bài *Tuyên phúc đại gia thang* gia giảm một thang một giáng chữa bệnh mang thai ác trở đạt hiệu quả tương đối tốt.

ĐẠI SÀI HỒ THANG

(Phụ: *Thanh di thang*)

« Thương hàn luận »

Vị thuốc:

1. Sài hồ	8-16 gam	5. Hoàng cầm	6-12 gam
2. Bán hạ	8-12 gam	6. Thược dược	8-12 gam
3. Chi thực	8-12 gam	7. Đại hoàng	6-12 gam
4. Sinh khương	3-5 lát	8. Đại táo	4-6 quả

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đem sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hòa giải thiếu dương, tả hạ nhiệt kết.

Chữa chứng bệnh: Thiếu dương chưa giải, nhiệt lý đã thịnh, hàn nhiệt thường vãng lai, ngực buồn bị nôn, bị uất mà phiền, bụng ngực chướng tức đại tiện không giải, hoặc đi mà không thông sướng, miệng đắng, râu vàng, mạch huyền mạnh.

Giải bài thuốc: Bài này là *Tiểu sài hồ thang* bỏ Nhân sâm, Cam thảo gia Đại hoàng, Chi thực, Thược dược mà thành, kết hợp giữa hòa giải và hoãn hạ, có tác dụng sơ giải, hòa lý, tiết nhiệt, tiêu đạo. Sài hồ, Hoàng cầm chữa chứng thiếu dương, như hàn nhiệt vãng lai, vòm ngực đầy tức, Đại hoàng, Chi thực chữa chứng dương minh như lý nhiệt uất kết, bụng ngực chướng đầy, đại tiện không thông. Thược dược hòa lý, giới trị đau bụng, phối thêm Hoàng cầm có thể chữa hạ lợi nhiệt tính. Ngoài ra Sinh khương phối hợp với Bán hạ có thể ngừng nôn, phối hợp với Đại táo có thể hòa vinh vệ. Tóm lại phương thuốc này chữa cả 2 bệnh thiếu dương và dương minh, dùng cả hòa giải và công hạ.

Cách gia giảm: Những năm gần đây dùng bài này chữa viêm túi mật, sỏi mật, lúc dùng tùy chứng bệnh mà gia giảm, nếu ngực buồn, cơ bắp không lợi thì gia Uất kim, Thanh bì, Mộc hương, nếu bị hoàng đản gia Nhân trần, Sơn chi tử. Lòng ngực đau gia Xuyên luyện tử, Tuyên phúc hoa, nếu bị sỏi gia Kim tiền thảo, Hải kim sa, Kê nội kim.

Phụ phương:

Thanh di thang:

Là phương thuốc kinh nghiệm của bệnh viện Nam Khai - Thiên Tân.

Gồm các vị:

- | | | | |
|------------------|--------|-------------------|----------------------|
| 1. Sài hồ | 20 gam | 5. Mộc hương | 12 gam |
| 2. Hoàng cầm | 12 gam | 6. Diên hồ sách | 12 gam |
| 3. Hồ hoàng liên | 12 gam | 7. Sinh đại hoàng | 20 gam (cho vào sau) |
| 4. Bạch thược | 20 gam | 8. Mang tiêu | 12 gam (uống thông) |

Thuộc cách biến hóa gia giảm của *Đại sài hồ thang*, có tác dụng sơ can lý khí, thanh nhiệt tả hỏa, thông tiện.

Chữa các chứng viêm niêm mạc cấp tính như can uất khí trệ (bụng đau từng cơn hoặc đau xoắn lại, biểu hiện chứng thiếu dương, rêu lưỡi mỏng trắng hoặc hơi vàng, mạch nhỏ yếu hoặc khẩn), tỳ vị thực nhiệt (bụng đầy ấn vào đau, miệng khát đại tiện bí, tiểu tiện rắt và đỏ, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, đầy nhón hoặc táo, mạch hồng sắc) người mắc bệnh nhẹ ngày dùng một thang khoảng 300 gam, đun sắc chia 2 lần uống. Người mắc bệnh vừa hoặc nặng, ngày dùng hai thang, chia 4 lần uống, bệnh cấp tính sau khi được hoãn giải từ từ hoặc lúc đi tả ngày 2-3 lần, phải giảm bớt vị thuốc và liều lượng, đường ruột có được thông thuận không, có quan hệ nhất định đến hiệu quả điều trị. Nói chung mỗi ngày giữ được đi đại tiện 2-3 lần là vừa, nhiều quá thì tổn thương chính khí. Đau nhói cấp tính giảm nhẹ hoặc sau khi đường ruột đã thông cần giảm Đại hoàng, Mang tiêu và gia thêm thuốc kiện tỳ hòa vị như Trần bì, Khẩu nhân, Tiêu lục khúc, Tiêu mạch nha, Tiêu sơn tra. Người mang thai lượng thuốc công hạ nên giảm bớt.

BÁN HẠ TẢ TÂM THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|----------|---------------------|---------|
| 1. Bán hạ | 6-12 gam | 5. Cam thảo (nướng) | 4-8 gam |
| 2. Hoàng cầm | 6-12 gam | 6. Hoàng liên | 4-6 gam |
| 3. Can khương | 4-6 gam | 7. Đại táo | 4-6 quả |
| 4. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-16 gam | | |

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hòa vị giáng nghịch, khai bế tán đầy.

Chữa chứng bệnh: Chức năng tràng vị rối loạn, hàn nhiệt kết lại với nhau, dưới vùng tim đầy cứng nhưng không cảm thấy đau, bụng sôi hạ lợi, buồn nôn, không thích ăn uống, rêu lưỡi nhón mà hơi vàng.

Giải bài thuốc: Bài này là *Tiểu sài hồ thang* bỏ Sài hồ, Sinh khương mà thêm Hoàng liên, Can khương, có tác dụng hóa thấp nhiệt, hòa tràng vị là cách chữa vừa tân khai khổ giáng, hàn an tịnh dụng, bổ tả kiêm thi. Chữa các chứng thấp nhiệt lưu ở trung tiêu, tràng vị tiêu hóa thất thường, hàn nhiệt xen kẽ, hư thực đều có.

Bán hạ, Can khương tân ôn có tác dụng tán hàn, hóa ẩm, Hoàng cầm, Hoàng liên khổ hàn có tác dụng tiết nhiệt, táo thấp, dùng cả vị tân và khổ, có giáng nghịch, ngừng nôn, tiêu đầy Nhân sâm, Cam thảo, Đại táo, ích khí hòa trung khiến hàn nhiệt đều điều hòa, tràng vị hòa, thăng giáng bình thường thì đầy cứng, nôn mửa, hạ lợi đều được giải.

Cách gia giảm: Bài này nếu bớt can thường dùng Sinh khương thì gọi là *Sinh khương tả tâm thang*, gia Sinh khương để tán thủy khí, thai nôn mửa. Bài này tăng thêm lượng *Cam thảo tả tâm thang*, tăng thêm Cam thảo mục đích để bổ ích trung khí, chữa trị khí hư nhược, khí kết thành đầy hơi, cách chữa cơ bản giống bài thuốc này.

Ngày nay dùng Can khương 12 gam, Hoàng liên 1 gam, Hoàng cầm 8 gam, Cam thảo 6 gam, để chữa bệnh hoắc loạn thổ tả: Nếu người mắc chứng hàn nặng, Can khương tăng gấp đôi, người mắc chứng nhiệt nặng, Hoàng liên hoặc Hoàng cầm tăng gấp đôi, người bị nôn mửa nặng gia Bán hạ 3 gam, Sinh khương 12 gam, người bị tứ cho chi hàn lạnh nặng gia phụ tử 13-24 gam. Người đi tiểu tiện ít hoặc bế gia tướng quân can (tức Thiên thoái bỏ cẳng, cánh) 5 con, Thông thiên thảo 12 gam, người bị buồn bực nặng gia Sơn chi tử 12 gam, Đậu cỏ 16 gam, chuyên gân gia Tầm sa 12 gam, Ý dĩ 40 gam, người bị đau bụng dữ dội gia Ngô thù 1 lượng, rêu lưỡi nhồm gia Hậu phác 26 gam, Thương truật 12 gam, tùy theo chứng bệnh mà gia giảm sẽ điều trị có kết quả, ý nghĩa bài thuốc tương tự như bài thuốc này.

HOÀNG LIÊN THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Hoàng liên	4-6 gam	5. Quế chi (hoặc Nhục quế)	4-12 gam
2. Bán hạ	8-12 gam	6. Nhân sâm (hoặc đảng sâm)	8-16 gam
3. Cam thảo (nướng)	4 gam	7. Đại táo	4-6 quả
4. Can khương	4-8 gam		

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Điều chỉnh chức năng của tràng vị.

Chữa chứng bệnh: Lòng ngực phiền nhiệt, đầy hơi buồn bực, khí nghịch lên trên, buồn nôn, bụng đau hoặc bụng sôi đi tả, rêu lưỡi trắng hoạt, mạch huyền.

Giải bài thuốc: Bài này là cách biến hóa của tiểu *Sài hồ thang*. Chủ trị chức năng tràng vị rối loạn, hàn nhiệt xen kẽ. Nhiệt thì ngực phiền nhiệt mà gây nôn, hàn thì bụng đau, bụng sôi mà đi tả. Bài thuốc dùng Hoàng liên thanh nhiệt, Can khương, Nhục quế ôn trung tán hàn, hàn ôn đều dùng, chủ trị các bệnh hàn nhiệt xen kẽ, phối hợp Hoàng liên và Can khương là để tán khai khổ giáng là thuốc chủ của bài thuốc này. Ngoài ra dùng Nhân sâm, Cam thảo, Đại táo ích khí hòa trung, hỗ trợ Hoàng liên, Can khương khứ tà là cách chính đạt tà. Bán hạ hòa vị ngừng nôn, theo bệnh dùng thuốc, được dùng nhiều trong phương thuốc hòa dùng nhiều.

THỐNG TẢ YẾU PHƯƠNG

Trích « Cảnh nhạc toàn thư »

Thành phần:

1. Bạch truật (sao vàng hoàng thổ) 12 gam	3. Trần bì	8 gam
2. Bạch thược (sao) 12 gam	4. Phòng phong	8 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Sơ can kiện tỳ, chỉ thống chỉ tả.

Chữa chứng bệnh: Ruột sôi bụng đau, đại tiện đi tả, đi tả thì bụng đau, mỗi khi tình cảm xúc động thì phát lên, thông thường tích trệ ít, không có thực nhiệt hoặc hư hàn. Mạch huyền, rêu lưỡi mỏng trắng.

Giải bài thuốc: Chứng “thống tả” thường do gan tỳ bất hòa gây nên, bài này dùng Bạch truật kiện tỳ, Trần bì hòa vị lý khí để phù trợ, Bạch truật kiện tỳ, Trần bì hòa vị khí để phù trợ, Bạch Thược sơ can, Phòng phong tân lương ôn tán để phù trợ. 4 vị thuốc phối hợp chặt chẽ, điều hòa chức năng của gan tỳ, khí cơ hoạt bát, là bài thuốc chữa bệnh thống tả.

QUẾ CHI THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Quế chi	6-12 gam	4. Sinh khương	2-4 lát
2. Bạch thược	8-12 gam	5. Đại táo	4-6 quả
3. Cam thảo (nướng)	4-8 gam		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc, chia 2 lần uống ấm sau khi uống xong một lúc, ăn một bát cháo nóng (hoặc nước sôi cũng được) để ra mồ hôi.

Công dụng: Giải cơ phát biểu, điều hòa dinh vệ.

Chữa chứng bệnh: Ngoại cảm phong tà, đầu đau phát sốt, mồ hôi ra nhiều, mũi tịt nhưng chảy nước mũi, nôn khan, miệng không khát, rêu lưỡi mỏng trắng mà hoạt nhuận, mạch phù hoãn hoặc phù nhược, vị dinh vệ bất hòa mà gây nên lúc lạnh lúc nóng, đổ mồ hôi sợ gió.

Giải bài thuốc: Quế chi giải cơ phát biểu, ôn thông kinh mạch phối hợp với Bạch thược có tác dụng liễm âm hòa dinh để hòa lý, vừa tán vừa thu, điều hòa dinh vệ khiến cho biểu tà được giải, lý khí được hòa, là thuốc chủ yếu của bài thuốc. Sinh khương tân ôn phát tán, giúp Quế chi giải biểu và khai vị, Đại táo cam hoãn giúp Thược dược hòa lý, Cam thảo cam hoãn hòa trung, lại điều hòa được các vị thuốc, *Quế chi thang* tuy là phương thuốc giải biểu nhưng phối hợp với thược dược là thuốc hòa âm, khác với phương thuốc chuyên cho phát hãn. Cho nên phương thuốc này ngoài việc trị biểu chứng ngoại cảm phong tà, còn có thể chữa các bệnh sau khi ốm, sau khi đẻ do dinh vệ bất hòa, lúc lạnh lúc nóng, tinh thần không phân chấn, ăn uống giảm sút, mạch chậm có mồ hôi. Nếu thuốc chứng biểu thực không ra mồ hôi, hoặc thịnh nhiệt miệng khát mạch sắc thì không nên dùng. Nhiệt thịnh dùng nhằm bài thuốc *Quế chi thang*, có lúc sẽ gây ra chảy máu mũi. Trong “Thương hàn luận” dùng bài thuốc này thường lấy mạch phù hoãn hoặc phù nhược làm thước đo, các nhà y học đời sau lấy “mạch hoãn tự hãm” làm yếu điểm để chọn bài thuốc này, trong khi lâm sàng lại quan sát thêm “rêu lưỡi trắng hoạt” thì việc ứng dụng bài thuốc này càng được xác định rõ.

Cách gia giảm: Bài này gia Phụ tử gọi là *Quế chi gia phụ tử thang*, chữa phát hãn quá nhiều, mồ hôi ra không ngừng, sợ gió, đi tiểu tiện khó, tứ chi co duỗi khó khăn. Bỏ Thược dược gia Phụ tử gọi là *Quế chi phụ tử thang* chữa đau phong thấp, tự ra mồ hôi, thân thể đau dữ dội, mạch phù không có sức.

Bài này gia Cát căn gọi là *Quế chi gia cát căn thang* chữa ngoại cảm phong tà, kinh mạch trở trệ, khiến tâm dịch không lưu thông đều, không nuôi dưỡng được cơ thể. Nếu không ra mồ hôi có thể gia Ma hoàng tức là *Cát căn thang*, chữa cả 2 bệnh thái dương, dương minh, bụng đi tả thuộc biểu chứng.

Bài này gia Hoàng cầm gọi là *Dương đàm thang*. Hiện nay dùng chữa cảm mạo phát nhiệt, hiệu quả tương đối tốt.

Bài này tăng thêm liều lượng Thược dược, lại thêm đường phèn, tức là *Tiểu kiến trung thang*, nguyên trị lý hư phức thống. Còn có thể gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Đương quy đều là biến hóa phát triển của *Tiểu kiến trung thang*, ngày nay dùng chữa chứng tỳ vị hư hàn.

KẾT LUẬN

Thuốc hòa ở chương này gồm các phương thuốc hòa giải thiếu dương điều hòa tràng vị, điều hòa can tỳ, điều hòa dinh vệ *Tiểu sài hồ thang* là phương thuốc chủ để hòa giải thiếu dương, có tác dụng phù chính đạt tà, thích hợp với các chứng chính khí hư, hàn nhiệt vắng lai, vùng ngực đầy căng, nôn nao, không muốn ăn uống. *Đại Sài hồ thang* là cách vừa hòa vừa hạ.

Bán hạ tả tâm thang và *Hoàng liên thang* tân khai khổ giáng, dùng cho ôn và hàn, điều hòa chức năng của tràng vị, chủ trị hàn nhiệt xen kẽ, thăng giáng thất thường, nôn mửa, bụng đau, tiết tả.

Thông tả yếu phương điều hòa can tỳ, là phương thuốc chuyên trị thông tả.

Quế chi thang giải cơ phát hãn, điều hòa dinh vệ, thường dùng chữa phát nhiệt do gió độc, tự ra mồ hôi, mạch phù nhược thuộc phong “biểu hư” hoặc sau khi ốm, sau khi sinh đẻ dinh vệ không điều hòa, những người bệnh nói sau không phải mắc bệnh ngoại cảm nhưng thường dùng *Quế chi thang*, chúng tôi đặt *Quế chi thang* vào thuốc hòa, lý do là như thế.

Chương 6

THUỐC ÔN

Thuốc ôn là dùng các vị thuốc tính ôn, tính nhiệt làm phần chắn dương khí con người, khu trừ hàn tà, là một loại phương thuốc chữa dương suy lý hàn. Phương pháp ôn là một trong 3 phương pháp chữa bệnh.

Hàn chia ra biểu hàn và lý hàn. Biểu hàn cần tân ôn phát tán thuộc về hàn pháp đã nói ở thuốc giải biểu. Chương này chủ yếu nói về phương thuốc chữa lý hàn.

Nguyên nhân chứng lý hàn nói chung không ngoài hai trường hợp: Một là do ngoại hàn thực nhập vào lý, hai là do trong người dương suy âm thịnh, khi điều trị, căn cứ tình hình lý hàn nặng nhẹ, hoãn cấp khác nhau nhất là mức độ dương hư khác nhau mà chia làm hai loại ôn trung khứ hàn và hồi dương cứu nghịch.

Phương thuốc ôn trung khứ hàn chủ yếu dùng chữa chứng lý hàn. Chứng này tuy thuộc dương hư âm thịnh nhưng chưa đến mức dương khí suy thoái, trong khi chẩn trị thường hạn chế vào chứng hư hàn ở một bộ phận hoặc một nội tạng nào đó. Như tỷ vị hư hàn, xuất hiện hiện tượng trung tiêu hư hàn ngực đầy nôn mửa, đại tiện lỏng, bụng trên đầy chướng, tứ chi không ấm, ăn vào không thơm, miệng không khát, mạch trầm chậm, rêu lưỡi đậm bạch, có thể dùng phương pháp phối hợp giữa thuốc ôn trong với thuốc kiện tỳ bổ khí như Can khương, Ngô thù, Độc tiêu, Sinh khương, Nhân sâm, Bạch truật, Cam thảo, *Lý trung hoàn (thang)* là phương thuốc tiêu biểu về mặt này. Nếu trung tiêu hàn nhiều, bụng trên đau hàn thì phải dùng phương pháp kiến trung như *Đại kiến trung thang*, nếu hàn khí ở gan Thương nghịch, biểu hiện bụng trên đau dữ, sau khi ăn buồn nôn hoặc nôn khan, nôn ra nước dãi thì phải ôn trung tán hàn, giáng nghịch ngừng nôn như *Ngô phù du thang*, nếu do nội thương sinh lạnh, ngoại cảm biểu hàn thì phải giải cả biểu và lý, có thể dùng loại *Ngũ tích tán*. Phương thuốc hồi dương cứu nghịch chủ yếu chữa các chứng âm hàn nội thịnh, dương khí suy vị, dương khí muốn thoát. Loại bệnh này nói chung nghiêm trọng, nguy cấp, toàn thân hư hàn biểu hiện rõ rệt, không dùng thuốc ôn nhiệt hồi dương hoặc ôn bổ cố thoát thì khó lòng trị nổi. Những phương thuốc này chủ yếu gồm các vị tân ôn táo nhiệt như Phụ tử, Can khương, phục quý, bài *Tứ nghịch thang* là phương thuốc tiêu biểu về mặt này. Nhưng nếu dương khí suy vị thì xuất hiện nhiều dạng khác nhau! như dương hư không thể hóa thủy, thủy khí nội đình thì dùng *Ôn dương lợi thủy thang*, dương khí bạo thoát, thì dùng *Sâm phụ thang*.

Ngoài ra khi dùng thuốc ôn còn phải chú ý mấy trường hợp như sau:

1. Âm hàn nội thành khiến hành huyết không thuận, khí trệ không thông, thuốc ôn dược tính vốn tân ôn, có thể tuyên tán âm hàn ngưng tụ khiến huyết hành phần chắn và sơ thông khí cơ, nếu do lý hàn mà khí trệ nhiều thì trong thuốc ôn cần gia thêm Hương phụ, Thanh bì, Mộc hương là những vị tân ôn hành khí.
2. Âm hàn nội thịnh dẫn đến dương khí suy vị thậm chí suy kiệt mà thuốc ôn tuy có tác dụng trợ dương khí suy kiệt muốn thoát thì trong bài thuốc ôn cần gia thêm Nhân sâm, Ngũ vị, Long cốt để tăng cường tác dụng cố thoát mới thu được hiệu quả tốt hơn.
3. Thuốc ôn thuộc tính ôn nhiệt nhưng dùng quá liều lượng có thể hao thương âm dịch, lúc dùng thuốc ôn nhiệt ở thang lớn thì nên dùng thuốc hòa âm với liều lượng ít (như Bạch thược) để ngăn ngừa hao thương âm dịch. Nếu âm dương cùng hư thì thuốc ôn dương phải dùng cùng với thuốc hộ âm.
4. Phải phân biệt rõ chứng nội chân nhiệt với ngoại giả hàn để tránh dùng sai thuốc ôn.

LÝ TRUNG HOÀN

(Tên khác là: *Nhân sâm thang*)

(Phụ: *Phụ tử lý trung thang, Liên lý thang, Trị trung thang, Chỉ thực lý trung hoàn*)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|----------|-------------------|----------|
| 1. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-16 gam | 3. Bào khương | 4-12 gam |
| 2. Bạch truật | 8-16 gam | 4. Chích cam thảo | 4-8 gam |

Cách dùng: Thuốc hoàn: Nghiền nhỏ các vị thuốc trên, hòa với mật thành hoàn, mỗi lần dùng 8-12 gam, ngày 2-3 lần. Nếu là thuốc thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn trung khứ hàn, kiện tỳ bổ khí.

Chữa chứng bệnh: Tỳ vị hư hàn, bụng đau đi tả, nôn mửa ăn ít, miệng không khát, lưỡi đậm rêu trắng, mạch trầm tế hoặc trì hoãn.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Bào khương khứ hàn, Bạch truật kiện tỳ, Nhân sâm bổ khí, Cam thảo hòa trung và còn giúp sâm, truật kiện tỳ bổ khí là phương thuốc tiêu biểu về ôn trung kiện tỳ. Nó có thể làm phần chân tỳ dương, giúp đỡ tiêu hóa, chuyên trị các chứng hư hàn ở trung tiêu tỳ vị dẫn đến nôn, lợi tiện, đau bụng nên gọi là *Lý trung hoàn*.

Cách gia giảm: Nếu người đau bụng nặng có thể gia Mộc hương để hành khí ngừng đau, nôn mửa nhiều có thể giảm liều lượng Bạch truật gia thêm nước gừng, Bán hạ để ngừng nôn.

Phụ phương:

1. Phụ tử lý trung thang: Tức là bài này gia Phụ tử được Bào khương phối hợp sử dụng là thuốc chủ yếu để hồi dương cứu nghịch. Hạ lợi không thôi, mạch nhẹ tứ chi lạnh, chứng hư hàn nặng. Sức chữa của *Lý trung thang* không đủ nên dùng bài này.

2. Liên lý thang: Tức là bài này gia Hoàng liên để trị hàn nhiệt xen kẽ ở trung tiêu, bụng đi tả, nôn ra nước chua và bệnh lý mạn tính.

3. Trị trung thang: Tức là bài này gia Thanh bì, Trần bì, trị trung tiêu hư hàn mà khí trệ.

4. Chỉ thực lý trung hoàn: Tức là bài này gia Chỉ thực, Phục linh, trị trung tiêu bí mẫn lại thêm có đờm, tích trệ.

NGÔ THÙ DU THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|-----------|----------------|----------|
| 1. Ngô thù du | 4-8 gam | 3. Sinh khương | 8-16 gam |
| 2. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 12-18 gam | 4. Đại táo | 4-8 quả |

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn trung bổ hư, giáng nghịch ngừng nôn.

Chữa chứng bệnh: Vị trung hư hàn, ăn xong muốn nôn, dưới vùng tim bí mẫn, ợ chua, bụng trên đau, nôn khan hoặc nôn ra nước dãi, đau đầu, lưỡi đậm, rêu trắng hoạt, mạch trầm trì.

Giải bài thuốc: Ngô thù du ôn trung tán hàn, giáng nghịch ngừng nôn, có tác dụng thôi đau là thuốc chủ của bài thuốc này, Nhân sâm Đại táo bổ khí hòa trung, Sinh khương tán hàn ngừng nôn, đều là thuốc phụ trợ. Ngô thù du phối hợp với Nhân sâm có tác dụng ôn trung bổ hư. Ngô thù du phối hợp với Sinh khương có thể tăng thêm ôn trung ngừng đau, giáng nghịch ngừng nôn để chữa chứng nôn khan, nôn ra dãi và ợ nấc thuộc tính hư hàn. Nếu có hàn thấp, nôn mửa nhiều, rêu lưỡi trắng nhờn nên bỏ nhân sâm, gia Bán hạ, Trần bì để táo thấp, lý khí, ngừng nôn.

ĐẠI KIẾN TRUNG THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|----------|-----------------------------|-----------|
| 1. Xuyên tiêu | 4-8 gam | 3. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-16 gam |
| 2. Can khương | 8-16 gam | 4. Đường phèn | 40-80 gam |

Cách dùng: Đun sắc xong, lọc nước thuốc bỏ bã, cho đường phèn vào tan ra, ngày dùng 1 thang chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn trung bổ hư, giáng nghịch ngừng đau.

Chữa chứng bệnh: Trung dương hư suy, âm hàn nội thịnh bụng trên đau dữ, trên thúc xuống dưới thúc lên, không thể chạm gần, nôn không thể ăn uống hoặc trong bụng có tiếng óc ách. Rêu trắng nhờn, lưỡi đậm hoặc tía xám, mạch huyền trì hoặc trầm tế.

Giải bài thuốc: Xuyên tiêu, Can khương ôn trung tán hàn, giáng nghịch ngừng đau, Nhân sâm bổ ích tỳ vị, phù trợ chính khí, dùng nhiều đường phèn để kiên trung hoãn cấp và hòa hoãn tính táo nhiệt của Xuyên tiêu và Can khương, phối hợp với nhau thành bài thuốc ôn trung bổ hư, giáng nghịch ngừng đau.

Chứng bệnh chính của bài thuốc này là vùng bụng đau dữ dội, là do trung dương hư nhược, khí của âm hàn thượng nghịch gây nên. Do trung tiêu âm hư nên đau không ăn được thậm chí nôn mửa, do hàn tà Thượng nghịch nên vùng bụng đau trên thúc xuống dưới thúc lên, không thể sờ mó được. Nếu do tỳ vị hư hàn mà không vận động được, bụng đau dữ dội, do Xuyên tiêu có tác dụng điều chế vận động nên bài này cũng có thể tán hàn định thống.

NGŨ TÍCH TÁN

« Hòa lợi cục phương »

Thành phần:

- | | | | | | |
|---------------------|--------|---------------|--------|------------------|---------|
| 1. Bạch chỉ | 3 lạng | 6. Nhục quế | 3 lạng | 11. Ma hoàng | 6 lạng |
| 2. Xuyên khung | 3 lạng | 7. Thược dược | 3 lạng | 12. Kiết cánh | 12 lạng |
| 3. Cam thảo (chích) | 3 lạng | 8. Bán hạ | 3 lạng | 13. Hậu phác | 4 lạng |
| 4. Phục linh | 3 lạng | 9. Trần bì | 6 lạng | 14. Thương truật | 24 lạng |
| 5. Đương quy | 3 lạng | 10. Chỉ xác | 6 lạng | 15. Can khương | 4 lạng |

Cách dùng: Liều lượng nói trên theo liều thuốc tán, mỗi lần dùng 12 gam, gừng tươi 3 lát đun sắc lấy nước uống, ngày nay chuyển thành thuốc thang. Liều lượng đôi ít, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn trung tán hàn, phát biểu, tiêu tích.

Chữa chứng bệnh: Nội thương sinh lạnh, ngoại cảm hàn thấp, đầu đau người đau, rất sợ lạnh, sốt vừa phải, bụng đau đầy căng, nôn mửa, không muốn ăn uống và phụ nữ đau bụng kinh.

Giải bài thuốc: Bài này có thể tiêu ngũ tích gồm tích hàn, thực, khí, huyết, đàm nên gọi là Ngũ tích tán. Trong bài Ma hoàng, Bạch chỉ phát hãn giải biểu, Can khương, Nhục quế ôn trung tán hàn, do tích hàn mà dùng vị này, Chỉ xác, Hậu phác tiêu bì trừ mẩn do thực tích mà dùng vị này, Hậu phác Trần bì hành khí, Kiết cánh và Chỉ xác một thăng một giáng có lợi cho cơ bắp co duỗi, do khí tích (trệ) mà dùng vị này, Đương quy, Xuyên khung, Thược dược (Xích thược) hoạt huyết hóa ứ do huyết tích (ứ) mà dùng vị này, Thương truật, Hậu phác táo thấp vận tỳ, Bán hạ. Trần bì, Phục linh lý khí hóa đàm do đàm tích (tụ) mà dùng vị này, lại gia Cam thảo hòa trung hợp lại thành phương thuốc ôn trung tán hàn, biểu lý song giải, khí huyết cùng trị đàm thực cùng tiêu.

Cách gia giảm: Khi điều trị cụ thể không nhất thiết dùng tất cả các vị theo chứng bệnh mà gia giảm, nếu biểu hàn nặng có thể lấy Nhục quế thay Quế chi, biểu chứng không rõ rệt có thể bỏ Ma hoàng, Bạch chỉ, lý hàn nặng gia Ngô thù du, âm hư tự hãn có thể giảm bớt thuốc phát biểu mà gia Phụ tử, thương thực thì gia Sơn tra, Mạch nha, Lục khúc, nếu đau bụng kinh có thể bỏ thuốc phát biểu mà gia Hương phụ chế, Diên hồ sách.

TỨ NGHỊCH THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Phụ tử (ché) 8-16 gam
2. Can khương 4-8 gam
3. Cam thảo (chích) 4-8 gam

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hồi dương cứu nghịch, ôn trung chỉ tả.

Chữa chứng bệnh: Âm hàn nội thịnh, dương khí suy vi, tứ chi liễm lạnh, hạ lợi thanh cốc hoặc ra mồ hôi lạnh, nôn mửa đau bụng, mạch trầm nhỏ nhẹ muốn tuyệt, rêu lưỡi trắng hoạt.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc tiêu biểu hồi dương cứu nghịch. Phụ tử đại tên đại nhiệt, là thuốc chích để hồi dương, khứ hàn, tác dụng đến toàn thân, sức nó nhanh mà không lưu lâu, Can khương ôn trung tán hàn, tác dụng ở vị tràng, mạnh mẽ và giữ lâu. Cho nên người xưa nói “Phụ tử chạy mà không lưu, Can khương lưu mà không chạy” hai vị phối hợp với nhau, tác dụng hồi dương càng rõ rệt. Cam thảo cam hoãn, có tác dụng tư dưỡng âm dịch, có thể hòa hoãn tính mãnh liệt của Khương, Phụ, còn bổ trung ích khí, hiệp trợ Khương, Phụ phát huy tác dụng hồi dương cô thoát tốt hơn. “Thương hàn luận” cấp cứu vong dương, thường dùng *Tứ nghịch thang* làm phương thuốc chủ ứng dụng rất nhiều, nhất là do hạ lợi mà dẫn đến vong dương, bài thuốc này dùng cả Khương, Phụ rất hợp với việc hạ lợi vong dương lại càng thích hợp.

Nếu người bệnh mặt đỏ, buồn bực “chân hàn giả nhiệt”, lúc dùng thuốc này nên uống nguội cho nên gọi là trị hàn để chữa nhiệt, uống mát cho thuốc dẫn, nếu không ngược lại bốc hỏa lên trên, có lúc chảy máu mũi.

Cách gia giảm: *Tứ nghịch nhân sâm thang*, tức là bài này gia Nhân sâm, chữa dương khí suy vi, khí huyết đều hư, rét nhiều mạch nhẹ, gia Nhân sâm để ích khí huyết cho mạch đều hòa, lại gia Thực địa, Đương quy gọi là Lục vị hồi dương âm để chữa do có bệnh nhiệt tính mà âm dịch hao tổn trước, vong dương sau nên trong khí hồi dương cứu nghịch gia Quy, Địa để hộ trợ âm dịch.

SÂM PHU THANG

« Thể y đặc hiệu phương »

Thành phần:

1. Nhân sâm 8-16 gam
2. Phụ tử (ché) 4-12 gam

Cách dùng: Đun sắc uống. Bệnh nặng, liều lượng tăng gấp bội, ngày có thể dùng hai thang.

Công dụng: Hồi dương, ích khí, cứu thoát dương.

Chữa chứng bệnh: Dương khí bạo thoát, thờ ra gấp, mồ hôi ra tứ cho lạnh, chóng mặt khí doãn, sắc mặt xanh trắng, mạch nhẹ muốn tuyệt.

Giải bài thuốc: Bài này là đại ôn đại bổ, hồi dương cứu thoát dương, Nhân sâm đại bổ nguyên khí, Phụ tử ôn tráng chân dương, hai vị ghép với nhau làm phần chân dương khí, ích khí cố thoát. Vị thuốc ít, liều lượng nhiều khiến hiệu quả của thuốc càng nhanh nhạy mạnh mẽ.

Ngoài ra, sau khi phẫu thuật lớn, chính khí khuy hư, tâm lực mòn mỏi, dùng cũng rất thích hợp. Phụ nữ sau khi sinh đẻ, hoặc hành kinh bị băng huyết lớn hoặc bị ngoại thương chảy máu dẫn đến huyết thoát dương vong, đều có thể dùng bài thuốc này để cứu chữa, người xưa nói “huyết thoát ích khí” là nói trường hợp này.

Cách gia giảm: Bài này bổ Nhân sâm gia Hoàng kỳ tức là *Kỳ phụ thang*, chủ trị trợ dương cố biểu, chữa dương hư mồ hôi tự ra đầm đìa. Nếu mồ hôi ra nhiều có thể gia Mẫu lệ (nung), Ma hoàng, Tiểu

mạch, để tăng thêm tác dụng ngừng đỡ mô hôi bài này bỏ Nhân sâm gia Bạch truật tức là *Truật phụ thang* có tác dụng ôn dương trừ thấp, trị hàn thấp nội trở, tỳ dương uất kiệt, bụng chướng đại tiện lỏng hoặc hàn thấp bó nhau, thân thể đau nhức. Bài này gia Long cốt, Mẫu lệ tức là *Sâm phụ long mẫu thang* có tác dụng liễm hãn, tiềm dương, cố thoát. Trị âm dương đều hư kiệt đỡ mô hôi ra tứ chi lạnh, sắc mặt phù đỏ, mạch hư sắc hoặc phù đại vô căn.

ÔN DƯƠNG LỢI THỦY THANG

(Tên cũ: *Chân vũ thang*)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Phục linh	12-16 gam	4. Bạch truật	8-12 gam
2. Bạch thược	12-16 gam	5. Phụ tử (chế)	8-12 gam
3. Sinh khương	8-12 gam		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn thận tán hàn, kiện tỳ lợi thủy.

Chữa chứng bệnh: tỳ thận dương hư, thủy khí nội đình, tiểu tiện không lợi, người phù thũng tứ chi nề mà đau dữ, sợ lạnh bụng đau, đi tả, rêu lưỡi trắng loạt, mạch trầm nhỏ.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Phụ tử đại tân đại nhiệt, ôn thận dương, khứ hàn tà, Phục linh, Bạch truật kiện tỳ lợi thủy, Sinh khương ôn tán thủy khí tăng thêm tác dụng lợi thủy của Linh, Truật, Thược được hòa dinh chỉ thống, toan hàn biếm âm lại hòa hoãn được tính tân nhiệt của Khương, Phụ không gây ra thương tổn âm là phương thuốc tiêu biểu để ôn âm lợi thủy. Nó có đủ tác dụng ôn thận trực hàn, kiện tỳ lợi thủy, với chứng tỳ thận dương hư, hạ tiêu hữu hàn, thủy thấp lan tràn như do thận dương không đủ, khí không hóa thủy, lạnh bên ngoài, thủy khí nội đình mà tiểu tiện không lợi, tứ chi thân thể phù thũng, hoặc tứ chi đau nhức, hoặc bụng đau hạ tiện dùng là thích hợp.

KẾT LUẬN

Thuốc ôn ở chương này bao gồm hai mặt ôn trung khứ hàn và hồi dương cứu nghịch.

Ôn trung khứ hàn lấy *Lý trung hoàn* làm bài thuốc chủ, thích hợp với các chứng tỳ vị hư hàn, bụng đau đi tả, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch trầm nhỏ, *Đại kiến trung thang* thích hợp với các chứng trung tiêu hư hàn, âm hàn Thượng nghịch, vùng bụng đau nhói, nôn mửa không ăn được, *Ngô thù du thang* chủ trị can kinh hàn khí Thượng nghịch, vùng bụng đau chướng, ăn xong muốn nôn hoặc nôn khan, chầy giải, đầu đau, còn bài *Ngũ tích tán* là bài thuốc giải cả biểu và lý lấy khứ hàn làm chính.

Hồi dương cứu nghịch lấy *Tứ nghịch thang* làm phương thuốc chủ thích hợp với chứng âm hàn nội thịnh, có nguy cơ vong dương, nhất là hạ tiện mà chân tay lạnh mạch nhẹ thì *Tứ nghịch thang* là bài thuốc tất yếu phải dùng. *Sâm phụ thang* chữa dương khí suy kiệt muốn thoát, so với chứng ở *Tứ nghịch thang* càng nguy cấp hơn. *Ôn dương lợi thủy thang* dùng chữa thận dương hư nhược thủy khí nội đình, tay chân thân thể phù thũng, tiểu tiện không lợi.

Chương 7

THUỐC TIÊU

Thuốc tiêu là phương thuốc dùng để tiêu đạo, tiêu tán, nhuyễn kiên, hóa tích để tiêu trừ một chất gì đó có hại trong thân thể, đó là phương pháp “tiêu” trong 8 phương pháp. Phạm vi phương pháp tiêu tương đối rộng như các chứng tích cục, tích chướng, tích thực, tích thủy, tràng nhạc, hạch đờm và u sơ khởi đầu đều có thể dùng phương pháp tiêu để chữa, nhưng chương này chỉ chọn những phương thuốc thuộc về tiêu thực đạo trệ, bài trừ sỏi mật, tiêu tán tràng nhạc, ngoài ra xem ở các chương khác có liên quan về tả hạ trực thủy, hoạt huyết khứ ứ, lợi thủy thông lâm v.v...

Phương thuốc tiêu ngoài dùng thuốc tiêu đạo tiêu thực tích dùng thuốc phát tán tiêu ung ách ra, nói chung theo nguyên tắc “kiên gia tước chi”. Gọi là “tước” có ý nói dần dần làm yếu và làm mòn đi vì rằng các chứng tích chướng tích cục, kết sỏi, tràng nhạc hạch đờm đã hình thành tích cứng, muốn tiêu tán phải có một quá trình, thuốc dùng để làm mềm chất rắn tiêu tích, tiêu tán dần dần, nếu dùng thuốc công gấp mãnh liệt thì tích chưa tiêu đã thương tổn chính. Cho nên thuốc tiêu thường dùng thuốc hoàn để tiện uống lâu chữa chậm, liều lượng mỗi lần dùng cũng ít.

Tác dụng của thuốc tiêu hoãn hòa hơn thuốc tả hạ, nhưng rốt cục vẫn là thuốc công phạt, thuộc phạm trù “công pháp”, với người chính khí hư nhược vẫn là vừa công vừa bổ, dùng cùng một lúc với thuốc bổ ích hoặc trong thuốc tiêu phối hợp dùng thuốc bổ, trong tiêu có bổ, là cách chữa thông thường khứ tả mà không tổn chính.

BẢO HÒA HOÀN

« Đan kê tâm pháp »

Thành phần:

1. Sơn tra	6 lượng	4. Lục khúc	2 lượng
2. Bán hạ	3 lượng	5. Phục linh	3 lượng
3. Trần bì	1 lượng	6. Thái phục tử	1 lượng

Cách dùng: Liều lượng nói trên dùng để chế thuốc hoàn, ở hiệu thuốc có thuốc chế sẵn mỗi lần dùng từ 6-12 gam, ngày 2 lần uống với nước đun sôi, cũng có loại thuốc phiến khác gọi là *Bảo hòa phiến* là phương thuốc sửa đổi của bài thuốc này, công dụng giống nhau, ngày dùng 3 lần, mỗi lần 4 phiến, trẻ em thì giảm bớt, cũng có thể làm thuốc thang, đun sắc uống.

Công dụng: Tiêu thực hòa vị.

Chữa chứng bệnh: Tích thực đình trệ, bụng trên bĩ mãn hoặc đau bụng, hơi thở hôi, chán ăn hoặc đại tiện không nhuận, rêu lưỡi nhờn đục, nhờn vàng, mạch hoạt.

Giải bài thuốc: Sơn tra, Lục khúc, Thái phục tử, 3 vị này đều giúp tiêu hóa, tiêu tích thực. Trong đó Sơn tra giỏi tiêu chất thịt, chất nhờn, Lục khúc giỏi tiêu ngũ cốc tích trệ, Thái phục tử giỏi tiêu chất bột, lại thêm Trần bì, Bán hạ, Phục linh hòa vị, Liên kiều tán thực trệ tích dẫn đến uất nhiệt, là phương thuốc thường dùng để tiêu thực hòa vị.

Cách gia giảm: Bài này là bài thuốc nhẹ và tiêu thực đạo trệ, nếu gia Mạch nha tác dụng tiêu thực mạnh lên, nếu tích thực nặng thì gia Chi thực, Bình lang.

Bài này gia Bạch truật 2 lượng tên là “*Đại an hoàn*”, chức năng tiêu thực bổ tỳ, chữa chứng tỳ hư thực trệ không hóa, đại tiện lỏng là phương thuốc trong tiêu có bổ.

CHỈ THỰC ĐẠO TRỆ HOÀN

« Nội ngoại thương biện cảm luận »

Thành phần:

1. Đại hoàng	40 gam	5. Bạch truật	12 gam
2. Phục linh	12 gam	6. Chỉ thực	20 gam
3. Hoàng cầm	12 gam	7. Lục khúc	20 gam
4. Hoàng liên	12 gam	8. Trạch tả	8 gam

Cách dùng: Liều lượng nói trên dùng để chế thuốc hoàn, hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn, mỗi lần dùng 6-12 gam, ngày 2 lần, uống với nước đun sôi.

Công dụng: Tiêu đạo tích trệ, thanh lợi thấp nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Thấp nhiệt tích trệ ở tràng vị, đầy chướng, hạ ly, hoặc đau bụng tiết tả, lý cấp hậu trọng hoặc đại tiện bí kết, tiểu tiện vàng đỏ và ít, rêu lưỡi nhòn đục hoặc nhòn vàng, mạch trầm có lực.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Đại hoàng, Chỉ thực công hạ tích trệ; Hoàng liên, Hoàng cầm tảo thấp thanh nhiệt, Phục linh, Trạch tả thấm lợi thấp nhiệt, Lục khúc tiêu thực hòa trung, Bạch truật kiện tỳ tảo thấp, các vị phối hợp với nhau không những thanh trừ thấp nhiệt tích trệ mà còn khôi phục được chức năng tiêu hóa của tỳ vị, thích hợp chữa các chứng thấp nhiệt thực trệ cản trở tràng vị, bụng trên đầy chướng, bụng đau hạ ly.

Cách gia giảm: Bài này gia thêm Mộc hương 12 gam, Bình lang 16 gam, để lý khí đạo trệ gọi là “Mộc hương đạo trệ hoàn”, thích hợp chữa các bệnh thấp nhiệt tích trệ thành lý, lý cấp hậu trọng và bụng đầy chướng.

MỘC HƯƠNG BÌNH LANG HOÀN

« Y phương tập giải »

Thành phần:

1. Mộc hương	1 lượng	8. Tam lăng	1 lượng
2. Bình lang	1 lượng	9. Hoàng bá	3 lượng
3. Thanh bì	1 lượng	10. Đại hoàng	3 lượng
4. Trần bì	1 lượng	11. Hương phụ	3 lượng
5. Chi xác	1 lượng	12. Hắc sủu	4 lượng
6. Nga truật	1 lượng	13. Huyền minh phấn	2 lượng
7. Hoàng liên	1 lượng		

Cách dùng: Liều lượng nói trên dùng để chế thuốc hoàn, hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn, mỗi lần dùng 6-12 gam ngày 2 lần, uống với nước đun chín, chuyển thành thang với liều lượng thích hợp, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hành khí đạo trệ, tả nhiệt thông tiện.

Chữa chứng bệnh: Ăn uống không tiêu, tích trệ nội đình, bụng đau đầy chướng, đại tiện bí kết và đi lý đồ trắng, lý cấp hậu trọng, rêu lưỡi vành nhòn, mạch thực, mạnh.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Mộc hương, Bình lang, Hương phụ, Thanh bì, Trần bì, Chi xác để hành khí, lợi khí, phá khí, đạo trệ. Tam lăng, Nga truật tiêu tích. Hoàng liên, Hoàng bá tảo thấp thanh nhiệt, Hắc sủu, Đại hoàng thông tiện. Nhìn qua toàn bài thuốc, tập trung dùng Mộc hương, Bình lang để hành khí, mục đích của nó là sơ thông tràng vị, co giãn cơ bắp là chính để giải trừ đầy, mãn đau chướng, đồng thời tả nhiệt thông tiện, đạo trệ hạ hành cho nên nếu thấp nhiệt tích trệ, khí trệ nặng, đại tiện bí hoặc đau bụng, lý cấp hậu trọng mà người bệnh chính khi chưa hư thì dùng bài thuốc này là thích hợp nhất.

CHỈ TRUẬT HOÀN

(Phụ: *Chỉ truật thang*)

Trích « Thương hàn luận » theo bài thuốc của Trương Nguyên Tố

Thành phần:

1. Chỉ thực 1 lượng.
2. Lá sen bao cơm nung khô, nghiền nhỏ làm hoàn.
3. Bạch truật 2 lượng

Cách dùng: Mỗi lần dùng 6-12 gam, ngày 2 lần uống với nước đun sôi.

Công dụng: Kiện tỳ vị, tiêu đầy chướng.

Chữa chứng bệnh: Tỳ vị hư nhược, tiêu hóa không tốt, ẩm thực đình trệ, bụng đầy chướng, đại tiện nhão hoặc không thông sướng.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Bạch truật kiện tỳ, Chỉ thực tiêu đầy chướng nhưng liều lượng Bạch truật gấp đôi Chỉ thực, dùng lá sen có hương thơm bọc cơm nung khô chế thành hoàn là phương thuốc thanh dương đi lên mà hòa dưỡng vị khí, cho tiêu ra ngoài, với người tỳ vị yếu, ăn uống đình trệ, dưới vùng tim đầy chướng thì bỏ mà không trệ khi, tiêu mà không tổn thương chính.

Hiện nay bài thuốc chữa bệnh rộng dạ dày, sa dạ dày cũng có hiệu quả nhất định.

Cách gia giảm: Gia Lục khúc, Mạch nha gọi là *Khúc mạch chỉ truật hoàn* chữa bụng ăn uống quá nhiều, bụng chướng đầy khó chịu. Gia Bán hạ, Trần bì gọi là *Quật bán chỉ truật hoàn*, chữa tỳ hư đờm trệ, ăn uống không tiêu, khí trệ đầy chướng, gia Sa nhân, Mộc hương gọi là *Hương sa chỉ truật hoàn* có tác dụng phá khí trệ, tiêu đồ ăn, khai vị ăn ngon.

Phụ phương:

Chỉ truật thang:

Dùng 7 quả Chỉ thực, Bạch truật 2 lượng (theo liều lượng của sách Kim quỹ yếu lược về sau xuống 1 lượng, hiện nay dùng 12 gam).

Nguyên chữa “dưới tim rắn chắc, to như cái thúng, do thủy ẩm gây nên”, chủ trị chứng tỳ nhược khí trệ, mất sự tiêu hóa, dẫn đến thủy bĩ kết dưới vùng tim nên Chỉ thực tiêu bĩ, Bạch truật kiện tỳ. Bài này vị thuốc cơ bản giống bài *Chỉ truật hoàn*, nhưng liều lượng Chỉ thực gấp đôi Bạch truật. Về sau Trương Nguyên Tố cho rằng Chỉ thực tước mòn, không nên dùng nhiều, dùng lâu nên đảo ngược liều lượng lại để Bạch truật gấp đôi Chỉ thực đổi thành hoàn gọi là *Chỉ truật hoàn*. Xưa nay cho rằng *Chỉ truật hoàn* bổ nặng hơn tiêu so với bài *Chỉ truật thang* nguyên gốc hợp lý hơn nhưng căn cứ dược lý hiện đại thực nghiệm, Chỉ thực có tác dụng làm tăng sức co bóp của vị tràng nên khi chữa sỏi mật, sa dạ dày, sa tử cung và tràng vị mất chức năng điều hòa thì tất phải dùng nó làm thuốc chủ. Cái gọi là “thủy ẩm” mà bài thuốc này điều trị biểu hiện lâm sàng sa dạ dày, nguyên bài thuốc có chú thích rõ sau khi dùng thuốc trong bụng phải mềm mới là biểu hiện có hiệu quả. Những năm gần đây kết quả lâm sàng cho biết, bài thuốc này chữa sa dạ dày hiệu quả của nó tốt hơn *Chỉ truật hoàn*. Vì vậy, có thể cho rằng, nếu chữa sa dạ dày nên dùng nhiều Chỉ thực, Chỉ thực tiêu bĩ có Bạch truật phụ trợ, là nặng bổ hơn tiêu, có thể tiêu mà không thương tổn chính, nếu chữa tiêu hóa không tốt nên dùng nhiều Bạch truật, Bạch truật kiện tỳ có Chỉ thực phụ trợ là nặng tiêu hơn bổ, có thể bổ mà không trệ khí.

TIÊU THẠCH PHÀN THẠCH TÁN

(Phụ: Khu hồi thang số 2, Lợi đờm hoàn)

Trích: « Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Tiêu thạch (hỏa tiêu)
2. Phan thạch (lục phàn)

Cách dùng: Lấy vị thuốc trên nghiền nhỏ chế thành thuốc tán, uống với nước cháo Đại mạch. Hiện nay lâm sàng ứng dụng, thường dùng Huyền minh phàn hoặc Mang tiêu, dùng ít hỏa tiêu, nhào với hồ bột làm hoàn hoặc phiến, nuốt uống, mỗi phiến trọng lượng một phân, mỗi lần 3-5 phiến, ngày dùng 2-3 lần, sau khi ăn cơm dùng thuốc là tốt.

Công dụng: Tan sỏi phá cứng, lợi đờm.

Chữa chứng bệnh: Sỏi mật.

Giải bài thuốc: Bài này phối hợp dùng Tiêu thạch và Phan thạch để phá cứng tán kết, hóa ứ tiêu tích, thuộc loại phương thuốc tiêu cứng phá tích. Dùng nước cháo Đại mạch uống thuốc là có ý làm giảm tác dụng kích thích của hai vị thuốc đối với đường tiêu hóa. Bài này vốn chữa bệnh hắc đản (tức là bệnh Hoàng đản nặng), hiện nay trong điều trị dùng để tiêu sỏi mật có hiệu quả nhất định. Dùng bài này có thể phối hợp dùng cả thuốc thang, theo kinh nghiệm điều trị thường kết hợp dùng *Tứ nghịch tán* hoặc *Tiêu dao tán* thêm 40-80 gam Kim tiền thảo, Kê nội kim 16-32 gam (nuốt).

Phụ phương:

1. Khu hồi thang số 2:

Là phương thuốc thực nghiệm của bệnh viện Nam Khai - Thiên Tân, thích hợp với bệnh giun bị chết ở ống mật.

Gồm các vị Sài hồ, Nhân trần, Mẫu lệ, Chi tử, Mộc hương, Chi xác, Uất kim, Khô phàn, táo thành đại tiện bí thêm Sinh đại hoàng.

Toàn bài có tác dụng lợi đờm, hóa trùng, bài thải mà tác dụng bài thải giun chết trong ống mật chủ yếu dựa vào Khô phàn (tức phèn chua phi lên). Còn bài *Tiêu thạch phàn thạch tán* tiêu sỏi mật thì dùng phèn xanh. Phèn chua đều có thể tiêu tích nhưng mỗi thứ có tác dụng riêng.

2. Lợi đờm hoàn:

Bài thuốc thực nghiệm của học viện trung y.

Gồm các vị Nhân trần 4 lượng, Long đờm thảo, Uất kim, Mộc hương, Chi xác mỗi thứ 3 lượng, nghiền nhỏ, gia nước mật lợn tươi, hoặc nước mật bồ hoặc nước mật dê 1 cân, phải cô nước mật đặc còn 1/2 cân, cho thuốc vào, gia thêm ít mật ong chế thành hoàn, mỗi lần dùng 3 gam, uống với nước đun sôi, sớm tối một lần, có tác dụng lợi đờm tiêu sỏi, uống liền một tháng, ngừng uống 1 tuần lại uống tiếp đợt 2.

ĐỜM ĐẠO BÀI THẠCH THANG

« Bài thuốc thực nghiệm của y viện Nam Khai - Thiên Tân »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|--------|-------------------|--------|
| 1. Kim tiền thảo | 40 gam | 4. Nhân trần | 12 gam |
| 2. Chi xác | 12 gam | 5. Uất kim | 12 gam |
| 3. Mộc hương | 12 gam | 6. Sinh đại hoàng | 12 gam |

Cách dùng: Ngày dùng một thang, đun sắc chia 2 lần uống cũng có thể chế thành hoàn. Thuốc hoàn mỗi lần dùng 3 gam, sớm tối 1 lần, mỗi đợt điều trị một thang, nghỉ 1 tuần lại điều trị đợt 2.

Công dụng: Thanh nhiệt lợi thấp, hành khí chỉ thống lợi đờm bài sỏi.

Chữa chứng bệnh: Chữa chứng sỏi mật phát lên theo kỳ, thích hợp nhất với mấy trường hợp sau đây:

1. Ống mật có sỏi đường kính nhỏ hơn 1 ly.
2. Ống gan có sỏi 3, sau khi mổ xong còn sót lại sỏi.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Kim tiền thảo để tiêu sỏi lợi thấp, cùng với Nhân trần, Uất kim lợi đờm hiệp đồng bài sỏi ra ngoài, Chỉ xác hành khí phá kết, Mộc hương điều khí chỉ thống, Đại hoàng tả hỏa thông tiện có lợi cho việc tiêu sỏi.

Bài thạch thang có 3 bài thuốc: Một bài là phương thuốc thực nghiệm ở bệnh viện Tôn Nghĩa gọi là *Tam hoàng bài thạch thang* gồm các vị Hoàng liên 8 gam, Hoàng cầm, Quảng Mộc hương, Chỉ xác, Sinh đại hoàng đều 12 gam, chữa sỏi ở ống mật do thấp nhiệt ôn kết lại biểu hiện dưới hông phải và bụng trên đau xoắn vào nhau, đưa tay ấn mạnh, đau chạy lên sống lưng, ngực đầy bụng buồn bực, nôn mửa, không muốn ăn, khát không muốn uống, đại tiện tích kết, vàng da gầy mòn, hơn nữa là gáy lạnh mà sốt, mặt mũi vàng, hạch huyền hoạt mà sắc, rêu lưỡi vàng nhờn. Một bài khác tên là *Đại bài thạch thang* gồm các vị Sài hồ, Bạch thực, Quảng Mộc hương, Sinh đại hoàng (cho vào sau). Hoàng cầm, Chế bán hạ mỗi thứ 12 gam, Chỉ thực 16 gam, Hoàng liên 8 gam, Ngô thù du 4 gam, Mang tiêu 20 gam đến 40 gam, tức là *Đại sài hồ thang gia tả kim hoàn*, chữa kết sỏi ống mật thuộc dạng can uất khí trệ biểu hiện dưới hông phải hoặc vùng tim đau dẫn lên xương sống, ngực buồn bực đầy hơi kèm theo nôn mửa, miệng đắng họng khô, rêu lưỡi mỏng trắng hoặc vàng, lưỡi tía nhạt, mạch huyền hoặc sắc. Còn một bài nữa tên là *Bài thạch thang số 6* (Phương thuốc thực nghiệm của bệnh viện Tôn Nghĩa gồm các vị Hồ trọng 40 gam (hoặc cây 3 gai 1 lượng), Mộc hương 20 gam, Chỉ xác 20 gam, Đại hoàng 20 gam, Kim tiền thảo 40 gam (hoặc Nhân trần 40 gam), Chi tử 20 gam, Diên hồ sách 20 gam, chữa các bệnh mật kết sỏi dạng thấp nhiệt, viêm túi mật, có tác dụng thanh lợi thấp nhiệt, hành khí chỉ thống, lợi đờm bài sỏi. Đặc điểm của nó là dùng Hồ trọng hoặc cây 3 gai thay Hoàng liên, có thể dùng cả Kim tiền thảo và Nhân trần, qua thực tiễn lâm sàng chứng minh hiệu quả điều trị cơ bản giống nhau, có thể phổ biến rộng.

Thực tiễn ở các địa phương chứng minh: Kim tiền thảo, Đại hoàng, Mộc hương, Chỉ xác Hồ trọng, Trần bì cùng phối hợp dùng có tác dụng tiêu sỏi bài sỏi.

NỘI TIÊU LOA LỊCH HOÀN

(Phụ: Hạ khô thảo cao, Cao vu nữi hoàn)

« Phương thuốc thực nghiệm »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|---------|--|--|
| 1. Huyền sâm | 5 lượng | 10. Đương quy | 1 lượng |
| 2. Cam thảo | 1 lượng | 11. Tượng bối mẫu | 1 lượng |
| 3. Bạch kiếm | 1 lượng | 12. Kiết cánh | 1 lượng |
| 4. Chỉ xác | 1 lượng | 13. Bạc hà | 1 lượng |
| 5. Hải táo | 1 lượng | 14. Sinh địa | 1 lượng |
| 6. Chế đại hoàng | 1 lượng | 15. Hải phân (chùm trứng nhỏ trong con sứa bé) | 1 lượng |
| 7. Liên kiều | 1 lượng | | nghiền thành bột, dùng Hạ khô thảo 8 lượng đun lên với |
| 8. Thiên hoa phấn | 1 lượng | | Huyền minh phân 1 lượng tất cả cho vào ngàoy luyện thành |
| 9. Thanh lam | 5 lượng | | hoàn bằng hạt đậu to. |

Cách dùng: Mỗi lần dùng 8-12 gam, ngày uống 2 lần, uống với nước ấm.

Công dụng: Làm mềm chất rắn tán kết, hóa đàm, tiêu u bướu, cục hòn, đàm hạch.

Chữa chứng bệnh: U bướu, tràng nhạc, đàm hạch, hoặc phù thũng.

Giải bài thuốc: Bài này đặc điểm là tập trung hóa đàm, làm mềm chất rắn, tán kết để tiêu bướu, tràng nhạc, đàm hạch, các vị Hải táo, Chi xác, Kiết cánh, Bối mẫu, Liên kiều, Hải phân, Huyền sâm, Thiên hoa phấn, Thanh lam, Bạch kiên, Hạ khô thảo, Huyền minh phần đều thuộc loại thuốc này. Trong bài còn dùng Đương quy hoạt huyết, Sinh địa dưỡng âm, Đại hoàng tả hỏa, Bạc hà tán tán để y tăng thêm sức phá chất rắn, tiêu tán, Cam thảo có tác dụng điều hòa các vị thuốc. Bài này còn có cách xử lý khác nhau, vị thuốc thêm bớt có thay đổi nhưng nguyên tắc đều là phá chất rắn tán kết làm chính. Các hiệu thuốc ở Thượng Hải có bán thuốc chế sẵn.

Phụ phương:

1. Hạ khô thảo cao:

1. Đương quy	20 gam	9. Huyền sâm	20 gam
2. Cam thảo	12 gam	10. Hương phụ	40 gam
3. Kiết cánh	12 gam	11. Hạ khô thảo	96 gam
4. Bạch thược	20 gam	12. Bối mẫu	20 gam
5. Hồng hoa	12 gam	13. Cương tâm	20 gam
6. Trần bì	12 gam	14. Ô dược	20 gam
7. Côn vó	12 gam	15. Mật ong	320 gam
8. Xuyên khung	12 gam		

Nấu thành cao, mỗi lần uống 12-20 gam, ngày uống 2 lần vào lúc đói. Có phương thuốc chỉ dùng Hạ khô thảo sắc xong hòa với mật ong làm cao. Chủ trị bướu cổ, tràng nhạc, đàm hạch, bài này cơ bản giống với bài *Nội tiêu loa lịch hoàn*.

2. Vu nãi hoàn:

2.1. Lấy thanh vu, nãi can (bỏ vỏ) nghiền thạch bột, rang nóng, dùng 20% nước gừng sống hòa với nước ngào bột viên lại bằng hạt đậu.

2.2. Một bài thuốc khác dùng Vu nãi 10 cân, Bột tể 1 cân, Hải chiết 1 cân, rửa Hải chiết cho nhạt đi rồi hòa với nước Bột tể đã sắc ngào bột thành hoàn.

Có thể tiêu đàm, làm mềm chất rắn là bài thuốc đơn giản chữa bệnh bướu cổ, tràng nhạc, hạch đàm. Bài thuốc này sau cùng dùng với bài *Tuyệt dương thang* (Bột tể, Hải chiết, công hiệu càng tốt).

2.3. Ngoài ra, có người dùng bài thuốc thí nghiệm gọi là “*Hóa kiên hoàn*” gồm các vị:

1. Mẫu lệ	8 gam	8. Xuyên khung	20 gam
2. Hải cáp xác	20 gam	9. Quế chi	20 gam
3. Hải táo	80 gam	10. Tế tân	20 gam
4. Côn vó	8 gam	11. Bạch chỉ	20 gam
5. Bối mẫu	20 gam	12. Hoắc hương	20 gam
6. Hạ khô thảo	40 gam	13. Sơn từ cô	20 gam
7. Đương quy	40 gam		

Nghiền thành bột viên lại bằng hạt đậu, mỗi lần uống 12 gam, ngày uống 3 lần. Bài thuốc này giống các bài thuốc trên.

HẢI TẢO NGỌC HỒ THANG

« Y tông kim giám »

Thành phần:

1. Hải tảo	12 gam	7. Liên kiều	8-12 gam
2. Côn bố	12 gam	8. Bối mẫu	12 gam
3. Hải tai	12 gam	9. Đương quy	8-12 gam
4. Bán hạ	12 gam	10. Xuyên khung	4-8 gam
5. Trần bì	6 gam	11. Độc hoạt	8-12 gam
6. Thanh bì	5 gam		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Hóa đàm nhuyễn kiên, tiêu tán u bứu.

Chữa chứng bệnh: Tuyến giáp trạng u bứu, sưng to.

Giải bài thuốc: Hải tảo, Hải tai, Côn bố theo dược lý ngày nay phân tích, hàm chứa nhiều chất can xi, có tác dụng tiêu tán u bứu, là thuốc chủ của bài thuốc này. U bứu thường do khí huyết ngưng tụ nên lại dùng Trần bì, Thanh bì sơ can lý khí, Đương quy, Xuyên khung, Độc hoạt hoạt huyết hành khí, Bối mẫu, Liên kiều tiêu thũng tán kết là phương thuốc tiêu biểu và tiêu tán u bứu. Hiện nay, trong lâm sàng thường dùng chữa chứng tuyến giáp trạng sưng to do thiếu chất can xi. Ngoài ra trên cơ sở bài thuốc này gia thêm Hoàng dược tử 3-5 gam, Hạ khô thảo, Bạch hoa xà 10 gam để chữa bứu cổ tuyến giáp trạng có hiệu quả nhất định.

KẾT LUẬN

Thuốc tiêu ở chương này gồm tiêu thực đạo trệ, bài trừ kết sỏi, tiêu tán tràng nhạc, u bứu.

Bảo hào hoàn là phương thuốc chuyên tiêu thực, *Chỉ thực đạo trệ hoàn*, *Mộc hương bình lang hoàn* lấy hành khí đạo trệ làm chính, chủ yếu chữa các chứng vị tràng thấp nhiệt lại bị trệ, đi tả, đi lỵ, đau bụng, lý cấp hậu trọng, *Chỉ truật hoàn* và *Chỉ truật thang* tiêu bĩ kiện tỳ tuy là thuốc tiêu nhưng trong tiêu có bổ, có thể dùng chữa sa dạ dày.

Tiêu sỏi ở mật dùng bài *Tiêu thạch phân thạch tán* là hay, nhưng khi sỏi mật mới phát muốn hòa giải bệnh trạng và bài trừ sỏi mật thì dùng bài *Đởm đạo bài thạch thang* là thích hợp. Muốn tiêu hoặc bài trừ sỏi ở đường tiết niệu thì có thể tham khảo phương thuốc lợi thủy thông lâm. Các vị Kim tiền thảo, Kê nội kim đều có thể dùng chữa chứng sỏi mật và sỏi bàng quang.

Các bài *Nội tiêu loa lịch hoàn*, *Hạ khô thảo cao*, *Vu nữ hoàn* nhằm hóa đàm, làm mềm chất rắn, công dụng tương tự đều là phương thuốc chữa u bứu, tràng nhạc, đờm hạch. *Hải tảo ngọc hồ thang* là phương thuốc thường dùng chữa tuyến giáp trạng sưng to.

Chương 8

THUỐC BỔ ÍCH

Thuốc bổ ích, gọi tắt là thuốc bổ là phương pháp chữa “bờ cái hư” và “ích cái tổn” là một trong 8 phương pháp chữa bệnh.

Tác dụng chủ yếu của thuốc bổ ích là bổ hư ích tổn, tức là dùng thuốc để bổ sung những gì không đủ về âm dương, khí huyết, âm tinh, tân dịch, điều chỉnh hoặc cải thiện một vài chức năng sinh lý bị suy thoái, qua phương pháp phù trợ chính khí để khử trừ tà bệnh. Thuốc bổ không phải là linh dược vạn ứng để “có bệnh thì chữa” - không bệnh thì cường thân - các loại thuốc bổ đều theo chỉ chứng lâm sàng mà có phạm vi thích ứng nhất định, là một phương pháp để phòng chữa bệnh.

Thuốc bổ ích có thể quy vào bốn loại là bổ khí, bổ dương, bổ huyết, bổ âm.

Thuốc bổ khí thường dùng các vị thuốc cam ôn ích khí như Hoàng kỳ, Đảng sâm (hoặc Nhân sâm), Cam thảo làm thành phần chủ yếu rồi dùng Bạch truật, Sơn dược, Phục linh là những vị thuốc kiện tỳ, dùng Thăng ma, Sài hồ là vị thuốc thăng đề, Phụ tử, Nhục quế là vị thuốc ôn dương, Mạch môn, Ngũ vị là những vị thuốc dưỡng âm liễm khí ghép thành những vị thuốc phù trợ chủ yếu. Nhưng cần phân biệt có kiện tỳ ích khí, thăng dương ích khí, hồi dương cố thoát, ích khí liễm âm để chữa các chứng khí hư như tỳ vị không khỏe, trung khí hạ hãm, dương khí bạo thoát, khí âm đều kiệt. Tuy nhiên trong lâm sàng có thể dùng đơn thuần một vị thuốc bổ khí để chữa bệnh, nhằm dùng một vị thì sức tập trung nhưng liều lượng phải tăng lên như dùng bài *Độc sâm thang* để chữa bệnh ra nhiều huyết mà không dứt, đó là một ví dụ điển hình, thuốc bổ dương thường dùng Nhục quế, Sừng hươu, Nhục thung dung là những vị thuốc bổ thận dương làm thành phần chủ yếu, trong lâm sàng thường dùng Địa hoàng, Quy bản, Thỏ ti tử là những vị thuốc bổ thận âm, ích thận tinh làm thuốc phù trợ. Như thuốc *Phụ quế bát vị hoàn* bổ thận dương là lấy bài *Lục vị địa hoàng hoàn* bổ thận âm gia thêm Phụ tử, Nhục quế, bài *Hữu quy âm* gia thêm Phụ tử, Nhục quế, Đỗ trọng, bỏ Phục linh đi, như vậy muốn nói rằng lý luận âm dương cùng gốc mà “lấy tinh khí phân âm dương thì âm dương không thể ly” có ý nghĩa thực tế trong điều trị lâm sàng. Cho nên trong “Cảnh nhạc toàn thư” lúc tổng kết kinh nghiệm dùng thuốc bổ dương có nói “giới bổ dương tất phải trong âm tìm dương thì dương được âm trợ mà sinh hóa vô cùng”.

Thuốc bổ huyết thường dùng Thục địa, Hà thủ ô, A giao, Đương quy là những vị thuốc bổ huyết làm thành phần chủ yếu rồi dùng Hoàng kỳ, Bạch truật là những vị thuốc kiện tỳ ích khí, Viễn chí, Táo nhân là những vị thuốc dưỡng tâm an thần, Xung khung, Ngưu tất là những vị thuốc thông kinh hoạt lạc, Hồng hoa, Đào nhân là những vị thuốc hoạt huyết khứ ứ và Bạch thực là vị thuốc nhu can làm vị thuốc phù trợ. Cần phải phân biệt các tác dụng bổ khí sinh huyết (hoặc bổ khí nhiếp huyết), dưỡng huyết ninh tâm, hoạt huyết thông lạc, khứ ứ sinh tân, dưỡng huyết nhu can để nhằm chữa các chứng khí theo huyết thoát (hoặc khí không nhiếp huyết), huyết không dưỡng tâm, huyết không vinh lạc, huyết ứ trở trệ, huyết hư gan vượng. Ngoài ra có thuốc bổ huyết còn có tác dụng điều kinh hoạt huyết như *Tứ vật thang* là phương thuốc chính về bổ huyết, lại là phương thuốc cơ sở cho điều kinh hoạt huyết.

Thuốc bổ âm thường dùng Địa hoàng, Quy bản là những vị thuốc bổ thận âm làm thành phần chủ yếu, rồi dùng Bạch thực, Kỳ tử là vị thuốc mềm gan, dưỡng gan, Thiên môn, Mạch môn là những vị thuốc thanh phế tạng dịch, Đương sâm, Viễn chí, Bá tử nhân, Táo nhân là những vị thuốc dưỡng tâm ninh tâm, Hoàng bá, Tri mẫu là những vị thuốc tả hỏa làm thuốc phù trợ chủ yếu. Nhưng cần phân biệt có các tác dụng bổ ích gan thận, dưỡng âm thanh phế hoặc dưỡng âm tạng dịch, bổ ích tâm thận, tư âm tả hỏa để nhằm vào các chứng gan thận âm hư, phế thận bất túc, tâm thận âm hư, âm hư hỏa vượng.

Bốn loại nói trên chỉ là theo âm dương khí huyết của toàn thân để quy nạp các tác dụng của thuốc bổ ích mà thôi. Theo tác dụng bổ ích ngũ tạng để phân tích, sách “Nan kinh” nói “tôn ở phế thì ích khí của nó, tôn ở tâm phải hòa dinh vệ, tôn ở tỳ phải điều hòa âm thực, thích ứng hàn ôn, tôn ở can phải hoãn trung, tôn ở thận phải ích tinh của nó”, đó là phương pháp cụ thể về bổ ích ngũ tạng. Căn cứ kinh nghiệm của các nhà y học thời trước và thực tế lâm sàng thời nay, trong bổ ích ngũ tạng đều phải chú trọng đến hai tạng là tỳ và thận. Về bổ khí mà nói, chú trọng đến tỳ phế hoặc tâm tỳ, về bổ dương

mà nói chú trọng đến tỳ thận. Vì vậy lúc dùng thuốc bổ ích, không chỉ cần căn cứ tình hình âm dương khí huyết toàn thân mà còn cần phân tích tỉ mỉ tạng phủ nào bị hư tổn mới có thể phóng tay chữa bệnh được, lúc bị ngoại cảm không nên dùng thuốc bổ. Phương pháp sắc thuốc bổ, tốt nhất là ngâm thuốc vào nước chùng một ngày. Sau đó đốt to lửa đun sôi, lại dùng lửa nhỏ đun thành nước đặc. Mỗi thang có thể đun 3 lần, giao nước thuốc 3 lần với nhau rồi uống.

KIỆN TỖ ÍCH KHÍ THANG

(Tên cũ: *Tứ quân tử thang*)

(Phụ: *Đạo công tán, Kiện tỳ hóa đàm thang, Kiện tỳ hòa vị thang, Kiện tỳ nhu can thang, Sâm linh bạch truật tán, Thật vị bạch truật tán*)

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|----------|-------------------|--------|
| 1. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam | 3. Phục linh | 12 gam |
| 2. Bạch truật | 8-12 gam | 4. Chích cam thảo | 4 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Kiện tỳ vị, ích khí hòa trung.

Chữa chứng bệnh: Tỳ vị hư nhược, khí hư bất túc, mệt mỏi rã rời, mặt vàng người gầy, ăn uống giảm sút, đại tiện lệt xệt, mạch mềm yếu, rêu mỏng trắng. Người thể hư, sau khi ốm không điều hòa hoặc bị bệnh lâu mà có chứng nói trên đều dùng được.

Giải bài thuốc: Bài này thường dùng trong lâm sàng là phương thuốc cơ sở của kiện tỳ ích khí, nhiều bài thuốc kiện tỳ bổ khí khác, thường từ đây mà biến hóa. Bài này dùng Nhân sâm bổ khí và Bạch truật kiện tỳ vận thấp phối hợp với nhau là thành phần chủ yếu, Phục linh thẩm khô giúp Bạch truật kiện tỳ vận thấp, Cam thảo cam bình giúp Nhân sâm ích khí hòa trung. Tác dụng của toàn bài, bổ khí mà không trệ thấp, thúc đẩy cơ năng vận hóa của tỳ vị, khiến ăn uống tăng lên, có lợi cho việc khôi phục sức khỏe. 4 vị thuốc mà bài thuốc chọn, dược tính bình hòa, có thể dùng lâu được không gây tác dụng xấu. Cho nên “cục phương” gọi là “*Tứ quân tử thang*” để nói lên tác dụng bình hòa của nó.

Bổ khí và kiện tỳ, trong cách chữa và dùng thuốc của đông y, tuy có sự phân biệt nhất định (như dùng sâm, kỳ bổ khí, truật, linh kiện tỳ) nhưng khí hư và tỳ hư thường có quan hệ mật thiết với nhau, thường là nhân quả của nhau, cho nên trong hai cách chữa bổ khí và kiện tỳ thường vận dụng phối hợp với nhau. Do tỳ vị là “gốc của hậu thiên” cơ năng vận hóa của tỳ vị là nguồn sinh hóa khí huyết của người ta cho nên giỏi chữa khí hư thường từ bắt tay vào kiện tỳ trước. Đồng thời do vận hóa của tỳ vị không điều hòa, không nghiền kỹ được thủy cốc thật tinh vi cho nên lúc chữa tỳ vị hư nhược phải có thuốc bổ khí giúp thêm mới giúp được tỳ vị vận hóa. Sâm, Kỳ vốn thường dùng, lúc cần gia thêm Phụ, Quế để ôn vận tỳ dương. Bài này dù dùng Nhân sâm, Cam thảo bổ khí, Bạch truật, Phục linh kiện tỳ phối với nhau là xử lý theo khí hư, tỳ hư có quan hệ mật thiết với nhau, thích hợp cho người tỳ hư khí hư. Nhưng do sự vật phát triển thường không cân bằng trong lâm sàng có lúc nặng về khí hư, có lúc nặng về tỳ hư thêm cả khí trệ, có người thiên về thấp đàm nên lúc dùng bài thuốc này cần căn cứ bệnh tình nặng nhẹ hoãn cấp mà chú trọng kiện tỳ hoặc chú trọng bổ khí mới chữa trúng bệnh để thu hiệu quả tốt.

Phụ phương:

1. Đạo công tán: Là bài thuốc này gia Trần bì. Do Trần bì là thuốc chính để lý khí hành khí sau khi phối hợp với Sâm, Truật, tăng thêm tác dụng kiện tỳ, hòa vị, lý khí nên thích hợp với người bệnh tỳ vị hư nhược mà khí trệ không sướng. Thường dùng chữa trẻ em tiêu hóa không tốt.

2. Kiện tỳ hóa đàm thang: (Tên cũ: *Lục quân tử thang*) tức là bài này gia Trần bì, Bán hạ cũng là *Nhị trần thang* (Bán hạ, Trần bì, Phục linh, Cam thảo) gia Sâm, Truật. Bán hạ, Trần bì là thuốc chính tào thấp hóa đàm sau khi phối hợp với bài này trở thành phương thuốc tiêu biểu về kiện tỳ hóa đàm. Trong lâm sàng thường dùng cho người bệnh tỳ vị hư nhược mà đàm thấp, viêm chi khí quản mạn tính, đường tiêu hóa mất chức năng điều hòa.

3. Kiện tỳ hòa vị thang: (Tên cũ: *Hương sa lục quế quân tử thang*) tức *Kiện tỳ hóa đàm thang* gia Mộc hương (hoặc Hương phụ), Sa nhân. Các vị thuốc gia thêm đều có mùi thơm làm tĩn bì, hòa vị sướng trung, điều lý khí cơ. Bài này trọng điểm là hòa vị sướng trung chữa các chứng tỳ vị hư nhược, vùng bụng đau lâm râm hoặc ngực tức khô khê, nôn mửa hoặc bụng sôi đại tiện lỏng.

4. Kiện tỳ nhu can thang: (Tên cũ: *Quy thược lục quân tử thang*) tức *Kiện tỳ hóa đàm thang* gia Đương quy, Bạch thược. Đương quy, Bạch thược là vị thuốc chủ yếu dưỡng huyết nhu can; sau khi gia vào bài thuốc này trở thành phương thuốc cùng chữa can tỳ, điều hòa khí huyết, chữa các chứng khí huyết không đủ, can tỳ cùng có bệnh, toàn thân hư nhược, ăn uống giảm sút, ngực tức bụng chướng, thăng hỏa, ít ngủ. Thường dùng chữa chứng viêm gan mạn tính gan bị xơ cứng sớm, kinh nguyệt không đều và các bệnh mạn tính khác đã nói ở trên. Nếu thấy lưỡi đỏ mà rêu ít có thể bỏ Bán hạ tức là *Quy thược dị công tán* để khỏi quá tân táo mà tổn thương âm dịch.

5. Sâm linh Bạch truật tán: Tức bài này gia Biền đậu, Sơn dược, Hạt sen, Kiết cánh, Ý dĩ, Sa nhân; có bài còn gia Trần bì, những vị thuốc được gia thêm phần lớn là tu dưỡng tỳ vị lý khí hóa đàm, trị tỳ phế khí hư, sức yếu khí ít, ăn ít đại tiện lỏng hoặc ho đờm lâu là phương thuốc tiêu biểu về dưỡng tỳ bổ phế.

6. Thất vị Bạch truật tán: Tức bài này gia Cát căn, Hoắc hương, Mộc hương. Do gia thêm *Cát căn thang* để chỉ tả, Hoắc hương có mùi thơm hóa thấp, Mộc hương điều khí sướng trung nên chuyên trị tỳ hư tiết tả nhất là với trẻ dùng càng tốt.

BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG

(Phụ: *Điều trung ích khí thang*)

« Tỳ vị luận »

Thành phần:

1. Hoàng kỳ	2-4 gam	5. Thăng ma	1 gam
2. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm)	1 gam	6. Chích cam thảo	2 gam
3. Bạch truật	1 gam	7. Trần bì	1 gam
4. Đương quy	1 gam	8. Sài hồ	1 gam

Cách dùng: Liều lượng nói trên theo bài thuốc cũ của sách, đem thuốc cắt vụn đun sắc ngày uống 3 lần.

Hiện nay chuyển thành thuốc phiến, ngày 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống. Nếu dùng thuốc hoàn (hiệu thuốc có bán) ngày dùng 2-3 lần, mỗi lần 4-8 gam.

Công dụng: Ích khí thăng dương, điều bổ tỳ vị.

Chữa chứng bệnh: Tỳ vị khí hư, tinh thần mệt mỏi, sợ lạnh, tự ra mồ hôi hoặc phát sốt mạch hư không có sức, trung khí hạ hãm, nội tạng bị sa (kể cả lòi dom sa tử cung) thậm chí tiểu tiện không hãm được, phụ nữ băng lậu thuộc chứng khí bất nhiếp huyết.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc tiêu biểu về thăng dương (thăng đề) ích khí. Hoàng kỳ, Nhân sâm là vị thuốc chủ yếu dùng để cam ôn ích khí. Trong đó Hoàng kỳ là thuốc chủ có công thăng bổ phối hợp với Thăng ma, Sài hồ để thăng đề dương khí. Vừa dùng thuốc thăng đề vừa dùng thuốc bổ khí là đặc điểm cơ bản trong việc ghép các vị thuốc ở bài này, chuyên trị các bệnh do trung khí hạ hãm gây nên. Còn Bạch truật, Trần bì, Đương quy, Cam thảo dùng để kiện tỳ lý khí, dưỡng huyết hòa trung là thuốc phụ trợ của bài thuốc này.

Bài này do Hoàng kỳ ích khí cổ biểu, Thăng ma thăng dương giáng hỏa, Sài hồ giải cơ thanh nhiệt nên người dương khí hư suy mà lại bị ngoại cảm tà phát sốt cũng có thể dùng, cách chữa này gọi là “cam ôn trừ nhiệt”.

Phụ phương:

Bài này bỏ Bạch truật, Đương quy, gia Thương truật, Mộc hương tức là *Điều trung ích khí thang* hợp với bệnh khí hư hạ hãm mà thấp đọng ở tỳ vị, đại tiện lỏng thông nên dùng Thương truật thay Bạch truật để tăng thêm tác dụng táo thấp, bỏ Đương quy vì dược tính nhuận không thích hợp với đại tiện lỏng, gia Mộc hương là lấy tác dụng tân lương hành khí.

ĐỘC SÂM THANG

(Phụ: *Thăng áp thang*)

« Thương hàn đại toàn »

Thành phần:

- Nhân sâm 12 gam (nếu dùng sâm trồng, lượng nên tăng)

Cách dùng: Đun sắc lấy nước đặc (lửa nhỏ thì tốt) uống riêng.

Công dụng: Ích khí cố thoát, cứu người bị bệnh nặng.

Chữa chứng bệnh: Ra huyết nhiều, vết thương không khỏi, tâm lực suy kiệt và các bệnh nặng khác, biểu hiện sắc mặt trắng bệch, tinh thần phờ phạc, tứ chi lạnh, mồ hôi nhiều, mạch nhỏ nhẹ muốn tuyệt.

Giải bài thuốc: Nhân sâm đại bổ nguyên khí, dùng riêng thì lực chuyên nên bài này chuyên dùng để ích khí cố thoát. Người ra nhiều huyết thoát phải ích khí trước. Nhưng nếu tứ chi lạnh, ra mồ hôi, huyết áp không lên thuộc chứng vong dương hư thoát, có thể gia thêm Phụ tử, Long cốt, Mẫu lệ (xem *Long mẫu thang*) để tăng tác dụng hồi dương cố thoát.

Phụ phương:

Thăng áp thang: (Phương thuốc thực nghiệm)

Bài này gồm các vị:

1. Đảng sâm 12-20 gam
2. Hoàng tinh 40 gam
3. Cam thảo 40 gam

Dùng để cấp cứu, huyết áp hạ thấp, có tác dụng nhất định.

TỬ VẬT THANG

(Phụ: *Bát trân thang, Thập toàn đại bổ thang, Bổ can thang*)

« Hòa lợi cục phương »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|--------|---------------------------------------|-----------|
| 1. Đương quy | 12 gam | 3. Địa hoàng (Sinh địa hoặc Thục địa) | 20-24 gam |
| 2. Bạch thược | 12 gam | 4. Xuyên khung | 6 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc lấy nước đặc, chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ huyết, hoạt huyết, điều kinh.

Chữa chứng bệnh: Kinh nguyệt không đều và các chứng bệnh thuộc huyết hư hoặc huyết hư kèm theo ứ trệ, có thể gia giảm sử dụng.

Giải bài thuốc: *Tử vật thang* là phương thuốc bổ huyết kèm thêm hoạt huyết, người xưa nói nó là “phương thuốc chuyên về điều huyết can kinh”. Trong bài, Đương quy bổ huyết hòa huyết, Địa hoàng bổ huyết tư âm, hai vị đó đều nặng về bổ huyết. Bạch thược dưỡng huyết nhu can, Xuyên khung hành khí ở trong huyết là thuốc hành khí hoạt huyết nên bài thuốc này có đủ công dụng đường huyết, hoạt huyết kiêm cả hành khí nữa, thuốc chữa huyết hư có thể dùng để bổ huyết gia giảm thêm có thể chữa huyết trệ, đặc biệt là phụ nữ kinh nguyệt không đều, trong lâm sàng thường dùng nhiều.

Cách gia giảm: Nếu khí và huyết đều hư có thể gia Nhân sâm, Hoàng kỳ, nếu bị thêm huyết ứ có thể thêm Đào nhân, Hồng hoa, Bạch thược thay Xích thược gọi là *Đào hồng tử vật thang*, huyết hư có hàn gia Nhục quế, Gừng nướng, huyết hư có nhiệt gia Hoàng cầm, Đương bì, đổi Thục địa thành Sinh địa, muốn hành huyết thì bỏ Bạch thược đổi dùng Xích thược, muốn chi huyết thì bỏ Xuyên khung.

Phụ phương:

1. Bát trân thang:

Là phương thuốc kép gồm *Tứ vật thang* gộp với *Kiến tỳ ích khí thang* có tác dụng bổ ích khí huyết.

Chữa các chứng khí huyết đều thiếu, người gầy mòn, mặt vàng võ, kinh nguyệt không đều, băng huyết không ngừng, mụn nhọt vỡ mủ lâu không liền da.

2. Thập toàn đại bổ thang:

Gồm *Bát trân thang* gia Hoàng kỳ, Nhục quế.

Công dụng gần giống *Bát trân thang*, chỉ là bổ lực càng lớn. Dược tính ôn, thích hợp với các bệnh khí huyết đều thiếu mà thiên về hư hàn. Thuốc này thường chế thành hoàn hoặc cao.

3. Bổ can thang:

Là *Tứ vật thang* gia Toan táo nhân, Mộc qua, Mạch môn, Chích cam thảo.

Các vị thuốc gia thêm đều thuộc dược tính toan cam tư nhuận, ghép với *Tứ vật thang* có tác dụng dưỡng huyết nhu can, chữa các chứng can huyết không đủ, đầu váng mắt hoa, ít ngủ, kinh nguyệt ra ít, huyết không dưỡng gân, tay chân tê, co gân, móng không phát triển.

Lúc cần có thể gia Kê huyết đằng, Tang ký sinh, Tục đoạn, Câu kỷ tử, Hoài ngư tất.

THÁI SƠN BÀN THẠCH TÁN

« Cảnh nhạc toàn thư »

Thành phần:

1. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm)	12 gam	7. Bạch truật (sao)	12 gam
2. Chích hoàng kỳ	12 gam	8. Chích cam thảo	2 gam
3. Đương quy	12 gam	9. Sa nhân	2 gam
4. Xuyên đoạn	12 gam	10. Thục địa	20 gam
5. Hoàng cầm	12 gam	11. Xuyên khung	4 gam
6. Bạch thược (sao rượu)	12 gam	12. Gạo nếp	1 nắm

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: An thai.

Chữa chứng bệnh: Thai động không yên, dự phòng lưu sản theo thói quen.

Giải bài thuốc: Bài này từ *Bát trân thang* biến hóa mà ra. Gia Hoàng kỳ bổ khí, Sa nhân lý khí an thai, gạo nếp ôn dưỡng tỳ vị, xuyên đoạn bổ ích can thận mà giữ thai ổn định, có hai công dụng bổ khí huyết và dưỡng thai, Hoàng cầm thanh nhiệt tả hỏa phối hợp với Truật, Thược là thuốc chính để an thai. Bài này lấy tên là "*Thái sơn bàn thạch tán*" là người xưa hình dung bài này có tác dụng điều bổ khí huyết để giữ thai ổn định.

Cách gia giảm: Khi thai ra nhót đỏ, cần bỏ Xuyên khung gia A giao, lá Ngải cứu, Đỗ trọng (cùng dùng chung với bài *Giao ngải thang* gia giảm).

ĐƯƠNG QUY BỔ HUYẾT THANG

« Nội ngoại thương biện hoặc luận »

Thành phần:

1. Hoàng kỳ 4 gam
2. Đương quy (sao rượu) 8 gam

Cách dùng: Đun sắc lấy nước đặc chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ khí sinh huyết.

Chữa chứng bệnh: Sau khi ra máu nhiều, phụ nữ bị rong huyết, hậu sản, có hiện tượng huyết hư, da mặt vàng vọt, tinh thần mệt mỏi thiếu sức hoặc có sốt nhẹ, mạch hư không có lực sau khi u nhọt vỡ máu mủ nhiều.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc tiêu biểu về bổ khí sinh huyết, là phương pháp chữa “huyết thoát thì ích khí”. Do “khí có thể sinh huyết” nên dùng nhiều Hoàng kỳ bổ khí để làm vốn sinh huyết, thì dùng Đương quy bổ huyết mới có sức mạnh, người âm hư hỏa vượng kỵ dùng bài thuốc này.

QUY TỶ THANG

(Phụ: *Dưỡng tâm thang*)

« Tế sinh phương »

Thành phần:

1. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) 12 gam	7. Quế tròn 8 gam
2. Táo đỏ 3 quả	8. Mộc hương 2 gam
3. Hoàng kỳ 12 gam	9. Chích cam thảo 2 gam
4. Bạch truật 12 gam	10. Đương quy 8 gam
5. Phục thần 12 gam	11. Viễn chí 4 gam
6. Toan táo nhân 12 gam	12. Gừng sống 3 lát

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc, chia 2 lần uống. Thuốc hoàn mỗi lần dùng 4-8 gam ngày 2-3 lần.

Công dụng: Kiện tỳ ích khí, bổ huyết dưỡng tâm.

Chữa chứng bệnh: Bài này chủ trị tâm tỳ đều hư, khí huyết không đủ, thần mỗi người mệt, ăn ít, tim hồi hộp, mồ hôi trộm, mất ngủ, hay quên do tỳ không thông huyết dẫn đến tiện huyết và phụ nữ rong huyết.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc bổ cả tâm và tỳ. Dùng sâm, truật, linh, thảo để kiện tỳ ích khí, gia Hoàng kỳ để tăng thêm công hiệu ích khí, Táo nhân, Viễn chí, Quế viên để dưỡng tâm an thần, Mộc hương lý khí tỉnh tỳ. Tăng hợp tác dụng bài này tuy bổ cả khí và huyết, cùng chữa tâm tỳ nhưng mục đích chủ yếu của nó là chữa huyết hư. Sở dĩ dùng số lớn thuốc kiện tỳ bổ khí, một là do “khí năng nhiếp huyết” và “khí năng sinh huyết” nên dùng nó để “nhiếp huyết sinh huyết” để chữa chứng “tì không thông huyết” dẫn đến băng huyết, hai là tỳ là nguồn sinh hóa khí huyết, tỳ vận động khỏe thì sinh hóa khí huyết không ngừng, dễ hồi phục. Do tâm chủ huyết, dựa vào huyết dịch để hoạt động, người huyết hư thường thấy tim hồi hộp, ít ngủ hay quên nên bài này lại dùng Táo nhân, Viễn chí, Quế viên để dưỡng tâm huyết mà an thần.

Cách gia giảm: Bài này gia Thực địa gọi là *Hắc quy tỳ hoàn*, tác dụng bổ huyết càng mạnh, có thuốc chế sẵn bán ở hiệu thuốc.

Phụ phương:

Dưỡng tâm thang:

Gồm các vị Hoàng kỳ, Nhân sâm, Chích cam thảo, Phục linh, Phục thần, Đương quy, Xuyên khung, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Viễn chí, Ngũ vị, Nhục quế, Bán hạ.

Điều khác chủ yếu với *Quy tỳ thang* là do không dùng Bạch truật nên tác dụng xổ bỏ tỳ ít, gia các vị Bá tử nhân, Ngũ vị để dưỡng tâm huyết, liễm tâm âm, dùng ít Nhục quế để thông tâm dương, ninh tâm an thần, tác dụng càng mạnh hơn. Còn thêm bớt các vị thuốc khác, ý nghĩa không lớn, gọi là Quy tỳ trọng tâm để bổ dưỡng tâm tỳ khí huyết, gọi là dưỡng tâm trọng tâm là dưỡng huyết an thần.

LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN

(Phụ: Tri bá địa hoàng hoàn, Kỳ cúc địa hoàng hoàn, Minh mục địa hoàng hoàn, Đại bổ nguyên tiên)

« Tiểu nhi dược chứng trực quyết »

Thành phần:

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1. Thục địa 8 lạng | 4. Trạch tả 3 lạng |
| 2. Đan bì 3 lạng | 5. Sơn dược 4 lạng |
| 3. Sơn thù 4 lạng | 6. Phục linh 3 lạng |

Cách dùng: Liều lượng nói trên dùng làm thuốc hoàn, luyện với mật làm hoàn, hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn, ngày dùng 8-16 gam, chia 2 lần uống với nước muối nhạt. Trong lâm sàng cũng dùng làm thuốc thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Tư bổ âm của can thận.

Chữa chứng bệnh: Trong quá trình mắc bệnh mạn tính thấy can thận bất túc, thận âm khuy tổn, lưng đầu gối đau thắt, hoa mắt, ù tai, di tinh, tiêu khát và trẻ em phát dục không tốt. Hiện nay trong lâm sàng thấy triệu chứng can thận âm hư như đường tiết niệu cảm nhiễm mạn tính, nước đái đường, huyết áp cao và thần kinh suy nhược thường lấy bài thuốc này làm cơ sở rồi gia giảm thêm.

Giải bài thuốc: Đặc điểm tạo thành bài thuốc này là bổ trung ngẫu tả mà bổ âm là chính. Dùng Thục địa để tư âm bổ thận, thêm tinh tích tỳ mà sinh huyết, Sơn thù ôn bổ can thận, thu sáp tinh khí, Sơn dược kiện tỳ kiên trì di tinh, di niệu là “Tam bổ” trong bài thuốc, nhưng lấy Thục địa bổ thận làm chính; Sơn thù bổ can, Sơn dược bổ thận làm phụ nên liều lượng Thục địa gấp đôi vị kia. Đan bì lương huyết thanh nhiệt mà tả hỏa ở can thận. Trạch tả, Phục linh lợi thủy thẩm thấp là “Tam tả” của bài thuốc này. Do bài thuốc này bổ là chính nên liều lượng các vị thuốc tả dùng ít thôi. Nhưng liều lượng các vị thuốc không phải nguyên xi không thay đổi, có thể căn cứ thực tế lâm sàng mà biến hóa. Nếu dùng để ích thận âm, có thể theo liều lượng định sẵn là được không cần thay đổi, nếu chữa di tinh, đầu vầng, nên tăng thêm liều lượng Sơn thù và Sơn dược, nếu âm hư kèm thêm huyết nhiệt hỏa vượng thì tăng thêm liều lượng Đan bì, đổi Thục địa thành Sinh địa, nếu thận hư phù thũng nước hoặc bị thấp nhiệt, tiểu tiện đau rát thì gia nhiều Trạch tả, Phục linh.

Cách gia giảm: Bài này là phương thuốc cơ sở của bổ thận tư âm, trong lâm sàng thấy triệu chứng âm hư, thường dùng bài này gia giảm thêm. Nếu thấy triệu chứng can huyết hư thì gia thêm Đương quy, Bạch thược (tức *Quy thược địa hoàng hoàn*) để dưỡng huyết nhu can, nếu kèm theo phế thận khí hư, ho thở mạnh thì gia thêm Ngũ vị (tức *Thất vị đồ khí hoàn*) hoặc gia thêm Mạch môn (tức *Mạch vị độc khí địa hoàng hoàn*) để liềm phế nạp thận v.v... Một vài vị thuốc có công dụng tương tự có thể thay thế như Thủ ô thay được Địa hoàng, Ngũ vị, Câu kỷ tử, Thỏ ti tử tùy theo bệnh tình có thể thay thế Sơn thù. Tóm lại, ứng dụng bài này có thể phỏng theo cách chữa mà thay đổi vị thuốc.

Phụ phương:

1. Tri bá địa hoàng hoàn:

Lại có tên “Tri bá bát vị hoàn” tức “Lục vị địa hoàng hoàn” gia Tri mẫu, Hoàng bá mỗi vị 2 lạng.

Có tác dụng tư âm tả hỏa, thích hợp với các chứng âm hư hỏa vượng, xương nhức ra mồ hôi trộm, họng đau, thẳng hỏa, miệng khô lưỡi tảo, hiện nay các chứng đi đái ra máu cấp tính, cảm nhiễm đường tiết niệu mạn tính thường dùng bài thuốc này gia giảm điều huyết, chứng sau có thể phối hợp các vị thanh nhiệt giải độc và thủy thông lâm.

Liều lượng giống với *Lục vị địa hoàng hoàn*.

2. Kỳ cúc địa vị hoàng hoàn:

Tức “Lục vị địa hoàng hoàn” gia Câu kỷ tử, Bạch cúc hoa mỗi thứ 3 lạng.

Trị can thận bất túc, đầu vầng mắt hoa, thị lực giảm sút. Chữa bệnh huyết áp cao lúc thấy âm hư dương bốc cũng dùng bài này điều trị.

Liều lượng thuốc hoàn giống với *Lục vị địa hoàng hoàn*.

3. Minh mục địa hoàng hoàn:

Tức “*Lục vị địa hoàng hoàn*” gia Đương quy, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Bạch tật lê, Thạch quyết minh.

Tác dụng sáng mắt, tư bổ can thận, tiêu tán phong nhiệt, chữa các chứng trong mắt khô, quáng gà, nhìn vật thể lờ mờ. Với bệnh huyết áp cao thấy triệu chứng âm hư dương bốc, cũng dùng được.

Liều lượng thuốc hoàn giống với *Lục vị địa hoàng hoàn*.

4. Đại bổ nguyên tiến:

Tức “*Lục vị địa hoàng hoàn*” bổ Phục linh, Trạch tả, Mẫu đơn gia Câu kỷ, Đỗ trọng, Đảng sâm, Chích cam thảo, Đương quy.

Do bài thuốc này giảm đi “Tam tả” của *Lục vị địa hoàng hoàn* mà gia thêm Đậu kỷ, Đỗ trọng để bổ ích can thận; Đảng sâm, Cam thảo để bổ khí; Đương quy bổ huyết, bổ lực so với *Lục vị địa hoàng hoàn* thì mạnh hơn, thích hợp với chứng thận hư mà vô nội nhiệt và đàm thấp.

TẢ QUY HOÀN

(Phụ: *Tả quy ẩm*)

« Cảnh nhạc toàn thư »

Thành phần:

1. Thục địa	8 lượng	5. Câu kỷ tử	4 lượng
2. Sơn dược	4 lượng	6. Hoài ngư tất	3 lượng
3. Sơn thù	4 lượng	7. Cao lộc hươu	4 lượng
4. Thỏ ti tử	4 lượng	8. Cao Quy bản	4 lượng

Cách dùng: Ngào mật làm thành hoàn, mỗi lần dùng 4-8 gam, ngày 1-2 lần, uống với nước muối nhạt, có thể thay đổi liều lượng làm thuốc thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ can thận, ích tích huyết.

Chữa chứng bệnh: Bệnh lâu ngày, sau khi bệnh nặng, hoặc người già can thận tinh huyết hư tổn, thân thể gầy mòn, lưng gối đau mỏi, hoa mắt, di tinh.

Giải bài thuốc: Bài này từ *Lục vị địa hoàng hoàn* biến hóa ra không dùng Đan bì lương huyết tả hỏa và Phục linh, Trạch tả khô thấm lợi thủy mà dùng Thỏ ty, Câu kỷ tử bổ ích can thận và cao quy bản, cao sừng hươu bổ nhanh tinh huyết, Ngư tất cường tráng gân cốt nên bài này có tác dụng bổ ích can thận mạnh hơn *Lục vị địa hoàng hoàn*. Phân biệt với *Lục vị địa hoàng hoàn*, người xưa cho rằng “*Lục vị* là tráng thủy để chế hỏa, *tả quy* là nuôi âm để hàm dương”. Bài này là phương pháp điều trị dùng “các vị này để bổ cho người tinh không đủ” phù hợp với người can thận tinh huyết hư tổn mà nội nhiệt, huyết thiết, hỏa vượng không rõ ràng và dạ dày còn thu nạp được.

Cách gia giảm: Bài này tùy theo chứng bệnh mà gia vị, có thể tham khảo cách gia giảm của *Lục vị địa hoàng hoàn*.

Phụ phương:

Tả quy ẩm:

Gồm các vị Thục địa, Sơn dược, Câu kỷ tử, Sơn thù, Chích cam thảo, Phục linh.

Công dụng, chủ trị gần giống “*Tả quy hoàn*”, nhưng sức ích tinh bổ thận kém hơn *Tả quy hoàn*.

ĐẠI BỔ ÂM HOÀN

« Đan kê tâm pháp »

Thành phần:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. Hoàng bá 4 lạng | 3. Thục địa 6 lạng |
| 2. Tri mẫu 4 lạng | 4. Quy bản 8 lạng |

Cách dùng: Nghiền nhỏ 4 vị nói trên hòa với nước tùy xương sống lợn đun chín và mật luyện thành hoàn lớn, các hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn, ngày dùng 8-12 gam, uống lúc đói với trước muối nhạt, theo tỷ lệ liều lượng đổi thành thuốc thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ thận âm, tả hư hỏa ở can thận.

Chữa chứng bệnh: Can thận âm hư, hư hỏa thượng cang biểu hiện sốt theo cơn, đồ mồ hôi trộm, lưng đau chân run, mặt đỏ thảng hóa, hoa mắt tai ù, hoặc ho khạc ra huyết, hoặc tâm phiền dễ nổi giận, hoặc ngủ ít mộng nhiều, mộng tinh.

Giải bài thuốc: Bài này là phương thuốc điển hình về tư âm giáng hỏa. Các vị thuốc dùng trong bài đều thuộc loại tư âm giáng hỏa, bổ thận thêm tinh nên đặt tên là *Đại bổ âm hoàn*, nhưng tác dụng các vị thuốc ấy không hoàn toàn giống nhau như Hoàng bá, Tri mẫu dược tính là khổ hàn, cùng dùng 2 vị đó có tác dụng tả hỏa tương đối mạnh, dùng nó tả hỏa để giữ được âm dịch. Thục địa đại bổ thận âm mà sinh huyết, Quy bản, tùy xương sống lợn thuộc loại huyết nhục làm tăng tinh, ích tùy mạnh hơn, nguyên ý của Chu Đan Khê định ra bài thuốc này là dựa trên lý luận “âm thường không đủ, dương thường có thừa nên thường phải dưỡng âm”. Nhất là đối với bệnh lao phổi mà đặc chứng lâm sàng là âm hư hỏa vượng ông cho rằng: “hỏa vượng mà sinh bệnh, 10 phần có đến 8, 9 hỏa suy mà thành tật bệnh, trăm phần không có đến 1-2”. Vì vậy ông cho rằng muốn bổ âm huyết, trước hết phải tả hỏa, tả hỏa là bảo tồn âm huyết. Bài này là một phương thuốc vừa tả hỏa vừa bổ âm kết hợp với nhau, với các triệu chứng âm hư hỏa vượng đều dùng được như tỷ vị hư nhược thì kiêng dùng.

HÀ XA ĐẠI TẠO HOÀN

« Ngô cầu phương »

Thành phần:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1. Tử hà xa 1 bộ | 5. Thục địa 2,5 lạng |
| 2. Thiên môn 1,2 lạng | 6. Đở trọng 1,5 lạng |
| 3. Quy bản 2 lạng | 7. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) 1 lạng |
| 4. Ngưu tất 1,2 lạng | 8. Hoàng bá 1,5 lạng |

Cách dùng: Hiệu thuốc có thuốc hoàn chế sẵn, ngày dùng 12-16 gam, sáng tối 2 lần uống với nước muối nhạt.

Công dụng: Đại bổ âm dương khí huyết, chủ yếu là ích âm, thêm tinh bổ huyết.

Chữa chứng bệnh: Mọi bệnh lâu ngày hư tổn, như phế thận âm hư, người gầy mòn, ho, sốt cơn, tự ra mồ hôi, mồ hôi trộm, người già suy nhược, tinh huyết không đủ mệt mỏi vô lực, lưng gối bủn rủn, đi lại không dễ dàng, các chứng thận viêm mạn tính và hen suyễn, các bệnh khác đã ổn định cũng dùng phương thuốc này để bồi dưỡng cơ thể.

Giải bài thuốc: Bài này lấy Tử hà xa làm thuốc chính, đại bổ nguyên khí, thêm đủ tinh huyết, là phương thuốc đại bổ âm dương khí huyết. Nhưng nhìn cả bài thuốc mà phân tích thì Quy bản, Thục địa, Thiên môn, Mạch môn bổ âm huyết là những vị thuốc phối hợp chủ yếu nên lấy bổ âm huyết làm chính, Nhân sâm dùng ở đây là lấy tác dụng ích khí sinh tân, sau khi ghép thêm 2 vị Mạch môn Thiên môn dưỡng âm thanh phế thì tác dụng của nó thiên về bổ khí âm. Đở trọng, Ngưu tất dùng để bổ can thận, mạnh thêm lưng gối, Hoàng bá dùng để tả hỏa, vì vậy, tổng hợp tác dụng của bài này là bồi bổ khí âm mà hòa tinh huyết, thanh phế tả hỏa mà làm mạnh lưng gối thích hợp với các chứng âm dương đều hư mà âm hư là chính, khí huyết suy nhiều mà tinh huyết không đủ là chính. Các vị thuốc mà bài này dùng thường là nhuận nhị nên những người đường ruột, đường tiêu hóa kém nên dùng ít hoặc không dùng, hoặc kết hợp dùng cùng thuốc kiện tỳ vị.

TĂNG DỊCH THANG

« Ôn bệnh điều kiện »

Thành phần:

1. Huyền sâm 40 gam
2. Mạch môn 32 gam
3. Sinh địa 32 gam

Cách dùng: Liều lượng nói trên là theo nguyên sách cũ. Đông 8 chén nước, đun sắc lấy 3 chén.

Uống xong, nếu đại tiện không thông, lại uống thang nữa.

Công dụng: Sinh tân nhuận táo, tăng dịch nhuận tràng chữa chứng bệnh do bệnh nhiệt thương tổn tân, miệng khát lưỡi gai, âm hư đại tiện bí.

Giải bài thuốc: Bài này nguyên chữa do nhiệt bệnh mà hao tổn tân dịch dẫn đến đại tiện bí kết khác với bài *Thừa khí thang* công hạ, thích hợp với chứng “dịch khô nhiều mà nhiệt kết ít”, thực tế bài này là bài cơ sở về dưỡng âm sinh tân, rất nhiều bài chữa bệnh nhiệt có các vị thuốc của bài này (như *Thanh dinh thang*). Ở đây Huyền sâm tăng dịch, Mạch môn dưỡng vị, Sinh địa lương huyết thanh nhiệt mà sinh tân dịch, do đó có tác dụng nhuận tràng thông tiện do tràng táo dịch khô gây nên, người xưa gọi là “lấy thuốc bổ dùng làm thuốc tả”. Ngoài ra, bài này còn dùng chữa chứng vị âm bất tức, rêu lưỡi gai sáng, miệng khô môi táo, còn có thể gia các vị dưỡng âm sinh tân như Sa sâm, Thạch斛, Ngọc trúc.

Cách gia giảm: Người bị đại tiện bí kết nặng có thể gia Mang tiêu, Đại hoàng tức là *Tăng dịch thừa khí thang*.

CAM MẠCH ĐẠI TÁO THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Cam thảo 12 gam
2. Tiểu mạch 40 gam
3. Đại táo 10 quả

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Dưỡng tâm an thần.

Chữa chứng bệnh: Tạng buồn bực, gặp việc bị thương muốn khóc, tinh thần hoảng hốt, không tự chủ được, buồn bực bất an.

Giải bài thuốc: Trong bài này Cam thảo vị ngọt để hòa hoãn cấp tính, Tiểu mạch, Đại táo dưỡng tâm, nhuận táo, 3 vị hợp lại thì dưỡng tâm ninh thần, tăng thêm công hiệu cam nhuận hoãn cấp chữa các chứng tinh thần không thư thái, can khí uất kết dẫn đến tạng buồn bực như thần kinh quá nhạy cảm, ngủ không yên, có lúc tự cảm thấy phiền muộn nóng nảy hoặc bị thương khóc lóc hoặc động kinh hoặc sợ sệt không yên.

Bài này xem ra thì bình đạm, tùy chứng bệnh mà gia thêm vị sẽ đạt hiệu quả nhất định.

MẠCH MÔN ĐÔNG THANG

(Phụ: *Dưỡng vị thang*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|--------|---------------------------------------|--------|
| 1. Mạch môn đông | 20 gam | 5. Nhân sâm | 12 gam |
| 2. Cam thảo | 4 gam | (có thể dùng Hải nhi sâm hoặc Sa sâm) | |
| 3. Bán hạ | 36 gam | 6. Đại táo | 5 quả |
| 4. Gạo sống | 20 gam | | |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Tư dưỡng vị tân, giáng nghịch hạ khí.

Chữa chứng bệnh: Phế vị âm thương, hòa khí thượng nghịch ho nôn ra giải, cổ họng khô táo, miệng khát, lưỡi gai hồng, mạch hư sắc.

Giải bài thuốc: Bài này dùng nhiều Mạch môn sinh tân nhuận táo là vị thuốc chủ yếu tư dưỡng phế vị âm dịch, Nhân sâm, Cam thảo, gạo sống, Đại táo bổ dưỡng tỳ vị làm cho hóa nguyên sung túc thì tân dịch tự lên được phế khiến phế được nuôi dưỡng. Bán hạ giáng nghịch hạ khí, dùng chung với các vị khác thì hòa vị hóa đàm mà không bị táo, nó có tác dụng tương phụ tương thành. Bài này là phương thuốc chủ yếu tư dưỡng phế vị tân dịch, phạm phế vị âm thương tổn, ho khan họng táo, hòa khí thượng nghịch, rạo rục, nôn mửa, nấc đều có thể gia giảm ứng dụng.

Phụ phương:

Dưỡng vị thang:

Gồm các vị Sa sâm, Mạch môn, Ngọc trúc, Biền đậu sống, lá dâu, Cam thảo.

Đặc điểm bài này là trong thuốc thanh dưỡng sinh tân gia thêm Biền đậu để kiện tỳ vị nên tác dụng dưỡng vị âm của nó mạnh.

Dùng để chữa chứng dưỡng âm bất túc, miệng lưỡi khô táo, rêu ít hoặc không rêu, ăn uống giảm sút, đại tiện can táo.

Lúc ứng dụng lâm sàng có thể gia thêm Thạch học, Sinh cốt nha.

SINH MẠCH TÁN

« Nội ngoại thương biện hoặc luận »

Thành phần:

- | | |
|-------------|----------|
| 1. Nhân sâm | 4-12 gam |
| 2. Ngũ vị | 4-12 gam |
| 3. Mạch môn | 16 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc uống.

Chữa chứng bệnh: Nhiệt thương nguyên khí, âm khí suy vi, ra mồ hôi nhiều miệng khát, thờ gáp muốn thoát, mạch nhỏ nhẹ muốn tuyệt, lưỡi khô hồng mà vô tân, hoặc ho lâu phế hư, ho ít đờm khí đoản, tự ra mồ hôi, miệng khô lưỡi táo, mạch tượng hư.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Nhân sâm bổ ích nguyên khí, Mạch môn dưỡng âm, Ngũ vị thu liễm phế khí bị hao tán và liễm âm chỉ hãn. 3 vị thuốc đó hợp lại, đại bổ khí âm, liễm hãn, sinh mạch, có thể cấp cứu nguyên khí hao thương, hư thoát mà có nhiệt, khác với *Tứ nghịch thang*, *Sâm phụ thang* cứu vong dương hư thoát.

CHÍCH CAM THẢO THANG

(Phụ: *Gia giảm phúc mạch thang*)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|-----------|-------------------|-----------|
| 1. Chích cam thảo | 12-20 gam | 6. Sinh địa hoàng | 16-20 gam |
| 2. Đại táo | 10 quả | 7. A giao | 8-12 gam |
| 3. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam | 8. Ma nhân | 8-16 gam |
| 4. Gừng sống | 3-5 lát | 9. Mạch môn | 8-12 gam |
| 5. Quế chi | 8-12 gam | | |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, bài thuốc cũ đun với rượu, hiện nay chỉ đun với nước, chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Ích tâm khí, bổ tâm huyết, dưỡng tâm âm, thông tâm dương.

Chữa chứng bệnh: Tim đập không đều, mạch sơ cứng.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Chích cam thảo, Nhân sâm để bổ ích tâm khí vì dùng nhiều Cam thảo nên gọi là *Chích cam thảo thang*. A giao, Địa hoàng, Mạch môn, Ma nhân bổ tâm huyết, dưỡng tâm âm để nuôi dưỡng huyết mạch, Quế chi, Gừng sống và rượu tân ôn xua tán, thông được tâm dương. Đặc điểm phối hợp các vị thuốc là dựa vào nguyên lý theo nhu cầu âm huyết của người ta mà thúc đẩy dương khí, trọng điểm ở bổ tâm khí, thông tâm dương. Tâm dương thông tâm khí trở lại là tiền đề tất yếu để mạch khỏi sơ cứng, lại phối hợp thêm thuốc bổ huyết tư âm để huyết sung đầy mạch mà dương khí có chỗ dựa không xảy ra phù tán thì tim hồi hộp sẽ ngừng, mạch sơ cứng sẽ trở lại bình thường cho nên cũng gọi là *Phúc mạch thang*. Vì vậy lúc ứng dụng lâm sàng, phải chú ý đầy đủ đến mối quan hệ âm dương mà vận dụng linh hoạt.

Cách gia giảm: Ứng dụng lâm sàng thường gia Táo nhân, tim đập mạch còn phải gia Từ thạch, Chu sa là những thuốc an thần.

Phụ phương:

Gia giảm phúc mạch thang:

Gồm các vị: Địa hoàng, A giao, Mạch môn, Bạch thược, Ma nhân, Cam thảo.

Để chữa các chứng sốt lâu thương tổn âm, tân dịch hao tổn, hoặc sốt dài ngày không dứt, rêu lưỡi hồng sáng, miệng khô lưỡi táo, buồn bực không yên. Nếu tay chân lại run rẩy do hư phong gây nên thì phải gia thêm Mấu lệ, Miết giáp, Quy bản.

Gia giảm phúc mạch thang bỏ đi Quế chi, Sinh khương, Nhân sâm, Đại táo là những vị thuốc ôn thông tâm dương, bổ ích tâm khí cho nên tác dụng của nó khác với bài *Chích cam thảo thang*, không dùng để thông dương phúc mạch mà dùng để tư âm dưỡng huyết.

KIM QUỸ THẬN KHÍ HOÀN

(Phụ: *Phụ quế bát vị hoàn, Tế sinh thận khí hoàn*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------|---------|--------------|---------|
| 1. Thục địa | 8 lượng | 5. Phục linh | 3 lượng |
| 2. Sơn dược | 4 lượng | 6. Đan bì | 3 lượng |
| 3. Sơn thù | 4 lượng | 7. Quế chi | 1 lượng |
| 4. Trạch tả | 3 lượng | 8. Phụ tử | 1 lượng |

Cách dùng: Liều lượng nói trên dùng làm thuốc hoàn nếu chuyển thành thuốc thang thì liều lượng tham khảo tỷ lệ mà linh hoạt gia giảm. Cách dùng thuốc hoàn ngày 12-16 gam, chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn bổ thận dương.

Chữa chứng bệnh: Thận dương không đủ, lưng gối đau lạnh, bụng vặn đau, tiểu tiện không lợi hoặc không kiểm chế được, ban đêm tiểu tiện nhiều và các hiện tượng thận dương hư suy như ho đờm, tiêu khát, thủy thũng, đi tả lâu ngày.

Giải bài thuốc: Bài này dùng phụ, quế làm thuốc chủ là phương thuốc bổ thận được ứng dụng sớm nhất. *Lục vị địa hoàng hoàn* và các loại *Địa hoàng hoàn* khác đều từ bài thuốc này biến hóa ra. Mục đích bài này là ôn bổ thận dương mà trong bài dùng Địa hoàng, Sơn thù là thuốc âm thì thận âm và thận dương đều có quan hệ với nhau tức là “âm dương cùng gốc”, “khéo bổ dương tất phải trong âm cầu dương”.

Phụ phương:

1. Phụ quế bát vị hoàn:

Tức bài này dùng Nhục quế thay Quế chi, ngày xưa không phân biệt Quế chi với Nhục quế, đời sau mới phân biệt vận dụng vì vậy mới định bài riêng là *Phụ quế bát vị hoàn*, cả 2 bài thuốc đều là ôn bổ thận dương là phương pháp điều trị “Ích hỏa nguyên để tiêu âm hàn” nhưng có sự khác nhau trong sự giống nhau, Quế chi giỏi thông dương, tính của nó chạy mà không giữ lại cho nên với các chứng thủy ẩm đình tụ, thủy thấp tràn lan, khí huyết ngưng trệ nên dùng Quế chi là hơn, Nhục quế giỏi nạp khí, dẫn hỏa quy nguyên, tính nó giữ lại mà không chạy cho nên nếu mệnh môn hỏa suy mà hư hỏa Thượng phù, thận không nạp khí mà thở gấp ra và hạ tiêu hư hàn thì dùng Nhục quế là hay.

2. Tế sinh thận khí hoàn:

Tức *Phụ quế bát vị hoàn* gia Ngưu tất, Xa tiền tử thì tác dụng ôn dương lợi thủy, tiêu thủy mạnh hơn.

HỮU QUY HOÀN

(Phụ: *Hữu quy ẩm*)

« Cảnh nhạc toàn thư »

Thành phần:

1. Thục địa	8 lượng	6. Thỏ ti tử	4 lượng
2. Sơn dược	4 lượng	7. Chế phụ tử	2-6 lượng
3. Sơn thù	3 lượng	8. Nhục quế	2-4 lượng
4. Câu kỷ tử	4 lượng	9. Đương quy	3 lượng
5. Đỗ trọng	4 lượng	10. Cao sừng hươu	4 lượng

Cách dùng: Hiệu thuốc có thuốc chế sẵn, ngày dùng 4-8 gam, có thể thay đổi liều lượng làm thuốc thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn bổ thận dương, bổ sung tinh huyết.

Chữa chứng bệnh: Thận dương không đủ, mệnh môn hỏa suy, người già bệnh lâu xuất hiện chứng khí khiếp thần suy, sợ rét chân tay lạnh, dương suy, hoạt tinh, lưng gối đau mỏi.

Giải bài thuốc: Bài này từ *Phụ quế bát vị hoàn* biến hóa đi, tức là lấy *Tả quy hoàn* làm cơ sở, bỏ Ngưu tất, cao Quy bản, gia thêm Phụ tử, Nhục quế, Đương quy, Đỗ trọng. Bài này cùng với *Phụ quế bát vị hoàn* cũng là phương thuốc ôn thận tráng dương nhưng giữa hai bài thuốc có chỗ khác nhau. Bài trên là bổ dương ngẫu tả còn bài này bổ mà không tả lại có cao sừng hươu, Đương quy bổ sung tinh huyết, Câu kỷ tử, Thỏ ti tử, Đỗ trọng ôn dương can thận nên sức hỗ trợ hỏa tráng dương của nó mạnh

hơn, thích hợp với chứng bệnh dương hư hỏa suy tương đối nặng. Người xưa cho rằng *Phụ quý bát vị hoàn* chỉ là “ích hỏa chi nguyên để tiêu âm, hàn” mà bài này thì “phù dương để phối âm” còn chỗ khác nhau giữa bài này với *Tả quy hoàn* thì *Tả quy hoàn* nặng về bổ sung tinh huyết, bài này nặng về ôn tráng thận dương.

Cách gia giảm: Người đại tiện lỏng có thể bỏ Đương quy, Câu kỷ gia Bạch truật, Ích trí nhân, nếu khí hư muốn thoát hoặc hôn mê, hoặc ra mồ hôi, hoặc choáng váng, hoặc đoản khí gia Nhân sâm, nếu vị khí hư hàn, nôn, ợ chua có thể gia Can khương, Ngô thù, nếu tiểu tiện dầm dề không trôi, có thể gia Bồ cốt chỉ.

Phụ phương:

Hữu quy ẩm:

Gồm các vị Thục địa, Sơn dược, Ngô thù, Câu kỷ tử, Đỗ trọng, Phụ tử, Nhục quế, Chích cam thảo, gần giống *Hữu quy hoàn* nhưng bổ lực kém hơn.

ĐỊA HOÀNG ÂM TỬ

« Tuyên minh luận »

Thành phần:

1. Can địa hoàng	20-40 gam	7. Ngũ vị	4 gam
2. Viễn chí	4-8 gam	8. Nhục quế	4 gam
3. Ba kích	12 gam	9. Bạch phục linh	12 gam
4. Sơn thù	12 gam	10. Mạch môn	12 gam
5. Thạch斛	12 gam	11. Phụ tử (nướng)	6-12 gam
6. Nhục thung dung	6-12 gam	12. Xương bồ	4-8 gam

Cách dùng: Nguyên bài này là nghiền các vị thuốc thành bột, mỗi lần dùng 3 gam, lấy 1 bát rượu nước, 5 lát gừng sống, 1 quả Đại táo, 5-7 lá Bạc hà cho vào sắc lên lấy nước uống không kể thời gian nào. Hiện nay chuyên thành thuốc thang.

Công dụng: Bổ thận ích tinh, ninh tâm khai khiếu.

Chữa chứng bệnh: Bài này nguyên dùng chữa trúng phong không nói được, hai chân suy yếu, hiện nay thường dùng chữa chứng bệnh trong quá trình bị bệnh mạn tính xuất hiện thận âm thận dương đều hư như động mạch não sơ cứng, bị di chứng sau khi trúng phong, thận viêm mạn tính huyết áp cao..

Giải bài thuốc: Đặc điểm ghép các vị thuốc của bài này là cùng dùng hai loại thuốc ôn thận tư âm và khai khiếu an thần, nhằm chữa bệnh trúng phong. Do nền y học phát triển đến thời Lưu Hà Gian đời Tống, nhận thức từ trúng phong là từ học thuyết “ngoại phong” dần dần phát triển đến học thuyết “nội phong” cho rằng phát sinh trúng phong là do âm khí suy nhược ở dưới mà dương khí bạo thoát ở trên, cho nên bài này dùng Địa hoàng, Ba kích, Sơn thù, Nhục thung dung để đại bổ thận tinh không đủ, lại phối thêm phụ, quế để dẫn hỏa quy nguyên, dùng Ngũ vị để liễm âm cố thoát, do trúng phong mà lưỡi cứng khó nói hoặc cảm khẩu thường do môi lưỡi can táo, mà họng có đờm nên dùng Mạch môn, Thạch斛 để dưỡng dịch sinh tân và hạn chế bớt tính Cương táo của Phụ, Quế; lại dùng Xương bồ, Viễn chí, Phục linh để thông tâm khí mà thanh thần chí, hóa đàm trọc để khai phế. Vì vậy, bài này từ trước tới nay được coi là phương thuốc tiêu biểu về trúng phong cảm khẩu. Hiện nay trong lâm sàng, việc vận dụng bài thuốc này có phát triển, không bó hẹp trong bệnh trúng phong mà là phương thuốc thường dùng bổ thận.

Cách gia giảm: Trong bài 2 vị Phụ, Quế tính cương táo, không nên dùng lâu, nếu dùng lâu thì dùng Tiên mao, Tiên linh tỳ thay thế.

NHỊ TIỀN THANG

« Phương thuốc thực nghiệm của y viện Thư Quang - Thượng Hải »

Thành phần:

1. Tiên mao	12-16 gam	4. Hoàng bá	12 gam
2. Tiên linh tỳ	12-20 gam	5. Ba kích	12 gam
3. Đương quy	12 gam	6. Tri mẫu	6-12 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn thận dương, bổ thận tinh, tả thận hỏa, điều lý hóa xung.

Chữa chứng bệnh: Chữa các chứng tổng hợp, người nhiều tuổi cao huyết áp, bế kinh và các chứng mạn tính khác như thận âm thận dương không đủ mà hư hỏa Thượng viêm.

Giải bài thuốc: Đặc điểm ghép vị của bài thuốc này là dùng cả 2 loại thuốc tráng dương và tư âm tả hỏa nhằm vào các bệnh phức tạp như âm dương đều hư ở dưới mà lại hư hỏa viêm lên trên (gồm cả can hỏa, thận hỏa). Dùng Tiên mao, Tiên linh tỳ, Ba kích để ôn thận dương, bổ thận tinh, dùng Hoàng bá, Tri mẫu tả hỏa mà tư dưỡng thận âm, dùng Đương quy ôn nhuận để dưỡng huyết và điều hòa lý hóa xung.

Bài này ban đầu dùng để chữa người nhiều tuổi huyết áp cao và các bệnh tổng hợp, cải thiện tình trạng sức khỏe rõ ràng, khiến huyết áp hạ xuống, sau đó mở rộng ra các bệnh mạn tính khác như thận viêm, túi thận viêm, đường tiết niệu cảm nhiễm, bế kinh, và người già tinh thần phân liệt, hoặc trong khi mắc bệnh xuất hiện thận hư hỏa vượng, lấy phương thuốc này làm cơ sở để gia giảm điều trị.

TỔNG KẾT

1. Thuốc bổ ích nói chung có bổ khí, bổ huyết, bổ dương, bổ âm, tuy có khác nhau nhưng “khí huyết cùng nguồn, âm dương cùng gốc”, vì vậy khi xác định cách chữa, lập phương thuốc, chọn vị thuốc phải chú ý mối quan hệ nội tại giữa khí huyết, âm, dương. Ví dụ:

a) Lúc dùng thuốc bổ huyết phải chú ý bổ khí. Lúc bị mất huyết nhiều, tất nhiên “khí theo huyết thoát ra”. Cho nên phải dùng số lớn thuốc bổ khí để “ích khí nhiếp huyết” tức là cách chữa “huyết thoát thì phải ích khí”, dù cho triệu chứng chủ yếu là huyết hư hoặc mất huyết không nhiều mà triệu chứng khí hư không rõ rệt cũng cần gia thêm vị thuốc bổ khí “ích khí để sinh huyết” hoặc gia thêm các vị thuốc kiện tỳ để trợ thêm “nguồn sinh hóa của nó”. Các bài *Quy tỳ thang*, *Bát trân thang*, *Đương quy bổ huyết thang* đều thuộc nguyên lý này.

b) Lúc ứng dụng thuốc bổ khí, phải chú ý mối quan hệ mật thiết giữa bổ khí với kiện tỳ. Nói chung thường dùng Sâm, Kỳ bổ khí phối hợp với Linh, Truật kiện tỳ; *Kiến tỳ ích khí thang*, *Bổ trung ích khí thang* và các phụ phương khác đều theo nguyên lý này.

2. Lúc dùng thuốc bổ âm và bổ dương, tuy cần xem xét sự khác nhau của chúng nhưng quan trọng nhất là phải chú ý mối liên hệ giữa chúng với nhau. Lúc tạo thành thuốc bổ dương phải phối hợp nhiều các vị thuốc bổ âm như Địa hoàng, Đương quy, Câu kỷ, Ngũ vị. Lúc tạo thành thuốc bổ âm, phải phối hợp nhiều vị thuốc bổ dương như Hà sa, Ba kích, Nhục thung dung, Đỗ trọng.

Đó là lý lẽ “không có âm thì dương không có gì để hóa, không có dương thì âm không có gì để sinh”. Các bài Tả quy, Hữu quy là những phương thuốc tiêu biểu về loại này, ngoài ra, trong thuốc bổ âm còn có 2 loại:

Một loại là thuốc dưỡng âm tăng dịch (như *Tăng dịch thang*, *Mạch môn đông thang*, *Dưỡng vị thang*), một loại khác là thuốc tư âm giáng hỏa (như *Đại bổ âm hoàn*, *Tri bá bát vị hoàn*), cách ghép vị thuốc có khác nhau. Loại trước cần chú ý điều dưỡng vị khí như *Mạch môn đông thang* dùng gạo sống. *Dưỡng vị thang* dùng Biền đậu. Loại sau, cần chú ý nắm vững mối quan hệ chủ thứ giữa bổ âm và tả hỏa, trong thuốc bổ ích thường lấy bổ âm làm chủ, tả hỏa làm thứ, phương thuốc tả hỏa làm chủ, bổ âm làm thứ xem ở các chương khác như *Hoàng liên a giao thang* là một loại.

3. Lúc tạo thành thuốc bổ ích, còn cần chú ý “bổ tả kết hợp”. Như trong *Lục vị địa hoàng hoàn* có “3 bổ” “3 tả”. *Bổ trung ích khí thang* là kết hợp giữa ích khí và lý khí, *Tứ vật thang* kết hợp giữa bổ huyết với hành huyết. Thuốc bổ ích “kết hợp bổ tả” có ưu điểm bổ mà không trệ, ôn mà không táo, tư mà không lỏng tác dụng phân lại ít, có thể dùng liên tục lâu dài. Phương thuốc dùng các vị đơn thuần bổ ích thường dùng để cứu hư, thích hợp khi bị đại tổn, nên gọi là “tuần bổ” là *Quy hoàn*, *Hữu quy hoàn* và *Quy lộc sâm kỹ giao*, *Toàn lộc hoàn* đều thuộc loại này.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. ĐẠI THỔ TI TỬ HOÀN

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|---------------------|-----------------|---------------------|
| 1. Thô ti | 7. Thục địa | 13. Tục đoạn | 19. Hồi hương |
| 2. Lộc nhung | 8. Ngưu tất | 14. Thạch học | 20. Xuyên khung |
| 3. Nhục quế | 9. Sơn thù | 15. Phòng phong | 21. Ngũ vị |
| 4. Thạch long nội | 10. Đỗ trọng | 16. Bỏ cốt chỉ | 22. Tang phiêu tiêu |
| 5. Phụ tử | 11. Phục linh | 17. Tì bắt | 23. Phúc bồn tử |
| 6. Trạch tả | 12. Nhục thung dung | 18. Ba kích | 24. Trâm hương |

Ngào với rượu và hồ làm hoàn.

Cách dùng: Ngày dùng 6-12 gam, chia 2 lần uống với nước muối nhạt.

Công dụng: Bổ thận ích tinh, lưng gối khô, cổ tinh, ngừng di tinh.

Chữa chứng bệnh: Thận khuy, mệnh môn hỏa suy, hoạt tinh, dương ai di niệu, tiểu tiện không ngăn được, chân mềm yếu.

2. QUY LỘC SÂM KỸ GIAO

(Tên cũ: Quy lộc nhị tiên giao)

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|--------|--------------|-------|
| 1. Sừng hươu | 10 cân | 3. Câu kỷ tử | 2 cân |
| 2. Quy bản | 5 cân | 4. Nhân sâm | 1 cân |

Đun lửa nhỏ luyện thành cao.

Cách dùng: Mỗi ngày chừng 1 gam, hòa với rượu nặng cho tan, uống lúc sáng sớm chưa ăn gì với nước muối nhạt.

Công dụng: Bổ thận tráng dương, ích khí, sáng mắt.

Chữa chứng bệnh: Thận khuy, âm dương đều hư, người gầy mòn, di tinh dương ai, lưng gối mềm mỏi.

3. TOÀN LỘC HOÀN

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|-------------------|-------------|---------------|
| 1. Nhân sâm | 4. Chích cam thảo | 7. Sinh địa | 10. Thiên môn |
| 2. Bạch truật | 5. Đương quy | 8. Thục địa | 11. Mạch môn |
| 3. Phục linh | 6. Xuyên khung | 9. Hoàng kỳ | 12. Câu kỷ tử |

13. Đỗ trọng	18. Ngũ vị tử	23. Hồ lô ba	28. Trần bì
14. Ngưu tất	19. Tỏa dương	24. Xuyên tặc đoạn	29. Xuyên tiêu
15. Sơn dược	20. Nhục thung dung	25. Phúc bồn tử	30. Tiểu hồi hương
16. Khiếm thực	21. Bồ cốt chi	26. Đỗ thực	31. Trầm hương
17. Thỏ ti tử	22. Ba kích	27. Thu thạch	32. Thanh lam

Lấy một con hươu, bỏ lông, rửa sạch chất tạp trong bụng, sau khi nấu chín lấy thịt cắt ngang nướng khô tán thành bột, lại cho da, xương nấu tiếp thành cao, hòa thịt và các vị thuốc chế thành hoàn.

Cách dùng: Ngày 8-12 gam, uống lúc bụng đói với nước muối nhạt.

Công dụng: Đại bổ hư tổn, tráng thận dương, ích tinh huyết.

Chữa chứng bệnh: Người già dương suy tinh tủy hư, tinh thần mệt mỏi người gầy, đi lại khó khăn, tay chân tê dại, di niệu, người trai trẻ ít dùng.

4. HỒ TIỀM HOÀN

Thành phần:

1. Hoàng bá	1/2 cân	4. Thục địa	2 lạng	7. Tỏa dương	1,6 lạng
2. Quy bản	4 lạng	5. Trần bì	2 lạng	8. Hồ cốt	1 lạng
3. Tri mẫu	1 lạng	6. Bạch thược	2 lạng	9. Can khương	1/2 lạng

Cách dùng: Nghiền nhỏ hòa với rượu và hồ làm hoàn, hoặc với cháo làm hoàn, ngày dùng 12 gam, mỗi ngày 1-2 lần, uống với nước muối nhạt trước lúc ăn cơm.

Công dụng: Tư âm giáng hỏa, cường tráng gân cốt.

Chữa chứng bệnh: Can thận bất túc, gân cốt yếu mềm, chân gầy guộc đi lại khó khăn, lưng mỏi.

5. NHỊ CHÍ HOÀN

Thành phần:

1. Hạn liên thảo	16 lạng
2. Đông thanh tử	16 lạng

Cách dùng: Luyện mật chế thành hoàn, ngày dùng 12 gam chia 2 lần uống.

Công dụng: Ích can thận, bổ âm huyết.

Chữa chứng bệnh: Can thận đều khuy, âm huyết không đủ, đầu váng mắt hoa, tóc bạc sớm, lưng đau chân mỏi, buồn phiền thăng hỏa.

6. TANG MA HOÀN

Thành phần:

1. Lá dâu mùa đông	8 lạng
2. Vòng đen	4 lạng

Cách dùng: Cùng nghiền nhỏ, hòa với nước làm hoàn, ngày uống 3 gam, chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ ích can thận, sáng mắt, nhuận tạng phủ.

Chữa chứng bệnh: Âm hư huyết táo, đầu váng mắt hoa, nhìn thấy lò mờ, gân bắp kém, đại tiện khô kết.

7. PHÚC PHƯƠNG THAI BÀN PHIẾN

Thành phần:

1. Nhau thai
2. Đảng sâm
3. Hoàng kỳ
4. Trần bì
5. Mạch nha

Cách dùng: Ngày dùng 3 lần mỗi lần 4 phiến.

Công dụng: Bổ nguyên khí, ích khí huyết.

Chữa chứng bệnh: Thần kinh suy nhược, huyết nghèo, thận viêm mạn tính và các chứng mạn tính khác biểu hiện sức yếu, tinh thần mệt.

8. HOÀNG TINH HOÀN

Thành phần:

1. Hoàng tinh
2. Đương quy
3. Hoàng tửu

Cách dùng: Một lần 1 viên (nặng 8 gam) nhai ra tiêu với nước đun sôi, ngày dùng 2 lần.

Công dụng: Bổ khí dưỡng huyết.

Chữa chứng bệnh: Khí huyết hư nhược, mặt vàng cơ gầy, mắt mờ, sức yếu, tinh thần mỏi mệt.

9. BỔ THẬN CƯỜNG THÂN PHIẾN

Thành phần:

1. Dâm dương hoắc
(Linh tiên ti)
2. Thỏ ty tử
3. Kim yêu tử
4. Chế cầu tích
5. Nữ trinh tử.

Cách dùng: Mỗi ngày 5 phiến, ngày dùng 3 lần.

Công dụng: Bổ phận cố tinh.

Chữa chứng bệnh: Nói chung thận hư, lưng đau, chân yếu, đầu vãng, tai ù, mắt hoa, tâm sợ, di tinh, dương ai.

10. LẠNG NGỌC CAO

Thành phần:

1. Sinh địa
2. Phục linh
3. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm)
4. Mật ong

(Lạng ngọc cao có Hồ phách, Trầm hương)

Cách dùng: Đun thành nước cao, mỗi ngày dùng 5 đồng cân đến 1 lạng, Ngày dùng 2 lần, uống với nước lúc đói.

Công dụng: Tư bổ âm khí, nhuận phế.

Chữa chứng bệnh: Âm khí không đủ, phế táo ho khan ít đờm, trong đờm có máu, miệng lưỡi khô táo.

Chương 9

THUỐC LÝ KHÍ

Thuốc lý khí tuy có phân biệt giữa hành khí và giáng khí nhưng từ tác dụng chủ yếu mà nói đều tác dụng đến can, tỳ, vị, tràng để giải trừ can khí uất kết, can khí phạm vị, can tỳ bất hòa, đường vị tràng khí trệ, uất tích, trọc khí thượng nghịch và khí con không điều hòa thường là nguyên nhân chủ yếu gây nên các chứng hồng, ngực bụng khó chịu, đau tức, đầy hơi và ứ hơi, trao trọc, buồn nôn. Vì vậy, thuốc lý khí có đủ công sức để sơ can, giải uất, tán kết, chỉ thông, hòa vị khoan trung, ngừng nôn giáng nghịch. Nhưng do khí trệ và khí uất thường kèm thêm huyết ứ, đàm kết, hòa uất, thấp trọc trung trở, thực trệ đình tích nên khi dùng thuốc lý khí đồng thời phối hợp các phương pháp khác để hoạt huyết khứ ứ, hóa đàm tiêu kết, tả hòa giải uất, phương hương hóa trọc, tiêu thực đạo trệ. Thuốc lý khí nói ở chương này là những bài thuốc thông thường chủ yếu dùng các vị thuốc lý khí làm chủ để chữa các chứng khí trệ, khí uất, khí nghịch. Còn thuốc kiện tỳ lý khí, hòa đàm lý khí, giáng khí bình suyễn và lý khí hoạt huyết thì xem ở các chương khác.

TỬ NGHỊCH TÁN

(Phụ: Sài hồ sơ can tán, Tiêu dao tán)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Sài hồ	4-12 gam	3. Chỉ thực	6-12 gam
2. Bạch thược	12 gam	4. Cam thảo	4-6 gam

Cách dùng: Nguyên là thuốc tán, uống với nước đun sôi. Ngày nay dùng làm thuốc thang, đem sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Sơ can lý khí, hòa dinh tán uất.

Chữa chứng bệnh: Can khí uất kết, bụng ngực, hồng đau nhức hoặc kiêm thêm tiết tả.

Giải bài thuốc: « Thương hàn luận » dùng bài thuốc này chữa nhiệt tà truyền vào trong, dương khí uất không phát ra ngoài mà hình thành tứ chi liễm lạnh gọi là “liễm nhiệt”. Đòi sau mở rộng phạm vi ứng dụng của nó, hệ bệnh nào do can khí uất kết là chính đều lấy bài này làm cơ sở để gia giảm thêm, trong bài này Sài hồ là thuốc chính không chỉ giới xưa tả ra ngoài mà còn sơ can lý khí, phối hợp thêm với Bạch thược, Cam thảo để hòa dinh chỉ thông, Chỉ thực để tiêu đạo tích trệ, càng tăng thêm hiệu quả hành khí giải uất. Hiện nay trong lâm sàng thuốc sơ can giải uất thường từ bài thuốc này biến hóa đi.

Cách gia giảm: Bị khí uất nặng gia thêm Hương phụ, Trần bì, bị thêm tỳ hư gia thêm Đảng sâm, Bạch truật, bị thêm huyết ứ gia thêm Đương quy, Xuyên khung hoặc Đào nhân, Hồng hoa, nếu can khí phạm vị gia thêm Tuyền phúc hoa, Đại giả thạch, nếu bị thêm thấp đàm, gia thêm Trần bì, Bán hạ, nếu bị thêm nhiệt đàm gia thêm Qua lâu, Bối mẫu, Trúc nhự.

Những năm gần đây cho biết: Bài này gia Hoàng liên, Hoàng cầm, Đại hoàng, Hậu phác, Lục thần khúc, Qua lâu, Phi bạch, Xuyên uất kim có thể chữa đau thần kinh ở hông.

Phụ chương:

1. *Sài hồ sơ can tán*: Tức là bài này gia Xuyên khung, Hương phụ, Trần bì vừa tăng tác dụng lý khí sơ can vừa thêm hoạt huyết chỉ thông thích hợp với người can khí uất kết, huyết đi không thông sướng.

2. *Tiêu giao tán*: Tức là bài này gia Bạch truật, Phục linh, Gừng nướng, Bạc hà. Dùng Sài hồ để sơ can giải uất. Đương quy, Bạch thược để hòa dinh dưỡng huyết, Gừng nướng, Bạch truật, Phục linh, Cam thảo kiện tỳ hòa vị, Bạc hà tân lương khai uất. Vì vậy, đặc điểm của nó là điều hòa cả khí huyết, cùng trị can tỳ. Tác dụng và phạm vi ứng dụng của nó có chỗ khác với bài *Tứ nghịch tán* đơn thuần sơ can lý khí.

Trong lâm sàng thường dùng để chữa:

1. Can uất khí trệ, hai bên hông đau, đầu đau mắt mờ.
2. Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hành kinh thì đau bụng, núm vú sưng đau.
3. Trong quá trình bị viêm gan mạn tính, xuất hiện đau ngằm dưới hông và tinh thần mệt mỏi.

Tiêu dao tán gia Đan bì, Hắc Sơn chi gọi là *Đan bì tiêu dao tán*, thích hợp với các chứng bệnh nói trên kèm theo sốt con, hỏa vượng.

Gia Sinh địa, Thục địa gọi là *Hắc tiêu dao tán* thích hợp với các bệnh nói trên kèm theo huyết hư.

KIM LINH TỬ TÁN

« Kinh huệ phương »

Thành phần:

1. Kim linh tử 12 gam
2. Diên hồ sách 3 gam

Cách dùng: Nguyên là thuốc tán, giờ đổi là thuốc thang đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Sơ can tiết nhiệt, lý khí chỉ thống.

Chữa chứng bệnh: Bụng, ngực hông đau nhói, phụ nữ hành kinh đau bụng.

Giải bài thuốc: Bài này chỉ dùng 2 vị mà tác dụng lý khí chỉ thống khá mạnh. Đặc biệt là Kim linh tử có đủ sức sơ can tiết nhiệt và giải trừ can kinh uất nhiệt, phối hợp với Diên hồ sách có thể chữa các chứng đau trên dưới, trong ngoài, khí trệ trong hành huyết huyết trệ trong khí, đạt hiệu quả. Vì vậy trong lâm sàng ứng dụng khá rộng, là phương thuốc thông dụng để lý khí chỉ thống.

VIỆT CÚC HOÀN

« Đan kê tâm pháp »

Thành phần:

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1. Xuyên khung 8 gam | 4. Hắc sơn chi 2 gam |
| 2. Thương truật 12 gam | 5. Lục khúc 12 gam |
| 3. Hương phụ 12 gam | |

Cách dùng: Đun sắc với nước uống. Nếu làm thành thuốc hoàn, mỗi lần 8-12 gam, uống với nước đun sôi, ngày dùng 1-2 lần.

Công dụng: Hành khí, giải uất, hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Ngực bụng đầy ách, hơi thở không dễ chịu, ợ chua nôn mửa, tiêu hóa không tốt.

Giải bài thuốc: Hương phụ tính thơm lý khí, là thuốc chữa khí trong huyết, Xuyên khung trợ tá tăng thêm sức hoạt huyết hành khí, Thương truật táo thấp hóa đàm, Chi tử tả tà nhiệt ở tâm phế, giải uất hỏa ở tam tiêu, Lục khúc tán khí khai vị, hóa thủy cốc tiêu tích trệ. Đối với các chứng uất khí, huyết, đàm, hỏa, thấp, thực đều có công sức hành khí giải uất, nhưng tác dụng toàn bài lại hành khí là chính vì khí hành thì huyết hành, khí thông sướng thì các uất đàm, hỏa, thấp, thực đều giải, cho nên chữa chứng uất thường dùng bài này gia giảm..

Cách gia giảm: Nặng về khí uất thì gia Mộc hương, Uất kim, Ô dược, khí uất hình thành, không chỉ do tỷ vị khí trệ mà còn do gan không điều hòa nên cần gia Sài hồ, Bạch thược, bỏ đi Thương truật nặng về cương táo, nếu nặng về huyết uất, thì gia Đào nhân, Hồng hoa, nếu nặng về đàm uất, thì gia Bán hạ, Đờm tinh, nếu nặng về hỏa uất thì gia Hoàng liên, Hoàng cầm bỏ Thương truật, nếu nặng về thấp uất thì gia Hậu phác, Phục linh, nếu nặng về thực uất thì gia Sơn tra, Mạch nha, nếu kèm theo hàn tà thì gia Ngô thù, Can hương bỏ Sơn chi, nếu bị muộn chứng mãn nặng thì gia Hậu phác, Bình lang, Chỉ xác, Thanh bì, Trần bì.

BÁN HẠ HẬU PHÁC THANG

(Phụ: *Tứ thất thang*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Bán hạ	12 gam	4. Tía tô	12 gam
2. Hậu phác	2 gam	5. Gừng sống	3 lát
3. Phục linh	12 gam		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sức chia 2 lần uống.

Công dụng: Lý khí giáng nghịch, hóa đàm tán kết.

Chữa chứng bệnh:

1. Khí hạch (ở cuống họng tựa có vật gì cứng chẹn họng, nhỏ không ra, nuốt không xuống)
2. Thấp đàm tắc trở, ngực đầy, thở gấp.
3. Bụng đầy đau, kèm nôn mửa.

Giải bài thuốc: Bài này tính để chữa bệnh khí hạch, kiêm chữa ngực đầy thở gấp bụng đầy đau và nôn mửa. Những chứng bệnh này hình thành chủ yếu là do đàm khí cản nhau, vị không hòa giáng cho nên dùng Bán hạ hóa đàm khai kết, hạ khí giáng nghịch, Hậu phác, Gừng sống tính tân để tán kết, khô để giáng nghịch, hạ khí tán mãn, giải uất điều trung, tía tô hòa vị sướng trung, tiêu đàm hạ khí, Phục linh phụ tả để thấm thấp lợi thủy, cùng dẫn đến lý khí hóa đàm, tán kết trừ mãn. Đặc điểm lý khí của bài thuốc này là giáng nghịch, hạ khí.

Phụ phương:

Tứ thất thang:

Cũng có tên là “*Thất khí thang*”, tức là bài này gia Đại táo cũng để chữa khí hạch, gia Đại táo là dùng vị cam để hoãn tính cấp, tăng thêm sức tán kết giải uất, nhưng người đàm thấp nặng không nên dùng.

NGŨ MA ẤM

« Y phương tập giải »

Thành phần:

1. Ô dược	12 gam	4. Chỉ thực	12 gam
2. Bình lang	12 gam	5. Mộc hương	8 gam
3. Trần hương	4 gam		

Cách dùng: Mài với rượu quấy đều đun ấm lên chia 3 lần uống.

Chữa chứng bệnh: Do tình chí không điều hòa dẫn đến can khí Thượng nghịch, ngực mở ác đầy tắc không thông, thậm chí bế quyết.

Giải bài thuốc: Đặc điểm bài này là tập trung các vị thuốc có sức hành khí, phá khí, giáng khí mạnh vào một bài, Ô dược, Mộc hương hành khí, Chỉ xác, Bình lang phá khí, Trầm hương giáng khí lại cho thuốc mài với rượu uống ấm, các vị thuốc không qua đun sắc, khí đầy sức mạnh, hiệu quả càng nhanh. Vì rằng “giận thì khí thượng” khí thượng nghịch làm úng tắc ở ngực mở ác, nặng hơn thì thanh khiếu bị bế tắc nên biểu hiện khiếu bế tứ chi lạnh, cho nên không phải là thang thuốc mạnh thì không đủ giáng nghịch, tán kết, khai bế, người nào thể chất hư nhược có thể gia Nhân sâm.

ĐẠO KHÍ THANG

(Phụ: *Thiên thai ô dược tán, Quất hạch hoàn*)

« Trầm thi tôn sinh thư »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|--------|-------------------|-------|
| 1. Xuyên luyện tử | 16 gam | 3. Tiểu hồi hương | 8 gam |
| 2. Mộc hương | 12 gam | 4. Ngô thù | 8 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hành khí tán hàn, ôn can, chỉ thống.

Chữa chứng bệnh: Tiểu tràng khí, bụng đầy đau.

Giải bài thuốc: Người xưa cho rằng đau hơi có quan hệ mật thiết với can kinh. Còn cho rằng phần lớn chứng đau bụng hơi, trước tiên là thấp nhiệt lưu ở kinh mạch của gan, mắc lại cảm ngoại hàn, hàn nhiệt xen kẽ nhau. Cho nên bài này dùng Xuyên luyện tử khổ hàn nhập vào gan để lý khí rồi dẫn nhiệt tiết ra ngoài, Ngô thù, Hồi hương tân ôn tán hàn trừ thấp, Mộc hương hành can kinh khí trệ, trở thành phương thuốc chủ yếu chữa đau bụng hơi.

Phụ phương:

1. Thiên thai ô dược tán:

Tức là Bài này bỏ Ngô thù, gia Ô dược 12 gam, Thanh bì 8 gam, Bình lang 12 gam, Lương khương 4 gam, rồi dùng 4 hạt Ba đậu, Tiểu mạch phù 20 gam sao chung với Xuyên luyện tử, lúc Xuyên luyện tử biến thành màu đen, bỏ Ba đậu, Tiểu mạch phù đi, cho Xuyên luyện tử vào với các vị thuốc khác cùng đun sắc uống (cũng có lúc chế thành thuốc tán, uống với nước đun sôi) chủ trị đau hơi ở rốn bụng.

2. Quất hạch hoàn:

Gồm các vị thuốc Xuyên luyện tử, Quất hạch, Hậu phác, Chi thực, Quế tâm, Côn bố, Hải táo, Hải tảo, Đào nhân mỗi thứ một lượng, Mộc thông, Diên hồ sách, Mộc hương mỗi thứ 20 gam, nghiền nhỏ thành bột, ngào với rượu viên thành hoàn như hạt đậu to, mỗi lần uống 70 viên, lúc bụng đói uống với rượu hoặc nước muối nhạt, ngày uống 1 lần (hiệu thuốc có bán), nếu đôi dùng thuốc thang theo tỷ lệ thích hợp, đun với nước uống. Bài này có tác dụng hành khí chỉ thống, hoạt huyết nhuận kiên.

KẾT LUẬN

Tác dụng chủ yếu của thuốc lý khí không ngoài hành khí và giáng khí, nhưng để thích ứng với nguyên nhân và chứng bệnh, thường trên cơ sở hành khí hoặc giáng khí mà sử dụng các vị thuốc khác nhau. Ví dụ:

1. Thuộc phạm vi hành khí có:

Tứ nghịch tán là bài thuốc cơ sở của sơ can, hành khí. Bài *Sài hồ sơ can tán* và *Tiêu giao tán* từ bài trên biến hóa ra từ cơ sở sơ can, hành khí, giải uất lại còn có tác dụng hoạt huyết và điều hòa gan tỳ.

Kim linh tử tán sơ can hành khí, giải trừ can kinh uất nhiệt kèm thêm tác dụng hoạt huyết, thích hợp với các chứng can khí không thư thái, can kinh uất nhiệt, khí trệ huyết ứ mà dẫn đến các chứng đau, đặc biệt các chứng đau ở ngực hông, bụng trên, bụng dưới. Trong *Việt cúc hoàn* cùng dùng các vị thuốc lý khí, hoạt huyết, hóa đàm, táo thấp, tiết nhiệt, tiêu thực nên ngoài tác dụng sơ can hành khí ra còn giải trừ các chứng uất về huyết, đàm, hỏa, thấp, thực. *Đạo khí thang* chuyên hành khí trệ ở hạ tiêu kèm thêm tác dụng tán hàn cùng với thiên thai *Ô dược tán*, *Quất hạch hoàn* là phương thuốc chủ trị bệnh sán khí.

2. Thuộc phạm vi giáng khí:

Có thuốc nặng và thuốc nhẹ, thuốc nhẹ là *Bán hạ hậu phác thang* trong giáng khí còn trợ thêm hòa vị hóa đàm, loại sau như *Ngũ ma ẩm* đã dùng các vị thuốc có tác dụng mạnh để giáng khí tán kết còn mài thuốc với rượu, sức thuốc khá mạnh thích hợp cho các chứng đờm khí thượng nghịch, ngực mở ác bị tắc, thanh khiếu bị bế, thậm chí bế quyết chân tay lạnh.

Ngoài ra, thuốc lý khí thường có tác dụng sơ can, sơ can và lý khí thường thường đi đôi với nhau. Nhưng cần phải nêu rõ “gan là tạng Cương, tính thích điều đạt”, can khí cần thư thái, can thể cần nhu nhuận, người nào can khí không thư thái đương nhiên phải dùng thuốc lý khí, nhưng thuốc lý khí phần lớn thơm và táo, dùng nhiều quá tổn can âm, hao can huyết vì vậy khi dùng thuốc lý khí đồng thời phải quan tâm dưỡng huyết nhu can, phải gia thêm các vị Bạch thược, Mộc qua, Đan sâm, Đương quy, Sinh địa, Câu kỷ tử, Hà thủ ô. Cho nên bài *Tứ nghịch tán* trong thuốc lý khí có Bạch thược, *Tiêu giao tán* có Đương quy, Bạch thược chữa đau ở hông, ở dạ dày, mục đích là dưỡng can âm, ích can huyết là chính, sơ can lý khí là phụ (xem thuốc chỉ thống chương 11). Những mối quan hệ này cần được chú ý khi dùng thuốc lý khí.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

THU CAN HOÀN

Vị thuốc:

- | | | | |
|-----------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| 1. Bạch thược | 4. Chỉ xác | 7. Trần bì | 10. Khâu nhân |
| 2. Khương hoàng | 5. Diên hồ sách | 8. Quảng mộc hương | 11. Hậu phác |
| 3. Phục linh | 6. Trầm hương | 9. Sa nhân | 12. Xuyên luyện tử |

Cách dùng: Ngày dùng 1 hoàn (chừng 8 gam) hòa với nước đun sôi uống hoặc nhai nhỏ tiêu với nước, ngày uống 2-3 lần.

Công dụng: Sơ can, hành khí, chỉ thống, hòa vị.

Chữa chứng bệnh: Can uất khí trệ, hai bên hông đau nhói hoặc can vị bất hòa, nôn ra nước chua, trong dạ dày lộn xộn không thư thái, ăn uống không biết mùi vị, tiêu hóa không tốt.

Chương 10

THUỐC NGỪNG NÔN GIÁNG NGHỊCH

Thuốc ngừng nôn giáng nghịch có tác dụng hòa vị, giáng nghịch chữa các chứng nôn mửa, buồn lợm (nôn khan), đầy hơi, ách nghịch.

Vị lấy giáng làm hòa. Phàm ngoại cảm nội thương ảnh hưởng đến vị dẫn đến vị khí không hòa mà thượng nghịch khiến có thể nôn mửa, buồn lợm (nôn khan) đầy khí, khí dướng. Nguyên nhân của nó có vị hàn, vị nhiệt, vị hư, vị thực, cho đến can khí phạm vị, tiếp nhận ứ trọc. Cho nên, thuốc ngừng nôn giáng nghịch trong khi dùng các vị thuốc phối hợp có phân biệt tán hàn, thanh nhiệt, bổ hư, tả thực, sơ can, tỳ ứ để đạt tới mục đích hòa vị, giáng nghịch.

Dùng thuốc ngừng nôn giáng nghịch, thường sắc đặc, liều lượng ít, uống dần dần.

TIỂU BÁN HẠ THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Bán hạ 12-20 gam
2. Gừng sống 3-5 lát

Cách dùng: Đun sắc với nước, chia làm nhiều lần uống, nếu nôn mửa liên tục không thôi, có thể dùng Sinh bán hạ chừng 6-12 gam.

Công dụng: Hòa vị giáng nghịch, ngừng nôn.

Chữa chứng bệnh: Các loại nôn đều có thể dùng bài này phối hợp với các vị thuốc khác nhưng thiên về vị hàn làm bụng đầy đầy chướng, rêu trắng, người không khát dùng là thích hợp.

Giải bài thuốc: Bài này chỉ dùng 2 vị Bán hạ và Gừng sống. Bán hạ táo thấp trừ đờm, hòa vị giáng nghịch là vị thuốc đầu tiên để ngừng nôn, phối hợp với Gừng sống có thể hạn chế chất độc của Bán hạ lại tăng thêm tác dụng ôn vị, tán hàn, trừ đờm. Hai vị phối hợp với nhau, có tác dụng ngừng nôn như *Nhị trần thang*, *Ôn đởm thang*, *Tiểu sài hồ thang*, *Hoắc hương chính khí thang*, *Bán hạ Tả tâm thang* đều có Bán hạ và Gừng sống. Có thể coi đây là phương thuốc cơ bản ngừng nôn.

Cách gia giảm: Bài này gia Phục linh gọi là *Tiểu bán hạ gia phục linh thang*, tác dụng ninh tâm thần, hóa thủy thấp, trị đàm ẩm thượng nghịch, nôn mửa, ngực bụng đầy chướng; choáng váng, tim hồi hộp. Bài này bỏ Gừng sống gia Can khương gọi là *Bán hạ can khương tán*, tác dụng ôn vị tán hàn tương đối mạnh, chữa nôn khan hoặc nôn ra dãi. Bài này nếu đổi Gừng sống thành nước Gừng sống (sắc Bán hạ trước sau nhúng vào nước gừng chừng 1/2 thìa đến 1 thìa, chia nhiều lần uống) gọi là *Sinh khương bán hạ thang*, tác dụng tân tán khai kết tương đối mạnh, chữa các chứng thở không ra thở, nôn không ra nôn, trớ không ra trớ, buồn bực không yên. Nếu hàn nhiệt xen kẽ (có hiện tượng sốt mà lưỡi đỏ, rêu vàng) gây ra nôn có thể gia thêm Hoàng cầm, Hoàng liên. Vị hư hàn có thể phối hợp thêm Đảng sâm, Phục linh, Trần bì gọi là thông và bổ pháp. Người ăn bị trệ có thể gia Chi thực hoặc Chi xác, Lục khúc, Mạch nha là những vị thuốc tiêu tích đạo trệ.

NGÔ THÙ DU THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|----------|--------------|---------|
| 1. Ngô thù | 2-6 gam | 3. Gừng sống | 3-5 lát |
| 2. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam | 4. Đại táo | 3 quả |

Cách dùng: Thuốc thang đun sắc chia nhiều lần uống.

Công dụng: Hòa vị bổ hư, khai can uất, giáng nghịch ngừng nôn.

Chữa chứng bệnh: Vị khí hư hàn, can vị bất hòa, nôn khan, nôn ra dãi hoặc nước chua, bụng hông đầy đau, hoặc đau đầu, lưỡi không hồng, không nhiệt.

Giải bài thuốc: Xem thuốc ôn chương 6.

TẢ KIM HOÀN

« Đan Khê tâm pháp »

Thành phần:

- | | |
|---------------|---------|
| 1. Hoàng liên | 6 lượng |
| 2. Ngô thù du | 1 lượng |

Cách dùng: Thuốc hoàn, hiệu thuốc có bán sẵn, mỗi lần dùng 5 phân-1 gam, ngày dùng 2-3 lần, uống với nước ấm. Có thể đổi thành thuốc thang hoặc dùng thuốc hoàn bọc vải đun sắc lên.

Công dụng: Tân khai khổ giáng, thanh vị nhiệt, khai can uất.

Chữa chứng bệnh: Vị nhiệt kiêm can vị bất hòa biểu hiện buồn lợm, nôn mửa hoặc ợ nước chua, bụng hông đầy đau, miệng đắng họng khô, lưỡi đỏ.

Giải bài thuốc: Bài này dùng nhiều Hoàng liên tính khổ hàn để chữa vị nhiệt nôn mửa: dùng ít Ngô thù để phân tá nhằm khai can uất, giáng nghịch khí. Hai vị này hợp thành bài thuốc đều có tác dụng tân khai khổ giáng, ngừng nôn thôi đau chữa vị nhiệt nôn mửa với người can vị bất hòa lại càng thích hợp.

Cách gia giảm: Bài này gia Bạch thược chế thành hoàn gọi là *Sơ can hòa tỳ hoàn* (Tên cũ là: *Mậu kỹ hoàn*) có tác dụng sơ can tương đối mạnh thích hợp với chứng can tỳ bất hòa, bụng đau tiết tả ngày một nặng hơn. Nếu cho Ngô thù sao chung với Hoàng liên, bỏ Ngô thù đi gia Mộc hương chế thành hoàn gọi là *Hương liên hoàn*, chữa chứng thấp nhiệt hạ lý, bụng đau, lý cấp hậu trọng.

ĐẠI BÁN HẠ THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| 1. Bán hạ | 12-20 gam |
| 2. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam |
| 3. Mật ong | 1-2 lượng |

Cách dùng: Thuốc thang, đun sắc uống dần. Thường dùng Khương bán hạ, nếu nôn mửa không thôi dùng Sinh bán hạ, liều lượng giảm bớt.

Công dụng: Hòa vị, giáng nghịch, ngừng nôn.

Chữa chứng bệnh: Vị khí hư nhược, nôn mửa, tinh thần mệt mỏi, đại tiện khô kết.

Giải bài thuốc: Bài này dùng 3 vị Nhân sâm, Bán hạ, Mật ong để chữa vị hư ăn không xuống dạ dày, thường xuyên bị lợm nôn ra. Nhân sâm bổ vị khí, được Bán hạ tân thông thì bổ là không trệ vừa có hiệu quả thông và bổ, nhưng vị lợm nôn lâu, tân dịch hao thương, vị tràng không còn nhu nhuận, đại tiện thường bị khô kết, đại tiện bế thì trọc khí ùn lên dễ làm vị mất chức năng hòa giáng, Bán hạ tuy có thể hòa vị giáng nghịch nhưng được tính tán táo có mật ong cam nhuận thì thông mà không táo, đạt cả công hiệu giáng nghịch và đạo nhuận. Hiện nay trong lâm sàng thường dùng chữa bệnh nôn mửa do thần kinh gây nên và tắc trở ở hậu môn.

Cách gia giảm: Bụng ngực đầy chướng, đại tiện bí có thể gia Chi thực, Hậu phác, Bình lang để tăng thêm tác dụng khoan trung lý khí, đạo trệ, phát kết. Nếu do tâm tinh không sáng khoái, có lúc nôn, ợ hơi có thể gia Ô dược, Thanh bì, Trần bì, để sơ can lý khí; sắc mặt trắng bệch, sợ lạnh, chân tay lạnh có thể gia Xuyên tiêu, Gừng sống để ôn trung tán hàn, mặt phù quầng mắt sưng, tim hồi hộp mà dưới tim có thủy khí có thể gia Quế chi, Phục linh để ôn hóa thủy âm.

ĐẠI HOÀNG CẨM THẢO THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Sinh địa hoàng 4-12 gam
2. Sinh cam thảo 4-12 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc uống.

Công dụng: Tả nhiệt hỏa ở vị tràng, thông đại tiện, ngừng nôn.

Chữa chứng bệnh: Tràng vị tích nhiệt biểu hiện bí đại tiện, miệng hôi, rêu lưỡi vàng nhờn, ăn vào nôn ra.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Đại hoàng, Cam thảo tả hỏa thanh nhiệt, 2 vị phối hợp dùng khiến ngừng nôn. Mục đích để thông lợi đại tiện, đại tiện thông lợi thì vị hòa hạ hành, vị khí thông giáng thì nôn mửa giải được.

Cách gia giảm: Bài này gia Mang tiêu thì gọi là *Điều vị thừa khí thang*, bỏ Cam thảo gia Chi thực, Hậu phác gọi là *Tiểu thừa khí thũng*, bỏ Cam thảo gia Mang tiêu, Chi thực, Hậu phác gọi là *Đại thừa khí thang*. Chữa chứng tràng vị thực nhiệt biểu hiện bí đại tiện, nôn mửa v.v...

NGỌC KHU ĐAN

« Phiến ngọc tâm thư »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------|--------|----------------------|--------|
| 1. Sơn từ cô | 80 gam | 5. Hồng nha đại kích | 60 gam |
| 2. Xạ hương | 12 gam | 6. Chu sa | 30 gam |
| 3. Thiên kim tử sương | 40 gam | 7. Ngũ bội tử | 80 gam |
| 4. Hùng hoàng | 30 gam | | |

Cách dùng: Ở hiệu thuốc có bán thuốc chế sẵn, mỗi lần 1-2 gam uống với nước đun sôi, lúc cần ngày uống 2-3 lần.

Công dụng: Trị ứ, giải độc, ngừng nôn.

Chữa chứng bệnh: Cảm nhận khí ứ trọc (sa khí) ngộ độc trong ăn uống, nôn cấp tính hoặc buồn lợm nôn khan, muốn nôn không nôn được, muốn tả không tả được, vùng bụng đau chướng, buồn bực không yên.

Cách giải: Xem thuốc khai khiếu ở chương 19.

TUYÊN PHÚC ĐẠI GIẢ THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|-----------|-----------------------------|----------|
| 1. Tuyên phúc hoa | 12 gam | 5. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam |
| 2. Đại giả thạch | 12-20 gam | 6. Chích cam thảo | 4 gam |
| 3. Gừng sống | 3-5 lát | 7. Đại táo | 3 quả |
| 4. Bán hạ | 8-12 gam | | |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hòa vị, tiêu đàm, giáng khí.

Chữa chứng bệnh: Dạ dày đầy chướng, đầy hơi, nôn mửa, buồn lợm, bị nấc.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Tuyên phúc hoa tiêu đàm hạ khí, Đại giả thạch giáng nghịch, hai vị phối hợp là thuốc chủ của bài thuốc, chữa chứng vị không hòa giáng nên sinh ra ợ hơi, nôn mửa, bị nấc; thuốc phụ trợ có hai loại: Bán hạ, Sinh khương tăng thêm tác dụng hòa vị giáng nghịch của thuốc chủ, Đảng sâm, Chích cam thảo, Đại táo bổ vị khí hư nhược, ngoài ra còn phải nói rõ là 2 vị Tuyên chúc hoa, Đại giả thạch có tác dụng chính là giáng khí cho nên trong lâm sàng không chỉ chữa các chứng nôn mửa, ợ hơi, ách nghịch mà còn chữa ho, đờm nhiều, thờ gáp.

Cách gia giảm: Bài này trong ứng dụng lâm sàng nếu thấy rêu lưỡi nhờn, thiên về đàm thấp có thể gia Hậu phác, Phục linh, Trần bì, nếu kèm thêm thực trệ có thể gia Chỉ thực hoặc Chỉ xác, nếu bị sốt có thể gia Hoàng cầm, Hoàng liên. Có những chứng bệnh trên thì không dùng Đảng sâm, Cam thảo, Đại táo.

QUẠT BÌ TRÚC NHỰ THANG

(Phụ: Tế sinh quất bì trúc nhự thang)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------------------|----------|-----------------------------|----------|
| 1. Quạt bì (tức Trần bì) | 8-12 gam | 4. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam |
| 2. Trúc nhự | 8 gam | 5. Chích cam thảo | 4 gam |
| 3. Gừng sống | 3 lát | 6. Đại táo | 3 quả |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Hòa vị giáng nghịch bổ hư.

Chữa chứng bệnh: Vị hư bị nấc, nôn khan (buồn lợm).

Giải bài thuốc: Bài này dùng Nhân sâm, Cam thảo, Đại táo bổ vị hư, Trần bì hòa vị, lý khí, Trúc nhự thanh vị nhiệt, giáng nghịch khí phối hợp tạo thành, chữa chứng bệnh vị hư hơi thiên về nhiệt mà gây nên bị nấc, nôn khan. Trong lâm sàng thường dùng Trần bì, Trúc nhự (sao nước gừng) gia vào các bài thuốc khác để chữa nôn mửa, ợ hơi.

Phụ phương:

Tế sinh quất bì trúc nhự thang:

Tức là bài này gia Phục linh, Bán hạ, Mạch môn đông, Tỳ bà diệp (sao thơm). Bán hạ, Phục linh, Tỳ bà diệp hóa đàm, hòa vị, giáng nghịch, Mạch môn đông dưỡng vị âm, dù để bổ vị, thanh nhiệt, giáng nghịch thì sức thuốc vẫn mạnh hơn so với nguyên bài trong « Kim quỹ ».

ĐINH HƯƠNG THỊ ĐẾ THANG

« Chứng nhân mạch trị »

Thành phần:

- | | | | |
|----------------------|----------|-----------------------------|----------|
| 1. Đinh hương | 2-3 gam | 3. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 8-12 gam |
| 2. Thị đế (tai hồng) | 8-16 gam | 4. Gừng sống | 3 lát |

Cách dùng: Ngày 1 thang, đun sắc chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn vị tán hàn, hạ khí giáng nghịch.

Chữa chứng bệnh: Vị khí hư hàn, bị nấc.

Giải bài thuốc: Bài này dùng Đinh hương, Thị đế ôn vị tán hàn, hạ khí giáng nghịch là chính, chuyên trị bệnh nấc, phụ thêm. có Nhân sâm bổ hư, gừng sống tán hàn. Chữa bệnh vị khí hư hàn mà bị nấc là thích hợp.

KẾT LUẬN

Thuốc ngừng nôn chú trọng hòa vị giáng nghịch, thuốc dùng trước hết phải nói đến Bán hạ, Sinh khương. Vì vậy, *Tiểu bán hạ thang* là phương thuốc cơ bản để ngừng nôn, thông thường lấy bài thuốc này phối hợp với các vị thuốc khác để chữa ngừng nôn do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong việc chữa các bệnh ngoại cảm nếu đàm thấp trở ngại bên trong kèm thêm bị nôn gia thêm Bán hạ, Sinh khương có thể giải được. Ví dụ *Tiểu sài hồ thang*, *Hoắc hương chính khí tán* đều có tác dụng ngừng nôn vì trong thuốc đều có Bán hạ, Sinh khương. Kế đó là Hoàng liên, Ngô thù tả vị hỏa, giáng nghịch khí, có tác dụng ngừng nôn tương đối mạnh như *Tả kim hoàn* là phương thuốc ngừng nôn thường dùng trong lâm sàng. Ngoài ra các vị Hoắc hương, Khâu nhân, Sa nhân, Phật thủ là những thuốc thơm cùng với Lô căn, Mạch môn đông, Hoa phấn đều thanh vị sinh tân cũng có tác dụng ngừng nôn nhất định. Loại trên thường dùng chữa can uất khí nghịch hoặc do thấp trở ngại bên trong mà gây nên buồn lợm, buồn nôn. Loại sau thường dùng chữa nôn khan do vị âm hư gây nên.

Thuốc ngừng nôn giáng nghịch khi chữa các loại tạp bệnh trước tiên cần phân biệt hàn, nhiệt, hư, thực. Nếu vị hàn thì dùng *Ngô thù du thang* để ôn vị tán hàn kèm theo hư hàn nên trong *Ngô thù du thang* dùng sâm, táo để bổ hư, vị nhiệt có thể dùng *Tả kim hoàn* tân kham khổ giáng nhưng chính để thanh vị nhiệt, còn nếu hàn nhiệt xen kẽ mà gây ra nôn, nôn khan, có thể dùng *Bán hạ tả tâm thang* gia giảm (xem thuốc hòa ở chương 4), vị hư có thể dùng *Đại bán hạ thang*, vị thực có thể dùng *Đại Hoàng cầm thảo thang* và *Tam thừa khí thang*. Nếu tiếp nhận ứ trọc sinh nôn, nôn khan có thể dùng *Ngọc khu đan* tuyên thông khai tiết, tỳ ứ giải độc. *Tuyền phúc đại giả thang* chữa lợm, nôn, nấc, đặc điêm là dùng chung cả 2 thứ thuốc tiêu đàm hòa vị và giáng nghịch. Bài này cùng bài 1 vị thuốc là đất ở giữa bếp 1 lạng, bọc lại nung lên, lọc sạch lấy nước, cho vào 1/2 thìa nước gừng, uống ấm nhiều lần để ôn trung tán hàn giáng nghịch để chữa vị hàn nôn mửa. *Quất bì trúc nhựt thang*, *Đinh hương thị đế thang*, 2 bài này thường dùng chữa nấc, nôn khan, bài sau chuyên trị ôn vị tán hàn. Cần phải nêu rõ, vị mất đi sự hòa giáng thường do can khí phạm vị nên muốn hòa vị phải sơ can như *Ngô thù du thang*, *Tả kim hoàn* đều là những phương thuốc cùng chữa can vị. Trong lâm sàng lúc dùng các phương thuốc khác ngừng nôn giáng nghịch, nếu thấy can vị bất hòa cần gia thêm vị thuốc sơ can lý khí.

Những bài thuốc chọn ở chương này chuyên trị nôn, lợm, nấc, còn những bài thuốc khác như *Nhị trần thang*, *Ôn đởm thang*, *Hoắc hương chính khí tán*, *Tiểu sài hồ thang*, *Bán hạ tả tâm thang* tuy cũng có tác dụng ngừng nôn giáng nghịch nhưng ở một mặt nào đó thôi còn thì dùng chữa các bệnh khác nên ở chương này không chọn vào.

Chương 11

THUỐC CHỈ THỐNG

Tác dụng chủ yếu của thuốc chỉ thống là “thông”. “Không thông thì thống” “thông thì không thống” là căn cứ lý luận chủ yếu của thuốc chỉ thống. Nhưng thông có thực thông và hư thông, thực thông do những nguyên nhân khác nhau như ngoại tà, khí trệ huyết ứ, đàm trờ, trùng tích, thực trệ; cách chữa và dùng thuốc theo các cách lý khí, hóa ứ, khử đàm, khu trùng, tiêu tích, hóa trệ nhưng chung quy vẫn là để “thông” hư thông cần bổ nhưng do hư dẫn đến “thống”, mỗi khi khí huyết lưu hành không thông sướng thì không nên dùng thuốc bổ mà nên thông, trong khi bổ cũng cần chú ý đến chữ “thông”. Ví dụ bài *Kiến trung thang*, *Nhất quán tiễn* nói ở chương này đều là phương thuốc chữa hư thông nhưng đều chú ý trong bổ có thông. Bài thứ nhất dùng Quế chi để thông huyết mạch, bài thứ hai dùng Xuyên luyện tử để sơ can khí là có ý như vậy. Đồng thời cần phải nói rõ, thuốc chỉ thống của nền y học nước nhà không phải đơn thuần là đau đầu thì chữa đầu, đau chân thì chữa chân "mà là một bộ phận trong phép biện chứng điều trị". Cho nên trong thuốc chỉ thống thường dùng các vị thuốc khứ tán ngoại tà (bao gồm khứ phong, tán hàn, hóa thấp, thanh nhiệt), tiêu trừ ứ trệ (bao gồm lý khí, hóa ứ, khử đàm, đạo trệ) làm thành phần chủ yếu của phương thuốc chữa thực thông, còn trong các vị thuốc bổ khí bổ huyết có kết hợp các thuốc lý khí, hoạt huyết, giải uất, tán hàn, thông dương, đó là thành phần chủ yếu của phương thuốc chữa hư hàn.

Do nguyên nhân khác nhau và đau ở các bộ phận khác nhau nên thuốc chỉ thống có khác nhau trong sự giống nhau như đau đầu thường dùng Xuyên khung, đau lưng thường dùng Đở trọng, đau từ đầu gối trở xuống thường dùng Ngưu tất, đau do khí trệ ở ngực và bụng thường dùng Diên hồ sách, Hương phụ, đau do bị ngoại thương và huyết ứ thường dùng Nhũ hương, Một dược. Phương thuốc cũng có bài thuốc chuyên dùng. Chương này chỉ nói những bài thuốc tiêu biểu chữa đau đầu, đau ngực bụng, đau lưng, đau răng. Còn cách chữa chứng đau ran khắp toàn thân, đau do bị thương bên ngoài và phụ nữ đau kinh, ở chương này không nói mà xem tham khảo ở các chương khác.

XUYÊN KHUNG TRÀ ĐIỀU TÁN

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

1. Xuyên khung	8 gam	5. Tế tân	4 gam
2. Kinh giới	16 gam	6. Bạch chỉ	8 gam
3. Bạc hà	32 gam	7. Cam thảo	8 gam
4. Khương hoạt	8 gam	8. Phòng phong	6 gam

Cách dùng: Các vị thuốc nói trên nghiền thành bột. Mỗi ngày dùng 12 gam bột ấy, uống với nước chè xanh. Trong lâm sàng có thể dựa trên liều lượng trên đôi làm thuốc thang sắc với nước chia 3 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Khu phong tán hàn, trị đau đầu.

Chủ trị: Chữa nhức đầu do phong hàn, ghét gió, phát sốt, huyễn vựng (chóng mặt), tắc mũi.

Giải bài thuốc: Đặc điểm của phương này là tập trung nhiều loại thuốc khu phong tán hàn, lấy sự tán phong tà để chữa nhức đầu. Trong phương có Khương hoạt, Bạch chỉ, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Bạc hà, Kinh giới đều có thể phát tán phong tà, trong đó Xuyên khung hành khí ở trong huyết, khu phong ở trong phận, đi lên vùng đầu mắt nên trị được các chứng đau do phong thấp ở phần trên, Bạc hà Tế tân có thể thanh tán uất nhiệt ở Thượng bộ, nên đau đầu tất phải dùng chúng. Dùng hai vị ấy với liều lượng nhiều thì thăng dương tán tà. Nước chè thanh đầu mắt. Bất cứ đau thống nào do phong hàn đều dùng được phương thuốc này. Kể cả đau đầu do phong nhiệt cũng dùng được. Nếu nhiệt uất khá nặng, thì nên gia Cúc hoa 12 gam, Bạch cương tàm 8 gam gọi là *Cúc hoa trà điều tán* dùng chữa nhức đầu do Can phong nhiệt bệnh.

ÍCH KHÍ THÔNG MINH THANG

« Đông-Viên thập thư »

Thành phần:

1. Mạn kinh tử 12 gam	(hoặc Đảng sâm)	6. Bạch thược	8 gam
2. Cát căn 12 gam	4. Hoàng kỳ 12 gam	7. Thăng ma	6 gam
3. Nhân sâm 12 gam	5. Hoàng bá 4 gam	8. Chích cam thảo	4 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ trung khí, thăng thanh dương, tán phong nhiệt, lợi thanh khiếu.

Chủ trị: Trung khí bất túc, thanh dương bất thăng, phong nhiệt thượng xung, đầu đau mắt mờ, đau răng, tai ù, sức nghe giảm sút, mạch nhu nhuyễn.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng thuốc bổ khí làm chủ, lấy thuốc thăng tán làm phó tá, để trị các chứng đau ở vùng đầu mặt. Trong đó, sâm, kỳ, thảo bổ khí, Thăng ma, Cát căn, Mạn kinh tử thăng tán, thăng thanh dương và dẫn thuốc bổ khí lên trên, tán được đau đầu do phong nhiệt. Hoàng bát tư âm giáng hỏa, Bạch thược liễm âm hòa vịnh, làm cho thuốc thăng tán không thái quá. Vì vậy, phương này thích hợp với bệnh nhân trung khí bất túc, khí hư nên không thăng dương được, phong nhiệt thừa thể ấy mà xâm phạm đầu bộ sinh ra chứng đau đầu, đầu chóng, chóng mặt, đau răng, ù tai v.v... Nếu âm hư dương cương sinh chứng mê mết mà mạch huyền lười đỏ thì không được dùng.

THƯƠNG NHĨ TỬ TÁN

(Phụ: Tân di tán, Thanh can bảo hung hoàn)

Thành phần:

1. Thương nhĩ tử 12 gam (quả ké đầu ngựa)	3. Tân di 8 gam
2. Bạc hà 8 gam	4. Bạch chỉ 4 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc với nước, chia 2 lần uống. (Trước hay dùng thuốc bột, hiện nay hay dùng thuốc thang).

Công dụng: Thông khiếu mũi, chữa đau đầu.

Chủ trị: Ty uyên, mũi tắc không thấy thơm tho, chảy nước bản, đau trước trán.

Giải bài thuốc: Thương nhĩ thông ty khiếu, tán phong, chỉ thống, Bạc hà tiêu tán phong nhiệt, trị đau thống, đầu phong, Tân di tuyên tán phong nhiệt ở thượng tiêu, chữa ty uyên (viêm xoang) đau đầu, đau răng, Bạch chỉ trị đau đầu, mắt mờ, đau răng ty uyên, mi lãng cốt thống (đau xương ổ mắt). Dùng 4 vị này để thăng tán tà khí ở đầu mặt, thông khiếu có công năng chỉ thống: Là phương thuốc chủ yếu chữa viêm xoang, viêm mũi có thụt thừa (Polype).

Phụ phương:

1. Tân di tán:

Là phương trên bỏ Thương nhĩ, Bạc hà, gia Thăng ma, Cảo bản, Phòng phong, Xuyên khung, Tế tân, Mộc thông, Cam thảo. Các vị bằng nhau tán bột.

Mỗi ngày dùng 12 gam, uống với nước chè: (có thể chế thành thuốc thang) chủ trị như phương trên.

2. Thanh can bảo hung hoàn:

Dùng lá Hoắc hương 3200 gam, Trư đờm trấp (nước mật lợn) 3600 gam chế thành viên thuốc. Mỗi lần 4-8 gam. Ngày uống 2 lần với nước chín nóng, có tác dụng phương tương thương khiêu, thanh tiết phong nhiệt.

Đó là nghiệm phương trị ty uyên, chủ trị mũi tắc bất thông, thường ra nước bản, không biết thơm thối, đầu trán đau nhức... Công hiệu khả quan.

THANH CHẤN THANG

« Trương Nguyên Tố phương »

Thành phần:

1. Thăng ma 12 gam
2. Thương truật 12 gam
3. Bạc hà khô 1 nắm

Cách dùng: Mỗi ngày một thang sắc với nước chia 2 lần uống.

Chủ trị: Thanh dương bất thăng, trọc âm thượng cang, đầu thống, đầu chướng, có tiếng ọc ọc trong đầu (lời đầu phong), rêu lưỡi trơn nhớt.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Thăng ma thăng thanh dương, Thương truật tán phong khứ hàn thấp, Bạc hà thanh đầu mắt, hỗ trợ cho Thăng ma, Thương truật thăng phát vị khí, khiến phong thấp theo đường trên mà tán, trị được các chứng thanh dương bất thăng, trọc âm thượng cang mà sinh chứng nhức đầu, ngực sôi sục, nhất định hiệu quả.

QUẤT LÂU GIỚI BẠCH ⁽¹⁾ BẠCH TỬU THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Qua lâu 16-32 gam
2. Giới bạch đầu 16 gam
3. Rượu 16 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước, chia 2 lần uống.

Công dụng: Thông dương tán kết, hóa đàm hạ khí.

Chủ trị: Bệnh hung tý, ngực đau xuyên sang lưng, lưng đau xuyên sang tâm, ho nhiều đờm thờ gấp, trước hết trị chứng tâm giao thống (ví dụ bệnh của động mạch vành).

Giải bài thuốc: Qua lâu tính hàn mà hoạt nhuận. Giới bạch tính ôn mà thông dương, nhất hàn, nhất ôn dùng để thông dương tán kết, hóa đàm hạ khí, trị các chứng do dương khí bất thông, đàm ẩm súc tích ở trong mà thành hung tý. Rượu trắng tăng cường sự vận hành của thuốc. Gần đây có báo cáo phương này trị đau dạ dày do đàm ẩm, kết quả khả quan, còn trị chứng tâm giao thống.

Gia giảm:

1. *Chỉ thực giới bạch quế chi thang:* Tức là phương trên bỏ rượu gia Chỉ thực, Hậu phác, Quế chi, cũng chữa được các chứng đã kể trên, nhưng tác dụng thông dương tán kết mạnh hơn, trị các loại hung tý có hàn đàm.

2. *Qua lâu giới bạch bán hạ thang:* Bản phương gia Bán hạ để hóa đàm hòa vị, chủ trị bệnh nhân hung tý lại có thêm ho, đa đàm và biểu hiện cả chứng ầu thổ (nôn ọc).

⁽¹⁾ Giới bạch có nơi đọc là Cửu bạch - tên một loại cây như cây họ của ta, họ kiệu mua hành... Việt Nam hay dùng họ... (lời người dịch)

NHẤT QUÁN TIỄN

« Liễu Châu y thoại »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|--------|-------------------|-----------|
| 1. Bắc sa sâm | 12 gam | 4. Sinh địa | 32-44 gam |
| 2. Mạch đông | 12 gam | 5. Câu kỷ tử | 12-32 gam |
| 3. Đương quy | 12 gam | 6. Xuyên luyện tử | 6 gam |

Cách dùng: Trên đây là lượng của nguyên phương. Thực tiễn lâm sàng tùy tình huống gia giảm, ngày 1 thang sắc với nước chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Dưỡng can âm, sơ can khí.

Chủ trị: Can âm, bất túc, dịch vị thiếu, hiện ra chứng miệng khô, lưỡi sạm, ngực sườn không thư thái, hoặc đau tức v.v...

Giải bài thuốc: Can là cương tạng (tạng cứng) tính thích nhu nhuận, nếu can khí bất thư, can vị bất hòa thì sinh ra chứng sườn đau, dạ dày đau. Nếu dùng *Tứ ma ẩm*, *Việt cúc hoàn*, *Tiêu dao tán*... thì bệnh mới mắc phần nhiều khỏi, nhưng bệnh lâu ngày càng ngày can khí càng uất, mà hóa hỏa; can âm, can huyết và vị dịch đều hao tổn, vì vậy dùng các thuốc thơm mà ráo không những không khỏi mà còn có hại. Phương này chủ yếu dùng Sinh địa, Kỷ tử để tư dương can âm làm chủ dược. Sa sâm, Mạch đông hòa dưỡng vị âm, Đương quy có tính dưỡng can. loat huyết làm phò tá, Xuyên luyện tử sơ can nhuận nhi bất táo, có thể tiết can thông lạc dùng lượng ít làm sứ dược. Thích hợp với các chứng âm hư huyết táo, can khí hoành nghịch, bệnh lâu sườn đau, vị thống, hiện chứng lưỡi đỏ thiếu tân dịch, yết hầu khô ráo, mạch hư mà huyền đều công hiệu.

Gia giảm: Miệng đắng gia Xuyên hoàng liên sao rượu, từ 1-2 để thanh nhiệt, ngực bĩ kém phần thu nạp gia Mạch nha sống 16-32 gam; gia Sinh địa, Kỷ tử nhu nhuận (Mạch nha trợ tiêu hóa của tỳ vị mà khéo làm thư can khí, nên dùng sống nếu sao thì giảm tác dụng). Nếu có âm hư hiệp đàm thì bỏ Câu kỷ tử gia Xuyên bối mẫu.

LƯƠNG PHU HOÀN

« Lương phương tập dịch »

Thành phần:

1. Cao lương khương (củ riêng)
2. Hương phụ đều bằng nhau.

Cách dùng: Tán bột, làm hoàn, ngày uống 4-8 gam với nước chín, ngày 2-3 lần.

Công dụng: Ôn trung tán hàn, chỉ vị thống.

Chủ trị: Các chứng đau dạ dày do hàn ngưng khí trệ, thích chườm nóng, thích ẩm, rêu lưỡi trắng.

Giải bài thuốc: Cao lương khương ôn vị, tán hàn tà, Hương phụ lý khí, giải uất. Hai vị này ôn trung tán hàn hành khí, khí hành tắc vị hòa, hàn tán thì thôi đau.

Gia giảm: Có phương còn gia Thanh bì, Can khương, Mộc hương, Trâm hương, Đương quy, Hậu phác để tăng cường tác dụng hành khí tán hàn, sự giảm đau càng có hiệu quả.

LÝ TRUNG HOÀN

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|--------|-------------------|---------|
| 1. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 12 gam | 3. Chích cam thảo | 40 gam |
| 2. Bào khương | 80 gam | 4. Bạch truật | 120 gam |

Cách dùng: Lượng trên theo nguyên phương. Các vị bột làm hoàn, mỗi lần uống 12 gam với nước chín ấm. Cũng có thể dùng dạng thuốc thang gọi là *Lý trung thang* (tất nhiên liều trên phải giảm đi còn 1/10 tính là 1 thang) sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn trung kiện tỳ, tán hàn trừ đau bụng.

Chủ trị: Tỳ vị hư hàn, bụng đau tiết tả, nôn ọe mà không khát, rêu lưỡi trắng nhạt.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Bào khương ôn trung tán hàn; Sâm, Truật, Cam thảo bổ khí kiện tỳ hòa trung, chữa được chứng tỳ vị hư hàn, ầu thổ tiết tả, thỉnh thoảng có cơn đau bụng thích chườm thích ấm.

(Tham khảo thêm chương 6 ôn tễ)

TIÊU KIẾN TRUNG THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Quế chi	8 gam	4. Đại táo	5 quả
2. Bạch thược	16 gam	5. Kẹo Mạch nha	40-80 gam (Di đường)
3. Cam thảo	4 gam	6. Sinh khương	4 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Ôn dưỡng tỳ vị thông dương khí, hòa doanh huyết.

Chủ trị: Tỳ vị hư hàn dẫn đến đau dạ dày, tâm khí bất trú sinh chứng tâm quí (hồi hộp mà hư phiền).

Giải bài thuốc: Phương này tức là *Quế chi thang* dùng gấp bội Thược dược gia Di đường (kẹo mầm lúa). Thược dược tăng hàm lượng lên hợp với Quế chi mà điều hòa vinh vệ có thờ làm mềm (nhu) tạng can, hòa doanh huyết mà khỏi đau bụng, lại gia Di đường tính cam ôn cùng với Cam thảo, Sinh khương phối hợp để tăng cường tác dụng ôn dưỡng của phương, cho nên có tên gọi là “KIẾN TRUNG”, là phương chủ yếu trị chứng tỳ vị hư hàn dẫn đến đau bụng.

Bản phương lấy bài *Quế chi thang* làm cơ sở, bội Bạch thược và gia Di đường, tác dụng không phải là phát hãn giải biểu mà là để ôn vận huyết mạch thông tâm dương, ích tâm khí, hòa vinh huyết, nên còn chữa được chứng hư phiền hồi hộp do tâm khí bất túc.

Gia giảm: Bản phương gia Hoàng kỳ gọi là *Hoàng kỳ kiến trung thang* để kiêm thêm tác dụng bổ khí, đau bụng do tỳ vị hư hàn, biểu hư tự hãn v.v... gia Đương quy gọi là *Đương quy kiến trung thang* kiêm thêm tác dụng bổ huyết trị chứng đau bụng do huyết hư. Nếu muốn bổ cả khí lẫn huyết thì gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Đương quy vào bản phương (*Sâm kỳ quy kiến trung thang*) trong lâm sàng thường dùng phương này trị bệnh đái són, rối loạn công năng vị tràng mà hiện chứng tỳ vị hư hàn, khí huyết lưỡng hư rất có hiệu quả.

THANH NGA HOÀN

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

1. Bỏ cốt chi (Phá cốt chi) sao rượu	160 gam
2. Đổ trọng sao muối, rồi sao rượu	160 gam
3. Hồ đào nhục sao	160 gam
4. Đại toán đầu khứ ý (tôi bỏ vỏ)	160 gam

Cách dùng: Các vị nghiền bột làm hoàn, mỗi lần uống 12 gam lúc đói bụng, uống với rượu nóng, hoặc nước chín ấm. Có thể đổi làm thang tễ (giảm liều) sắc uống ngày 2 lần.

Công dụng: Bổ thận, chữa eo lưng đau (yêu thống).

Chủ trị: Thận hư yêu thống.

Giải bài thuốc: Bổ cốt chỉ tân khô đại ôn, ôn thận tráng nguyên dương, Hồ đào nhục bổ mệnh môn hỏa, nạp thận khí, Đỗ trọng bổ can thận trị yêu thống. Ba vị phối hợp bổ hạ tiêu thận dương, dùng nước muối dẫn thuốc vào thận, lấy củ tỏi cay thông đê tán hàn thấp. Thật là một phương thuốc cực hay mà giản dị để chữa chứng thận hư yêu thống vậy.

THANH VỊ TÁN

« Lan thất bí tàng »

Thành phần:

1. Sinh địa	20 gam	4. Đương quy	8 gam
2. Đan bì	20 gam	5. Thăng ma	8 gam
3. Hoàng liên	4 gam		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh vị hỏa, giải nhiệt độc.

Chủ trị: Vị hỏa bốc sinh đau răng.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Sinh địa, Đan bì lương huyết giải nhiệt, Hoàng liên thăng mà thanh nhiệt giải độc, Đương quy hòa huyết dưỡng huyết. Một vị Thăng ma có sức thăng dương tán hỏa. Lý Đông Viên nói: “Dục giáng tất tiên thăng”. Nghĩa là muốn giáng thì trước phải cho thăng đã. Cho nên trong các bài thuốc giáng hỏa, ta nên dùng sức đưa lên của vị Thăng ma để trị đau răng. Vì vị hỏa hay gây đau răng, mà hỏa có tính viêm thương (bốc). Sau đó cũng có thể không cần dùng tác dụng thăng tán của Thăng ma nữa, lúc ấy có thể bỏ Thăng ma gia Thạch cao hoặc Đại hoàng. Phạm các chứng sưng đau của răng do vị hỏa hoặc sinh mụn, răng chảy máu, khí miệng nóng hôi, có thể trên cơ sở phương này mà gia giảm vận dụng.

THẠCH CAO THỰC ĐỊA TIỄN

(Tên cũ: Ngọc nữ tiễn)

« Cảnh nhạc toàn thư »

Thành phần:

1. Thạch cao	20-40 gam	4. Nguru tất	8 gam
2. Mạch đông	8 gam	5. Thực địa	16 gam
3. Tri mẫu	8 gam		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc nước, chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ thận âm, tả thận nhiệt, trị các chứng hư hỏa nha thống (đau răng).

Chủ trị: Thận âm bất túc, vị hỏa hữu dư. Lợi răng sưng đỏ, khí mệt nhọc hay phát phiền nhiệt, miệng khát.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Thạch cao, Tri mẫu, thanh vị hỏa, Thực địa tư bổ thận âm, Mạch đông dưỡng âm thanh nhiệt, Nguru tất dẫn nhiệt đi xuống. Răng lợi đau sưng hể mệt nhọc thì phát (ngộ lao tất phát) phần lớn do âm hư hỏa vượng nên dùng phương này.

(Nên tham khảo chương 2, *Thanh nhiệt tễ*)

KẾT LUẬN

Chương này trình bày những phương thuốc chữa các chứng nhức đầu, đau ngực, đau bụng, đau eo lưng, và đau răng.

1. Trị đầu thống:

Cổ nhân nêu lên thuyết do “phong tà tập thượng”. Trên thực tế lâm sàng thấy các chứng đau đầu do ngoại cảm phần lớn do phong tà xâm tập. Phương tễ để trị có *Xuyên khung trà điều tán*, *Cúc hoa trà điều tán*, trước hết để khư phong tán hàn, sau đó là khư phong thanh nhiệt.

Ích khí thông minh thang và *Thanh chẩn thang* chủ yếu lấy thăng để thanh dương mà trị ngoại cảm. *Thương nhĩ tử tán*, *Tân di tán* có công năng thông khiếu dùng chữa các chứng đầu thống do bệnh ty uyên. Còn các loại đau đầu do huyết hư dương cương thì nên phải tham khảo ở các chương có quan hệ với chứng ấy.

2. Trị hung phúc thống: (ngực bụng đau)

Quát lâu giới bạch bạch tưu thang và các phương gia giảm của nó đều khéo trị đàm trệ và uất kết ở trong ngực, chuyên trị hung tý dẫn đến đau giữa lưng và ngực. Trước hết người ta hay dùng trị động mạch xơ cứng (athero. Sclerose) các bệnh tim dẫn đến co thắt động mạch vành (Sclérose coronarieune) tâm giao bệnh vv... có hiệu quả khả quan.

- *Nhất quán tiễn* chủ yếu dưỡng can âm, tư vị dịch, sơ can lý khí. Đối tượng chữa của nó là các chứng can âm bất túc, kiềm can khí bất thư, vị quán đông thống (đau dạ dày) ngực sườn không thư thái, đau tức, lưỡi đỏ.

Lương phụ hoàn: Dùng chữa các chứng trúng hàn khí trệ sinh ra đau dạ dày, lại cũng chữa các thống Kinh (đau bụng trong thời gian hành kinh) của phụ nữ.

- *Lý trung thang* chủ trị chứng tý vị hư hàn gây ra ầu thổ (nôn) và tiết tả đau bụng.

Tiểu kiến trung thang và các phương gia giảm chủ yếu là kiện vị, làm hoãn chứng cấp và giảm đau cho nên gọi là kiện trung rất hợp với dạ dày đau tức do tý vị hư hàn. Đó là phương pháp trấn thống dùng thuốc cam ôn bổ dưỡng noãn trung (âm trung tiêu).

3. Trị yếu thống:

Thanh nga hoàn là phương chủ yếu trị thận hư, đau eo lưng. Phụ nữ đái hạ có chứng đau lưng cũng dùng được. Nếu do phong thấp, trật đả (ngã, đòn) lao quyền (mệt) mà đau eo lưng tất nhiên phải biện chứng luận trị để chọn phương thang cho thích hợp.

4. Trị đau răng:

Thanh vị tán và *Thạch cao thực địa tiễn* là phương cơ sở chủ trị đau răng: Một phương trị đau răng đơn thuần do vị hỏa viêm thượng, một phương trị thận âm bất túc kiêm có vị hỏa hiệp theo.

Chương này giới thiệu các phương trấn thống thường dùng. Ngoài ra còn có nhiều phương khác cũng có tác dụng giảm đau, không ngoài lý khái quát là lý khí, hoạt huyết, khư phong thấp... Đã nói ở các chương khác. Cúng ta nên dựa vào nguyên tắc biện chứng luận trị để lựa chọn cho thích hợp với người bệnh.

Phụ: THÀNH DƯỢC (Thuốc chế sẵn)

1. VỊ THÁI PHIÊN

(Phiên = viên tròn dẹt giập máy)

Công thức:

- | | |
|-------------------|------------------|
| 1. Hải phiêu tiêu | 3. Chế nhũ hương |
| 2. Cam thảo | 4. Chế một dược |

Cách dùng: Mỗi lần từ 4-6 viên, ngày 3 lần.

Công dụng: Chỉ vị thông, chế vị toan (giảm nước chua).

Chủ trị: Đau dạ dày, chát chua nhiều, dạ dày có loét, loét tá tràng.

2. VỊ THỐNG TÁN

Công thức:

- | | | |
|-------------------|--------------------|--------------|
| 1. Hải phiêu tiêu | 3. Thanh mộc hương | 5. Đường cát |
| 2. Trần bì | 4. Can hiếu mẫu | 6. Cam thảo |

Cách dùng: Mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 4 viên với nước chín.

Công dụng: Chỉ vị thông, chế vị toan, trợ tiêu hóa.

Chủ trị: Loét dạ dày tá tràng, viêm dạ dày, cơ quan thần kinh dạ dày sưng đau, nước chua nhiều, rối loạn tiêu hóa.

3. THẬP HƯƠNG HOÀN

Công thức:

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1. Mộc hương | 6. Chế hương phụ |
| 2. Công đình hương | 7. Đàn hương |
| 3. Trần hương | 8. Quảng hoắc hương |
| 4. Chế nhũ hương | 9. Ô dược |
| 5. Giáng hương | 10. Cam thảo |

Cách dùng: Mỗi lần 1 viên (viên 2 gam), nước chín ngày 3 lần.

Chương 12

THUỐC HOẠT HUYẾT

Thuốc hoạt huyết có tác dụng hoạt huyết khử ứ, thích hợp chữa các chứng huyết hành bất sướng (không thư thái) các chứng ứ huyết làm trở ngại bên trong. Thí dụ như khí đau thì có thể dùng phép chích nê chỗ vị trí nhất định, tỷ như các khối sưng ta có thể chích các máu xấu màu tím đen cho ra ngoài chữa các chứng mạch tề hoặc sáp, rìa lưỡi có sắc tía hoặc nổi ban ứ, sắc mặt ảm đạm, hai mắt quầng tối,... da dễ khô ráo, thô ráp không tươi nhuận (gọi là cơ phu giáp thác) v.v...

Trên lâm sàng thường ứng dụng các loại thuốc hoạt huyết chữa các chứng bệnh của hệ tim mạch, viêm gan mạn tính, xơ gan, đái sỏi, di chứng của tai biến não xuất huyết, các bệnh ngoại khoa, viêm các khớp do các loại phong thấp, u bướu, các bệnh phụ khoa, các bệnh ngoại thương (tai nạn) v.v...

Về phương tiện chọn dược vật thì Đương quy, Đan sâm, Xích thược, Đào nhân, Hồng hoa là các vị thông thường để chữa ứ huyết. Nhưng trong các vị ấy có sự khác nhau về cơ chế tác dụng: Đương quy, Đan sâm, Xích thược còn có tác dụng bổ huyết nữa, Đương quy hay dùng để điều kinh, Đan sâm hay dùng để dưỡng tâm an thần, Xích thược hay dùng để lương huyết. Còn như Đào nhân, Hồng hoa chủ yếu là để khử ứ phá huyết, Ích mẫu thảo, Trạch lan diệp (lá mận tươi) thông kinh dùng trong phụ khoa, như Hương Một dược có tác dụng giảm đau thường dùng trong khoa chấn thương, Tam thất, Bồ hoàng vừa hành huyết vừa chỉ huyết thường dùng để cầm máu, Tam lăng, Nga truật và các loại trùng thường dùng tiêu trừ các khối u, khối phù nề. Bệnh đã vào sâu lạc mạch thì nên dùng chur trùng, để khử ứ thông lạc.

Chủ yếu của sự phối ngũ thành tể hoạt huyết là:

1. Lấy hương phụ, Ô dược, Xuyên luyện tử, Trần bì, Thanh bì,... để lý khí, phối hợp các vị hành khí này với thuốc bổ khí như Hoàng kỳ để lập phương. Đó là ý nghĩa: “Khí hành tác huyết hành”.
2. Dùng các thuốc thông kinh tán hàn như Quế chi, Sinh khương... mà phối ngũ khiến cho huyết nóng mà hành được (đắc ôn tác hành) là phương pháp dựa vào ôn hóa hàn ngưng mà khử ứ.
3. Dùng thuốc khử ứ chỉ huyết như Trắc bá diệp, Tây thảo, Hòa hoa, Địa du... để khử ứ, chỉ huyết.
4. Dùng thuốc thanh nhiệt giải độc như Địa đinh thảo, Hồng tât (sơn tao), Dã cúc hoa, Bồ công anh mà phối ngũ để hoạt huyết thanh nhiệt, hay dùng chữa các chứng ung thư (nhọt độc) trong và ngoài. Phụ nữ có mang cấm dùng, hoặc dùng phải rất thận trọng các phương tể hoạt huyết.

ĐÀO HỒNG TỬ VẬT THANG

« Y tông kim giám »

Thành phần:

1. Đương quy	12 gam	4. Sinh địa	20 gam
2. Xích thược	12 gam	5. Đào nhân	8-12 gam
3. Xuyên khung	6-12 gam	6. Hồng hoa	4-12 gam

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết điều kinh.

Chủ trị: Phụ nữ kinh nguyệt không đều, thống kinh, đau trước và sau kỳ kinh, hoặc hành kinh khó khăn (bất sướng) mà tạo ra máu cục, máu tím đen v.v... hoặc do ứ huyết mà kinh ra quá nhiều, và các chứng lâm, lậu lâu ngày v.v...

Giải bài thuốc: Phương này là *Tứ vật thang* gia Hồng hoa, Đào nhân. *Tứ vật thang* dưỡng huyết, hoạt huyết phối ngũ với Đào hồng để phá ứ. Toàn phương có công hiệu khứ ứ sinh tân (vì muốn lương huyết nên bỏ Bạch thược thay bằng Xích thược) cho nên chữa được nguyệt kinh bất điều, thống kinh... do ứ huyết gây ra. Đó là phương thang căn bản để hoạt huyết điều kinh, trên lâm sàng hay gia giảm vận dụng.

Gia giảm: Huyết quá nhiệt gia Đan bì, đau bụng gia Huyền hồ sách, do là huyết ứ thường kèm khí trệ cho nên gia thêm Hương phụ chế, Xuyên luyện tử, Thanh bì... để lý khí “khí hành tắc huyết hành”. Ngoài ra có bài Hồng hoa Đào nhân tiền gồm các vị Đan sâm, Chế hương phụ, Huyền hồ sách, Thanh bì, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Sinh địa, Đào nhân, Hồng hoa, để trị chứng kinh nguyệt không đều, thống kinh, bế kinh cũng thuộc bản phương gia giảm.

ÔN KINH THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Ngô thù du	2-8 gam	7. A giao	8-12 gam
2. Đương quy	12 gam	8. Đan bì	4-12 gam
3. Xuyên khung	4-12 gam	9. Sinh khương	3 lát
4. Xích thược	12 gam	10. Chích thảo	4 gam
5. Đẳng sâm	12 gam	11. Bán hạ	6-12 gam
6. Quế chi	4-8 gam	12. Mạch đông	12 gam

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc nước, chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn kinh dưỡng huyết, hoạt huyết điều kinh.

Chủ trị: Phụ nữ bụng dưới bị lạnh, hoặc giò giọt không dứt, hoặc đến kỳ không thấy, buổi chiều phát sốt, lòng bàn tay nóng, môi lưỡi khô ráo, lâu ngày không có thai.

Giải bài thuốc: Trước đây, người ta cho phương này là tể tiêu biểu cho các thứ thuốc điều kinh, phần nhiều gia giảm vận dụng cốt đạt và pháp, không câu nệ vào phương. Nếu tử cung quá hư hàn thay Quế chi bằng Nhục quế, khí trệ thì gia Hương phụ, Ô dược, bụng dưới lạnh đau bụng thì gia Tiểu hồi, Ngải diệp sao, Tử thạch anh v.v... để làm ấm thêm dạ con, Đan bì, Mạch đông có thể giảm hoặc bỏ, kinh có máu tím thành khối nên bỏ A giao, gia Đào nhân, Hồng hoa để phá ứ, kinh giò giọt sắc nhạt lây nhầy, eo lưng nhức mỏi nên gia Thục địa, Đỗ trọng, Tục đoạn, *Chấn linh đan* để bổ can thận, chỉ bằng lậu - âm hư nội nhiệt gia Sinh địa, nữ trinh (cây xấu hổ), cỏ nhọ nồi để dưỡng âm và bỏ Ngô thù, Quế chi, Sinh khương, Bán hạ.

SINH HÓA THANG

« Truyền thanh chỉ nữ khoa »

Thành phần:

1. Đương quy	32 gam	4. Bào khương	2 gam
2. Khung	12 gam	5. Xích thảo	2 gam
3. Đào nhân	14 hạt		

Cách dùng: Lượng trên theo nguyên phương. Ngày 1 thang sắc nước chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết tiêu ứ.

Chủ trị: Sản hậu, máu xấu không ra, đau bụng.

Giải bài thuốc: Đương quy, Xuyên khung hoạt huyết, Đào nhân khứ ứ, Bào khương tán hàn hành ứ, Cam Thảo ôn trung tiêu, giảm đau. Thuốc giản dị mà công hiệu lớn dùng chữa phụ nữ sau khi đẻ, máu xấu không ra, do ứ mà đau, rất là hợp. Vì huyết ứ được khứ mà huyết mới được sinh (khứ ứ sinh tân) cho nên có tên gọi là *SINH HÓA THANG*. Nhưng không thể vì cái tên sinh hóa mà cho phương này là thuốc dưỡng huyết điều lý sau khi đẻ. (Có nghĩa là không phải thuốc hậu sản).

THIỆU PHÚC TRỰC Ứ THANG

« Y lâm cải thác »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|--------|------------------|--------|
| 1. Tiểu hồi hương | 7 quả | 6. Xuyên khung | 8 gam |
| 2. Gan khơ khương | 2 gam | 7. Quế tâm | 4 gam |
| 3. Huyền hồ sách | 4 gam | 8. Xích thược | 8 gam |
| 4. Một dược | 8 gam | 9. Bò hoàng sống | 12 gam |
| 5. Đương quy | 12 gam | 10. Ngũ linh chi | 8 gam |

Cách dùng: Lượng trên theo nguyên phương. Ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn kinh, trực ứ, chỉ thống.

Chủ trị: Bụng dưới tích khối mà đau, hoặc có khối mà không đau, hoặc có đau mà không khối. Kinh nguyệt một tháng 3 đến 5 kỳ, hoặc liên tiếp không ngừng, hoặc ngừng rồi lại thấy. Máu hoặc tím hoặc đen hoặc có hòn cục, kèm bụng dưới đau dữ dội hoặc trong chất khí hư có màu hồng.

Giải bài thuốc: Phương này lấy bài *Thất tiểu tán* (Bò hoàng, Ngũ linh chi) phối ngũ với Khung, Quy làm chủ yếu, lại gia Huyền hồ, Một dược, để hoạt huyết định thống, gia Quế tâm, Tiểu hồi, Can khương để ôn kinh tán ứ. Tóm lại toàn phương có đặc điểm là dùng thuốc thiên về ôn, dùng thuốc chữa hạ tiêu can thận, ba là thuốc trấn thống mạnh nên có công năng trực đợc khối huyết ứ ở bụng dưới. Nhưng phương này ôn kinh chỉ thống có thừa, mà sức tiêu tích trừ khối lại không đủ, nên nếu tiêu bí bì khối cần đợc tăng cường thêm.

Gia giảm: Gần đây, người ta dùng phương này trị thống kinh. Trên lâm sàng, dùng phương này 2-3 ngày thì kinh đợc trong sạch là khỏi, nếu dùng liên tục trong 3 đến 5 kỳ kinh thì chứng hành kinh đau bụng lâu năm khỏi hoàn toàn, nên bài này chữa đợc vô sinh của phụ nữ, nhưng phải tăng liều lượng các vị thuốc ôn kinh, chỉ thống (Tiểu hồi, Bào khương, Huyền hồ sách).

PHÚC NGUYÊN HOẠT HUYẾT THANG

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|-----------|-----------------------|----------|
| 1. Sài hồ | 6-12 gam | 5. Cam thảo | 4 gam |
| 2. Thiên hoa phấn | 12-20 gam | 6. Xuyên sơn giáp | 8-12 gam |
| 3. Đương quy | 12 gam | 7. Đại hoàng sao rượu | 4-12 gam |
| 4. Hồng hoa | 4-12 gam | 8. Đào nhân | 8-16 gam |

Cách dùng: Cho thêm chút rượu tốt, sắc thuốc với nước chia 2 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Sơ can thông lạc, hoạt huyết tán ứ, chỉ thống.

Chủ trị: Các chứng ngã, đòn gây thương tổn, huyết ứ lưu kết ở ngực sườn, đau có chỗ nhất định, đau không chịu đợc.

Giải bài thuốc: Phương này là thuốc uống thường dùng trong khoa chấn thương, chủ trị huyết ứ đình trệ gây các chứng ngực sườn đau tức - Đương quy, Hồng đào, Sơn giáp, Đại hoàng hoạt huyết phá ứ là các thành phần chủ yếu của phương. Ngực sườn là nơi can kinh đi qua nên gia Sài hồ sơ can, dùng Thiên hoa phấn không phải để sinh tân nhuận táo mà chủ yếu để trị ứ huyết do đòn đánh ngã té (xem Bản thảo kinh - Cảnh nhạc toàn thư), Cam thảo hoãn cấp chỉ thống, ứ huyết hết thì tân huyết sinh, nên có tên gọi là PHÚC NGUYÊN.

Gia giảm: Trên lâm sàng thường gia Địa miết trùng (loài dấn đất), Nhũ hương, Một dược, Huyền hồ để tăng cường hoạt huyết, khứ ứ, lý khí, chỉ thống.

ĐÀO NHÂN THỪA KHÍ THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Đào nhân	12 gam	4. Chích thảo	4 gam
2. Sinh địa	4-12 gam	5. Mang tiêu	8-12 gam
3. Quế chi	4-8 gam		

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước, chia 2 lần uống.

Công dụng: Phá huyết trụ ứ.

Chủ trị: Ứ huyết nội kết, bụng dưới chướng mãn, đại tiện sắc đen, phát sốt, nói lảm nhảm như điên.

Giải bài thuốc: Phương này thích hợp chữa chứng ứ huyết nội kết. Ngày xưa gọi là chứng “súc huyết”. Phát sốt là ứ huyết phát thành nhiệt, nói lảm như cuồng là do ứ nhiệt thượng xung. Tình thế này rất nghiêm trọng, phải gấp rút phá huyết trực ứ ngay đi! Bản phương dùng Đào nhân, Đại hoàng, Quế chi có tác dụng ấy. Đào nhân và Đại hoàng là chủ dược phối ngũ 2 vị này thì sức phá huyết của Đào nhân mạnh hơn nhiều. Đại hoàng hay trực ứ, Quế chi thông huyết mạch (có thể dùng quế tâm), Mang tiêu nhuận kiên tiêu kết giúp cho Đại hoàng, Đào nhân công hạ, Cam thảo hòa hoãn chừ dược: Sau khi đã công hạ ứ huyết, tà nhiệt tự lui, cuồng táo tự an. Phương này không những trị được súc huyết ở hạ tiêu, mà còn chữa chứng thổ huyết sắc mặt tím sạm, đờn đánh, chấn thương gây ứ huyết đình tích, đau nhức không xoay trở được, phụ nữ ứ huyết bế kinh, hoặc sau khi đẻ không ra máu xấu, bụng dưới rắn đau, xuyên chướng không chịu được. Nhưng dùng phương này tất nhiên là phải có chứng ứ huyết nội kết. Nếu bệnh nhân ra máu nhiều, khí huyết hư nhược, sắc mặt trắng bệch thì cấm được dùng. Nếu huyết nhiệt vọng hành, xuất huyết bất chỉ, thì phải lương huyết làm chủ, phương này không thích hợp.

Phụ nữ có mang không được dùng !

Gia giảm: Trên lâm sàng có thể dùng phương này hợp bài *Thất tiểu tán* (Bồ hoàng, Ngũ linh chi) để tăng cường trực ứ chỉ thông. Nếu có kèm khí trệ thì nên gia Thanh bì, Mộc hương, Hương phụ để lý khí. Nếu không phát nhiệt như cuồng thì thay Sinh đại hoàng bằng Chế đại hoàng, không dùng Mang tiêu nữa.

Trên lâm sàng, người ta lấy phương này làm cơ sở rồi gia Hồng tấu, Bại tương thảo, Hoàng cầm, Hoàng liên để trị viêm chậu hông cấp tính.

Phương này khứ quế, gia Hậu phác trị chứng đại tràng trở trệ khó đi đại tiện.

ĐẠI HOÀNG GIÁ TRÙNG HOÀN

(Phụ: *Hạ ứ huyết thang, Đẻ đương hoàn*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Giá trùng (tức Địa miết trùng: dán đất) 40 gam	7. Hạnh nhân	160 gam
2. Can tất (Sơn ta khô) 40 gam	8. Hoàng cầm	80 gam
3. Can địa hoàng (Sinh địa khô) 400 gam	9. Đào nhân	160 gam
4. Cam thảo 80 gam	10. Manh trùng	45 gam
5. Thủy diệp (đĩa) 45 gam	11. Tế tao trùng (bọ gạo)	45 gam
6. Xích thực 160 gam	12. Đại hoàng	45 gam

Cách dùng: Các vị nghiền bột, lấy mật luyện kỹ làm hoàn. Mỗi ngày uống 4 gam/lần. Từ 1-2 lần uống trong ngày vào lúc đói với nước chín.

Công dụng: Phá huyết, tiêu trung (tiêu hòn cục) trực ứ, thông kinh.

Chủ trị: Trong người có huyết khô ứ kết thành khối (trung hà), phụ nữ bế kinh da dẻ thô ráp, hai mắt mờ đen, trào nhiệt, tiêu thược.

Giải bài thuốc: Phương này chữa huyết khô nội kết thể hư mà trạng thực, ứ huyết không ra thì tân huyết không sinh, bổ cũng không ích gì. Cho nên phải dùng Đại hoàng, Đào nhân, Can tất để thông huyết bế. Địa miết trùng, Thủy điệt, Tề tao để hóa ứ huyết, dùng Thục địa dưỡng huyết, Xích thực hoạt huyết, Hạnh nhân nhuận táo, Cam thảo hoàn trung.

Toàn phương có đặc điểm phá huyết mãnh lực, làm cho huyết khô, cân táo được nhu nhuận. Cổ nhân nói: “Nhuận dĩ nhu kỳ can, trùng dĩ động kỳ ứ, thông dĩ khứ kỳ bế, nên dùng đến Địa hoàng, Xích thực, Cam thảo hòa dưỡng chỗ hư là phương rất hay để trị chứng « CAN HUYẾT LAO », dùng liều nhỏ là ý nghĩa “tuần dược hoãn công” (dùng thuốc cực mạnh, nhưng lại công từ từ).

Phụ phương:

1. Hạ ứ huyết thang:

- | | |
|-------------------|--------|
| 1. Đại hoàng | 32 gam |
| 2. Đào nhân | 12 gam |
| 3. Địa miết trùng | 20 con |

Tán bột luyện mật chế thành 4 viên, dùng rượu chung 1 viên uống ngay ngày 1 lần.

Phương này tức là bản phương giản hóa đi, trị chứng sản hậu đau bụng, huyết khô, kinh nguyệt không thông.

2. Đẻ dương hoàn:

- | | | | |
|---------------|--------|--------------|--------|
| 1. Đại hoàng | 80 gam | 3. Đào nhân | 12 gam |
| 2. Manh trùng | 12 gam | 4. Thủy điệt | 12 gam |

Tán làm bột, cho lượng mật bằng 30-45% chỗ thuốc, để làm viên, (nguyên phương uống thuốc với nước đem chung) ngày nay mỗi lần dùng 4 gam chiêu với nước chín, ngày uống 1 lần.

Phương này tiêu được ứ huyết như *Đào nhân thừa khí thang*, nhưng sức công phá huyết ứ lại có phần mãnh liệt hơn phương *Đào nhân thừa khí thang*.

HUYẾT PHỦ TRỰC Ứ THANG

« Y lâm cải thác »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|--------|-----------------|--------|
| 1. Đương quy | 12 gam | 7. Sài hồ | 4 gam |
| 2. Sinh địa | 12 gam | 8. Cam thảo | 4 gam |
| 3. Đào nhân | 16 gam | 9. Cát cánh | 6 gam |
| 4. Hồng hoa | 12 gam | 10. Xuyên khung | 6 gam |
| 5. Chỉ xác | 8 gam | 11. Ngưu tất | 12 gam |
| 6. Xích thực | 8 gam | | |

Cách dùng: Lượng trên thuộc nguyên phương mỗi ngày 1 thang: Hoạt huyết hành ứ, lý khí, chỉ thống.

Chủ trị: Đau đầu ngaoan cổ ngực đau, nội nhiệt, phiền táo, ách nghịch (nắc) tâm quí (hồi hộp) mất ngủ, sốt về buổi chiều và chứng thổ huyết có các biểu hiện của ứ huyết. Nếu xanh lờ mờ, hai mắt quầng thâm, đau như rìa lưỡi có gân xanh ban ứ, mặt lưỡi có vân đâm, chỗ đau cố định.

Giải bài thuốc: Phương này là hợp phương của *Đào hồng tứ vật thang* với *Tứ nghịch tán* (Sài, thực, chỉ thực, Cam thảo) lại gia thêm Cát cánh, Ngưu tất. *Đào hồng tứ vật thang* hoạt huyết hành ứ, *Tứ nghịch tán* sơ can lý khí, gia Cát cánh để khai khí ở phần hung cách, Ngưu tất để dẫn huyết ứ đi xuống. Đó là cách nhất thăng, nhất giáng phối ngũ thành phương, nên chữa được tất cả các chứng khí trệ huyết ứ, cho nên gọi là “TRỰC Ứ”.

Gia giảm: Trên lâm sàng ứng dụng hay bỏ Cát cánh gia Thanh bì, Hương phụ để tăng cường tác dụng lý khí chỉ thống. Đau dữ còn gia Toàn yết, Ngô công, Sơn giáp, Địa long để thông lạc chỉ thống.

CÁCH HẠ TRỤC Ứ THANG

« Y lâm cải thác »

Thành phần:

1. Ngũ linh chi	12 gam	7. Ô dược	8 gam
2. Đương quy	12 gam	8. Huyền hồ sách	4 gam
3. Xuyên khung	8 gam	9. Cam thảo	12 gam
4. Đào nhân	12 gam	10. Hương phụ	6 gam
5. Đan bì	8 gam	11. Hồng hoa	12 gam
6. Xích thược	8 gam	12. Chi xác	6 gam

Cách dùng: Lượng trên là nguyên phương trong sách. Ngày dùng 1 thang, sắc nước, chia làm hai lần uống.

Công dụng: Tiêu bì khối, trực ứ, chỉ thống.

Chủ trị: Ngực, bụng eo bĩ khối (hòn cục), bụng đau có chỗ nhất định, tiết tả lâu không cầm, ra chất niêm dịch lẫn máu.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Đương quy, Xuyên khung, Đào nhân, Đan bì, Xích thược để hoạt huyết, dùng Ngũ linh chi, Diên hồ sách (Huyền hồ) để hóa ứ; dùng Hương phụ, Chi xác, Ô dược để lý khí. Toàn phương này so với phương *Huyết phủ trực ứ thang* thì các vị hoạt huyết hành ứ nhiều, tương đương, nhưng sức trực ứ lại mạnh hơn, tác dụng chỉ thống lại tốt hơn. Nhưng thuốc cực mạnh (tuần dược) cho nên cần có Cam thảo lượng phải nhiều để hòa hoãn, đó là ý nghĩa »trong công phạt có chế ước”. Bản phương trị được các chứng trung quản và bụng ứ huyết lưu kết, hoặc thành khối, hoặc đau, hoặc gây ỉa chảy rất là thích ứng.

Gia giảm: Trong lâm sàng hay gia thêm lượng các vị lý khí như Huyền hồ, Hương phụ, Chi xác. Và giảm nhẹ liều lượng Cam thảo so với bản phương.

ĐƯƠNG QUY TỬ NGHỊCH THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Đương quy	12 gam	4. Tế tân	4-6 gam
2. Quế chi	8-12 gam	5. Chích thảo	4 gam
3. Thược dược	12 gam	6. Mộc thông	4-12 gam
(Bạch hoặc Xích chọn dùng cả hai)		7. Đại táo	5-10 quả

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết dưỡng huyết, ôn kinh tán hàn.

Chủ trị: Huyết hư hàn ngưng, tay chân giá lạnh, tím tái, mạch tế, khi gặp khí lạnh bệnh càng nặng.

Giải bài thuốc: Phương này gọi là *Đương quy tử nghịch thang*, nên biết rằng tác dụng của nó là ôn kinh tán hàn và hoạt huyết dưỡng huyết, đối trọng dùng phương thuốc này lấy chứng chân tay giá lạnh làm chủ. Do là bệnh huyết hư hàn ngưng, cho nên khí huyết vận hành không lợi, không thể ôn dưỡng được tay chân, cho nên có chứng “thủ túc nghịch lãnh” và tím tái, mạch tế muốn dứt. Về phương diện biên chứng, thì bài *Tứ nghịch thang* để chữa chứng dương khí toàn thân hư thoát gây ra chứng mồ hôi lạnh, tay chân giá lạnh, mạch vi tế vô lực có chỗ khác với phương này. Phương này dùng Đương quy, Thược dược để hoạt huyết dưỡng huyết; Quế chi, Tế tân ôn kinh tán hàn, phụ vào có Cam thảo, Đại táo để bổ hư, Mộc thông thông lạc, hợp thành phương hoạt huyết dưỡng huyết, ôn kinh tán hàn, phụ vào có Cam thảo, Đại táo để bổ hư, Mộc thông thông lạc, hợp thành phương hoạt huyết dưỡng huyết, ôn kinh tán hàn. Gần đây, hay dùng phương này để chữa các nhọt sang hàn chứng, tử chi huyết quản bế tắc, có nhiều công hiệu.

Gia giảm: Hàn nhiều gia Ngô thù du, Sinh khương lại thêm rượu tốt chung với thuốc, gọi là bài *Đương quy tử nghịch gia ngô thù du sinh khương thang* chữa các chứng cảm hàn, đau bụng, thống kinh.

BỔ DƯƠNG HOÀN NGŨ THANG

« Y lâm cải thác »

Thành phần:

1. Sinh hoàng kỳ	40-160 gam	5. Xuyên khung	4 gam
2. Đương quy vĩ	8 gam	6. Đào nhân	4 gam
3. Xích thược	6 gam	7. Hồng hoa	4 gam
4. Địa long	4 gam		

Cách dùng: Lượng trên đúng nguyên phương trong sách, ngày 1 thang sắc với nước, chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Bổ khí, hoạt huyết, khứ ứ, thông lạc.

Chủ trị: Bán thân bất toại, miệng mắt méo xệch, nói năng ngọng nghịu, khóc miệng chảy nước dãi, hoặc tai nạn, nửa người dưới mềm yếu, đại tiện khô ráo, tiểu tiện nhiều lần mà xén, hoặc đái són không cầm. Bệnh nhân có âm hư huyết nhiệt cấm dùng.

Lý giải: Phương này phối ngũ thuốc bổ khí với thuốc hoạt huyết khứ ứ. Hoàng kỳ dùng sống, lượng nhiều thì lực chuyên mà tính tâu, đi khắp toàn thân, đại bổ nguyên khí mà chữa chứng này (mềm yếu) hợp với Quy vĩ, Xích thược, Địa long, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa, nhiều vị hoạt huyết khứ ứ, nhưng từng vị thuốc này có liều lượng quá ít, cho nên mục đích dùng phương này để hoạt huyết khứ ứ không ôn ở chỗ trực ứ, mà ở chỗ hoạt huyết thông lạc cho nên mới dùng đại tễ Hoàng kỳ làm chủ. Thử Quang y viện dùng phương này để trị di chứng của trúng phong có kết quả nhất ..

Gia giảm: Ứng dụng lâm sàng, liều lượng thuốc trong phương cần phải gia thêm, Hoàng kỳ có thể bớt đi, vào khoảng trên dưới 40 gam (tức 1 lạng Trung quốc).

KẾT LUẬN

Những phương chọn lọc trong chương này đều có tác dụng hoạt huyết thông ứ. Ứng dụng trong lâm sàng có thể chia làm 3 loại.

1. Điều kinh thông ứ:

Dùng trong phụ khoa, như các phương *Đào hồng tứ vật thang*, *Ôn kinh thang* đều có tác dụng điều kinh, phương trước thiên về lượng, phương sau thiên về ôn. *Sinh hóa thang* có tác dụng hóa ứ, dùng chữa chứng sau khi đẻ máu xấu không ra, *Thiếu phúc trực ứ thang* và các thành dược phụ của *Thất tiểu tán* có tác dụng trực ứ chỉ thống dùng chữa thống kinh (đau bụng trong kỳ kinh).

2. Hoạt huyết chỉ thống:

Như *Phục nguyên hoạt huyết thang* và các thành dược phụ *Thất lý tán*, *Lê đổng hoàn* đều có tác dụng hoạt huyết, tiêu ứ, chỉ thống, chuyên dùng trong khoa chấn thương.

3. Phá huyết trực ứ:

Đào nhân thừa khí thang phá huyết trực ứ, là phương tiêu biểu để chủ trị các loại ứ huyết nội kết. Hơn nữa có *Đại hoàng giá trùng hoàn*, *Hạ ứ huyết thang*, *Đế đương hoàn* để tiêu các trung hà tích tụ. *Huyết phủ trực ứ thang* trực ứ huyết ở bộ vị ngực sườn. *Cách hạ trực ứ thang* trực ứ huyết ở dưới hoành cách mô.

Ngoài ra, *Đương quy tứ nghịch thang* ôn kinh hoạt huyết thông mạch chữa chứng huyết hư hàn ngưng, chân tay giá lạnh. *Bổ dương hoàn ngũ thang* phối ngũ thuốc bổ khí với thuốc hoạt huyết khứ ứ để trị chứng bán thân bất toại, hai chân mềm yếu. Hai phương này có những đối chứng thích hợp, thuộc về loại phương chuyên dụng.

¹ Bổ dương hoàn ngũ: Có nghĩa là bổ dương khí để hoàn lại khí nguyên dương cho 5 tạng. Lời N.D.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. THẤT TIỂU TÁN

Công thức:

1. Ngũ linh chi 240 gam
2. Bồ hoàng 160 gam

Cách dùng: Nghiền bột, mỗi lần dùng 8-12 gam, dùng bao vải bọc thuốc rồi sắc với nước phân 2 lần uống trong ngày.

Công dụng: Hành huyết, tán ú, chỉ thống.

Chủ trị: Các loại ứ huyết tích trệ gây đau, thống kinh, sản hậu máu xấu không ra. Phụ nữ có mang cấm dùng.

2. THẤT LY TÁN

Công thức:

- | | | | |
|-------------|------------|---------------|---------|
| 1. Xạ hương | 12 gam | 5. Băng phiến | 12 gam |
| 2. Nhi trà | 80-160 gam | 6. Huyết kiệt | 400 gam |
| 3. Một dược | 60 gam | 7. Nhũ hương | 60 gam |
| 4. Chu sa | 48gam | 8. Hồng hoa | 60 gam |

Cách dùng: Nghiền bột, mỗi lần 0,6-1 gam ngày 1-2 lần, uống với rượu nóng hoặc nước nóng. Có thể đắp ngoài.

Công dụng: Hoạt huyết khứ ứ, chỉ thống, chỉ huyết.

Chủ trị: Trật đả quyện thương, đau do huyết ứ, vết thương chảy máu không cầm. Phụ nữ có mang không uống được.

3. LÊ ĐÔNG HOÀN

Thành phần:

- | | | | |
|---------------------|--------|------------------|--------|
| 1. Nguru hoàng | 10 gam | 8. Một dược | 80 gam |
| 2. A ngùy | 40 gam | 9. Băng phiến | 10 gam |
| 3. Nhũ hương | 80 gam | 10. Hùng hoàng | 80 gam |
| 4. Thiên trúc hoàng | 80 gam | 11. Sâm tam thất | 80 gam |
| 5. Tắt hoàng (ché) | 80 gam | 12. Nhi trà | 80 gam |
| 6. Xạ hương | 10 gam | 13. Đại hoàng | 80 gam |
| 7. Huyết kiệt | 80 gam | | |

Nghiền bột mịn, thêm mật từ 20-30% hòa giấm 24 gam cho đều rồi viên thành hoàn. Mỗi đợt theo như trên chế ra được 9640 viên thuốc.

Cách dùng: Uống mỗi lần 0,5-1 viên với rượu nóng hay nước nóng. Thuốc này có độc, không uống quá liều.

Dùng ngoài: Lấy viên thuốc mài giấm mà đắp.

Công dụng: Hành huyết tán ứ, giải độc, tiêu thũng, chỉ thống.

Chủ trị: Trật đả quyện thương, ứ huyết ngưng trệ sưng đau, Ung thư nhọt độc, phụ nữ có mang cấm uống.

4. TRẬT ĐẢ HOÀN

Công thức:

- | | | | |
|------------------|--------------------|----------------|-------------------|
| 1. Lưu ký nô | 7. Mộc thông | 13. Huyết kiệt | 19. Chế nhũ hương |
| 2. Cát cánh | 8. Đào nhân | 14. Tam lăng | 20. Chế một dược |
| 3. Tự nhiên đồng | 9. Đan bì | 15. Cam thảo | 21. Khương hoàng |
| 4. Cốt toái bổ | 10. Diên qua tử | 16. Hồng hoa | 22. Xích thực |
| 5. Chỉ xác | 11. Địa miết trùng | 17. Bạch thực | 23. Tam thất |
| 6. Phòng phong | 12. Đương quy | 18. Tô mộc | 24. Tục đoạn |

Cách dùng: Hoạt huyết hóa ứ, Tiêu thũng chỉ thống.

Chỉ định: Trật đả quỵện thương, vết thương sưng có màu tím bầm, đau liên miên, phụ nữ có mang không dùng.

5. THƯƠNG THỐNG ĐỈNH PHIÊN

Công thức:

- | | | | |
|------------------|-----------------|------------------|----------------|
| 1. Chế nhũ hương | 3. Cam tùng | 5. Tế tân | 7. Sơn tam nại |
| 2. Chế một dược | 4. Diên hồ sách | 6. Chế hương phụ | 8. Bạch chỉ |

Cách dùng: Mỗi lần 5 phiến, ngày 2-3 lần.

Công dụng: Hoạt huyết hóa ứ, chỉ thống.

Chỉ định: Trật đả quỵện thương, có mang dùng thận trọng.

6. ĐIỀU KINH HOẠT HUYẾT PHIÊN

Công thức:

- | | | | |
|-----------------|--------------|-------------------|--------------------|
| 1. Mộc hương | 5. Thực địa | 9. Bạch truyệt | 13. Trạch lan điệp |
| 2. Xuyên khung | 6. Xích thực | 10. Đan sâm | 14. Kê huyết đằng |
| 3. Diên hồ sách | 7. Hồng hoa | 11. Chế hương phụ | 15. Thổ ty tử |
| 4. Đương quy | 8. Ô dược | 12. Ngô thù du | |

Cách dùng: Mỗi lần 5 phiến, ngày 3 lần.

Công dụng: Điều kinh hoạt huyết.

Chỉ định: Kinh nguyệt không đều, có trước kỳ, có sau kỳ (siêu tiền lạc hậu), có kinh đau bụng.

7. PHỤ PHƯƠNG ĐƯƠNG QUY

(Thuốc tiêm)

Công thức:

1. Đương quy
2. Xuyên khung
3. Hồng hoa

Cách dùng: Mỗi lần 2-4 ml. Ngày hoặc cách ngày tiêm 1 lần.

Công dụng: Hoạt huyết, hóa ứ, cầm thống.

Chủ trị: Các loại cấp và mạn tính cơ nhục lao quỵện đốt khớp đau nhức, trẻ em tê dại chứng hậu. (di chứng bệnh bại liệt trẻ em PAA).

Chương 13

THUỐC CHỈ HUYẾT

Thuốc chỉ huyết chủ yếu do thuốc lương huyết hợp thành, ở đây các vị thuốc đều thích hợp chữa các chứng khạc huyết (máu ra ở đường hô hấp), thổ huyết (chủ yếu là chảy máu dạ dày), nục huyết (chủ yếu chảy máu mũi), niệu huyết, tiện huyết băng lậu (dạ con chảy máu), xuất huyết dưới da (tử banh).

Nguyên nhân của các chứng xuất huyết, tuy phần lớn do huyết quá nhiệt, nhưng cũng có khi do âm hư hỏa vượng, khí không nhiếp được huyết, tỳ bất thống huyết v.v... dẫn đến chứng ấy. Do đó thuốc chỉ huyết thường hay phối ngũ các vị thuốc thanh hỏa, dưỡng âm, bổ khí huyết, ôn dương, kiện tỳ để đối phó với các nguyên nhân sai khác ấy. Cũng có khi do ứ huyết nội trở, huyết bất tuần kinh cũng gây ra chảy máu được.

Chỗ đã có xuất huyết, thường hay sinh ứ. Nếu ứ huyết ấy không được trừ, thì chứng chảy máu khó mà cầm được. Cho nên thuốc chỉ huyết còn hay phối ngũ các vị thuốc hoạt huyết hóa ứ nữa. Vì thế, có nhiều loại thuốc cầm máu, lại có nhiều loại thuốc hoạt huyết. Chỉ huyết do vậy vừa có công năng cầm máu, vừa có công năng hoạt huyết. Quả là chỉ huyết và hoạt huyết là tương phản mà tương thành (luật mâu thuẫn hỗ căn hay dĩ hành vi chi).

Trong chương này, chỉ lựa chọn các phương thuốc uống trong, không bao gồm thuốc cầm máu bên ngoài. Có những phương thuốc uống trong chỉ được huyết như *Tả tâm thang*, *Hoàng liên giải độc thang*, *Tê giác địa hoàng thang*, *Quy tỳ thang* không liệt kê ở đây, chúng ta nên tham khảo ở các chương khác có liên quan.

THẬP KHÔI HOÀN ⁽¹⁾

« Thập dược thân thư »

Thành phần:

- | | |
|---------------------|---------|
| 1. Đại kế thảo khô | 320 gam |
| 2. Trần tông khô | 320 gam |
| 3. Đại hoàng khô | 320 gam |
| 4. Đan bì khô | 320 gam |
| 5. Hà diệp khô | 320 gam |
| 6. Tiểu kế thảo khô | 320 gam |
| 7. Trác bá khô | 320 gam |
| 8. Sơn chi tử khô | 820 gam |
| 9. Tây thảo khô | 320 gam |
| 10. Mao căn khô | 320 gam |

Cách dùng: Mười vị trên nghiền bột mà dùng. Hiện nay, xí nghiệp dược ở Thượng Hải dùng nước sắc bạch cập độ 40-60 gam luyện bột ấy làm viên to bằng hạt đậu xanh.

Mỗi lần uống 4-12 gam, ngày 1-3 lần với nước chín.

Công dụng: Lương huyết, chỉ huyết.

⁽¹⁾ Khôi là tro, thân là than đều có tác dụng cầm máu. Theo kinh nghiệm của Việt Nam thì các vị nên sao cháy tồn tính (N.D).

Chữa chứng bệnh: Các chứng nội xuất huyết đều ứng dụng được, khái huyết, nục huyết đều thích hợp.

Giải bài thuốc: Đây là phương thường dùng để cầm máu. Mười vị thuốc trong phương đều có tác dụng lương huyết chỉ huyết. Nhưng Đại kế, Tiêu kế, Tây thảo, Đại hoàng, Đan bì còn có tác dụng hóa ứ; Đại hoàng, Chi tử còn có tác dụng tả hỏa, Hà diệp, Trắc bá, Tông lư bì còn có tác dụng thu liễm. Toàn phương có công năng lương huyết, chỉ huyết, cầm máu, nhưng không lưu ứ - dùng chữa chứng huyết nhiệt chảy máu nhất định hiệu quả. Theo nguyên tắc cấp tắc trị tiêu, thì phương trên là thuốc chỉ huyết tạm thời. Sau khi cầm máu, phải biện chứng tìm nguyên nhân để trị tận gốc bệnh. Truyền thống xưa nhận rằng thuốc chỉ huyết thường sao đen để tăng cường tính thu sáp. Vì thế phương này các vị nên sao cháy, nhưng phải tồn tính.

TỨ SINH HOÀN

« Phụ nhân lương phương »

Thành phần:

- | | |
|--|-------------------------------|
| 1. Tiên hà diệp (lá sen tươi) 320 gam | 3. Tiên trắc bá 40 gam |
| 2. Tiên ngải diệp 12 gam | 4. Tiên sinh địa 340 gam |

Cách dùng: Nguyên là thuốc hoàn. Hiện nay hay dùng tươi, giã các vị thuốc vắt lấy nước đắp uống mát, hoặc uống ấm, hay sắc thuốc thành thang ngày 1-2 lần.

Công dụng: Lương huyết, chỉ huyết.

Chữa chứng bệnh: Huyết nhiệt vọng thành: Khạc huyết, thổ huyết, nục huyết, máu đỏ tươi mồm họng khô ráo.

Giải bài thuốc: Tiên sinh địa lương huyết, dưỡng âm, giúp Trắc bá, Hà diệp thu liễm chỉ huyết. Ba vị này đều có tính hàn lương, đem phối ngũ với Ngải diệp tính ôn hòa huyết tán ứ, đây là ý nghĩa “Phản tá”.

Gia giảm: Bốn vị đều dùng tươi, tăng được tác dụng lương huyết. Khi ứng dụng nên phòng theo pháp, chớ câu nệ vào phương. Ví dụ dùng Tiên Ngẫu tiết (Ngó sen), Tiên mao căn, Tiên đại kế, Tiên tiêu kế. Là ứng dụng chất tân (mới) tiên tươi trong các loại cầm máu. Gần đây người ta hay dùng ngó sen 1280 gam, quả lê tươi 640 gam gia Tiên sinh địa 160 gam khư bì giã lấy nước đắp uống cũng được.

(Chú thích: Tiên là tươi).

TIÊU KẾ ẤM TỬ

« Tế sinh phương »

Thành phần:

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| 1. Tiên sinh địa 40 gam | 6. Đạm trúc diệp 12 gam |
| 2. Tiêu kế 20-40 gam | 7. Ngẫu tiết 12 gam |
| 3. Hoạt thạch 20-40 gam | 8. Đương quy 12 gam |
| 4. Mộc thông 4-6 gam | 9. Sơn chi 12 gam |
| 5. Sao bồ hoàng 12 gam | 10. Chích thảo 4 gam |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc với nước chữa 2 lần uống.

Công dụng: Lương huyết chỉ huyết, thanh nhiệt thông lâm.

Chữa chứng bệnh: Niệu huyết, huyết lâm.

Giải bài thuốc: Dùng Tiên sinh địa, Tiểu kế, Bò hoàng, Ngẫu tiết, để lương huyết, chỉ huyết; Hoạt thạch, Mộc thông, Trúc diệp, Chi tử thanh nhiệt thông lâm. Đó là hai bộ phận hợp nên phương này. Lại gia Đương quy dưỡng huyết hoạt huyết, Chích thảo cam hoãn hòa trung. Hợp toàn phương lại là thuốc chữa đái ra máu và huyết lâm.

Gia giảm: Phương này chữa chứng đái ra máu, tiểu tiện rít mà đau: Cứ dùng không cần gia giảm. Chích thảo có thể thay bằng Sinh thảo để thanh nhiệt giải độc. Nếu đái máu lâu ngày chính khí hư, khí âm đều tổn thương thì trong phương nên giảm các vị thẩm lợi như Mộc thông, Hoạt thạch, có thể cho Đàng sâm, Hoàng kỳ, Thạch học, A giao để bổ khí, dưỡng âm.

HÒE HOA TÁN

« Bản sự phương »

Thành phần:

- | | | | |
|----------------|--------|----------------------|--------|
| 1. Sao hòe hoa | 12 gam | 3. Kinh giới sao đen | 12 gam |
| 2. Sao trắc bá | 12 gam | 4. Chi xác sao | 12 gam |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột, có thể dùng thang sắc nước chia 2 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Thanh đại trừng thấp nhiệt, chỉ huyết lý khí.

Chữa chứng bệnh: Đại tiện ra máu, hoặc phân có lẫn máu. Sang trĩ chảy máu tươi và hồng.

Giải bài thuốc: Hòe hoa thanh đại trừng thấp nhiệt là vị thuốc chủ yếu trị đại tiện ra máu. Thêm 2 vị Trắc bá, Kinh giới đều có tác dụng cầm máu (Kinh giới phải sao đen). Trắc bá để liềm vào, Kinh giới để thanh sơ hồ tương phối hợp lại gia Chi xác khoan trường, hành khí làm máu chóng cầm. Nếu thấp nhiệt lưu trệ, phương này kém tác dụng, cần phối ngũ thêm thuốc khác thì chữa tiện huyết, trĩ sang mới hay.

HOÀNG THỔ THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------|-----------|-----------------|--------|
| 1. Chích thảo | 6-8 gam | 5. A giao | 12 gam |
| 2. Thục địa khô | 12-20 gam | 6. Hoàng cầm | 12 gam |
| 3. Bạch truật | 12 gam | 7. Đất lòng bếp | 40 gam |
| 4. Bào phụ tử | 4-12 gam | | |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc với nước, chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Ôn dương, kiện tỳ, chỉ huyết.

Chữa chứng bệnh: Đại tiện hạ huyết hoặc thổ huyết, băng lậu màu máu đen nhạt, tay chân không ấm, sắc mặt vàng tối, rêu lưỡi và chất lưỡi trắng nhợt. Mạch trầm tế vô lực.

Giải bài thuốc: Phương này tiêu biểu cho các tể ôn dược chỉ huyết. Đất lòng bếp ôn trung hòa vị, sáp tràng cổ hạ, có tác dụng chỉ thổ, chỉ tả, và chỉ huyết. Gọi là tam chỉ chủ dược. Phụ tử, Bạch truật ôn dương kiện tỳ; Thục địa, A giao tư âm, dưỡng huyết, nên thích hợp chữa chứng tỳ dương không mạnh lên không nhiếp được huyết, huyết hãm ở trong mà dẫn đến tiện huyết không cầm. Ôn dương tắt dùng Phụ tử tính ấm, phối ngũ Địa hoàng, A giao, tư âm dưỡng huyết; Cam thảo cam hoãn hòa trung. Lại dùng Hoàng cầm khô hàn để làm phản tá, để khỏi dẫn đến căng táo quá mà huyết động. Ấy là pháp cương nhu tương tế (cứng mềm dựa vào nhau) ôn dương mà không thương âm, tư âm mà không phạt tỳ, của Đại Thánh y tôn Trương Trọng Cảnh. Đối với các huyết chứng phạm đã có biểu hiện tỳ dương hư hàn, dùng bài này nhất định công hiệu như thần.

Gia giảm: Trên lâm sàng hay dùng phương này. Nếu tỳ vị hư hàn, ăn uống không thấy thơm ngon, Trung quản bĩ mãn, muốn nôn, thích uống nước nóng, sợ lạnh, đại tiện nhão nhợt mà đi nhiều lần có thể gia Bào khương tán, Hoàng cầm sao cháy để giảm tính khổ hàn, lấy Mạch đông tính cam nhuận mà chế ước; Bạch truật, Phụ tử, Can khương có tính tân táo. Nếu có chứng trung khí hạ hãm, xuất hiện tay chân mềm yếu, tinh thần bất hảo, ngắn hơi, bụng chướng nên phối hợp bài này với *Bổ trung ích khí thang* gia giảm mà trị. Nếu tỳ thận lưỡng hư, xuất hiện cả eo lưng đau mỏi, chi dưới mềm yếu, tiêu tiện trong dài, thì bỏ Hoàng cầm gia Nhục quế, bổ cốt chỉ và gia Mạch đông để khỏi tổn thương âm khí.

GIAO NGẢI THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Xuyên khung	4-6 gam	5. Đương quy	12 gam
2. A giao	12 gam	6. Bạch thược	12 gam
3. Chích thảo	4-6 gam	7. Sinh địa	16-40 gam
4. Sao ngải diệp	2-4 gam	(hay Thục địa)	

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ huyết, chỉ băng lậu, an thai.

Chữa chứng bệnh: Phụ nữ mạch sung, nhâm hư quyện, băng lậu bất chỉ, kinh nguyệt quá nhiều. Sau khi đẻ mạch sung nhâm hư, máu xấu ra mãi không cầm, hoặc có thai ra máu không chỉ, eo lưng mỏi, đau bụng.

Giải bài thuốc: Chủ phương trị chứng băng lậu và an thai cho phụ nữ. Quy, Địa, Khung, Thược là *Tứ vật thang*, công dụng bổ huyết điều kinh. Thược được phối ngũ Cam thảo là *Thược dược cam thảo thang*, có công năng hóa cấp chỉ thống - A giao bổ huyết, chỉ huyết, Ngải diệp ôn hoãn tử cung.

Gia giảm: Thấy nguyên khí hư nhược gia Đảng sâm, Hoàng kỳ, bổ khí nhiếp huyết. Nếu có ứ, mà đau bụng gia *Chấn linh đan* thông huyết khứ ứ, sáp mà cố thoát. Thai lậu bất chỉ gia Đỗ trọng, Tang ký sinh, Trữ ma căn để chỉ lậu an thai, dùng Quy sao cháy mà bổ Xuyên khung.

KẾT LUẬN

Chương này lựa chọn 6 phương tể dùng cả thuốc hàn lương và thuốc ôn bổ để lập ra phương pháp chỉ huyết.

1. Dùng thuốc hàn lương thanh hỏa chỉ huyết: Thích hợp chữa chứng huyết nhiệt xuất huyết. Đó là các phương *Thập khô hoàn*, *Tứ sinh hoàn*, *Tiểu kế ẩm tử*, *Hỏa hoa tán*. *Thập khô* thích hợp với các loại huyết chứng. *Tứ sinh* chủ yếu chữa khạc huyết, thổ huyết, nục huyết. *Tiểu kế ẩm tử* trị niệu huyết và huyết lâm. *Hỏa hoa tán* trị tiện huyết trĩ sang. Nhưng nếu huyết nhiệt vọng hành có chảy máu nghiêm trọng hoặc toàn thân có tử ban thì các phương tể trên còn yếu. Phải nên lựa dùng *Tê giác địa hoàng thang*, *Tả tâm thang*, *Hoàng liên giải độc thang*. Chúng ta nên tham khảo các chương hữu quan.

2. Dùng thuốc ôn bổ chỉ huyết: Thích hợp chữa chứng tỳ hư, khí hư, huyết hư mà sinh ra xuất huyết: *Hoàng thổ thang*, *Giao ngải thang*, thuộc loại này. *Hoàng thổ thang* lấy bổ tỳ làm chủ, thích hợp chữa các loại huyết chứng do tỳ hư không thống nhiếp được huyết. Nhưng chủ yếu chữa tiên huyết. *Giao ngải thang* lấy bổ huyết làm chủ, chủ yếu chữa băng lậu và an thai.

Nếu các bệnh về huyết và khí huyết mà khí huyết lưỡng hư nên lựa dùng *Quy tỳ thang* để bổ ích tâm tỳ. Nếu xuất huyết quá nhiều khi theo máu mà hư thoát phải kịp dùng *Độc sâm thang* bổ khí cố thoát. (nên xem ở chương 8) ngoài ra các phương pháp cầm máu còn có pháp hành huyết khứ ứ nên xem chương 12.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. VÂN NAM BẠCH DƯỢC

Thành phần: Lược không nói.

Mỗi lần dùng 5 ly đến 1 phân (1 phân = 0,4 gam = 4/10 gam) ngày 1-2 lần uống với nước chín. Nếu bị chấn thương đau nhức mà chưa chảy máu có thể uống thuốc này với rượu. Chứng nặng nên thêm liều lượng. Trong ngày uống thuốc phải kiêng ăn các loại đậu, cá, thịt dê, trâu bò, các thứ cây lạnh và chua. Có thể dùng để cầm máu tại chỗ.

Công dụng: Chỉ huyết hoạt huyết, chỉ thống.

Chữa chứng bệnh: Các chứng nội ngoại xuất huyết, trật đá chấn thương đau nhức.

2. TẠNG LIÊN HOÀN

Thành phần:

1. Hoàng liên (tử sao) 80 gam
2. Ruột già lợn 80 gam

Trước hết lấy ruột già lợn tẩy sạch màng trong, dùng nước lược chín. Xong bỏ nước, thay bằng rượu, chưng cách thủy rồi bỏ bột Hoàng liên hòa vào, rồi đem sấy khô nghiền thành bột mịn, gia thêm bột lúa mạch 10-20% quấy hồ luyện thành viên to bằng hạt đậu xanh (có phương còn thêm Hoàng cầm, Hòe hoa, Địa du khô, Hòe giác, Xích thực, Sinh địa, A giao, Kinh giới v.v...).

Cách dùng: Mỗi ngày 6-12 gam, ngày 2-3 lần, uống lúc đói với nước chín. Kiêng ăn các thức kích thích.

Công dụng: Thanh nhiệt, chỉ huyết.

Chủ trị: Đại tiện ra máu, trĩ sang, hậu môn đau rát.

3. CỐ KINH HOÀN

Thành phần:

- | | | | |
|----------------------------|---------|--------------------|--------|
| 1. Hoàng bá (sao cháy nâu) | 120 gam | 4. Xuân căn bì sao | 45 gam |
| 2. Hoàng cầm sao | 80 gam | 5. Bò kết nướng | 16 gam |
| 3. Bạch thực sao | 120 gam | 6. Chế hương phụ | 46 gam |

Các vị đem nghiền bột mịn, rồi dùng rượu tốt 120 gam, bột lúa mạch 10-20% quấy hồ luyện thành thuốc viên.

Cách dùng: Mỗi ngày dùng 2-3 lần, mỗi lần 12 gam, uống lúc đói với nước chín.

Công dụng: Tư âm đường huyết, thanh nhiệt, chỉ huyết.

Chủ trị: Phụ nữ âm hư hòa vượng, kinh nguyệt quá đa, máu đỏ, tím hay đen và bạch đới hạ.

4. HUYẾT KIẾN NINH

(Tán tễ)

Thành phần: Đại kế thảo căn, Bạch cập.

Cách dùng: Mỗi lần dùng 3 khắc (3 gam) ngày 3 lần.

Công dụng: Chỉ huyết.

Chủ trị: Xuất huyết đường tiêu hóa. Phế xuất huyết...

Chương 14

THUỐC CHỈ KHÁI, ĐỊNH SUYỄN VÀ HÓA ĐÀM

Phương thuốc này có công năng tiêu trừ hoặc giảm nhẹ khái thấu (ho). Khí suyễn (thở gấp) đàm ẩm v.v...

Ví dụ: *Ôn phế hóa đàm thang* (Tên cũ: *Tiểu thanh long thang*) có tác dụng chỉ khái, bình suyễn và tiêu đàm trừ ẩm. Tuy nhiên công năng của các phương thuốc này nặng nhẹ khác nhau. Đại thể chia làm 3 loại:

1. Lấy chỉ khái làm chủ: Chủ yếu trị các chứng ho. Ví dụ: *Chỉ khái tán*.
2. Lấy bình suyễn làm chủ: Chủ yếu chữa các chứng khí cấp, ho, hen... Ví dụ: *Tam cao thang*, *Ma hạnh thạch cam thang*, *Định suyễn thang*.
3. Lấy hóa đàm làm chủ: *Nhị trần thang* (hóa thấp đàm), *Tam tử thang* (Tên cũ là: *Tam tử dưỡng thân thang* hóa hàn đàm). *Tang hạnh thang* (hóa nhiệt đàm, táo đàm).

TAM CAO THANG

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

- | | |
|--------------|----------|
| 1. Ma hoàng | 4-12 gam |
| 2. Hạnh nhân | 12 gam |
| 3. Sinh thảo | 4 gam |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tuyên phế, bình suyễn, chỉ khái.

Chủ trị: Cảm mạo phong hàn, ho, khí suyễn.

Giải bài thuốc: Ma hoàng tân ôn phát tán, tuyên phế bình suyễn là chủ dược. Hạnh nhân giáng khí, nhuận phế, chỉ khái, giúp Ma hoàng bình suyễn. Sinh cam thảo thanh phế khí, lợi yết hầu. Do cảm mạo phong hàn phế khí bất tuyên dẫn đến khái suyễn thì trên cơ sở phương này mà tùy chứng gia giảm.

MA HOÀNG THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------|----------|---------------|--------|
| 1. Ma hoàng | 4-12 gam | 3. Hạnh nhân | 12 gam |
| 2. Quế chi | 4-12 gam | 4. Chích thảo | 4 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Phát biểu tuyên phế, bình suyễn chỉ khái.

Chủ trị: Cảm mạo phong hàn, sợ lạnh, phát sốt không có mồ hôi, ho, khí suyễn, tay chân mình đau nhức.

Giải bài thuốc: Ma hoàng tân ôn phát biểu, tuyên phế, bình suyễn là chủ dược, phối với Quế chi ôn kinh tán hàn giúp Ma hoàng phát biểu, Hạnh nhân giáng khí chỉ khái, Cam thảo hóa đàm chỉ khái trợ

Ma hoàng bình suyễn. Trên nền văn hiến y học của Tổ quốc ta, lấy *Ma hoàng thang* tiêu biểu cho phương thức phát biểu. Nhưng ứng dụng lâm sàng lại dùng nó để tuyên phế, bình suyễn, chỉ khái và phát biểu. Khi hàn tà thấu biểu, phế khí bất tuyên dẫn đến ho suyễn không mồ hôi, tức phải phát tán hàn tà ở biểu mới có thể tuyên thông phế khí, bình suyễn, chỉ khái.

MA HẠNH THẠCH CAM THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|----------|--------------|-----------|
| 1. Ma hoàng | 4-12 gam | 3. Thạch cao | 40-80 gam |
| 2. Hạnh nhân | 12 gam | 4. Cam thảo | 4 gam |

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tuyên phế, thanh nhiệt, bình suyễn.

Chủ trị: Ngoại tà hóa nhiệt, phế vị nhiệt thịnh, phát sốt, ho, khí suyễn hoặc miệng khát, phiền táo.

Giải bài thuốc: Ma hoàng tuyên phế, bình suyễn. Thạch cao tân lương tuyên tiết, thanh phế nhiệt. Hạnh nhân, Cam thảo trợ Ma hoàng bình suyễn chỉ khái. Đó là phối hợp tân lương với tân ôn mà có phương này. Đới chứng phong tà hóa nhiệt, nhiệt uất ở phế dẫn đến phát sốt thờ gấp nên dùng phương này, có tính thanh lương tuyên tiết để bình suyễn, làm cho uất nhiệt ở phế được thông thì chứng suyễn nghịch phải ngừng.

Gia giảm: Phương này chữa chứng cảm mạo vào đường hô hấp, viêm phổi, chi khí quản viêm cấp, viêm phế quản mạn tính chuyển sang cấp nên gia thêm các vị thuốc thanh nhiệt, giải độc, hóa đàm. Nếu sốt cao gia Hoàng cầm, Sơn chi, Liên kiều, Ngân hoa, Ngưu tinh thảo; thờ gấp quá gia Tang bạch bì, Địa long; đờm trắng nhật hoặc có thủy thũng gia Đinh lịch tử, Xa tiền tử, đờm vàng đặc gia thêm Trúc hoàng, Xuyên bối, ho đờm vương gia Cát cánh, Tọa giác khô, ngực đau gia Bạch giới tử, khái huyết gia Bạch mao căn, Đại cập tán. Bệnh nặng ngày uống 2 thang chia 4 lần uống.

Ở Bắc kinh, dùng phương này gia Bách bộ để chế thành phiến gọi là *Gia vị ma hạnh cam phiến* mỗi lần 1 phiến, ngày uống 2-3 lần để trị các bệnh viêm phế quản cấp và mạn tính.

ĐỊNH XUYỄN THANG

« Nhiếp sinh chứng diệu phương »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------------------|-----------|-----------------|----------|
| 1. Bạch quả (bỏ vỏ sao vàng) | 10-20 quả | 6. Hạnh nhân | 12 gam |
| 2. Ma hoàng | 8-12 gam | 7. Tang bạch bì | 12 gam |
| 3. Tô tử | 12 gam | 8. Hoàng cầm | 8-12 gam |
| 4. Cam thảo | 4 gam | 9. Chế bán hạ | 12 gam |
| 5. Khoản đông hoa | 12 gam | | |

Cách dùng: Sắc với nước chia 2 lần uống. Trên lâm sàng Bạch quả dùng 3-7 quả, cả vỏ.

Công dụng: Tuyên phế bình suyễn, thanh nhiệt hóa đàm.

Chủ trị: Ho khan, ho, thờ gấp, đàm vàng.

Giải bài thuốc: Bạch quả liễm phế định suyễn. Ma hoàng tuyên phế bình suyễn làm chủ dược. Một mở, một đóng, phát huy được tác dụng trị hen suyễn. Tô tử, Hạnh nhân, Bán hạ hóa đàm giáng nghịch. Tang bì, Hoàng cầm thanh nhiệt, Khoản đông, Cam thảo chỉ khái hóa đàm. Với chứng hen suyễn uất lâu ngày hóa nhiệt, dẫn đến đàm nhiệt nội thịnh, phế khí ùng tắc. Nên dùng bài này làm cho phế khí dễ tuyên, uất nhiệt, thanh trừ, đàm hóa mà khái suyễn bình.

ÔN PHẾ HÓA ÂM THANG

(Tên cũ là: *Tiểu thanh long thang* - Phụ: *Xạ can ma hoàng thang*)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Ma hoàng	4-12 gam	5. Chế bán hạ	12 gam
2. Quế chi	4-8 gam	6. Ngũ vị tử	4-8 gam
3. Tế tân	4-6 gam	7. Bạch thược	12 gam
4. Can khương	4-8 gam	8. Cam thảo	4 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn phế, tán hàn, bình suyễn, chỉ khái, hóa đàm.

Chủ trị: Ngoại cảm phong hàn, đàm ẩm nội đình, ho, khí suyễn, đàm nhiều màu xanh loãng.

Giải bài thuốc: Ma hoàng tuyên phế bình suyễn, phối hợp với Quế chi tán hàn. Bạch thược và Quế chi hòa vinh vệ. Can khương, Tế tân, Bán hạ ôn hóa hàn tán âm. Ngũ vị tử liễm phế, Cam thảo điều hòa chư dược. Nghĩa là: trong phát tán có thu liễm, để phế khí khỏi phát tán quá mức. Trong lâm sàng dùng bản phương trị phong hàn khách biểu, đàm ẩm tích sinh ho, hen suyễn, khác với *Định suyễn thang* để trị ho do đờm nhiệt nội hàm và hen suyễn.

Phương này là *Ma hoàng thang* hợp với *Quế chi thang* bỏ Sinh khương, Đại táo, Hạnh nhân, gia Can khương, Tế tân, Ngũ vị, Bán hạ mà lập thành. Tuy có Ma, Quế phát hãn nhưng lại có Thược dược chế ước, sức phát hãn không mạnh. Ma quế nguyên cũng là thuốc lợi thủy. (Ma hoàng tuyên phế khí để thông điều thủy đạo. Quế chi trợ khí hóa để lợi thủy). Lại gia Can khương, Tế tân, Ngũ vị, Bán hạ để ôn phế hóa ẩm. Hiện nay, hay dùng bài này để trị chứng hàn ẩm tại lý. Phạm thấy có chứng ho, đàm nhiều mà loãng, khí suyễn, ọc khan đến mức nôn ọc nước trong, không khát, sợ lạnh nhất là sau lưng lạnh hoặc có phát sốt nhưng không cao, rêu lưỡi trắng trơn, mạch phù khẩn hoặc huyền hoạt, huyền tế đều thuộc chứng đàm ẩm, do cảm thụ phong tà mà phát, dùng phương này rất hay.

Gia giảm: Nếu có cả sốt biểu hiện phiền táo nên gia Thạch cao (*Tiểu thanh long gia thạch cao thang*); sợ lạnh không mồ hôi thì tăng Ma, Quế. Sợ lạnh tự hãn gia Quế chi, Bạch thược hay gia Ôi phương, Đại táo để điều hòa vinh vệ. Nếu ngoại hàn đã giải mà vẫn còn suyễn, ho chưa dứt nên bỏ Ma, Quế hoặc dùng lượng ít Ma hoàng sao mật, nếu ẩm tà lưu tại Thượng, Trung, Hạ tiêu, công năng khí hóa không đủ, tiểu tiện ngắn ít, lấy Nhục quế thay Quế chi để hóa khí hành thủy. Nếu ngực đầy ho ra đàm loãng thở gấp, không nằm được, yết hầu không ráo, rêu lưỡi trắng trơn, mạch huyền khẩn, huyền hoạt nên tăng Tế tân, Bán hạ để giáng nghịch tán hàn, hóa đàm. Có thể gia Phục linh, Trần bì (Nhị trần hợp dụng) nhưng nên chú ý bệnh tình biến chuyển để tránh tân ôn táo nhiệt thái quá mà thương âm. Và lại, trong phương thức, Tế tân, Can khương, Ngũ vị ôn phế trấn khái, có tác dụng trị đàm ẩm khái thấu. Cổ nhân nói:

“Can khương, Tế tân, Ngũ vị là thuốc tiên trị đàm ẩm khái thấu”. Vì ẩm là âm tà, làm hại khí thanh dương không thể không dùng tế tân, Can khương để tán đại nhiệt. Nên phải chú trọng phối Bạch thược, Ngũ vị, Cam thảo để tán âm tà mà không hại phế khí. Nội kinh nói: “Dĩ tân tán chi, dĩ cam hoãn chi, dĩ toan thu chi” ứng dụng lâm sàng nếu phế hàn đình ẩm nặng thì liều lượng Can khương, Tế tân phải gấp bội Ngũ vị. Nếu ho lâu phế hư, thì Ngũ vị tất phải tăng nhiều, có thể phải gấp bội Can khương Tế tân.

Phụ phương:

Xạ can ma hoàng thang:

Xạ can, Ma hoàng, Tế tân, Tử uyển, Khoản đông, Bán hạ, Ngũ vị, Sinh khương, Đại táo.

Dùng Xia can thanh nhiệt giải độc, giáng hỏa hạ đàm. Tử uyển Khoản đông hóa đàm, chỉ khái, để trị ẩm tà hiệp nhiệt. Bài này giống với bài *Ôn phế hóa đàm thang* gia Thạch cao, nhưng có ưu điểm là chỉ khái hóa đàm mạnh hơn, trong lâm sàng chữa chứng khái thấu khí cấp, đờm ọc ạch trong yết hầu rất là thần hiệu.

KIM PHÁT THẢO TÁN

« Nam dương hoạt nhân thư »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|----------|----------------|--------|
| 1. Kim phát thảo | 12 gam | 6. Phục linh | 12 gam |
| 2. Tiền hồ | 8-12 gam | 7. Cam thảo | 4 gam |
| 3. Kinh giới | 8-12 gam | 8. Sinh khương | 3 lát |
| 4. Tế tân | 4 gam | 9. Đại táo | 5 quả |
| 5. Chế bán hạ | 8-12 gam | | |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Phát tán phong hàn, hóa đàm chỉ khái.

Chủ trị: Ngoại cảm phong hàn khái thấu, đàm nhiều khí cấp.

Giải bài thuốc: Kim phát thảo ôn tán, hóa đàm, giáng khí là chủ dược, phụ với Tiền hồ tuyên hạ phế khí. Kinh giới, Tế tân, Sinh khương phát tán phong hàn, Bán hạ Phục linh hóa đàm lợi thủy. Đại táo, Cam thảo hòa trung.

CHỈ THẤU TÁN

« Y học tâm ngộ »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|----------|--------------|----------|
| 1. Kinh giới | 8-12 gam | 5. Bạch tiền | 8-12 gam |
| 2. Cát cánh | 4-8 gam | 6. Trần bì | 8-12 gam |
| 3. Tử uyển | 8-16 gam | 7. Cam thảo | 4 gam |
| 4. Bách bộ | 12 gam | | |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột. Hiện tại dùng thuốc thang sắc nước chia 2 lần uống.

Ở Thượng Hải, người ta dùng phương này chế thành xi rô gọi là “Đĩnh thấu lộ”. Mỗi lần dùng 1 thìa súp, ngày 3-4 lần.

Công dụng: Chỉ khái, hóa đàm.

Chủ trị: Ngoại cảm khái thấu lâu ngày không khỏi sốt nóng rét nhẹ, ho khó ra đàm.

Giải bài thuốc: Phương này, vừa chỉ khái vừa hóa đàm, nhưng chỉ khái là chủ yếu, hóa đàm là thứ yếu nên có tên là *Chỉ thấu tán*.

Kinh giới sơ phong giải biểu, Cát cánh tuyên phế khí đàm, Trần bì táo thấp hóa đàm, Tử uyển chỉ khái hóa đàm, Bách bộ nhuận phế chỉ khái, Bạch tiền giáng khí hóa đàm, Cam thảo lợi yết hầu hóa đàm chỉ khái. Đây là một phương chủ yếu để chỉ khái, hóa đàm. Đối chứng ngoại cảm ho lâu, biểu tà chưa dứt, họng đau khạc đờm khó, dùng rất công hiệu.

Gia giảm: Lâm sàng ứng dụng thường gia Bối mẫu, Hạnh nhân thì hiệu quả càng tăng. Tùy chứng gia giảm. Nếu đau đầu, mũi tắc sợ lạnh, có biểu hàn nên gia Phòng phong, Tô diệp, Sinh khương phát tán biểu tà. Nếu đau đầu hơi ghê gió phát nhiệt, mồm đắng, họng đau, đờm vàng chất lưỡi đỏ, là nhiệt chứng nên gia Tang bì, Ngưu bàng tử, Bạc hà, Hoàng cầm, Sơn chi, Liên kiều một vài vị để tán phong nhiệt. Nếu ho khan đờm ít, nên bỏ Kinh giới, Trần bì, gia Tang bì, Qua lâu bì, Tỳ bà diệp để thanh phế, nhuận phế hóa đàm. Nếu ho khan nhiều đàm miệng nhạt, kém ăn ngực đầy, rêu lưỡi trắng trơn, nên gia Bán hạ, Phục linh để táo thấp hóa đàm.

TIÊU HÂM HUNG THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Hoàng liên 2-4 gam
2. Khương bán hạ 8-12 gam
3. Toàn qua lâu 12-32 gam

Cách dùng: Ngày sắc 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt, hóa đàm, khoan hung, tán kết.

Chủ trị: Đàm nhiệt nội trở, trong ngực đầy tức chướng đau, miệng đắng, rêu lưỡi vàng.

Giải bài thuốc: Hoàng liên khổ hàn tả hỏa thanh nhiệt; Bán hạ tân ôn khai kết, hòa vị hóa đàm. Hợp hai vị này tân khai khô giáng, khéo chữa chứng đàm nhiệt nội trở. Lại dùng Toàn qua lâu thanh nhiệt hóa đàm, khoan hung, tán kết nên có tên là Hâm hung, chủ yếu chữa đàm nhiệt nội trở trung tiêu làm ngực và trung quản đau chướng, nôn ọe, đại tiện khô táo. Nhưng nếu đàm nhiệt ủng phế, ho đờm vàng, ngực đầy khí cấp dùng cũng thích hợp.

Gia giảm: Phương này hợp *Tiểu sài hồ thang* bỏ Sâm, Thảo, Táo hợp dụng, lại gia Chi xác, Cát cánh, gọi là *Sài hồ hãm hung thang*, làm lưu lợi gan mật, thanh tiết thấp nhiệt, để chữa viêm túi mật mạn tính và cấp tính xuất hiện hàn nhiệt vắng lai, ọe đắng, hung cách chướng muộn, lưỡi vàng nhất định là khô. Phương này bỏ Hoàng liên gia Giới bạch (hay cứu: loại Hẹ) và rượu gọi là *Quát lâu giới bạch bán hạ thang*, cách đó chính là biến phương thanh hóa đàm nhiệt thành phương ôn hóa đàm ẩm để chữa hung tý, đau dạ dày, đàm ẩm, âm thổ rêu lưỡi trắng.

NHỊ TRẦN THANG

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 1. Bán hạ 8-12 gam | 3. Phục linh 12 gam |
| 2. Trần bì 8-12 gam | 4. Cam thảo 4 gam |

Cách dùng: Nguyên phương có Sinh khương, Ô mai, trên lâm sàng phần nhiều không dùng. Mỗi ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Táo thấp, hóa đàm, lý khí, hòa trung.

Chủ trị: Chứng ho nhiều đờm, ngực đầy, tim tức, nôn ọe, rêu dày mạch hoạt.

Giải bài thuốc: Bán hạ, Trần bì là chủ dược. Bán hạ táo thấp hóa đàm, hòa vị chỉ ẩm, Trần bì lý khí hóa đàm, khiến khí thuận thì đờm giáng, khí hóa thì đờm cũng hóa. Vì đàm theo thấp sinh ra, tỳ kiện vận thì thấp tự hóa; thấp khí thì đàm tự tiêu, nên phối ngũ dùng Phục linh kiện tỳ lợi thấp, Cam thảo hòa trung bổ tỳ.

Gia giảm: Phương này hóa đàm hòa vị. Trên lâm sàng tùy chứng mà vận dụng gia giảm. Muốn tăng cường sức hóa đàm gia Kim phát thảo, Bạch giới tử gọi là Lục an tiễn chữa chứng ho khó khạc đờm. Nếu muốn tán hàn tuyên phế chi khái thì gia Tử tô, Hạnh nhân, Tiền hồ, Cát cánh, Chi xác, Sinh khương, Đại táo gọi là *Hạnh tô tán*, dùng chữa cảm mạo phong hàn ho đau đầu mũi tắc nhiều đờm, gia Chi thực, Trúc nhự, Đại táo gọi là *Ôn đờm thang* (xem phương dưới đây); gia Chi thực, Nam tinh gọi là *Đạo đàm thang*; gia Mộc hương, Sa nhân gọi là *Hương sa nhị trần thang* trị vị hàn nôn ọe. Gia Đẳng sâm, Bạch truật gọi là *Kiến tỳ hóa đàm thang* (Tên cũ là: *Lục quân tử thang*) để bổ khí kiện tỳ, táo thấp, khử đàm, chữa tỳ vị hư nhược, ăn kém ỉa nhão nhiều đờm. Gia Đương quy, Thục địa gọi là *Quy địa nhị trần thang* (Tên cũ: *Kim thủy lục quân tiễn*) để trị âm huyết bất túc, thủy phạp thành đàm, khái thấu khí cấp, rêu lưỡi bóng. Gia Bạch truật Thiên ma, Sinh khương, Đại táo gọi là *Bán hạ bạch truật thiên ma thang* trị đàm thấp thượng nghịch, huyền vừng, tâm quí (hồi hộp).

ÔN ĐẢM THANG

« Thiên kim phương »

Thành phần:

1. Chế bán hạ	8-12 gam	5. Chi thực	8-12 gam
2. Trần bì	8-12 gam	6. Trúc nhự	8 gam
3. Phục linh	12-16 gam	7. Táo	5 quả
4. Cam thảo	4 gam		

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc nước, chia 2 lần uống.

Công dụng: Hòa vị, tiêu hóa đờm nhiệt.

Chủ trị: Đờm nhiệt nội kháng, mắt ngủ chóng mặt, kinh quý (sợ hãi) rêu lưỡi vàng dày.

Giải bài thuốc: Đây là phương *Nhị trần thang* gia Chi thực, Trúc nhự, Đại táo. Chi thực phối với Bán hạ hóa đàm giáng nghịch tăng cường tác dụng của nhị trần. Trúc nhự phối hợp với Trần bì hòa vị lý khí tốt hơn nhị trần. Đại táo, Phục linh phối Cam thảo có tác dụng hòa trung an thần. Chi thực, Trúc nhự tính mát phối ngũ trần, bán tính ôn nên thanh nhiệt mà không hàn, hóa đàm mà không táo.

Trên lâm sàng dùng bài này chữa các bệnh của hệ thần kinh, đờm nhiệt nội kháng, “vị bất hòa nhi ngoại bất an” (vị không hòa thì không ngủ được) xuất hiện chứng chóng mặt, hồi hộp, mất ngủ, nhất định là công hiệu.

Gia giảm: Trên lâm sàng hay dùng chữa bệnh thần kinh, lấy Toan táo nhân thay Đại táo, đờm nhiệt nặng gây ra tâm phiền khẩn khát gia Hoàng liên (hoặc Hoàng cầm) gọi là *Hoàng liên ôn đờm thang*. Khí huyết hư mà tâm thần bất an, bỏ trúc nhự, thay Đại táo bằng táo nhân, lại gia Sâm, Thục, Ngũ vị, Viễn chí gọi là *Thập nhị ôn đờm thang*.

ĐẠO ĐÀM THANG

« Tế sinh phương »

Thành phần:

1. Chế bán hạ	8-12 gam	4. Cam thảo	4 gam
2. Trần bì	8-12 gam	5. Chi thực	8-12 gam
3. Phục linh	12-16 gam	6. Chế nam tinh	4-8 gam

Cách dùng: Ngày 1 lần sắc nước chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Khư phong đạo đàm.

Chủ trị: Phong đàm thương nghịch sinh ra vựng quyết đầu choáng, đầu đau, đờm nhiều ngực tức.

Giải bài thuốc: Nhị trần gia Chi thực hạ khí giáng nghịch, Nam tinh sưu phong khư đàm, nên dẫn được đàm xuống, để trị phong đàm Thương nghịch.

Gia giảm: Trên lâm sàng thường gia Xương bồ, Viễn chí, Uất kim để hóa đàm, khai khiếu, chữa kinh quý chính xung. Gia Toàn yết, Câu đằng để tức phong (gia cả Cương tâm) trị chân tay co quắp, gia Xuyên khung, Tế tân là *Khung tân đạo đàm thang* trợ đờm quyết đầu đau, gia Thương truật, Hương phụ là *Thương sa đạo đàm thang* (Hương phụ có tên là Sa thảo căn) trị phụ nữ kinh ít hoặc bế kinh, hình béo, lực yếu, đại bạch.

BÌNH KHÁI HỢP TỄ

« Thượng Hải - Long Hoa y viện nghiệm phương »

Thành phần:

- | | | | |
|------------|--------|-----------------|--------|
| 1. Bán hạ | 12 gam | 3. Hậu phác | 8 gam |
| 2. Trần bì | 8 gam | 4. Thương truật | 12 gam |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia làm 2 lần uống, có thể chế thành xi rô mỗi lần 20-30 gam. Ngày 3 lần.

Công dụng: Táo thấp hóa đàm, chỉ khái.

Chủ trị: Đàm thấp, ho, đàm trắng nhiều, kém ăn, hung muộn (ngực phình) rêu lưỡi trắng dày.

Giải bài thuốc: Đây là *Bình vị tán* bỏ Cam thảo gia Bán hạ cũng gọi là Bình vị hợp nhị trần mà gia giảm. Bán hạ hóa đàm giáng nghịch, Trần bì hóa đàm lý khí, Hậu phác táo thấp khoan hung, Thương truật táo thấp kiện tỳ. Đó là pháp kiện tỳ táo thấp mà triệt được tận nguồn gốc sinh đàm. Với chứng viêm phế quản mạn tính có chứng đàm thấp dùng phương này rất hay.

PHẾ LAO NGHIỆM PHƯƠNG

« Thượng Hải - Long Hoa viện nghiệm phương »

Thành phần:

- | | |
|--------------|--------|
| 1. Đan sâm | 12 gam |
| 2. Hoàng cầm | 12 gam |
| 3. Bách bộ | 24 gam |

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh phế, hoạt huyết, kháng lao.

Chủ trị: Phế kết hạch, sốt theo cơn, ho, lâm ba kết hạch (ladénite lymphocytiae).

Giải bài thuốc: Đan sâm hoạt huyết, khử ứ, cải thiện sự tuần hoàn máu, dùng để phù chính. Hoàng cầm thanh phế nhiệt, Bách bộ nhuận phế, chỉ khái là thuốc trị ho lao.

Gia giảm: Ho nặng gia Tử uyển, Khoản đông, Bối mẫu. Mồ hôi trộm gia Ngũ vị, Mẫu lệ; sốt âm không lui gia Địa cốt bì, Thiên đông, Mạch đông, khạc huyết gia Tiên hạc thảo, Trắc bá diệp, Huyền sâm. Phổi có hang khạc đờm thối gia Công lao diệp, Nư tinh thảo (rau diếp cá), Cam thảo, Cát cánh.

LINH QUẾ TRUẬT CAM THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------|--------|---------------|--------|
| 1. Phục linh | 16 gam | 3. Bạch truật | 12 gam |
| 2. Quế chi | 8 gam | 4. Cam thảo | 4 gam |

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Kiện tỳ khí thấp. Ôn hóa hàn ẩm.

Chủ trị: Đàm ẩm cách trở, ngực sườn đầy tức, ho khí súc, đầu choáng, tim hồi hộp.

Giải bài thuốc: Phục linh lợi thấp, Quế chi thông dương, Bạch truật kiện tỳ, Cam thảo hòa trung. Đây là 1 phương kiện tỳ khử thấp, ôn hóa đàm ẩm, để chữa chứng tỳ không kiện vận, khí không hóa được thủy, thấp tụ thành đàm gây ho khí súc (gấp mà ngắn), đầu choáng, tim hồi hộp. Đối với chứng hen, viêm phế quản mạn tính không khỏi, dùng phương này để ôn vận trung dương mà chữa gốc bệnh. Khí hư nên gia Đẳng sâm, đờm nhiều nên hợp nhị trần.

TÔ TỬ GIÁNG KHÍ THANG

« Hòa tễ cục phương »

Công thức:

- | | | | |
|---------------|-----------|----------------|----------|
| 1. Tô tử sao | 12-16 gam | 6. Trần bì | 8-12 gam |
| 2. Bán hạ | 8-12 gam | 7. Hậu phác | 4-8 gam |
| 3. Chích thảo | 4 gam | 8. Đương quy | 12 gam |
| 4. Nhục quế | 2-4 gam | 9. Sinh khương | 3 lát |
| 5. Tiền hồ | 8 gam | | |

(Có phương không có Quế, mà có Trầm hương).

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Giáng khí bình suyễn, ôn hóa hàn ẩm.

Chủ trị: Bệnh nhân có đàm ẩm, lại cảm ngoại hàn, thành chứng thượng thực hạ hư, khái thấu, suyễn gấp, ngắn hơi, tức ngực, đờm nhiều, mình lạnh, rêu lưỡi trắng dày.

Giải bài thuốc: Đây là phương thuốc trị ho suyễn do thượng thực hạ hư. Thượng thực là nói đàm thấp ủng tắc ở phế, gây ho, suyễn, đờm nhiều, nên dùng Tô tử làm chủ dược, phụ trợ có Tiền hồ, Hậu phác, Trần bì, Bán hạ, Sinh khương đều để giáng khí kiêm trừ đàm, sơ thông được chứng thượng thực. Hạ hư là chỉ bệnh nhân nguyên do đàm ẩm ho lâu ngày có chứng thận hư ngắn hỏa, nên dùng Nhục quế, ôn thận nạp khí. Còn như dùng Đương quy trong phương, một là quy có công năng trị được suyễn nghịch thượng khí (Bản thảo kinh), hai là nhân đàm ẩm lâu ngày thành hư, nên phối Quy với Cam thảo trong hàng ngũ lý khí, Quy thảo sẽ điều thuận được khí, Đương quy trở thành vị thuốc ích khí dưỡng huyết, làm lợi ho sự thuận khí giáng nghịch, đó là cái tài vô cùng độc đáo của phương này. Tóm lại phương này dựa trên pháp sơ nạp tinh dung, nhưng lấy sơ thông làm chủ, dùng pháp chế thận đồng trị nhưng lấy trị phế làm chủ, thượng thực hạ hư đồng trị nhưng lấy giáng khí hóa đàm để trị thượng thực làm chủ, khác với phương *Hắc tích đan* là thuốc ôn thận nạp khí cũng chữa chứng thượng thực hạ hư, nhưng trị hạ hư làm chủ, (xem chương 21).

Trên lâm sàng dùng phương này chữa viêm phế quản mạn tính lại cảm thủ ngoại tà gây ra ho ngắn phổi, hung cách bí muộn, tình thể nghiêm trọng, sợ lạnh, phát sốt... lấy phương này tán hàn, hóa đàm giáng nghịch, càng dùng càng thấy thần kỳ.

TAM TỬ THANG (TAM TỬ DƯỠNG THÂN THANG)

« Hàn thị y thông »

Thành phần:

- | | |
|-----------------|--------|
| 1. Tô tử | 12 gam |
| 2. Bạch giới tử | 8 gam |
| 3. Lai phục tử | 12 gam |

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Hạ khí giáng nghịch, hóa đàm bình suyễn.

Chủ trị: Ho, khí nghịch, đờm nhiều ngực tức, kém ăn rêu dày, mạch hoạt.

Giải bài thuốc: Tô tử giáng khí hóa đàm, Bạch giới tử ôn phế hóa đàm, Lai phục tử tiêu thực hóa đàm, là thuốc hóa đàm chủ yếu để trị ho đờm nhiều.

Gia giảm: Trên lâm sàng thường hay gia thêm vào phương này các vị thuốc phụ trợ. Nếu phong hàn nặng gấp bội gia Tô tử, ho ngực đau nhiều gia Bạch giới tử gấp bội, ngực bụng chướng mãn nhiều gia Lai phục tử gấp bội.

ĐÌNH LỊCH ĐẠI TÁO TẢ PHẾ THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Đình lịch tử 12 gam
2. Đại táo 10 quả

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tả đàm hành thủy, hạ khí, bình suyễn.

Chủ trị: Khái nghịch đờm nhiều, khí suyễn, ngực sườn chướng mãn, hoặc mắt mắt phù thũng, tiểu tiện ngắn ít.

Giải bài thuốc: Đình lịch tả phế lợi thủy hóa đàm, bình suyễn làm chủ dược. Đại táo phù tá để hoãn trung bổ tỳ, tả đàm mà không tổn chính khí. Phương này chữa đờm âm đình tích ở hung cách, ho suyễn, mà có phù thũng.

Gia giảm: Phương này ít vị, rất ít khi dùng đơn phương, phần nhiều gia thêm phương khác phối hợp ứng dụng.

Phụ phương:

Đổm giáp phiến: « Nghiệm phương »

1. Bột mật lợn khô 2 gam
2. Tạo giác (bò kết) 12 gam
3. Thảo hà xa 40 gam

Chế thành viên dẹp (phiến) chia làm 3 lần nuốt, thích hợp với chứng viêm phế quản mạn tính đờm nhiều. Khi đờm giảm phải giảm liều lượng thuốc.

TANG HẠNH THANG

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| 1. Tang diệp 12 gam | 5. Đậu xị 12 gam |
| 2. Hạnh nhân 12 gam | 6. Sơn chi 6-12 gam |
| 3. Sa sâm 12 gam | 7. Vỏ quần lê Tí chút |
| 4. Tượng bối mẫu 12 gam | |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Sơ phong, nhuận táo, thanh phế, chỉ khái.

Chủ trị: Ngoại cảm phong nhiệt, phổi ráo mà ho, ho khan không đờm, đau đầu phát sốt, miệng khát lưỡi đỏ, rêu lưỡi mỏng và khô.

Giải bài thuốc: Tang diệp, Đậu xị, Sơn chi sơ phong thanh nhiệt. Hạnh nhân, Bối mẫu hóa đàm chỉ khái. Sa sâm, vỏ lê nhuận phế sinh tân, phổi ngũ thành phương thanh táo nhuận phế. Táo nhiệt trừ, tân dịch phế phục hồi, thì ho khan phải dứt.

THANH TÁO CỨU PHẾ THANG

(Phụ: *Bách hợp cố phế thang*)

« Y môn pháp luật »

Thành phần:

1. Tang diệp	12 gam	5. Ma nhân (vùng)	12 gam
2. Thạch cao	20-40 gam	6. A giao	8-12 gam
3. Nhân sâm	10-12 gam	7. Mạch đông	12 gam
(Có khi dùng Hải nhi sâm, Sa sâm)		8. Hạnh nhân	12 gam
4. Cam thảo	4 gam	9. Tỳ bà diệp	12 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh phế nhuận táo.

Chủ trị: Táo nhiệt thương phế, thở gấp, ho khan không đờm hoặc ít đờm, yết hầu mồm mũi khô ráo, lưỡi khô rêu ít.

Giải bài thuốc: Đây là phương chủ yếu trị táo nhiệt thương phế. Tang diệp, Thạch cao thanh táo nhiệt. A giao, Mạch đông, Hạnh nhân dưỡng phế âm. Nhân sâm, Cam thảo ích phế khí. Dùng cả Hạnh nhân, Tỳ bà để hóa đàm chi khái, thanh táo nhiệt và dương khí âm cho nên bài này dưỡng âm nhuận phế mạnh hơn bài *Tang hạnh thang* nhưng sơ phong tán tà thì kém hơn.

Phụ phương:

Bách hợp cố phế thang: (Tên cũ: *Bách hợp cố kim thang*)

Sinh địa, Thục địa, Mạch đông, Bách hợp, Bạch thược, Đương quy, Xuyên bối, Huyền sâm, Cát cánh, Cam thảo hợp thành tễ.

Thanh táo cứu phế thang chủ trị ho do táo. Do ôn táo ngoại tà xâm phạm, có chứng trạng ngoại cảm. Còn *Bách hợp cố phế thang* trị ho táo do phế âm hư không có triệu chứng ngoại tà. Cho nên phương này tập trung dùng Sinh, Thục địa, Mạch đông, Bách hợp, Bạch thược, Đương quy để dưỡng âm dịch phối hợp Xuyên bối nhuận phế, Cát cánh, Cam thảo lợi yết hầu.

BỔ PHẾ A GIAO THANG

(Phụ: *Bổ phế thang*)

« Tiểu nhi dược chứng trực quyết »

Thành phần:

1. A giao	12 gam	4. Chích thảo	4 gam
2. Mã đầu linh	8 gam	5. Hạnh nhân	12 gam
3. Ngưu bàng tử	12 gam	6. Nhu mễ (gạo nếp)	40 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Dưỡng âm bổ phế, sơ tà, chi khái.

Chủ trị: Âm hư hỏa thịnh, ho, khí cấp, đờm ít và dính, hoặc trong đờm có lẫn máu, họng khô hoặc đau, họng đỏ, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch sắc.

Giải bài thuốc: Phương này chủ trị phế hư hỏa thịnh, thương tổn tân dịch; phế có đờm nhiệt gây ra ho khó, khí cấp họng đỏ và đau, thậm chí trong đờm lẫn máu. A giao dưỡng âm, bổ phế, chỉ huyết. Mã

dầu linh thanh phế hỏa; Nguu bàng, Hạnh nhân tuyên phế khí hóa đàm chỉ khái. Cam thảo, gạo nếp dưỡng vị hòa trung.

Gia giảm: Lâm sàng dùng phương này, nếu có biểu chứng gia Tang diệp, Bạc hà; hỏa thịnh ho dữ gia Tang bạch bì, Tỳ bà diệp và không dùng gạo nếp.

Phụ phương:

Bổ phế thang:

Đẳng sâm, Hoàng kỳ, Thục địa, Ngũ vị, Tử uyển, Tang bạch bì.

Sức bổ phế ở phương này là bổ phế khí, nên dùng Sâm, Kỳ ích khí làm chủ dược, phối ngũ với tử uyển, Tang bì nhuận phế, Ngũ vị liễm phế. Phế hư mãi tất cập thận, nên dùng Thục địa bổ thận âm và trị phế hư ho lâu, ngắn hơi ra mồ hôi, lưỡi nhạt, mạch hư đại. Còn *Bổ phế a giao thang* là bổ phế âm nên dùng A giao dưỡng phế âm làm chủ phối hợp với thuốc thanh nhiệt, sơ tả, để trị âm hư hỏa thịnh, phế có đờm nhiệt.

SÂM GIỚI TÁN

« Tế sinh phương »

Thành phần:

1. Nhân sâm (hay Di sơn sâm) 12 gam
2. Cáp giới 1 đôi

Cách dùng: Phương trên nghiền bột. Mỗi lần dùng 1-2 gam, ngày uống 2-3 lần.

Công dụng: Bổ phế thận, định khái suyễn.

Chủ trị: Ho lâu ngày phế thận đều hư, ho khí gấp, động thì suyễn, nói năng vô lực, tiếng nói nhỏ thấp.

Giải bài thuốc: Cáp giới (con tắc kè dùng cả đực cái) là thuốc bổ phế ích tinh, ôn thận nạp khí để định suyễn nghịch. Nhân sâm đại bổ nguyên khí. Hai vị hợp dùng để nạp khí qui nguyên. Các chứng phế khí thũng (emphysème pulmonaire) và phế nguyên khí tâm tạng bệnh gây ho (coeur pulmonaire chronique CPC) dùng bài này có hiệu quả.

TUYẾT CÁNH THANG

« Vương phủ tam phương »

Thành phần:

1. Hải triết bì 80 gam
2. Bột 160 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt hóa đàm, tán kết.

Chủ trị: Ho có đờm dính, loa lịch kết hạch (bệnh tràng nhạc).

Giải bài thuốc: Hải triết, Bột tẻ nhuận hoạt hàn lương để hóa đàm nhuận kiên, tán kết, thanh hỏa. Hai vị này tuy rất là đậm bạc, nhưng cứ tiếp tục dùng thì đối với bệnh nhân viêm phế quản lâu ngày có đờm dính cổ kết (ngoan đàm), ho khí gấp, khó khạc đờm (tục gọi là chứng đàm hỏa) có công hiệu tương đối. Trên lâm sàng hay dùng phương này để trị chứng cao huyết áp do Can dương thượng cang.

¹ Bột tẻ: Một giống cỏ có vị ngọt dùng làm thuốc ND.

ĐẠI CẤP TÁN

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Thanh đại (chàm) 240 gam
2. Hải cấp xác 240 gam

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, hàng ngày uống thuốc bột với dầu vừng. Hiện nay hay dùng túi vải cho thuốc vào mỗi lần từ 12-16 gam sắc với nước thành thang mà uống cũng được.

Công dụng: Thanh nhiệt, hóa đàm.

Chủ trị: Can hỏa phế nhiệt, ho, đờm nhiều, vàng khè lẫn máu, ngực sườn đau.

Giải bài thuốc: Thanh đại thanh can hỏa. Hải cấp xác (vỏ con sò bẻ) hóa nhiệt đờm. Hai vị phối ngũ trị chứng can hỏa phạm phế, dẫn đến ho nghịch khí suyễn nhất định hiệu quả. Lâm sàng thường dùng phương này cùng với phương *Tả phế thang* (*Tả bạch tán*) phối hợp, cùng dùng.

KẾT LUẬN

Chỉ khái - Bình suyễn cấp hóa đàm tể chủ yếu để chữa các chứng ho, khí suyễn, đờm nhiều v.v... Cụ thể phân ra các loại như sau: Chỉ khái bình suyễn, chỉ khái hóa đàm, táo thấp hóa đàm, ôn hóa hàn đàm, thanh hóa nhiệt đàm.

1. Chỉ khái bình suyễn

Cơ sở là bài *Tam áo thang* trị ho do phế khí bất tuyên gây ra suyễn. Chúng ta nên theo bệnh tình khác nhau mà gia giảm. Nếu thấy biểu hàn gia Quế chi, tức là *Ma hoàng thang*; nếu lý nhiệt thịnh phát sốt miệng khát gia Thạch cao tức là *Ma hạch thạch cam thang*. Cũng có thể gia thuốc thanh nhiệt giải độc, như đờm nhiệt nội thịnh lên cơn hen suyễn dùng bài *Định suyễn thang*, *Đình lịch đại táo tả phế thang*, để trị đàm ẩm đình tích ở ngực sườn, ho lại kèm phù thũng. Các phương nói trên đều thuốc phương chữa chứng thực. Còn *Tô tử giáng khí thang* thì trị thượng thực hạ hư nhưng chữa thượng thực là chủ yếu, *Sâm giới tán* để bổ phế thận định suyễn khái, chủ trị hư chứng là chủ yếu.

2. Chỉ khái hóa đàm

Chỉ thấu tán là thuốc chỉ khái hóa đàm nhưng nặng về chữa ho thích hợp với các chứng biểu tà chưa hết, ho chưa trừ, khạc đờm khó đều công hiệu. *Kim phát thảo tán*, *Hạnh tô tán* thích hợp chữa chứng ho đờm nhiều có biểu chứng. Tam tử thương giáng khí hóa đàm. *Đình lịch đại táo tả phế thang* tả phế lợi thủy đều chữa chứng ho đờm nhiều nhưng nặng về phân hóa đàm.

3. Táo thấp hóa đàm

Nhị trần thang làm chủ, ứng dụng rộng rãi trên lâm sàng. Nếu gia Thiên kim phát, Bạch giới tử gọi là Lục an tiền chữa ho càng mạnh. Nếu khí hư gia sâm truật tức là *Kiện tỳ hóa đàm thang*. Nếu âm huyết bất túc gia Quy, Thục tức là *Quy địa nhị trần thang* (*Kim thủy lục quân tiền*). Nếu gia Nam tinh, Chi thực là bài *Đạo đàm thang* để đưa đờm đi xuống. Nếu gia Chi thực, Trúc nhự, Đại táo là *Ôn đờm thang* có công năng hòa vị an thần. Hợp tể bình suyễn dùng chữa đàm thấp sinh ho. *Bán hạ bạch truật thiên ma thang* hóa đàm mà tức phong, khéo chữa chứng phong đàm chóng mặt đau đầu, là các biến phương của Nhị trần.

4. Ôn hóa đàm

Ôn phế hóa ẩm thang để ôn phế hóa đàm, chỉ suyễn khái thích hợp chữa hàn đàm (đàm ẩm). *Xạ can ma hoàng thang* trong ôn có thanh là biến phương của *Ôn phế hóa ẩm*. *Linh quế truật cam thang* chữa tỳ mất vận hóa, thấp tụ thành đàm, khiến cho kiện tỳ ôn dương mà ôn hóa được đàm ẩm.

5. Thanh hóa nhiệt đàm

Tang hạnh thang thanh giải nhiệt táo, hóa đàm giảm ho (xem thêm thương 3). *Thanh táo cứu phế thang* dưỡng âm thanh phế tốt hơn phương *Tang hạnh thang*, nhưng sức tán tà lại kém. *Bổ phế A giao thang* dưỡng âm bổ phế làm chủ, kiêm thanh phế nhiệt, để chữa âm hư phế nhiệt thịnh. Phế lao nghiêm phương thanh nhuận phế, hoạt huyết kháng lao chuyên trị phế kết hạch. *Tuyệt canh thang*, *Đại cấp tán* đều để thanh hóa đàm nhiệt, bài thuốc nhuận kiên tiêu kết, bài sau thanh tiết can hòa. *Tiểu hãm hung thang* thanh nhiệt khoan hung khéo trị đờm nhiệt nội kết, là phương thuốc chữa vị làm chủ, không trị phế làm chủ. Gia giảm phương này thành *Quất lâu giới bạch bán hạ thang* là biến phép thanh nhiệt khoan hung thành ôn thông khoan hung, chủ trị hàn đàm nội trở của chứng hung tý, có thể trị được chứng tâm giao thống.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. HẢO XUYỄN XUNG TỄ

Công thức:

- | | | |
|-------------------|--------------------|-------------|
| 1. Ma hoàng | 4. Bình địa mịch | 7. Tiền hồ |
| 2. Bạch quả | 5. Tang bạch bì | 8. Bán hạ |
| 3. Đại thanh diệt | 6. Tuyền phú ngạnh | 9. Cam thảo |

Các vị chế thành thuốc uống, bọc bằng giấy ni lông mỏng.

Cách dùng: Uống với nước ấm. Mỗi lần 1 gói. Ngày 2 lần.

Công dụng: Bình suyền chỉ khái, hóa đàm thanh nhiệt.

Chủ trị: Hen nhiệt, ho, đàm đa khí cấp.

2. HÀN XUYỄN HOÀN

Thành phần: Nguyên phế thạch (AS), Đạm Đậu xị, các vị nghiền chế thành hoàn to bằng hạt đậu xanh.

Cách dùng: Trước khi ngủ, nuốt viên thuốc chiêu với nước chín từ 6-8 viên. Trẻ em dưới 3 tuổi dùng 2 viên, 4 đến 6 tuổi 3 viên, 7 đến 8 tuổi 4 viên, 8 tuổi trở lên 6 viên. Uống 1 liều trong một tuần, sau khi uống một đến hai liều phải nghỉ một tuần rồi mới dùng lại 1-2 liều, vô luận là công hiệu hay không phải thôi dùng tiếp.

Công dụng: Ôn phế hóa ẩm, bình suyền.

Chủ trị: Hen hàn, ho đờm nhiều màu xanh loãng.

Cấm kỵ: Ho suyền do nhiệt cấm dùng, có hiện tượng xuất huyết như khạc huyết, tiện huyết, nọc huyết, nếu chức năng can thận suy kém cũng cấm dùng. Nếu dùng thuốc mà miệng khô, tim tức và đau phải nghỉ thuốc 2-3 ngày rồi mới dùng được.

3. HẠNH NHÂN CHỈ KHÁI DƯỠNG TƯƠNG

Công thức:

- | | | |
|--------------|-------------|-------------|
| 1. Hạnh nhân | 3. Cát cánh | 5. Viễn chí |
| 2. Bách bộ | 4. Trần bì | 6. Cam thảo |

Các vị chế thành xi rô.

Cách dùng: Mỗi lần uống 1 thìa súp. Ngày 3 lần.

Công dụng: Hóa đàm chỉ khái.

Chỉ định: Viêm phế quản cấp và mạn tính. Ho đờm.

4. BÁN BỐI HOÀN

Công thức: Xuyên bối mẫu, Sinh bán hạ. Hai vị nghiền bột, dùng Sinh khương traps hòa với nước trộn hồ bột mì rồi luyện thành viên.

Cách dùng: Mỗi lần 4-8 gam, mỗi ngày 2 lần với nước chín.

Công dụng: Hóa đàm chỉ khái.

Chủ trị: Ho đờm, có thể chữa sốt rét.

5. BẠCH KIM HOÀN

Công thức:

1. Bạch phân 1,2 gam

2. Uất kim 2,8 gam.

Lấy nước sắc Bạc hà và hồ bột luyện thành viên.

Cách dùng: Mỗi lần uống 2-4 gam, ngày 2-3 lần, uống với nước chín, hoặc cho túi vải sắc nước uống.

Công dụng: Khai khiếu khư đàm.

Chủ trị: Do đờm trọc phát điên cuồng, điên gián, có thể dùng chữa sỏi túi mật, viêm túi mật mạn tính.

6. CHỈ MÊ PHỤC LINH HOÀN

Công thức:

1. Khương bán hạ

3. Chỉ xác

2. Phục linh

4. Mang tiêu

Các vị thuốc nghiền thành bột, lấy nước gừng và hồ luyện thành viên.

Cách dùng: Mỗi lần 3-6 gam, ngày 2-3 lần. Nuốt chửng.

Công dụng: Khí đàm thấp.

Chủ trị: Đàm thấp lưu trú kinh lạc, cánh tay tê đau.

7. MÔNG THẠCH CỐN ĐÀM HOÀN

Công thức:

1. Thanh môn thạch

4. Hoàng cầm

2. Trâm hương

5. Phác tiêu

3. Đại hoàng

Các vị trên nghiền bột mịn chế thành hoàn.

Cách dùng: Mỗi lần 4-6 gam, ngày 2 lần, với nước chín.

Công dụng: Tả đàm hỏa.

Chỉ định: Đàm nhiệt thượng ứng, ho nhiều đờm, thần chí mê muội, đại tiện bí kết.

8. THANH KHÍ HÓA ĐÀM HOÀN

Công thức:

1. Khương bán hạ

3. Hoàng cầm

5. Chỉ thực

7. Đờm nam tinh

2. Hạnh nhân

4. Trần bì

6. Qua lâu nhân

8. Phục linh

Nghiền bột, chế thành viên.

Cách dùng: Mỗi lần 6-12 gam, ngày 2-3 lần uống với nước chín, có thể dùng làm thuốc thang.

Công dụng: Thanh khí hóa đàm, chỉ khái.

Chủ trị: Phế nhiệt, ho, khí cấp nhiều đờm tức ngực.

9. KHÍ QUẢN VIÊM PHIẾN

Công thức:

- | | | | | |
|-------------------|----------------|-------------------|------------------|--------------------|
| 1. Tiền hồ | 8. Mã đầu hình | 15. Giới bạch | 22. Tế tân | 29. Bạch thược |
| 2. Bạch tiền | 9. Phục linh | 16. Hồng táo | 23. Đảng sâm | 30. Sinh thạch cao |
| 3. Tang diệp | 10. Chích thảo | 17. Hải phù thạch | 24. Đinh lịch tử | 31. Đại cập tán |
| 4. Tô tử | 11. Viễn chí | 18. Hạnh nhân | 25. Ngũ vị tử | 32. Can khương |
| 5. Tử uyển | 12. Xạ can | 19. Bán hạ | 26. Tượng bối | 33. Ma hoàng |
| 6. Khoản đông hoa | 13. Hoàng cầm | 20. Xuyên bối | 27. Bách bộ | 34. Nhục quế |
| 7. Tuyền phúc hoa | 14. Tỳ bà diệp | 21. Quất hồng | 28. Cát cánh | |

Cách dùng: Mỗi lần 4-6 viên, ngày 3 lần.

Công dụng: Chỉ khái bình suyễn hóa đàm.

Chủ trị: Ho nhiều đờm, người già đờm suyễn viêm phế quản mạn tính.

10. BÁN HẠ LỘ

Công thức:

- | | | | |
|----------------|-------------|---------------|---------------------------|
| 1. Sinh bán hạ | 4. Tử uyển | 7. Tỳ bà diệp | 10. An tức hương toan nạp |
| 2. Viễn chí | 5. Cát cánh | 8. Trần bì | 11. Đường cát |
| 3. Chỉ xác | 6. Ma hoàng | 9. Hạnh nhân | |

Cách dùng: Mỗi lần uống 1 thìa canh, ngày 3 lần.

Công dụng: Chỉ khái hóa đàm.

Chỉ định: Viêm phế quản, ho, nhiều đờm.

11. HẠ PHƯƠNG KIM BÂN PHIẾN

Công thức:

- | | | |
|--------------------------------------|------------------------------------|-----------------|
| 1. Can thiêm
(Thiêm thù: Cóc khô) | 2. Sinh bách bộ | 4. Nhất kiến hĩ |
| 3. Ngư tinh thảo | 5. Khai kim tảo
(Dã măng mạch) | |

Cách dùng: Mỗi lần 4-6 phiến. Ngày 4 lần.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, hóa đàm trừ nung.

Chủ trị: Các loại bệnh Phế kết hạch (lao phổi), viêm hung mạc kết hạch, cốt kết hạch.

¹ Dã măng mạch căn: Một giống lúa mọc hoang.

Chương 15

THUỐC HÓA THẤP VÀ LỢI THỦY

Phương thuốc hóa thấp lợi thủy có công năng kiện tỳ vị trợ tiêu hóa, lợi tiểu thoái thủy, tiêu nhiệt, thông lâm, để ứng dụng điều trị các chứng thấp trở tỳ vị, thủy thấp đình tụ, thấp nhiệt hạ trú ở bàng quang.

- Thấp trở tỳ vị biểu hiện ở công năng vận hóa của tỳ vị bị giảm sút hoặc rối loạn gây ra chứng trạng kém ăn, ngực tức, bụng chướng, đại tiện lỏng phân, mồm nhạt, miệng ngọt hoặc miệng đắng, hoặc có lợm lòng buồn nôn, dẫn đến đầu chướng, tứ chi mỏi mệt, tiểu tiện ngắn và ít (xén) vv... Thấp thuộc loại tà khí trọng trọc. Vì thế, khi điều trị các chứng thấp trở tỳ vị, trước hết nên dùng thuốc phương hương (có mùi thơm) khổ ôn, và phải phối hợp kiện tỳ, lợi thủy (lợi niệu) để thành phương tể hóa thấp. *Hoắc hương chính khí tán, Tam nhân thang, Bình vị tán* đều loại thuốc tể này. Trong các phương ấy, các vị Hoắc hương, Trần bì, Khẩu nhân có mùi thơm để hóa thấp, cho đến các vị khổ ôn như Hậu phác, Thương truật để táo thấp. Đó là các bộ phận để lập phương thuốc.

- Thủy thấp đình tụ chủ yếu biểu hiện là: Tiểu tiện ngắn ít, phù nước (thủy thũng). Nguyên nhân là do sự khí hóa của bàng quang bị giảm sút, không lợi thủy được hoặc có khi do tỳ thận dương khí suy nhược không thể hóa khí hành thủy cho nên thủy thấp từ trong mà ra, đến nổi tụ lại thành phù nề. Phương pháp chủ yếu để trị các chứng này, ngoài những vị thuốc thẩm thấp lợi thủy như Phục linh, Trư linh, Trạch tả, Phòng kỷ, Thông thảo... còn có các vị thông dương hóa khí (phần nhiều dùng Quế chi) hoặc các vị bổ khí (đa dụng Hoàng kỳ) hoặc các vị thuốc kiện tỳ (đa dụng Bạch truật) hoặc các vị thuốc ôn dương (đa dụng Phụ tử)... Đó là các thành phần chủ yếu để lập phương thuốc. Như các phương *Ngũ linh tán, Ngũ bì ẩm, Phòng kỷ hoàng kỳ thang, Thực tỳ ẩm*... đều thuộc loại phương thuốc này.

- Thấp nhiệt hạ trú bàng quang biểu hiện ra các chứng niệu đạo nóng, đau, đái luôn luôn, đái gấp, đái đỏ, đái đục, hoặc trong nước tiểu có cát sỏi bài ra. Chủ yếu là do thấp nhiệt hạ trú mà ra. Nguyên tắc trị liệu các chứng ấy: Thấp nên phải lợi, nhiệt nên phải thanh. Trước hết, nên chọn các vị thuốc có tác dụng thanh nhiệt giải độc lại thêm lợi thủy (ta gọi là thuốc thanh nhiệt thông lâm) như Hoạt thạch, Cam thảo, Mộc thông, Xa tiền, Biền súc, Cỏ mạch, Chi tử, Thạch vi, Tỳ giải... lập phương thuốc.

Các vị thuốc trị thủy thấp đình tụ mà tiểu tiện xén phần nhiều vị đạm thẩm dùng để lợi niệu có khác nhau: *Lục nhất tán, Bát chính tán* thuộc loại Thanh nhiệt thông lâm. Lâm sàng ứng dụng thường gia Ngân hoa, Hoàng bá, Bồ công anh, Nhất kiến hĩ, Tàn bì, Mã xỉ nghiến (rau sam) để tăng cường tác dụng tiêu nhiệt giải độc.

HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ TÁN

(Phụ: *Chủ thấp chính khí tán*. Lục hợp định trung hòa)

« Hòa tể cục phương »

Thành phần:

1. Hoắc hương	12 gam	7. Bán hạ khúc	12 gam
2. Tô diệp	8-12 gam	8. Đại phúc bì	8-12 gam
3. Bạch chỉ	4-8 gam	9. Phục linh	12-16 gam
4. Cát cánh	4-8 gam	10. Trần bì	6-12 gam
5. Bạch truật	8-12 gam	11. Cam thảo	4 gam
6. Hậu phác	4-8 gam		

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột (hiện nay dùng thang, sắc uống). Mỗi lần 8-12 gam bột. Ngày 2-3 lần với nước chín, có nơi dùng Thương truật thay Bạch truật.

Công dụng: Phương hương hóa thấp, sơ tán biểu tà, hòa trung.

Chủ trị: Cảm phải thử thấp, ngoài sợ lạnh phát sốt đau đầu (biểu chứng), trong thì ngực sườn đầy tức lợm lòng kém ăn, hoặc ỉa chảy, miệng nhạt miệng ngọt, rêu nhớt là do thấp trọc gây trở ngại.

Giải bài thuốc: Đây là phương tễ sơ biểu hòa lý. Hoắc hương sơ tán thử thấp biểu tà, lại có tính phương hương hóa thấp trọc ở vị tràng là chủ dược.

Thuốc phối ngũ gồm hai thành phần:

- Tác dụng sơ tán gồm: Tử tô tân ôn phát biểu, Bạch chỉ tân lương tán phong, Cát cánh khai tuyên phế khí.

- Tác dụng phương hương hóa thấp gồm: Hậu phác, Phục bì tân khổ ôn tảo thấp trừ ngực bụng chướng đầy, Bán hạ, Trần bì hòa vị giáng nghịch trị lợm lòng nôn mửa, Bạch truật, Phục linh kiện tỳ lợi thủy, giúp đỡ công năng vận hóa của tỳ vị. Cam thảo của Toàn phương, ngọt để hòa trung tổng hợp tác dụng có đặc điểm là: Phương hương hóa thấp tập trung ở *Bình vị tán*, *Nhị trần* (Trần, Bán, Linh, Thảo)

Gia giảm: Phương này tất nhiên dùng Hoắc hương, Tử tô, Hậu phác, Phục linh, Đại phúc bì, Bán hạ, Trần bì, các vị này tùy chứng mà gia giảm. Nếu sợ lạnh phát sốt nặng nên gia Kinh giới, Phòng phong Bạc hà thậm chí cả Khương hoạt. Nếu thấp nặng rêu dày nhớt lấy Thương thuật thay Bạch truật để tăng cường hóa thấp.

Phụ phương:

1. Thử thấp chính khí hoàn: (Tên cũ: *Thuần dương chính khí hoàn*)

Do các vị Trần bì, Đinh hương, Phục linh, Mao truật, Hoắc hương, Khương bán hạ, Quan quế, Bạch truật, Thanh mộc hương, Hoa tiêu diệp, *Hồng linh đan* (Xạ hương, Ngân tiêu, Nguyệt thạch, Chu sa, Yên hoàng, Băng phiến, Mông thạch) hợp thành.

Ý nghĩa và cấu tạo bài thuốc tương tự bài Hoắc hương chính khí, chủ trị chứng cảm hàn vào ngày nắng, ăn không tiêu, ứ trọc trung trở, (trung tiện), biểu hiện đau đầu, phát sốt, sợ lạnh, ngực tức, lợm lòng, thậm chí đau bụng thổ tả. Mỗi lần uống 2-4 gam, ngày 2-3 lần chiêu với nước chín. Trẻ em giảm lượng phụ nữ có mang cấm dùng.

2. Lục hợp định trung hoàn:

Thuốc ở Thượng Hải chế ra, do các vị Trần bì, Hậu phác, Phục linh, Cam thảo, Sơn tra, Chỉ xác, Mộc qua, Cát cánh, Đan hương, Mộc hương, Chu sa, Biền đậu, Lục khúc, Hoắc hương, Hương nhu, Tô diệp, Mạch nha, Cốc nha hợp thành.

Tương tự bài Hoắc hương chính khí, chủ trị cảm mạo thử thấp hàn lãnh, sợ lạnh, phát sốt ngực tức lợm lòng, bụng đau, thổ tả... Mỗi lần uống 1 viên.

TAM NHÂN THANG

(Phụ: *Hoắc phác hạ linh thang*)

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

1. Hạnh nhân	12 gam	5. Thông thảo	4 gam
2. Bạch khấu nhân	6 gam	6. Hoạt thạch	12-20 gam
3. Ý dĩ nhân	12-20 gam	7. Trúc diệp	4-12 gam
4. Hậu phác	4-8 gam	8. Chế bán hạ	6-12 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tuyên thông khí cơ, tiêu hóa thấp nhiệt.

Chủ trị: Thấp nhiệt ở khí phận, thấp nặng hóa nhiệt, sốt âm hoặc sốt cơn sau ngộ, lâu ngày không lui, hoặc hơi sợ lạnh, đầu chướng nặng nề, ngực bụng bào hao, không muốn ăn, hoặc lợm lòng, khát không muốn uống, rêu lưỡi trắng nhợt hoặc dày nhớt. Mạch nhu hoạt mà nhuyễn.

Giải bài thuốc: Phương này trị thấp nhiệt ở khí phận sốt âm không hư, hoặc sốt cơn sau ngộ, bệnh nhân sáng nhẹ chiều nặng dùng phương này rất có hiệu quả. Tác dụng của toàn phương là tuyên thông khí cơ ở tam tiêu, khiến thấp và nhiệt ở khí phận theo 2 đường trên dưới mà giải trừ. Trong phương có Hạnh nhân tuyên thông phế khí ở thượng tiêu, Khẩu nhân khai thấp trệ ở trung tiêu, Dĩ nhân lợi hạ tiêu thấp nhiệt. Ba vị này là chủ dược, nên có tên gọi là *Tam nhân thang*. Bán hạ, Hậu phác phụ trợ cho Hạnh nhân, Khẩu nhân, tuyên thông thượng và trung tiêu. Hoạt thạch, Thông thảo, Trúc diệp phụ trợ Ý dĩ nhân thanh lợi thấp nhiệt ở hạ tiêu. Toàn phương xét ra là dùng các vị phương hương kinh đạm, có đặc điểm tuyên thông khí cơ để khai thấp.

Gia giảm: Trên lâm sàng. Nếu thấy đầu chóng, đầu thống, sợ lạnh nên gia Tô diệp, Đậu xị, Đậu quyền để giải biểu. Nhiệt nặng chất lưỡi hồng, đái đỏ nên gia Nhân trần, Sơn chi để thanh lợi thấp nhiệt, hoặc Ngân hoa, Liên kiều, Bồ công anh, để thanh nhiệt giải độc. Gần đây, trên lâm sàng dùng phương này gia Liên kiều, Khổ sâm, Mã xỉ nghiến, Kim tiền thảo, Hoàng cầm thanh nhiệt giải độc chữa thận viêm mạn tính có kết quả.

Phụ phương:

Hoắc phác hạ linh thang:

Tức là phương *Tam nhân thang* bỏ Hoạt thạch, Thông thảo, Trúc diệp, gia Hoắc hương, Đậu xị, Xích linh, Trư linh, Trạch tả mà thành.

Tác dụng cũng tương tự *Tam nhân thang*. Nhưng *Tam nhân thang* có Hoạt thạch, Thông thảo, Trúc diệp có tác dụng thanh nhiệt, còn bản phương dùng Hoắc hương, Đậu xị nên kiêm giải biểu, lại còn dùng nhị linh Trạch tả nên tăng sự thâm thấp.

BÌNH VỊ TÁN

(Phụ: *Vị linh thang*)

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

1. Thương truật	6-12 gam	4. Cam thảo	4 gam
2. Hậu phác	4-12 gam	5. Sinh khương	3 lát
3. Trần bì	6-12 gam	6. Táo	3 quả

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột, hiện dùng thuốc thang sắc nước chia 2 lần uống trong 1 ngày 1 thang.

Công dụng: Táo thấp, kiện tỳ vị.

Chủ trị: Thấp trở tỳ vị, ngực bụng chướng đầy, không muốn ăn, tứ chi mỏi mệt, đại tiện nhão, rêu lưỡi đầy nhớt.

Giải bài thuốc: Thương truật táo thấp kiện tỳ là chủ dược, Hậu phác táo thấp trừ chướng mãn, Trần bì lý khí hóa đàm thấp là các thuốc phụ trợ chính. Cam thảo, khương táo hòa trung là vị thứ yếu. Đây là phương tễ kiện tỳ, táo thấp, hóa đàm. Cổ nhân nói: phương thuốc gồm các vị tân, táo, khổ nên có thể tiêu thực, tán đàm thấp. Bệnh có trệ, có thấp, có tích đều dùng được.

Gia giảm: Đây là phương căn bản để táo thấp kiện tỳ. Trên lâm sàng, nếu rêu lưỡi dày nhớt mà hoạt nhuận, miệng không khát, tứ chi mỏi mệt, ngực bụng chướng đầy, đại tiện nhão là thấp thịnh dùng phương này rất hợp: Can, khương táo có thể bỏ. Có biểu chứng nên gia Hoắc hương Tô diệp, ấu thảo đờm nhiều gia Bán hạ, tiểu tiện ngắn gia xích linh, ngực bĩ gia Chi xác, bụng đau gia Mộc hương, chán ăn gia Sơn tra sao, Lục khúc sao, Mạch nha sao. Nếu rêu lưỡi vàng nhớt, chất lưỡi hồng miệng đắng là thấp nhiệt nặng gia cầm, liên hoàng bá khổ hàn tiêu thấp nhiệt.

Phụ phương:

Vị linh thang:

Là *Bình vị tán* hợp với *Ngũ linh tán*.

Bình vị tán tảo thấp kiện tỳ, Ngũ linh tán lợi tiểu tiện để thực đại tiện dùng chữa chứng Thấp tả (ỉa chảy, đái xén) tiểu tiện xén, rêu lưỡi dày nhớt đã có hiệu quả.

NGŨ LINH TÁN

(Phụ: *Trư linh thang*, *Thông quan hoàn*)

Thành phần:

- | | | | |
|----------------------------|-----------|--------------|-----------|
| 1. Bạch truật | 8-12 gam | 4. Trạch tả | 12-16 gam |
| 2. Quế chi (hoặc Nhục quế) | 4-8 gam | 5. Phục linh | 12-20 gam |
| 3. Trư linh | 12-16 gam | | |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột mỗi lần 8-12 gam ngày 2 lần uống lúc đói với nước chín âm ẩm.

Công dụng: Thông dương, hóa khí, lợi thủy.

Chủ trị: Thủy thấp đình tụ, tiểu tiện bất lợi, thủy thũng, rêu lưỡi hoạt nhuận hoặc có ngực tức, khát muốn uống, nhưng uống vào nôn ngay.

Giải bài thuốc: Trư linh, Phục linh, Trạch tả lợi thủy thẩm thấp, Bạch truật kiện tỳ vận hóa thấp khiến thủy thấp, không đình tụ được. Quế chi tân ôn thông dương giúp bàng quang khí hóa. Khí đã hóa thì thủy phải hành và giúp cho các vị thuốc thẩm thấp lợi thủy phát huy tác dụng. Vì thế đây là phương tễ chủ yếu lấy sự lợi tiểu mà tiêu trừ được thấp tả.

Gia giảm: Phương này bỏ Quế chi gọi là *Tứ linh thang* là loại thuốc kiện tỳ thẩm thấp, để chữa chứng tỳ hư thấp trở, tiểu tiện xén, đại tiện nhão. Phương này gia Nhân trần gọi là *Nhân trần ngũ linh tán*, trị thấp nhiệt hoàng đản, tiểu tiện vàng đỏ, có tác dụng thoái hoàng lợi thủy. Phương này gia Đẳng sâm gọi là *Xuân trạch thang* dùng chữa toàn thân khí hư tiểu tiện không thông thậm chí bế tiểu tiện nhất định hiệu quả. Ngoài ra khi chữa thủy thũng còn nên hợp bài này với bài ngũ bì ẩm thì sức lợi thủy tốt hơn.

Phụ phương:

1. Trư linh thang:

Gồm Trư linh, Phục linh, Trạch tả, A giao, Hoạt thạch hợp thành.

Có công năng tư âm thanh nhiệt, lợi thủy, dùng chữa chứng huyết lâm, niệu huyết, tiểu tiện xén đỏ mà đau, lưỡi đỏ, miệng khát, tâm phiền của bệnh âm hư, cũng có tác dụng lợi thủy như bài *Ngũ linh tán*, nhưng ngũ linh có tác dụng trị dương khí bất thông, thủy thấp nội đình., còn *Trư linh thang* trị chứng nhiệt và thủy thấp câu kết mà hao tổn âm dịch, cho nên một mặt dùng nhị linh, Trạch tả, Quế chi, Bạch truật để thông dương hóa khí, lợi thủy, một đằng dùng nhị linh Trạch tả phối A giao Hoạt thạch tư âm thanh nhiệt mà lợi thủy.

2. Thông quan hoàn: (Tư thận hoàn)

Gồm Tri mẫu, Hoàng bá (sao muối), Nhục quế tạo thành.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 12 gam lúc đói với nước chín.

Thuốc này có công năng thanh thấp nhiệt hạ tiêu, giúp bàng quang khí hóa. Do thấp nhiệt kết ở bàng quang bí đái không thông, bụng dưới chướng đầy, niệu đạo rít mà đau. Phương này dùng tri bá thanh thấp nhiệt hạ tiêu, sao muối để dẫn thuốc hạ hành, Nhục quế làm tá để trợ bàng quang khí hóa. *Ngũ linh tán* lấy quế chi hợp nhị linh Trạch tả để đạt mục đích thông dương thẩm thấp mà lợi thủy. Còn phương này lấy Nhục quế hợp tri bá đạt mục đích thông dương giáng hỏa mà lợi thủy. Đúng là biến phương của Ngũ linh. Nếu tiểu tiện bất thông mà lại thương âm, lưỡi đỏ khô, khát muốn uống thì nên tư âm lợi thủy, hoặc tư âm giáng hỏa thì nên dùng *Trư linh thang* hoặc *Tri bá địa hoàng thang*, không nên vì cái tên “Tư thận” mà dùng lầm.

NGŨ BÌ TÁN (hoặc ẨM)

« Trung tạng kinh »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1. Tang bạch bì | 12-16 gam | 4. Đại phúc bì | 8-12 gam |
| 2. Trần bì | 8-12 gam | 5. Phục linh bì | 16-40 gam |
| 3. Sinh khương bì | 4-8 gam | | |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Hành khí, hóa thấp, lợi thủy.

Chủ trị: Phù nề toàn thân, ngực bụng chướng đầy, tiểu tiện xén và chứng phù thũng khi có thai.

Giải bài thuốc: Phương này tính vị bình hòa, là thuốc thông dụng để lợi thủy tiêu thũng. Các vị hợp thành đều có tác dụng lợi thủy, cũng đều có tác dụng hành khí. Ngoài Phục linh bì để thẩm thấp lợi thủy còn Trần bì lý khí hóa thấp, Tang bì, Đại phúc hạ khí lợi thủy, Khương bì tán tán thủy khí đều là thuốc hành khí. Khí hành tắc thủy hành nên mới tiêu được phù nề toàn thân.

Gia giảm: Có phương dùng ngũ gia bì thay Tang bì, Tang bì tính lương để giáng khí nghịch mà lợi thủy, ngũ gia bì tính ôn thông cân mạch mà trừ thấp. Lâm sàng nên tùy cơ ứng biến. Phương này bỏ Tang bì gia Bạch truật tên là *Sinh bạch truật tán*, công năng kiện tỳ lợi thủy, an thai, chữa chứng phù thũng trong thời kỳ thai nghén.

PHÒNG KỸ HOÀNG KỲ THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|-----------|----------------|-------|
| 1. Phòng kỹ | 12 gam | 4. Cam thảo | 4 gam |
| 2. Hoàng kỳ | 12-40 gam | 5. Sinh khương | 3 lát |
| 3. Bạch truật | 8-12 gam | 6. Đại táo | 3 quả |

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ khí kiện tỳ, lợi thủy, tiêu thũng.

Chủ trị: Khí hư toàn thân, phù nề, tiểu tiện ngắn, chất lưỡi nhạt, thấp tý mình mây nặng nề tê dại, ra mồ hôi, sợ gió, mạch nhu tế.

Giải bài thuốc: Phòng kỹ lợi thủy, Hoàng kỳ bổ khí để hóa khí lợi thủy là chủ dược. Bạch truật, Cam thảo kiện tỳ hòa trung - Khương Táo điều hòa vinh vệ, giúp Phòng kỹ tăng tác dụng khí hóa mà hành thủy rất hợp với chứng khí hư mà phù. Do Hoàng kỳ còn có tác dụng khứ phong thấp. Kỳ Truật còn có biểu lại gia khương táo điều vinh vệ nên với chứng thấp tý mình mây tê dại, có mồ hôi sợ gió dùng phương này rất có hiệu quả.

Gia giảm: Lâm sàng thường dùng phương này chữa bệnh thận viên mạn tính, có phù, nên gia thêm *Ngũ linh tán* hoặc *Ngũ bì ẩm* hợp dụng. Khí hư nhiều nên gia đảng hoặc nhân sâm.

THỰC TỶ ẨM

« Tế sinh phương »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|----------|----------------|-----------|
| 1. Bạch truật | 4-12 gam | 7. Phụ tử | 4-12 gam |
| 2. Hậu phác | 4-8 gam | 8. Can khương | 4-8 gam |
| 3. Bình lang | 4-12 gam | 9. Phục linh | 12-16 gam |
| 4. Thảo quả | 8-12 gam | 10. Chích thảo | 4 gam |
| 5. Mộc hương | 4-8 gam | 11. Khương | 3 lát |
| 6. Mộc qua | 8-12 gam | 12. Táo | 3 quả |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn dương, kiện tỳ hành khí, lợi thủy.

Chủ trị: Tỳ dương hư, phù nề, tiểu tiện xén, đại tiện nhão, ngực bụng chướng đầy, chất lưỡi nhạt, rêu mỏng nhớt nhuận, mạch trầm tế.

Giải bài thuốc: Phương này ôn dương kiện tỳ làm chủ nên gọi là *Thực tỳ ẩm*. Dùng Phụ tử, Can khương, Bạch truật, Cam thảo, khương, táo để ôn dương kiện tỳ khứ hàn thấp, là thuốc chủ yếu của phương. Phương này độc đáo lại dùng Hậu phác, Mộc hương, Bình lang, Thảo quả là các vị hành khí để lưu thông khí cơ, cho nên khiến thủy khí phải hạ hành, tiêu được chướng mãn ở ngực bụng, lui được phù nề ở toàn thân.

Gia giảm: Phương này, thuốc hành khí, ôn hàn có nhiều, nhưng thuốc phù chính bổ khí chưa đủ. Tác dụng chủ yếu để chữa hàn thấp tà, thủy thũng bụng nề, hàn thịnh khí trệ. Vì hàn thấp tà khí hay hao tổn tỳ dương vì thế khứ tà tức là phù chính.

Vậy có tên gọi là THỰC TỶ. Nếu có sắc mặt trắng bệch, tinh thần bạc nhược, nên gia sâm, kỳ để bồi bổ chính khí. Lâm sàng hay dùng phương này để chữa bệnh Thận viêm mạn tính có phù nề, và phối hợp với *Ngũ linh tán* để tăng cường tác dụng lợi thủy.

LỤC NHẤT TÁN

« Thương hàn tiêu bản »

Thành phần:

1. Hoạt thạch 6 phần
2. Cam thảo 1 phần

Công dụng: Thường dùng làm thuốc bột, uống với nước ấm. Hiện nay, hay dùng bao vải hoặc lá sen tươi bọc thuốc bột ấy sắc nước mà uống. Liều lượng 12-40 gam.

Công dụng: Cam đàm thâm thấp, lợi thủy, tiêu nhiệt giải thử tà.

Chủ trị: Các loại thấp nhiệt hạ trú ở bàng quang, tiểu tiện xén đỏ, cảm thụ thử thấp, thân nhiệt, tâm phiền, khẩu khát, phúc tả (ỉa chảy đau bụng) v.v...

Giải bài thuốc: Phương này có 6 phần Hoạt thạch, một phần Cam thảo, nên tên gọi LỤC NHẤT. Hoạt thạch vị đạm tính hàn, đàm năng thâm thấp, hàn năng tiêu nhiệt, giải thử, thêm Cam thảo để tăng cường tác dụng và hoãn hòa tính hàn giáng của Hoạt thạch.

Gia giảm: Nếu gia Chu sa gọi là *Ích nguyên tán*, gia Thanh đại gọi là *Bích ngọc tán*, gia Bạc hà gọi là *Kê tô tán*. Các phương này cũng có tác dụng như *Lục nhất*. *Ích nguyên tán* kiêm có sức trấn tâm an thần. *Bích ngọc tán* thanh nhiệt tiết can hỏa, còn *Kê tô tán* tiêu tán được phong nhiệt.

BÁT CHÍNH TÁN

(Phụ: Thạch vi tán)

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|-----------|------------------|-----------|
| 1. Xa tiền tử | 12-20 gam | 5. Hoạt thạch | 16-40 gam |
| 2. Mộc thông | 4-8 gam | 6. Cam thảo | 4-12 gam |
| 3. Cồ mạch | 12 gam | 7. Chi tử | 8-12 gam |
| 4. Biền súc | 12 gam | 8. Chế đại hoàng | 8-12 gam |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột, gia nước sắc Đẳng tâm thảo mà uống. Hiện nay hay dùng dạng thang sắc nước chia làm 3 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Thanh nhiệt tả hỏa, lợi thủy thông lâm.

Chủ trị: Thấp nhiệt hạ trú ở bàng quang, tiểu tiện giở giọt, ngắn đỏ, đau dữ, niệu đạo viêm nóng đau.

Giải bài thuốc: Mộc thông, Xa tiền, Cỏ mạch, Biền súc, Hoạt thạch, Cam thảo là các vị thuốc lợi thủy, làm chủ dược của phương, đồng thời chúng cũng có tác dụng thanh nhiệt. Chỉ tử, Đại hoàng tả hỏa, tiêu thấp nhiệt, phối hợp thành thuốc thanh nhiệt lợi thủy và thông lâm.

Gia giảm: Trong lâm sàng hay dùng để chữa các chứng bệnh viêm đường tiết niệu và có sỏi. Nếu mình nóng mạch sắc, đại tiện bí là thực nhiệt nên dùng Sinh đại hoàng gia thêm Nhất kiến hủ, Bồ công anh, Ngân hoa, để tiêu nhiệt độc. Nếu đại tiện ra máu gia *Tiểu kế ẩm tử*. Nếu có sỏi gia Kim tiền thảo, Thạch vi, Hải kim sa, Kê nội kim...

Phụ phương:

Thạch vị tán:

Gồm có Thạch vi, Cỏ mạch, Xa tiền tử, Mộc thông, Đông quỳ tử, Xích linh, Tang bạch bì, Hoạt thạch, Cam thảo hợp thành.

Đại bộ phận là thuốc lợi thủy thông lâm. Tác dụng thanh nhiệt lại không bằng *Bát chính tán*. Vì vậy chỉ nên dùng để chữa bệnh có sỏi đường tiết niệu (sa lâm và thạch lâm).

Ứng dụng hiện nay hay gia Kim tiền thảo, Hải kim sa, Kê nội kim.

Ở Thượng Hải, có bệnh viện chữa bệnh sỏi thận đã dùng phương thang có các vị như Đối tạo thảo (còn gọi là Quả lộ hoàng, Đại diệp kim tiền thảo) 40 gam, Xa tiền tử 12 gam, Hải kim sa 16 gam, Quảng mộc hương 12 gam, Diên hồ sách 8 gam, Đông quỳ tử 12 gam, Kinh tam lăng 16 gam mỗi ngày uống 1 thang nhất định là khỏi.

ĐẠO NHIỆT TÁN

(Tên cũ: *Đạo xích tán*)

« Tiểu nhi dược chứng trực quyết »

Thành phần:

1. Sinh địa	16-40 gam	3. Cam thảo	8 gam
2. Mộc thông	8-12 gam	4. Trúc diệp	8-12 gam

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột. Hiện nay hay dùng dạng thang sắc nước chia 2 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Thanh tâm hỏa, lợi tiểu tiện.

Chủ trị: Tâm hỏa vượng, tâm phiền không ngủ được, mồm lưỡi sinh mụn có loét, tiểu tiện xén đỏ, đau buốt.

Giải bài thuốc: Sinh địa lương huyết nhiệt, Trúc diệp thanh tâm hỏa, Mộc thông, Cam thảo, thanh nhiệt thông lâm nên có tác dụng dẫn nhiệt đi xuống, trên thì chữa được chứng miệng lưỡi sinh sang có loét, dưới trị được chứng tiểu tiện xén đỏ và đau buốt.

Đây là lối chữa tâm tiểu trường đồng trị. (ND).

Gia giảm: Nên dùng Sinh địa, Trúc diệp tươi càng tốt. Tâm hỏa vượng quá nên gia cầm, Liên kiều, Sơn chi, Ngân hoa. Nếu có đái máu. Nên gia Tiểu kế thảo, Ngẫu tiết, Bồ hoàng, Hoạt thạch, Đương quy, Sơn chi.

TỖ GIẢI PHÂN THANH ẨM

« Đan Khê tâm pháp »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------|--------|-------------------------|----------|
| 1. Tỳ giải | 12 gam | 4. Thạch xương bồ | 4-12 gam |
| 2. Ô dược | 12 gam | 5. Phương gia Phục linh | 12 gam |
| 3. Ích trí nhân | 12 gam | 6. Cam thảo | 4-12 gam |

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn thận hóa khí, phân thanh biệt浊.

Chủ trị: Cao lâm (đái ra chất nhờn), đái nhiều lần, nước tiểu đục.

Giải bài thuốc: Tỳ giải là thuốc lợi thấp, thường chữa đái đục nên làm chủ dược của phương. Nhưng tiểu tiện nhiều lần, chất đục, phần nhiều do thận khí hư nhược không chế ước được tiểu tiện, lại không phân thanh biệt浊 được, nên phối gia các vị thuốc ôn thanh, súc niệu như Ích trí nhân để hóa khí thông lâm, lại gia Xương bồ thông khiếu hóa浊. Phương này trong thông có sáp, lợi thấp mà cố được thận khí, trong sáp có thông tuy chữa chứng đái nhiều mà vẫn phân thanh biệt浊 được. Pháp này thông sáp cũng dùng để chữa thận và bàng quang khí hóa mất bình thường, thấp浊 hạ trú gây ra chứng đái ra mỡ (cao, lâm) vậy.

Gia giảm: Họ Trình lập một phương tác dụng tương tự gọi là *Trình thị tỳ giải phân thanh ẩm*. Dùng Tỳ giải, Hoàng bá, Thạch xương bồ, Phục linh, Bạch truật, Liên tử tâm (tâm sen), Đan sâm, Xa tiền tử. Tuy có đồng dạng và lấy Tỳ giải làm chủ nhưng họ Trình bỏ các vị ôn thận hóa khí như ích trí, Ô dược, lại phối ngũ thêm thuốc thanh lợi thấp nhiệt giáng tâm hỏa và lương huyết, nên so với phương trên có ý nghĩa khác nhau, cũng chữa được chứng thấp nhiệt hạ trú bàng quang, tiểu tiện đục, xén, đỏ.

KẾT LUẬN

Chương này lựa chọn những phương tể hóa thấp lợi thủy thường ứng dụng trên lâm sàng. Đại khái có thể chia làm 4 loại như sau:

1. Phương hương hóa thấp

Hai phương “*Hoắc hương chính khí tán*” và “*Tam nhân thang*” đều lấy các vị phương hương hóa thấp làm chủ dược, và phối ngũ với các vị thuốc kiện tỳ táo thấp và đậm thấm lợi thủy. Chỗ khác nhau của 2 phương này là: *Hoắc hương chính khí* có kèm giải biểu, *Tam nhân thang* tuyên thông khí phận lâm cho thấp tà phải theo hai đường thượng hạ mà tiêu đi.

2. Táo thấp kiện tỳ

Phương *Bình vị tán* làm đại biểu. Phàm các loại thuốc táo thấp kiện tỳ đều lấy phương này làm cơ sở.

3. Thảm thấp lợi thủy

Ngũ linh tán, *Ngũ bì ẩm*, *Phòng kỷ hoàng kỳ thang*, *Thực tỳ ẩm* và *Lục nhất tán* có chung đặc điểm là: đều có công năng thảm thấp và lợi thủy. Nhưng chỗ khác nhau giữa chúng là: *Ngũ linh tán* lấy tác dụng thông dương, *Ngũ bì ẩm* lấy tác dụng hành khí, *Phòng kỷ Hoàng kỳ thang* lấy tác dụng bổ khí, *Thực tỳ ẩm* lấy tác dụng ôn dương hành khí. *Lục nhất tán* lấy tác dụng thanh nhiệt. Cho nên ta phải căn cứ bệnh tình dùng thuốc cho đúng.

4. Thanh nhiệt thông lâm

Lục nhất tán, *Bát chính tán*, *Đạo nhiệt tán* dùng điều trị chứng bàng quang thấp nhiệt: Đái nhiều lần, đái gập, đái đau, đái đỏ. Trên lâm sàng hay dùng phương *Lục nhất gia vị*, phương *Bát chính tán*, và

các phụ phương đều có tác dụng tiêu sôi trong đường tiết niệu. *Đạo nhiệt tán* có tác dụng Thanh tâm hỏa. Bệnh tình trong lâm sàng thì thiên biến vạn hóa cho nên ta thường hợp dụng hoặc gia giảm để có thể biến phương. Ví dụ: Ngũ linh hợp Bình vị gọi là *Vị linh thang* là phương trị thấp tả, nên gia Nhân trần là *Nhân trần ngũ linh tán* là thuốc thoái hoàng lợi thủy. Bỏ quế gọi là *Tứ linh thang* để biến tác dụng thông dương lợi thủy, sang thuốc trầm thấp lợi thủy đơn thuần. Bỏ quế, truật gia giao, thạch là *Trư linh thang* là biến tác dụng thông dương lợi thủy thành tán dụng tư âm lợi thủy. Còn như phương *Tỳ giải phân thanh ẩm* là pháp thông sáp cùng dùng để chữa chứng đái đục. Nhưng *Tỳ giải phân thanh ẩm* của họ Trình bỏ vị ôn thận (Ích trí, Ô dược) gia thuốc thanh lợi thấp nhiệt như Hoàng bá, Xa tiền để biến thành phương tể thanh nhiệt, thông lâm.

Chương 16

THUỐC KHU PHONG THẤP

Phương thuốc khu phong có công năng khu phong thấp, thông kinh lạc, giải nhiệt, trấn thống ứng dụng chữa các chứng đau ngoài, tê dại khó cử động, nặng nữa thì các khớp xương to, biến dạng, co duỗi khó khăn. Chứng này thường ở khớp cơ thể, cơ nhục và nhất là các khớp v.v... ta thường gọi là bệnh tý hoặc nói nôm na là tê thấp, phong thấp hoặc bệnh thấp khớp (Rhumatisme) (ND).

Bệnh tý sinh ra, một mặt do ngoại tà xâm nhập, một mặt khác do chính khí hư nhược dẫn đến tam tà khí; phong, hàn thấp thừa hư xâm phạm vào khắp cơ nhục, kinh lạc, khớp đốt v.v... khí huyết không tuyên thông được mà sinh ra. Vì thế khi lập phương tể khu phong thấp, ngoài các vị thuốc khu phong tán hàn, trừ thấp còn phải kiêm dùng các vị thuốc dưỡng huyết, hoạt huyết thông dương, lý khí cho khí bổ ích can thận. Nếu có hiệp nhiệt, còn phải gia thuốc thanh nhiệt. Bệnh lâu, tà đã vào lạc mạch gọi là ngoan tý dai dẳng khó khỏi, còn phải phối hợp các vị thuốc có trùng để sưu tà thông lạc.

TANG CHI HỒ TRƯỢNG THANG

(Phụ: Hy đồng hoàn)

« Nghiệm phương »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------------------------|--------|--------------------|--------|
| 1. Tang chi | 40 gam | 3. Kim tước căn | 40 gam |
| (dùng tươi càng tốt, có thể 80 gam) | | 4. Xú ngô đồng căn | 40 gam |
| 2. Hồ trượng căn | 20 gam | 5. Hồng táo | 10 quả |

Cách dùng: Ngày một thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Khu phong thấp, thông kinh lạc, chỉ thống.

Chủ trị: Đau do phong thấp, chân tay tê dại.

Giải bài thuốc: Phương này là nghiệm phương ở Thượng Hải hay dùng chữa phong thấp. Bốn vị đầu có công năng khu phong thấp, thông kinh lạc. Dùng lượng nhiều là để giảm đau ngay, kim tước căn có công hiệu cường tráng. Hồng táo để dưỡng huyết và bổ chính khí trị các chứng đau do phong thấp.

Phụ phương:

Hy đồng hoàn:

Gồm Hy thiêm thảo, Xú ngô đồng diệp chế thành thuốc viên.

Dùng chữa chứng phong thấp loại nhẹ có hiệu quả ngay. Mỗi lần uống 4-8 gam với nước chín, ngày 3 lần. Ở Thượng Hải cải chế thành viên dẹt (phiên) gọi là “*Phong thấp hy đồng phiến*”.

ƯỚC TÝ THANG

« Y học tâm ngộ »

Thành phần:

- | | | | |
|----------------|----------|-------------------|----------|
| 1. Khương hoạt | 12 gam | 7. Chích thảo | 6 gam |
| 2. Độc hoạt | 12 gam | 8. Hải phong đằng | 40 gam |
| 3. Quế chi | 8-12 gam | 9. Tang chi | 40 gam |
| 4. Tần giao | 12 gam | 10. Nhũ hương | 4-8 gam |
| 5. Đương quy | 12 gam | 11. Mộc hương | 6-12 gam |
| 6. Xuyên khung | 8-12 gam | | |

Cách dùng: Ngày một thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Khư phong thấp, trừ bệnh tý.

Chủ trị: Phong hàn thấp tý, tay chân, mình, khớp xương đau nhức hoặc tê nặng, gập nóng thì giảm đau, gập ngày mưa ngày rét thì nặng, có phù cục bộ và phát nhiệt.

Giải bài thuốc: Phương này chữa phong hàn thấp tý, có đặc điểm là tập trung dùng thuốc khư phong như Độc hoạt, Quế chi, Tần giao, Hải phong đẳng, Tang chi, phụ tá thêm có Đương quy, Xuyên khung Mộc hương, Nhũ hương để lý khí hoạt huyết, chỉ thống. Cam thảo điều hòa chư dược. Phương này khư tà làm chủ, dưỡng huyết hoạt huyết để chữa bệnh tý mới mắc.

Gia giảm: Thiên về phong gia Phòng phong (chữa chứng tý đau tẩu, không nhất định) thiên về hàn đau dữ không co duỗi được) gia chế Phụ tử, Thiên về thấp, chi, thể, các khớp nặng nề đau có chỗ nhất định, thịt da tê, gia Phòng kỷ, Thương truật, Dĩ nhân. Đau chi trên gia Uy linh tiên, đau chi dưới gia Ngưu tất, Tục đoạn.

ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG

(Phụ: Tam tý thang)

« Thiên kim phương »

Thành phần:

1. Độc hoạt	12 gam	9. Địa hoàng	16-24 gam
2. Tang ký sinh	16-40 gam	(Sinh hoặc Thục)	
3. Tần giao	12 gam	10. Đỗ trọng	12 gam
4. Phòng phong	12 gam	11. Ngưu tất	12 gam
5. Tế tân	4-8 gam	12. Nhân sâm	12 gam
6. Đương quy	12 gam	(hoặc Đảng sâm)	
7. Thục dược	12 gam	13. Phục linh	12 gam
(Bạch hay Xích)		14. Chích thảo	4 gam
8. Xuyên khung	8-12 gam	15. Quế tâm	4 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Khư phong thấp, bổ khí huyết, ích can thận, chỉ tý thống.

Chủ trị: Phong hàn thấp tý, khớp đau nhức, lưng đau mỏi.

Giải bài thuốc: Đây là phương tễ trị chung các chứng phong hàn thấp tý gồm hai loại vị thuốc:

1. Lấy khư tà làm chủ:

Độc hoạt, Tế tân, Phòng phong, Tần giao, để khư phong thấp, giảm đau.

2. Lấy phù chính làm chủ:

Nhân sâm, Phục linh, Cam thảo, Địa hoàng, Thục dược, Đương quy, Xuyên khung. Tức là: *Bát trân thang* bỏ Bạch truật, có công năng song bổ khí huyết, trong đó phần Tứ vật có tác dụng hoạt huyết (trị phong tiên trị huyết, huyết hành phong tự diệt), lại gia Ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất để bổ can thận mạnh eo lưng, đầu gối, mạnh gân xương. Vì thế phương này có thể chữa thấp khớp thể hư rất là công hiệu.

Gia giảm: Nếu thiên hàn, tăng ôn dược, còn gia chế Phụ tử, thiên nhiệt nên tăng Tần giao, Địa hoàng, Xích thục. Tỳ hư thấp nặng, ỉa nhão, bỏ Địa hoàng gia Thương truật, ứ huyết gia Đào nhân, Hồng hoa.

Phụ phương:

Tam tý thang: Tức là bản phương bỏ Ký sinh, gia Hoàng kỳ, Tục đoạn, tức là lấy bài Thập toàn đại bổ làm cơ sở và gia thuốc bổ can thận, khư phong thấp mà hợp thành. Cách trị cũng như phương trên, nhưng có Hoàng kỳ thì tác dụng bổ hư càng mạnh.

QUẾ CHI THUỘC DƯỢC TRI MẪU THANG

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Quế chi	8-12 gam	6. Tri mẫu	12 gam
2. Thuộc dược	12 gam	7. Phòng phong	12 gam
3. Chích thảo	8 gam	8. Chế Phụ tử	8-12 gam
4. Ma hoàng	8 gam	9. Sinh khương	5 lát
5. Bạch truật	12 gam		

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống. Gần đây người ta dùng phương trên bỏ Sinh khương đem tán bột, rồi uống với nước gừng ngày 2 lần. Sáng và tối. Người lớn mỗi lần 12 gam. Một liều là một tuần lễ.

Công dụng: Khư phong thấp, thanh nhiệt, chỉ thống.

Chủ trị: Phong hàn thấp tý phát táo, cơ thể và tứ chi đốt khớp đau nhức, sưng, lại có nóng. Toàn thân không phát sốt rõ rệt.

Giải bài thuốc: Toàn phương dùng chữa phong hàn thấp tý nhưng phát táo (bệnh tiến triển) có triệu chứng nhiệt do uất sinh. Quế chi ôn thông huyết mạch, Ma hoàng, Phòng phong, Phụ tử, Bạch truật để khư phong, tán hàn, trừ thấp; Tri mẫu thanh nhiệt. Trong phương đã có quế phụ ôn thông dương khí, lại có Thuộc dược, Tri mẫu bảo hộ âm dịch. Hàn dược và nhiệt dược, âm dược và dương dược cùng dùng, đồng thời còn gia Cam thảo để điều hòa chúng.

Gia giảm: Đốt khớp đau nhiều không co duỗi được, hễ có nóng thì giảm đau, phải tăng thêm Phụ tử, ma quế. Thân thể nặng nề, đốt khớp sưng to, tê, ngày đêm mất bệnh tăng nên tăng truật phụ. Nơi đau có ghé nhiệt, ngày nhẹ đêm nặng nên tăng Thuộc dược, Tri mẫu, Cam thảo, Sinh khương, Nhãn đồng đẳng.

GIA GIẢM THƯƠNG TRUẬT THẠCH CAO TRI MẪU THANG

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Khương hoạt	12 gam	6. Thạch cao	40 gam
2. Độc hoạt	12 gam	7. Tri mẫu	12 gam
3. Áp cước chảo (cỏ chân vịt)	40 gam	8. Phòng kỷ	12 gam
4. Xích thực	12-40 gam	9. Tây hà liễu	20 gam
5. Thương truật	12-20 gam	10. Sinh cam thảo	12 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Khư phong thấp, thanh nhiệt.

Chủ trị: Nhiệt tý, khớp sưng nóng đỏ đau., toàn thân phát sốt, miệng khát lưỡi đỏ rêu nhớt mạch sắc.

Giải bài thuốc: Phương này lấy cơ sở làm bài *Thương truật thạch cao tri mẫu thang* (Tên cũ là: *Thương truật bạch hổ thang* gồm Thương truật, Thạch cao, Tri mẫu, Ngạnh mẽ, Cam thảo) để hóa thấp, thanh nhiệt. Lại gia khương, Độc hoạt, Tây hà liễu, Phòng kỷ để khư phong thấp. Xích thực lương huyết. Áp cước thảo để thanh nhiệt để chữa chứng phong hàn thấp tà đã hóa nhiệt gọi là Nhiệt tý rất có hiệu quả.

Gia giảm: Sốt cao gia Ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, thanh nhiệt giải độc. Sốt cao mồ hôi nhiều có chứng chính khí hư nhược gia Đảng sâm (hoặc Hải nhi sâm), Quy, Thục để bổ khí dưỡng huyết.

Ô ĐÀU THANG

« Kim quĩ yếu lược »

Thành phần:

1. Ma hoàng	8-12 gam	4. Cam thảo	12 gam
2. Bạch thực	12 gam	5. Chế Xuyên ô	12-20 gam (phải chế kỹ vì rất độc)
3. Hoàng kỳ	12-20 gam	6. Mật ong	80 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc uống chia 2 lần...

Công dụng: Ôn dương tán hàn, bổ khí huyết, trấn thống.

Chủ trị: Thống tý thân thể và khớp đau kịch liệt không thể co duỗi.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Ô đầu ôn dương làm chủ dược phụ với Ma hoàng tán hàn giảm đau có hiệu quả, dùng chữa các chứng tý thiên về hàn. Nhưng khi dùng các vị Xuyên ô, Thảo ô, Phụ tử để trị thống tý thường phải dùng thuốc bổ khí dưỡng huyết làm phụ trợ, không những là chế bớt tính tân tán của ô, phụ mà còn làm sung túc khí huyết về sau, có tác dụng khiến được Ô phụ phân phát ôn thông, cho nên phát huy hiệu quả giảm đau rõ rệt. Đối với bệnh nhân thể yếu nên chú ý đặc điểm này. Bản phương dùng Hoàng kỳ bổ khí, Bạch thực dưỡng huyết xuất phát từ lý ấy. Hai vị: Mật ong, Cam thảo không những có tác dụng trị phong thấp tý thống mà còn hòa hoãn độc tính của Ô đầu. Ô đầu nên sắc kỹ trước nửa giờ đến 1 giờ để giảm bớt tác dụng phụ và và độc tính của nó.

THÂN THỐNG TRỤC Ứ THANG

(Phụ: Đại, tiểu hoạt lạc đan)

« Y lâm cải thác »

Thành phần:

1. Đào nhân	12 gam	7. Chính Địa long	6 gam
2. Hồng hoa	12 gam	8. Tần giao	12 gam
3. Đương quy	12 gam	9. Khương hoạt	12 gam
4. Chích thảo	4 gam	10. Nhũ hương	6-12 gam
5. Ngũ linh chi	12 gam	11. Ngu tư tất	12 gam
6. Chế hương phụ	12 gam		

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết khái ứ thông kinh lạc, chỉ tý thống.

Chủ trị: Bệnh lý lâu ngày không khỏi, ấn vào thì đau dữ, da xuất hiện môi lưỡi có gân xanh, tía hoặc tử ban (nốt xuất huyết).

Giải bài thuốc: Phương này dùng Đào hồng Đương quy hoạt huyết hóa ứ. Ngũ linh chi, Địa long, khứ ứ thông lạc, Xuyên khung, Một dược hoạt huyết giảm đau; Khương hoạt, Tần giao trừ phong thấp của toàn thân; Hương phụ lý khí chỉ thống, Ngu tư tất cường tráng gân xương, Cam thảo điều hòa chư dược, phối ngũ thành phương, có công năng tuyên thông khí huyết các chứng đau lâu, tà vào lạc mạch.

Gia giảm: Đau dữ gia Toàn yết hoặc Ngô công (bằng lượng Địa long), đau tại eo lưng và đùi gia Ô tiêu xà (rán cạo nong, liều bằng Địa long) đau ở phần trên bỏ Ngu tư tất gia Uy linh tiên. Có hàn chứng bỏ Tần giao gia Chế Xuyên ô.

Phụ phương:

1. Tiểu hoạt lạc đan:

Thuốc chế sẵn gồm Xuyên ô, Thảo ô, Địa long, Nam tinh, Nhũ hương, Một dược lập thành chế thành viên.

Mỗi viên 4 gam uống trước bữa ăn, với nước nóng hay chiêu với rượu. Mỗi lần 1 viên, ngày dùng 2 lần. Công dụng cũng như phương cơ bản.

2. Đại hoạt lạc đan:

Là “*Tiểu hoạt lạc đan*” gia thêm hơn 40 vị thuốc khu phong, hoạt huyết, tán hàn, thanh nhiệt và phù chính, mà lập phương. Chủ trị như phương trên. Mỗi lần 1 viên, ngày 1-2 lần vì trong thuốc có Xạ hương nên không dùng thường xuyên được.

TRƯỚC TÝ NGHIỆM PHƯƠNG

« Xích cước y sinh thủ sách »

Thành phần:

1. Ngô công nướng	2 gam	8. Đao cốt phong	12 gam
2. Chích toàn yết	1-2 gam	9. Thân cân thảo	12 gam
3. Chích khương lang	4-8 gam	10. Chiêm địa phong	12 gam
4. Chích trâm xà (hoặc Ô tiên xà)	6 gam	11. Chích thảo	6 gam
5. Chích Địa miết trùng	6 gam	12. Lộc hoạt thảo (xương xông)	12 gam
6. Chích phong phòng (tổ ong)	8 gam	13. Toàn Đương quy	12 gam
7. Hồ cốt nướng	8 gam	14. Lão hạc thảo	80 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống, hoặc chế thành viên mỗi lần 4-6 gam, ngày 1-3 lần.

Công dụng: Suu tà thông lạc, hoạt huyết khứ ứ, mạnh gân xương, chỉ tý thống.

Chủ trị: Bệnh trước tý (thấp bám dai), khớp sưng đau tiến triển, chữa lâu không khỏi, khớp đã biến dạng, cứng khớp không co duỗi được.

Giải bài thuốc: Đặc điểm của phương này là dùng các thuốc loại trùng: Ngô công, Toàn yết, Khương lang, Trâm xà, Địa miết trùng, Phong phòng để suu tà thông lạc mà chỉ thống, hay hơn bài *Thân thống trực ứ thang*, Lại phụ tá thêm các vị đao cốt phong, Thân cân thảo, chiêm địa phong, lộc hoạt thảo, lão hạc thảo, hồ cốt... Để khu trừ phong thấp mạnh gân xương, Đương quy hoạt huyết dưỡng huyết. Cam thảo điều hòa chư dược. Phương này chữa được trước tý, ngoạn tý (thấp dai dẳng) các khớp đau dữ dội, không co duỗi được nhất định là phải khỏi.

Gia giảm: Phương này có thể thay hồ cốt bằng báo cốt; bệnh lâu vào thận, thận chủ cốt, nếu đã hiện ra chứng các khớp dị dạng, cứng khớp thì nên dùng Tiên ma, Dâm dương hoắc, Phụ tử, Lộc giác, Thục địa, Quy bản, Tử hà xa, để ôn bổ thận dương và gia thêm các vị cố tinh.

KẾT LUẬN

Chương này chọn dùng 8 phương khu phong thấp: *Tang chi hồ trượng thang*, *Trước tý thang*, *Độc hoạt ký sinh thang*, *Hy đồng hoàn*, *Tam tý thang*, thông dụng chữa phong hàn thấp tý hiệp nhiệt. *Gia giảm thương truyệt thạch cao tri mẫu thang* chữa nhiệt tý, *Ô đầu thang* chữa thông tý. *Thân thống trực ứ thang*, *Trước tý nghiệm phương* và *Đại tiểu hoạt lạc đan* chữa các chứng tý lâu ngày nhập lạc.

Về hai phương diện khu tà và phù chính mà phân biệt cho rõ, thì các phương này đa số là khu tà phù chính kiêm dụng, đặc biệt các loại khu tà ở đây là “Tuần mãnh chi dược” (thuốc cực kỳ mạnh) nên phải phối hợp nhiều các vị thuốc phù chính để ích khí dưỡng huyết. Nếu thuốc khu tà có dược tính hòa hoãn, thì có thể không cần dùng thuốc phù chính để phối ngũ, như ở các bài *Tang chi hồ trượng thang*, *Hy đồng hoàn*. *Gia giảm thương truyệt thạch cao tri mẫu thang* là loại phương chỉ chuyên khu tà.

Phụ: THUỐC CHẾ SẴN

1. MỘC QUẢ TỬU

(Rượu thuốc mộc qua)

Thành phần:

- | | | |
|--------------------|------------------|------------------|
| 1. Hồng hoa | 6. Xuyên ngư tất | 11. Đương quy |
| 2. Thiên niên kiện | 7. Khương hoạt | 12. Mộc qua |
| 3. Xuyên khung | 8. Độc hoạt | 13. Ngọc trúc |
| 4. Tang ký sinh | 9. Trần bì | 14. Sinh sơn chi |
| 5. Tần giao | 10. Ngũ gia bì | |

Các vị chế thành rượu thuốc (nếu thêm cao hổ cốt gọi là *Hổ cốt mộc quả tửu*).

Cách dùng: Mỗi lần 20-40 gam, ngày 2-3 lần.

Công dụng: Khư hàn thấp, chỉ thống.

Chủ trị: Phong thấp cốt thống, eo lưng đau gối đau mỏi.

2. PHONG THẤP CỐT THÔNG DƯỢC

(Rượu thuốc)

Thành phần:

- | | |
|-------------------|------------------|
| 1. Lai hạc thảo | 3. Tang chi |
| 2. Đinh công đằng | 4. Hy thiêm thảo |

Các vị chế thành rượu thuốc.

Cách dùng: Mỗi lần 1 thìa súp - ngày 3 lần.

Công dụng: Khư phong thấp.

Chủ trị: Phong thấp cốt thống, tay chân tê dại.

Chương 17

TRỊ NGƯỢC TỄ

Lập phương thuốc trị sốt rét có thể chia làm 2 loại:

1. Trực tiếp tài ngược: (Cắt cơn sốt rét).
2. Dùng thuốc bổ khí huyết để tăng cường thể chất để ngăn ngừa sốt rét tái phát.

Loại trên lấy khur ta làm chủ, dùng chữa các chứng thực. Loại dưới lấy phù chính làm chủ để chữa các chứng hư, các loại sốt rét lâu ngày không khỏi. Dùng thuốc trị sốt rét, nên uống trước khi cơn sốt phát ra 3 giờ.

TÀI NGƯỢC THẤT BẢO ẤM

« Dương Thị gia tàng phương »

Thành phần:

1. Thường sơn	8-16 gam	5. Thanh bì	6-12 gam
2. Thảo quả	8-12 gam	6. Trần bì	6-12 gam
3. Hậu phác	4-12 gam	7. Cam thảo	4 gam
4. Bình lang	4-12 gam		

Cách dùng: Sắc nước, sau khi được thuốc cho thêm 1 chén rượu hòa vào uống trước cơn sốt 3 giờ.

Công dụng: Tài ngược (cắt sốt rét).

Chủ trị: Các loại bệnh sốt rét khác nhau, bất kỳ hàn nhiệt nhiều ít đều dùng được. Nếu rêu lưỡi dày nhớt, đàm thấp nhiều cũng dùng được.

Giải bài thuốc: Đây là phương tễ tiêu biểu để cắt cơn sốt rét. Thường sơn, Thảo quả, Bình lang đều có công năng khứ đàm, cắt cơn sốt. Tác dụng chống sốt rét của Thường sơn đã được xác định trên thực tiễn lâm sàng. Thường sơn là chủ dược của phương thuốc cắt cơn, nhưng Thường sơn rất dễ gây nôn, nên cần phối hợp với Hậu phác Thanh bì, Trần bì, Cam thảo để kiện tỳ táo thấp, lý khí hòa trung mới có thể hòa hoãn vị tràng khi cơn sốt phát ra; lại còn giảm được tác dụng phụ của thuốc chống sốt rét. Các phương cắt cơn thường hay dùng với rượu. Cổ nhân cho rằng rượu hay ôn thông khí huyết, làm chóng phát huy tác dụng của thuốc. Có lợi cho sự ngăn cơn sốt phát ra. Theo thí nghiệm dược lý hiện nay, rượu dễ hòa tan các chất chống sốt rét của các vị thuốc, mạnh hơn là dùng nước làm dung môi để hòa tan (chiết xuất).

Gia giảm: Nếu nôn nhiều gia Bán hạ, Sinh khương, sốt cao gia Hoàng cầm, lưỡi đỏ rêu mỏng bỏ Hậu phác.

THƯỜNG SƠN ẤM

Thành phần:

1. Thường sơn	8-16 gam	5. Bối mẫu	12 gam
2. Thảo quả	8-12 gam	6. Ô mai	12 gam
3. Bình lang	4-12 gam	7. Gừng nướng	3 lát
4. Tri mẫu	12 gam	8. Đại táo	3 quả

Cách dùng: Sắc thuốc với nước, đun sôi cho 1 chén rượu tốt, uống trước cơn sốt 3 giờ.

Công dụng: Cắt cơn sốt..

Chủ trị: Sốt rét tái phát lâu không khỏi, sốt cao, lưỡi khô, miệng khát.

Giải bài thuốc: Phương này tập trung rất nhiều vị thuốc cắt cơn: Thường sơn, Thảo quả, Bình lang, Tri mẫu, Ô mai, Bối mẫu. Cổ nhân phân tích công năng cắt cơn của các vị thuốc có khác nhau. Thường sơn, Thảo quả, Bình lang là thuốc thường dùng để cắt cơn, Tri mẫu thanh nhiệt, sinh tân chữa chứng “Đan ngược” có sốt không rét hoặc sốt nhiều rét ít, dùng cho bệnh nhân có nhiệt độ cao, tân hao, miệng khát rất thích hợp, Ô mai thu liễm dùng chữa sốt rét lâu không dứt. Cổ nhân còn cho rằng bệnh sốt rét đa số có đờm diên kết tụ có câu “Vô đàm bất tác ngược” (không có đàm thì không thành cơn sốt rét). Thường sơn sở dĩ cắt được cơn là nhờ có công năng khử đàm, phương này lại dùng Bối mẫu trừ đàm tán kết để phụ trợ cho Thường sơn. Khương tảo hòa vị, điều hòa vinh vệ để giảm tác dụng phụ của thuốc cắt cơn, dự phòng không để hư đến chính khí. Cho nên người hư nhược không nên dùng phương này.

THANH TỶ ẤM

« Tễ sinh phương »

Thành phần:

1. Thanh bì	6-12 gam	6. Bán hạ	8-12 gam
2. Hậu phác	4-12 gam	7. Phục linh	12-16 gam
3. Thảo quả	8-12 gam	8. Cam thảo	4 gam
4. Bạch truật	4-12 gam	9. Sinh khương	3 lát
5. Sài hồ	4-12 gam		

Cách dùng: Sắc với nước uống trước cơn 3 giờ.

Công dụng: Hòa giải thiếu dương, thanh nhiệt hóa thấp, cắt cơn sốt rét.

Chủ trị: Chữa các loại sốt rét lên cơn có giờ nhất định, biểu hiện nóng nhiều rét ít, ngực đầy, nôn ọe, miệng đắng, tâm phiền, mạch huyền hoạt, rêu lưỡi vàng nhớt, các chứng thấp nhiệt.

Giải bài thuốc: Đây là phương *Tiểu Sài hồ thang* bỏ Nhân sâm, Đại táo, gia Thanh bì, Thảo quả, Hậu phác, Bạch truật, Phục linh mà hợp thành. Vì sốt rét có hàn nhiệt vãng lai, nên biến chứng thuộc về phạm vi thiếu dương bệnh. Cổ nhân nói: Ngược tật bất ly thiếu dương. Cho nên phương này lấy *Tiểu sài hồ thang* làm cơ sở để hòa giải thiếu dương mà cắt được cơn sốt. Theo báo cáo thực nghiệm của dược lý cận đại thì vị Sài hồ có tác dụng chống sốt rét, nên lâm sàng dùng nó thường là để giảm nhẹ chứng nóng rét qua lại. Còn đối với ký sinh trùng sốt rét (*Plasmo di um falciparum vivax...*) có tác dụng hay không thì chưa rõ ràng lắm.

Lại nhân các chứng kể trên là có biểu hiện của thấp trở khí trệ nên bỏ sâm, táo trong phương Tiểu sài, gia Thanh bì lý khí; Bạch truật, Phục linh, Hậu phác để kiện tỳ hóa thấp.

Gia giảm: Trên lâm sàng còn gia Thường sơn để tăng cường công năng cắt cơn, nếu nhiệt nhiều thấp ít, thì bỏ Hậu phác gia Tri mẫu, tiểu tiện xén đỏ thì bỏ Cam thảo dùng lục nhất lợi thấp nhiệt.

ĐẠT NGHUYÊN ẤM

« Ôn dịch luận »

Thành phần:

1. Bình lang	4-12 gam	(Bạch hay Xích đều được)	
2. Hậu phác	4-12 gam	5. Tri mẫu	8-12 gam
3. Thảo quả	8-12 gam	6. Hoàng cầm	8-16 gam
4. Thược dược	8-12 gam	7. Cam thảo	4 gam

Cách dùng: Sắc nước uống trước cơn 3 giờ.

Công dụng: Giải trọc khí, khai đạt thấp nhiệt, cắt cơn sốt rét.

Chủ trị: Bệnh sốt rét (loại lưu hành có dịch), bệnh chướng ngược (sốt rét ở miền núi). Các loại phát cơn không có giờ nhất định, sốt cao, ngực đầy, phiền táo, miệng khát, chát lưỡi đỏ, rêu trắng dày, trạ hồ như tích phân.

Giải bài thuốc: Chứng trạng đặc điểm để dùng phương này là chất lưỡi đỏ, mà rêu trắng dày, như tích phấn. Đó là chứng “thấp bức nhiệt phục” nên dùng Bình lang, Hậu phác, Thảo quả. Ba vị này khí vị tân liệt, năng sát trùng, phá kết, táo thấp, giải trọc khí (chất vẩn đục) nên cắt được cơn sốt, trừ được chương khí. Vì sốt cao thương tân, có chứng lưỡi đỏ miệng khô nên cho Hoàng cầm, Tri mẫu, Thược dược để thanh nhiệt bảo tân (bảo vệ chất nước) phụ trợ lương huyết hòa huyết. Cam thảo điều hòa chừ dược. Phương này thuốc đơn giản mà có sức lớn, chủ trị được các loại sốt rét nặng và các chứng nhiệt tính (thời bệnh) chứng thấp bức nhiệt phục rất là hiệu nghiệm.

Gia giảm: Phương này dùng cắt cơn sốt rét, có thể gia Thường sơn hoặc Sài hồ. Nếu có biểu chứng đầu đau, sợ lạnh gia thuốc giải biểu như Khương hoạt, Phòng phong. Nếu có bệnh thời khí (truyền nhiễm) nhiệt thành gia Ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc.

HÀ NHÂN ÂM

« Cảnh nhạc toàn thư »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------------------|-----------|---------------|-------|
| 1. Hà thủ ô | 12-40 gam | 4. Trần bì | 8 gam |
| 2. Đương quy | 8-12 gam | 5. Gừng nướng | 3 lát |
| 3. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) | 12-20 gam | | |

Cách dùng: Sắc với nước, uống trước con 3 giờ.

Công dụng: Bổ khí huyết, trị sốt rét.

Chủ trị: Sốt rét tái phát không khỏi, rét nhiều, nóng ít, tinh thần mỏi mệt, sắc mặt vàng tối, dùng các bài thuốc cắt cơn ít hiệu nghiệm.

Giải bài thuốc: Đây là thuốc đại bổ khí huyết, Hà thủ ô bổ can thận, âm huyết, dưỡng âm mà không gây thấp, làm chủ dược. (Sốt rét lâu ngày tất phải dùng Hà thủ ô mới cắt được sốt rét. So với các vị bổ dược khác, có khác nhau, còn đang được nghiên cứu). Nhân sâm bổ khí, Đương quy bổ huyết là thuốc phụ trợ chính, Trần bì lý khí giúp cho thuốc bổ vận hành, Ôi khương ôn trung khư hàn là thuốc phụ trợ thứ. Phương này đơn giản mà sức bổ hùng hậu, trị sốt rét rất hay.

Gia giảm: Có thể gia Thường sơn, Thảo quả lượng ít. Nếu hạ sườn bên trái có bã khối thì gia Miết giáp, cá biệt có một loại sốt rét lâu gọi là “Tam âm ngược” (cách 2 ngày mới có một cơn) thì nên dùng nghiệm phương sau đây để chữa. Hà thủ ô 32 gam, Sinh địa 16 gam, Sinh hoạt kỳ 16 gam. Bội lan 16 gam sắc nước, uống trước cơn sốt. Ba lần là 1 liều. Ý nghĩa phương này như *Hà nhân âm*.

MIẾT GIÁP TIỄN HOÀN

(Phụ: *A ngày hóa bĩ tán*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|----------------------|--------|--------------------|--------|
| 1. Miết giáp | 48 gam | 13. Mẫu đơn bì | 20 gam |
| 2. Xạ can | 12 gam | 14. Cỏ mạch | 8 gam |
| 3. Hoàng cầm | 12 gam | 15. Tử uy | 12 gam |
| 4. Sài hồ | 24 gam | 16. Bán hạ | 4 gam |
| 5. Thử phụ (địa sắt) | 12 gam | 17. Nhân sâm | 4 gam |
| 6. Can khương | 12 gam | 18. Địa miết trùng | 20 gam |
| 7. Đại hoàng | 12 gam | 19. A giao | 12 gam |
| 8. Xích thược | 20 gam | 20. Phong phòng | 16 gam |
| 9. Quế chi | 12 gam | (tổ ong) | |
| 10. Đinh lịch tử | 4 gam | 21. Xích tiêu | 4 gam |
| 11. Thạch vi | 12 gam | 22. Phương lang | 24 gam |
| 12. Hậu phác | 12 gam | 23. Đào nhân | 8 gam |

Cách dùng: Các vị nghiền thành bột, lấy một ít đất lòng bếp lẫn tro đang nóng đổ rượu vào để tro hút rượu độ nửa giờ, rồi nướng Miết giáp vào đó. Xong đem hòa với thuốc làm hoàn. Mỗi ngày 3 lần. Mỗi lần 4 gam nuốt, hoặc dùng 20 gam thuốc ấy sắc uống.

Công dụng: Hoạt huyết thông lạc, tiêu bĩ khối.

Chủ trị: Sốt rét lâu ngày không khỏi, hạ sườn trái bĩ ngạnh thành “ngược mẩu” (báng) là do sốt rét làm cho lá lách sưng to.

Giải bài thuốc: Sốt rét phối dùng đến phương này là loại sốt rét lâu ngày không khỏi, tà khí hàn nhiệt đàm thấp và khí huyết tương bác (chống chọi nhau), dẫn đến kết thành trung hà (hòn cục). Kiên thì làm cho nhuyễn, kết thì làm cho hành. Cho nên dùng miết giáp nhuyễn kiên, tán kết, để công khối trung hà hàn nhiệt, làm chủ được. Đại hoàng, Xích thực, Địa miết trùng, Đào nhân, Xích tiêu, Đan bì, Thử phụ, Tử uy, Phong phòng, Khương lang để phá huyết công ú và suu tà thông lạc là các vị phụ trợ chủ yếu. Lại dùng Hậu phác, Bán hạ, Đinh lịch, Xạ can, Thạch vi, Cỏ mạch để hạ khí hóa đàm, lợi thủy, dẫn được hàn thấp đi xuống dưới. Lại dùng Quế chi, Can khương tán hàn; Sài hồ, Hoàng cầm thanh nhiệt phân biệt trừ chứng nóng rét của bệnh; Nhân sâm ích khí, A giao dưỡng huyết để bổ hư; tro lòng bếp giúp Miết giáp nhuyễn kiên tán kết, rượu giúp các vị thuốc ôn vận. Tuy dùng lượng thuốc ít mà dần dần tiêu được bĩ gọi là phép “Tuần dược hoãn công” (dùng thuốc cực mạnh nhưng công từ từ). Tuy dùng được phức tạp, nhưng phối ngũ lại có ý nghĩa nhất định. Phương này không những chữa được “ngược mẩu”, mà còn trị được các loại trung hà tích tụ (các hòn cục, u...) ở vùng bụng.

Phụ phương:

A ngày hóa bĩ tán:

1. Xuyên khung	4 gam	4. Xích linh	4 gam	7. Miết giáp	12 gam
2. Đương quy	4 gam	5. Hồng hoa	4 gam	8. Đại hoàng sao rượu	32 gam
3. Bạch truật	4 gam	6. A ngày	4 gam	9. Bột mì	40 gam

Làm thành thuốc bột mỗi lần uống 16 gam uống với 1 ly rượu.

Chủ trị sốt rét lâu ngày không khỏi, hạ sườn trái có bĩ khối, cho chí trong bụng có trung hà tích tụ. Dùng thuốc sau 3 ngày thấy đau bụng đại tiện ra máu mủ là có hiệu nghiệm.

Kiên ăn các thức lạnh, dầu nhớt, chất chua... Phương này dùng A ngày Miết giáp để nhuyễn kiên tán bĩ, tiêu trung hà tích tụ làm chủ. Thuốc phụ trợ có nhung, quy, Hồng hoa để hoạt huyết hóa ú; linh truật kiện tỳ trừ đàm thấp, rượu giúp cho thuốc vận hành, Đại hoàng dẫn xuống, đồng thời có tác dụng hóa ú. Ý nghĩa phương này giống phương Miết giáp tiễn nhưng dùng được đơn giản hơn.

KẾT LUẬN

Bản chương chọn lựa giới thiệu các phương: *Tài ngược thất bảo ấm*, *Thường sơn ấm*, *Thanh tỳ ấm*, *Đạt nguyên ấm*, *Hà nhân ấm*, *Miết giáp tiễn hoàn* là 6 phương để chữa bệnh sốt rét.

Hai phương thường dùng là *Tài ngược thất bảo ấm* và *Thường sơn ấm* đều lấy Thường sơn, Thảo quả, Bình lang làm chủ dược, nhưng một phương thiên về táo thấp, một phương thiên về thanh nhiệt.

Thanh tỳ ấm chú trọng hòa giải để trị sốt rét (sốt và rét phân định rõ ràng, lên cơn có giờ nhất định gọi là chính ngược).

Đạt nguyên ấm giải trọc đạt tà để trị các chứng sốt rét nặng.

Hà nhân ấm tăng sức đề kháng có thể để chống sốt rét để đề phòng tái phát về sau.

Miết giáp tiễn hoàn chuyên trị ngược mẩu.

Chương 18

THUỐC KHU TRÙNG

Thuốc khu trùng gồm ba phương diện: an hồi, khu trùng và tiêu tích.

An hồi tễ dùng chữa chứng hồi quyết (giun chui vào ống mật). Vì vậy có lúc dùng thuốc mạnh tẩy giun ra, hoặc có lúc dựa vào sự sinh hóa của chúng, dùng thuốc khiến chúng động không ở yên được mà phải ra. Cho nên trước hết phải an hồi hoãn thống (an con giun mà hoãn đau) để cho bệnh thể được ổn định đã, sau mới dùng thuốc khu trùng (tẩy giun). Như vậy mới bảo đảm an toàn. Nhưng không phải tuyệt đối không được khu trùng, mà trước an sau đuổi hoặc “an đuổi cùng dùng” là phải căn cứ bệnh tình mà dùng thuốc. *An hồi tễ* lấy Ô mai, Hoàng liên, Xuyên tiêu làm chủ dược.

Thuốc khu trùng ở trong các phương thuốc tẩy phải tùy theo sự khác nhau của các loại ký sinh trùng đường ruột để mà dẫn dụ chúng. Ví dụ như tẩy giun đũa trước hết dùng Sứ quân tử, Khổ luyện căn bì. Tẩy sán giầy (điều trùng) sán lá (khương phiến trùng) trước hết dùng Bình lang; Tẩy giun móc câu trước hết dùng Phi tử. Nhưng còn phải xem thể chất mạnh yếu của bệnh nhân. Nếu người yếu thì dùng Sứ quân tử trước thì hợp hơn là Khổ luyện căn bì. Đối với cơ thể người, độc tính của Sứ quân tử yếu hơn Khổ luyện căn bì.

Thuốc tẩy giun uống vào lúc đói, phần nhiều dùng đơn vị (một vị) nhưng cũng có khi dùng phối hợp với các vị thuốc khác mà thành phương tễ. Đa số trong các loại thuốc khu trùng đã có tác dụng công hạ nhẹ không cần phải cho thêm thuốc tả hạ khác nữa. Các chứng bệnh do ký sinh trùng đường ruột gây ra, (nhất là bệnh giun móc câu: an ky lostomose) nếu thấy có chứng tỳ vị hư nhược, rối loạn tiêu hóa, mặt vàng cơ dày thì phải dùng phương kiện tỳ tiêu thực để điều lý tỳ vị. Có thể dùng phương ấy trước khi khu trùng, hoặc cùng dùng chung một lúc với các loại thuốc khu trùng.

Ô MAI HOÀN

(Phụ: *Cam thảo phần mật thang*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Ô mai nhục	360 gam	6. Chế Phụ tử	160 gam
2. Hoàng liên	640 gam	7. Quế chi	160 gam
3. Hoàng bá	240 gam	8. Sao xuyên tiêu	160 gam
4. Nhân sâm (hoặc Đẳng sâm)	240 gam	9. Can khương	400 gam
5. Đương quy	160 gam	10. Tế tân	240 gam

Cách dùng: Ô mai nhục dùng giấm 50% tẩm 1 ngày rồi hợp với các loại thuốc trên sấy khô, nghiền thành bột, rồi chế với mật thành viên. Mỗi lần uống 12 gam thuốc viên, ngày dùng 1-3 lần vào lúc đói. Có thể dùng liều thích hợp làm thành thang gọi là *Ô mai thang*.

Công dụng: An hồi, chỉ thống.

Chủ trị: Hồi quyết (chứng giun chui ống mật), trung quản và bụng đau dữ dội, tâm hạ cảm nhiệt lợ lợm lòng ầu thổ, hoặc nôn ra giun, tay chân giá lạnh, ra mồ hôi lạnh, mạch phục hoặc huyền khẩn. Con đau ngừng thì lại như người thường.

Giải bài thuốc: Bản phương lấy Ô mai, Hoàng liên, Xuyên tiêu làm chủ dược. Theo kinh nghiệm của người xưa thì hồi trùng (giun đũa) gặp chất chua thì ngừng quấy, gặp chất đắng thì được yên, gặp chất cay thì quay đầu xuống dưới (đắc toan tắc chỉ, đắc khổ tắc an, đắc tân tắc phục vụ hạ). Cho nên mới

dùng Ô mai, Hoàng liên, Xuyên tiêu. Ba vị này là cực toan, cực khổ, và cực tân để làm cơ sở lập phương. Nhưng chứng giun chui ống mật sởi dĩ phát ra được, cổ nhân cho là do nội tạng hư hàn, nên giun quấy không yên, ở trên xâm phạm cách mô mà gây đau, gây nôn, gây phiền và gây lạnh, lại thêm hàn nhiệt xen kẽ nữa. Trên lâm sàng người ta đã soi thấy giun chui vào đường dẫn mật. Nhưng đây, chỉ là đơn thuần hình hóa. Thực ra thì những biểu hiện cơ bản đã sớm báo hiệu rồi. Vì vậy nên phương này còn dùng Tế tân, Quế chi, Can khương, Phụ tử để giúp thêm cho Xuyên tiêu trị tạng hàn, Hoàng bá giúp Hoàng liên thanh thấp nhiệt, Nhân sâm, Đương quy bổ hư. Hàn ôn cùng dùng, tiêu bản cùng chữa: Không những an được giun mà còn an được vị, dùng chữa chứng hồi quyết nói trên công hiệu thần kỳ.

Phương này còn chữa được chứng đau dạ dày và chứng lỵ lâu ngày. Cho nên có tên là *Ô-mai an hồi hoàn*, lại có tên *Ô mai an vị hoàn*.

Gia giảm: Nếu dùng thuốc thang có thể gia giảm: Nhiệt nhiều nên bỏ Phụ tử, hàn nhiều nên bỏ Hoàng bá. Miệng đắng, tâm hạ đau, nóng quá, tăng thêm Ô mai, Hoàng liên, đau xuyên ngực sườn gia Sài hồ, Bạch thực, đại tiện bất thông gia Bình lang, Đại hoàng, có thức ăn tích trệ gia Thái phục tử, kiêm khí trệ gia Mộc hương Chi xác.

Phụ phương:

Cam thảo phân mật thang:

Dùng Cam thảo 12-20 gam sắc với nước làm thang rồi cho một lượng bột gạo tẻ, một lượng mật thích hợp tiếp tục chưng lên thành dạng cháo loãng. Uống lúc nóng.

Nguyên phương này để trị bệnh do giun đũa (hồi trùng) gây thổ nước dãi, ngực bang đau bệnh phát từng lúc, đã dùng các thuốc tẩy giun khác không ra giun mà đau lại không dứt.

Gần đây người ta dùng Đại hoàng phân (bột Đại hoàng) hòa với mật hợp thành tễ để chữa chứng trẻ em (từ 3-7 tuổi) bị chứng ruột rấn tắc do giun đũa gây ra. Có chứng đau bụng hướng xuống, nôn ra nước hoặc ra giun, bụng chướng, đại tiện bí, bụng có hình khối (búi giun), đã dùng thuốc tẩy giun mà không ra, đau lại không dứt, nhất định có hiệu quả. Phương này dùng bột Đại hoàng sống 20 gam, bột gạo tẻ (sao thơm không cháy) 12 gam hòa với 30 gam mật ong, cho uống với nước sôi lượng vừa phải. Mỗi tễ thuốc trên dùng được 12 lần mới hết. Mỗi lần dùng hòa thuốc với 1 thìa nước. Giun đũa cứ từ từ mà ra. Nếu dùng hết tễ thuốc ấy mà không ra giun, có thể dùng tễ nữa. Phương này là biến phương của *Cam thảo phân mật thang*. Chúng ta nên cùng tham khảo.

NHẤT HIỆU KHU HỒI THANG

« Trung tây y kết hợp cấp, phúc chứng thủ sách »

Thành phần:

1. Bình lang	40 gam	6. Chi xác	8 gam
2. Sứ quân tử	40 gam	7. Xuyên tiêu	4 gam
3. Khổ luyện căn bì	20 gam	8. Tế tân	4 gam
4. Ô mai	5 quả	9. Can khương	4 gam
5. Mộc hương	16 gam	10. Huyền minh phân	12 gam

Cách dùng: Sắc với nước, chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Khu hồi, an hồi.

Chủ trị: Giun chui ống mật (hồi quyết), chứng bệnh tương đối nhẹ.

Giải bài thuốc: Phương này trọng dụng Bình lang, Sứ quân, Khổ luyện căn bì để tẩy giun, phụ thêm có Ô mai, Xuyên tiêu, Tế tân, Can khương để an hồi; Mộc hương chi xác hành khí, nên thuốc này có tác dụng giảm đau. Huyền minh phân thông đại tiện, bài trùng. Tổng hợp lại, phương này có tác dụng an (yên), khu (đuổi) và hành (cho ra), nhưng lấy khu trùng làm chủ.

KHU ĐIỀU THANG

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Nam qua tử nhục (hạt bí đỏ) 80-160 gam
2. Bình lang 40-80 gam

Cách dùng: Trước hết ăn hạt bí, cách sau 2 giờ thì uống nước sắc Bình lang. Sau 4-5 giờ sẽ đi ỉa tháo bài xuất ra sán giậy. Nếu chưa buồn đi đại tiện dùng huyền minh phấn 12 gam (xông). Trẻ em theo tuổi mà giảm liều. Nếu uống đợt đầu sán không ra, để cách nửa tháng sau mới uống được. Khi sán ra, không nên dùng tay lôi kéo khúc sán dả ra ngoài hậu môn. Cứ ngồi yên vào chậu nước ấm, sán tự nhiên ra hết.

Công dụng: Khu điều trùng (tẩy sán giậy)¹

Giải bài thuốc: Bình lang, Nam qua tử đều là thuốc tẩy sán có hiệu quả. Theo kinh nghiệm dùng 2 vị này hay dùng riêng từng vị cũng tốt. Bình lang phá khí mà trầm giáng. Bản phương dùng lượng quá nhiều. Phụ nữ có mang cấm dùng.

PHI TỬ QUÁN CHÚNG THANG

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Phi tử 40 gam
2. Bình lang 40 gam
3. Hồng tấu 40 gam
4. Quán chúng 20 gam

Cách dùng: Sắc nước chia làm 2 lần uống. Thời gian dùng thuốc nên ăn thêm tỏi 2-3 củ. Uống liền trong 3 giờ.

Công dụng: Tẩy giun móc câu (khu câu trùng).

Giải bài thuốc: Phương này dùng Phi tử, Bình lang, Quán chúng, Đại toán đều là các vị thuốc sát trùng. Phi tử, Quán chúng hay dùng chữa giun móc câu. Hồng tấu vào huyết phận để thanh nhiệt giải độc tán kết, tiêu thũng, thường dùng chữa trường ung. Vì giun móc câu hay làm tổn thương ruột và gây chảy máu, cho nên dùng Hồng tấu làm tá.

HÓA TRÙNG HOÀN

« Y phương tập giải »

Thành phần:

1. Sao hạch sắt 40 gam
2. Bình lang 40 gam
3. Khô luyện căn bì 40 gam
4. Sao hồ phấn (duyên phấn) 40 gam
5. Khô phân 1-2 gam
6. Sam vu đi 20 gam
7. Sứ quân tử 40 gam

Cách dùng: Các vị nghiền thành bột, dùng hồ gạo tẻ luyện bột thành viên, to bằng hạt ngô đồng. Người lớn mỗi lần 7-10 viên uống với cháo gạo tẻ nóng. Trẻ em theo tuổi mà giảm liều.

¹ Điều trùng: Sán giậy tên khoa học Toenia saginata T.soliam.

Công dụng: Khu trừ các loại ký sinh trùng đường ruột.

Giải bài thuốc: Đặc điểm của phương này là toàn bộ dùng thuốc sát trùng, có tác dụng khu trừ các loại ký sinh trùng đường ruột rất mạnh. Nhưng trong đó có Hồ phấn (l loại muối chì) rất độc đối với cơ thể. Nếu dùng thuốc thang thì phải bỏ đi. Hiện nay, ở Thượng Hải sản xuất *Hóa trùng hoàn* có cải biến, bỏ Hồ phấn và Khô phàn, gia Lôi hoàn, Đại hoàng, Huyền minh phàn...

Mỗi lần uống 1 gói (12 gam). Trẻ con thì giảm.

HOÀNG BỆNH PHONG PHÀN HOÀN

(Phụ: *Truật phàn hoàn*, tên cũ: *Phạt mộc hoàn*)

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Hậu phác	40 gam	4. Cam thảo	20 gam
2. Thương truật	12 gam	5. Lục phàn (phi thành sắc đen ô)	120 gam
3. Trần bì	40 gam	6. Hồng táo	160 gam

Cách dùng: Chê thuốc thành viên. Mỗi lần 2-4 gam sau khi ăn, với nước chín. Ngày dùng 1-2 lần. Sau khi uống thuốc kiêng ăn chất sống lạnh và kiêng trà.

Công dụng: Kiện tỳ tiêu tích.

Chủ trị: Bệnh vàng da do giun móc câu, sắc mặt vàng tối phù thũng, tâm hồi hộp thở gấp, tứ chi vô lực, hay ăn mà không tiêu.

Giải bài thuốc: Lục phàn có tên nữa là Tạo phàn là một loại quặng sắt (thiết khoáng thạch) thành phần là lưu toan trình thiết (hợp chất sắt có Lưu hoàng là muối sắt với acide sulfurique. $FeSO_4$. ND) nếu đem phi (nướng) thì đổi xanh sang đen gọi là Phong phàn. Cổ nhân cho Phong phàn có tính sát trùng tiêu tích, Phong phàn là chủ dược của phương để tiêu trùng tích. Theo nghiên cứu dược lý hiện tại, Phong phàn có chất sắt nên chữa được bệnh thiếu máu do giun móc câu.

Thuốc phụ trợ có Thương truật, Hậu phác Trần bì kiện tỳ táo thấp. Cam thảo Đại táo bổ khí hòa trung, không những trị bệnh nhân vốn có chứng rối loạn tiêu hóa, lại còn giúp Phong phàn vận hóa, giảm bớt tính kích thích của nó đối với vi trùng.

Phụ phương:

Truật phàn hoàn: (*Phạt mộc hoàn*)

Lục phàn, Thương truật, Lục khúc. Ba vị luyện với giấm làm viên.

Chủ trị, cách dùng, liều lượng theo như phương *Hoàng bệnh phong phàn hoàn*.

KẾT LUẬN

Chương này lựa chọn các phương tễ:

1. *Ô mai hoàn*, *Cam thảo phàn mật thang* để an hồi. Ô mai chữa chứng giun chui ống mật có hiệu quả ưu việt. Về phương tễ an hồi còn có bài *Đại kiến trung thang* (Đảng sâm, Di đường, Xuyên tiêu, Can khương) thích hợp chữa chứng hồi tích và đau bụng do hư hàn (Tham khảo Chương 6).

2. *Nhất hiệu khu hồi thang*, *Khu điều thang* (tây sán). *Phi tử quán chúng thang* (tây giun móc), *Hóa trùng hoàn* (tây các ký sinh trùng đường ruột) đều là phương tễ khu trùng. *Nhất hiệu khu hồi thang* còn có tác dụng an hồi.

3. *Hoàng bệnh phong phàn hoàn*, *Truật phàn hoàn* kiện tỳ tiêu tích để chữa chứng bệnh thiếu máu do giun móc câu gây ra.

Chương 19

THUỐC KHAI KHIẾU

Các phương thuốc khai khiếu đều có tác dụng tu tĩnh thần chí với mức độ khác nhau. Ngoài ra còn có các tác dụng khác như thanh nhiệt, giải độc, an thần, trấn kinh, hóa đàm, tiêu tích. Ngoài tác dụng tu tĩnh thần chí ra, nếu phương thuốc có tác dụng thanh nhiệt giải độc mạnh thì gọi là *Lương khai tế*, nếu có tác dụng hóa đàm tiêu trọc mạnh gọi là *Ôn khai tế*.

Căn cứ vào tác dụng mạnh yếu của sự tu tĩnh thần chí của các loại phương khai khiếu và sự khác nhau giữa chúng, chúng ta có thể ứng dụng chữa được các chứng sốt cao hôn mê, thần mê, ngũ li bì, phiền táo thành cuồng loạn, kinh phong co giật, đàm bế kinh quyết, trúng thử, trúng phong mà phát sa.

Loại hình của thuốc khai khiếu đều có dạng hoàn tán tiện ứng dụng cấp cứu kịp thời, phương pháp dùng thuốc là chiêu với nước chín, hoặc thổi vào mũi, không nên sắc với nước.

AN CUNG NGƯU HOÀNG HOÀN

(Phụ: *Ngưu hoàng thanh tâm hoàn*)

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

1. Ngưu hoàng	40 gam	7. Trân châu	20 gam
2. Chu sa	40 gam	8. Sơn chi	40 gam
3. Băng phiến	10 gam	9. Hùng hoàng	40 gam
4. Uất kim	40 gam	10. Hoàng cầm	40 gam
5. Tê giác	40 gam	11. Xạ hương	10 gam
6. Hoàng liên	40 gam		

Cách dùng: Các vị trên nghiền bột cực mịn, luyện mật làm thành viên mỗi viên 4 gam. Ngày dùng 1-2 viên, chia 2 đến 4 lần uống. Trẻ em tùy theo tuổi giảm liều.

Công dụng: Khai khiếu trấn kinh, thanh nhiệt giải độc.

Chủ trị: Nhiệt tính bệnh, nhiệt vào doanh huyết. Khiếu bế, thân hôn, có thể kinh quyết.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Hoàng liên, Sơn chi, Hoàng cầm thanh nhiệt tả hỏa giải độc, Ngưu hoàng, Tê giác, thanh vinh, lương huyết và giải độc. Xạ hương, Băng phiến khai khiếu: Chu sa, Trân châu, trấn kinh Hùng hoàng tịch uế, giải độc. Phương này có nhiều vị thanh nhiệt giải độc, nên chữa nhiệt tính bệnh.

Phụ phương:

Ngưu hoàng thanh tâm hoàn: Gồm Cầm, Liên, Sơn chi, Uất kim, Ngưu hoàng, Chu sa tạo thành, lấy thanh nhiệt giải độc làm chủ, khai khiếu an thần là thứ, dùng chữa chứng sốt cao, ngũ li, phiền táo bất an v.v...

CHÍ BẢO ĐƠN

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

1. Nhân sâm	40 gam	7. Băng phiến	4 gam
2. Chu sa	40 gam	8. Ngưu hoàng	20 gam
3. Xạ hương	4 gam	9. Hồ phách	40 gam
4. Chế nam tinh	20 gam	10. Hùng hoàng	40 gam
5. Thiên trúc hoàng	40 gam	11. Đại mại (đồi mồi)	40 gam
6. Tê giác	40 gam		

Cách dùng: Nghiền bột mịn, trộn đều luyện thêm mật 20-30% làm viên. Một đợt chế thuốc được 240 viên: Ngày dùng 2-3 viên, uống với nước sôi để nguội, chia 2 đến 4 lần trong ngày.

Công dụng: Khai khiếu, trấn kinh.

Chủ trị: Đột nhiên hôn mê, nội bế ngoại thoát, ngoại cảm nhiệt bệnh, đàm nhiệt làm tắc thanh khiếu, thần hôn, trẻ em cấp kinh phong, thần hôn kinh quyết (co giật).

Giải bài thuốc: Phương này dùng thuốc khai khiếu, trọng trấn, hóa đàm nhiệt phối hợp thành tễ. Lại dùng Nhân sâm phù chính nên rất thích hợp chữa chứng thốt trúng (não huyết quân), nội bế ngoại thoát. Vì thuốc thanh nhiệt ít nên ít dùng để chữa ngoại cảm nhiệt. Nếu cần nên dùng kèm thuốc thanh nhiệt giải độc, thanh vinh lương huyết nữa.

TỬ TUYẾT ĐƠN

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

1. Hoạt thạch	640 gam
2. Thạch cao	640 gam
3. Hàn băng thạch	640 gam
4. Từ thạch	1280 gam

Các vị đảo đều, chung lên, bỏ bã, rồi cho tiếp các vị thuốc sau vào:

5. Linh dương giác	200 gam
6. Thanh mộc hương	200 gam
7. Tê giác	200 gam
8. Trâm hương	200 gam
9. Đinh hương	40 gam
10. Thăng ma	840 gam
11. Huyền sâm	640 gam
12. Chích thảo	320 gam

Tám vị này cho khuấy đều, rồi cho vào nước sắc của các vị thuốc đợt trước, rồi lại chung kỹ, sau lại bỏ bã, rồi lại cho tiếp các vị thuốc sau đây vào:

13. Phác tiêu	1280 gam
14. Tiêu thạch	1280 gam

Gạn sạch tạp chất, rồi lại cho vào chỗ nước sắc của các vị thuốc 2 đợt kể trên, chung nhỏ lửa lần nữa, dùng cho tay vào quấy e rằng thuốc ngưng vón, sau đó lại cho hai vị cuối cùng này vào:

15. Chu sa	120 gam (nghiền mịn)
16. Xạ hương	48 gam (nghiền kỹ)

Rồi cho vào nước thuốc đã sắc ở trên, trộn đều, rồi để cho ngưng đọng thành dạng hoa tuyết (thê kết tinh) cho nên có tên là TỬ TUYẾT (tuyết màu tím). Hiện nay ở Thượng Hải cải biến thành dạng thuốc bột. (nguyên phương còn có vị Hoàng kim tức là vàng ròng (Au) nay lược bớt đi).

Cách dùng: Mỗi lần 1-4 gam uống với nước chín để nguội. Ngày 2-4 lần.

Công dụng: Trấn kinh khai khiếu, thanh nhiệt giải độc.

Chủ trị: Ngoại cảm nhiệt bệnh, trảng nhiệt, phiền táo, môi se, hôn mê nói nhảm, kinh quyết co giật, đại đỏ, đại tiện bí, cho chí trẻ em sốt cao co giật.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Hoạt thạch, Thạch cao, Hàn thủy thạch, Cam hàn, Huyền sâm, Thăng ma, Cam thảo thanh nhiệt giải độc; Xạ hương khai khiếu; Linh dương giác Từ thạch, Chu sa, tức phong trấn kinh; Tê giác thanh tâm giải độc; Mộc hương, Đinh hương, Trâm hương hành khí; Mang tiêu, Tiêu thạch tả hỏa thông tiện. Nếu so sánh với 2 phương nói trên thì:

Phương này kém hương (mát) hơn *An cung ngưu hoàng hoàn*, nhưng mát hơn phương *Chí bảo đan*. *An cung ngưu hoàng hoàn* lấy giải độc khai khiếu làm chủ, còn bản phương thanh nhiệt trấn kinh công hiệu hơn. *Chí bảo đan* mạnh về khai khiếu trấn kinh, nhưng kém công hiệu thanh nhiệt giải độc, không bằng *an cung Ngưu hoàng* và bản phương.

THẦN TÊ ĐAN

« Ôn nhiệt kinh vi »

Thành phần:

1. Tê giác tiêm	240 gam	7. Liên kiều	400 gam
2. Thạch xương bồ tươi	240 gam	8. Bản lam căn	360 gam
3. Hoàng cầm	240 gam	9. Đậu xị	320 gam
4. Sinh địa tươi	640 gam	10. Nhân sâm	280 gam
5. Ngân hoa (tươi càng tốt)	640 gam	11. Thiên hoa phấn	160 gam
6. Cam trung hoàng	160 gam	12. Tử thảo	160 gam

Trừ Xương bồ và các vị Sinh địa, Đậu xị ra, các vị còn lại nên nghiền thành bột mịn, trộn đều, rồi dùng Sinh địa, Xương bồ tươi vắt lấy nước đắp. Lấy nước đó sắc với Đậu xị cho cạn, rồi hòa với bột thuốc quấy cho thật đều mà luyện thành viên Mỗi liều chế được 9.480 viên.

Cách dùng: Ngày 1 viên chia 2-4 lần uống với nước chín. Trẻ em theo tuổi mà giảm liều.

Công dụng: Thanh nhiệt, lương huyết, giải độc.

Chủ trị: Các chứng nhiệt tính bệnh, nhiệt nhập doanh huyết, nhiệt độc nội hãm, thần hôn nói nhảm, phát ban phát chẩn, lưỡi đen, mắt đỏ phiền táo v.v...

Giải bài thuốc: Phương này dùng Sinh địa, Huyền sâm, Tê giác thanh vinh, lương huyết giải độc; Hoàng cầm, Ngân hoa, Liên kiều, Bản lam, Cam trung hoàn, tử, thảo thanh nhiệt giải độc, hoa phấn sinh tân thanh nhiệt, phối ngũ với Đậu xị tuyên thấu tả nhiệt, Xương bồ phương hương khai khiếu. Toàn phương có trọng điểm là lương huyết giải độc.

Tác dụng khai khiếu kém.

TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN

« Hòa tể cục phương »

Thành phần:

1. Chu sa	40 gam	7. Sinh hương phụ	40 gam
2. Thanh mộc hương	40 gam	8. Xạ hương	30 gam
3. Dầu tô hợp hương	40 gam	9. Tê giác	40 gam
4. Kha tử nhục	40 gam	10. Đàn hương	40 gam
5. Tỳ bạt	40 gam	11. Đinh hương	40 gam
6. Trâm hương	40 gam	12. Băng phiến	20 gam

Các loại nghiền bột mịn, trừ đầu Tô hợp hương, Xạ hương và Băng phiến ra, các vị còn lại đem trộn thật đều và nghiền thật mịn, sau đó cho Xạ hương, Băng phiến vào các vị đã nghiền trên rồi lại nghiền đều. Sau cùng mới cho đầu Tô hợp hương và một lượng mật thích hợp hơi âm ẩm rồi quấy cho đều. Sau đó, lại cho bột thuốc gia thêm mật 45-50% rồi luyện thành viên. Mỗi liều thuốc trên chế được 9.300 viên, mỗi viên kê cả hồ là 4 gam.

Cách dùng: Mỗi lần 0,5-1 viên, ngày 1-2 lần, trẻ em tùy tuổi mà giảm liều lượng.

Công dụng: Khai khiếu, tịch ứ (bài chất vẫn đục).

Chủ trị: Trúng phong hôn mê, sa khí vựng quyết, bệnh tinh thần, tâm giao thông, xuất hiện rêu lưỡi dày nhớt, đờm trạc nội thịnh v.v...

Giải bài thuốc: Đặc điểm phương này là dùng lượng lớn thuốc tân lương khai khiếu, cho nên công năng khai khiếu tịch ứ rất mạnh, là tiêu biểu cho các loại tể ôn khai.

HÀNH QUÂN TÁN

« Hoắc loạn luận »

Thành phần:

1. Ngưu hoàng	20 gam	5. Hùng hoàng	32 gam
2. Xạ hương	20 gam	6. Hỏa tiêu	12 gam
3. Trân châu	20 gam	7. Bột gừng	2 gam
4. Băng phiến bằng sa	20 gam		

Các loại thuốc trên đem nghiền thật mịn, trộn thật đều, đóng gói thật kín hơi (bánh) (1 bánh 0,4 gam).

Cách dùng: Mỗi lần dùng 1 bánh, uống với nước lạnh có thể thổi vào mũi để gây hắt hơi.

Công dụng: Tịch ứ, giải độc, khai khiếu.

Chủ trị: Thảng hê (thử) gặp khí độc thô tả, đau bụng, phiền táo không yên.

Giải bài thuốc: Phương này có đặc điểm là dùng nhiều thuốc tân hương tịch ứ giải độc. Cho nên trị được khí độc (sa khí) giảm đau bụng, thô tả, trừ phiền táo, thuộc về tể ôn khai.

NGỌC KHU ĐAN

« Phiến ngọc tâm thư »

Thành phần:

1. Sơn từ cô	80 gam	4. Hùng hoàng	30 gam
2. Xạ hương	12 gam	5. Hồng nha đại kích	45 gam
3. Tục tùy tử sương (Thiên kim tử)	40 gam	6. Chu sa	30 gam
		7. Ngũ bội tử	80 gam

Trừ Xạ hương ra, trước hết nên nghiền nhỏ Chu sa, Hùng hoàng, rồi cho bột các vị thuốc khác vào hòa đều và nghiền lại cho cực nhỏ, sau cùng mới cho Xạ hương vào nghiền đều thành tể.

Cách dùng: Mỗi lần 0,4-0,8 gam (1 đến 2 lần), uống với nước nóng. Có thể dùng ngoại trị sang độc dùng nước chín lạnh hay nước trà lạnh hòa thuốc đắp vào.

Công dụng: Tịch ứ, hóa trọc, giải độc, chỉ ẩu thổ.

Chủ trị: Cảm thực ngoại tà, ăn phải chất độc dẫn đến lợm lờng, nôn ọe, đau bụng.

Giải bài thuốc: Công năng của phương này là tích ứ giải độc. Sơn từ cô, Hùng hoàng, Ngũ bội tử đều có công năng tích ứ giải độc (ngũ bội có thể giải độc xem ở « Đại Minh bản thảo ») hai là thông lợi. Xạ hương thông khiếu khai bế, phối hợp Tục tùy tử, Đại kích tuần tả (tả mạnh) để bài trừ chất ứ ác (bẩn) chất đờm trọc cho nên chữa khỏi các chứng nôn ọe ngực bụng chướng đau. Bản phương tuy dùng thuốc cực mạnh như Tục tùy tử, Đại kích nhưng lượng rất ít cho nên không sợ thông lợi thái quá.

TỊCH ÔN THANG ⁽¹⁾

« Nghiệm phương: Thượng Hải đổi là *Giải thử phiến* »

Thành phần: Phương này có khoảng 73 vị thuốc miễn nói. Chế thành viên (đan) hoặc thỏi (phiến).

Cách dùng: Mỗi lần 0,5 đến 1 viên, hoặc 2-4 phiến, uống với nước nóng. Ngày 1-2 lần. Trẻ em theo tuổi mà giảm.

Công dụng: Giải thử, tích ứ, trừ đau bụng, thổ tả.

Chủ trị: Trúng thử phát sa, lợm lòng, đau bụng thổ tả, hoặc muốn nôn không nôn được, muốn ỉa không ỉa được, tâm phiền tứ chi giá lạnh.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng tới 73 vị thuốc. Trong đó có các vị khai khiếu, giải độc, thuốc phát tán, thuốc thông lợi, thuốc ôn nhiệt, thuốc hàn lương. Nhưng toàn phương thiên về ôn nhiệt. Phương này vị thuốc rất nhiều, tác dụng phức tạp cho nên khó mà giải thích được ý nghĩa của phương, nhưng dùng nó có hiệu quả xác thực. Nhiều loại thuốc chế sẵn (thành dược) của Trung y cũng có đặc điểm độc đáo này.

Nguyên lý của nó còn phải dày công nghiên cứu.

HỒNG LINH ĐAN

« Nghiệm phương »

Thành phần:

- | | |
|-------------------------------|--------|
| 1. Xạ hương | 24 gam |
| 2. Thanh mông thạch | 32 gam |
| 3. Chu sa | 80 gam |
| 4. Ngân tiêu | 80 gam |
| 5. Hùng hoàng | 88 gam |
| 6. Nguyệt thạch (tức bằng sa) | 48 gam |
| 7. Băng phiến | 24 gam |

Các vị tán bột, trừ Băng phiến, Xạ hương ra, trước hết nghiền kỹ Thanh mông, Hùng hoàng, Chu sa cho thật mịn, sau đó cho các bột thuốc kia vào hòa đều, nghiền lại cho cực nhỏ. Sau cùng cho Xạ hương, băng phiến vào hòa đều đóng gói kín.

Cách dùng: Mỗi lần 0,4-0,8 gam (1-2 lần) uống với nước chín nóng, trẻ em theo tuổi mà giảm liều lượng.

Công dụng: Tích ứ, khai khiếu, giải độc.

Chủ trị: Trúng thử phát sa, chóng mặt, phiền muộn, bụng đau, thổ tả.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Xạ hương, Băng phiến khai khiếu; Chu sa, Mông thạch, Ngân tiêu, Hùng hoàng, Bằng sa giải độc tích ứ để trị thổ tả mùa hè có hiệu quả. Tuy trong phương không có thuốc chuyên trị thổ tả, nhưng do giải độc, tích ứ thì thổ tả theo lý tự nhiên phải hoãn giải.

⁽¹⁾ Ôn là loại bệnh truyền nhiễm. Tích ôn là trừ chứng ôn dịch. Không phải ôn là ấm (ND).

HẦU TẢO TÁN

« Thượng Hải thị Trung dược thành dược chế tể qui phạm »

Thành phần:

1. Hàu táo	16 gam	5. Trầm hương	4 gam
2. Linh dương giác	4 gam	6. Xuyên bối mẫu	8 gam
3. Xạ hương	1,6 gam	7. Thanh mông thạch	4 gam
4. Nguyệt thạch	4 gam	8. Thiên trúc hoàng	8 gam

Các loại đem tán bột. Trừ xạ, trầm ra, trước hết trộn đều các vị còn lại nghiền cho thật mịn, rồi cho bột trầm, xạ mịn vào hòa đều đóng gói kín.

Cách dùng: Mỗi lần 0,4-0,8 gam uống với nước nóng.

Công dụng: Tiêu hóa đàm nhiệt, trấn kinh, khai khiếu.

Chủ trị: Trẻ em cấp kinh, tay chân co giật, đờm nhiều thở gấp, họng có đờm khô khè phiền táo bất an.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Hàu táo, Nguyệt thạch, Bối mẫu, Mông thạch để hóa đàm, linh dương giác tức phong, Xạ hương khai khiếu, Trầm hương giáng nghịch khí, dẫn đờm đi xuống.

TIÊU NHI HỒI XUÂN ĐAN

« Thượng Hải thị Trung dược thành dược chế tể qui phạm »

Thành phần:

1. Ngưu hoàng	4 gam	9. Hùng hoàng	12 gam
2. Băng sa	6 gam	10. Đờm tinh	80 gam
3. Chu sa	12 gam	11. Thiên trúc hoàng	40 gam
4. Khương hoạt	12 gam	12. Xuyên bối mẫu	40 gam
5. Cương tâm	12 gam	13. Toàn yết	12 gam
6. Thiên ma	12 gam	14. Bạch phụ tử (chế)	12 gam
7. Phòng phong	12 gam	15. Sà hàm thạch	32 gam
8. Xạ hương	6 gam		

Các loại đem tán bột. Trước hết lấy bốn vị: Ngưu hoàng, Hùng hoàng, Chu sa, Sà hàm thạch nghiền bột mịn hòa đều cho thấu. Sau cho bột thuốc các vị còn lại hòa đều. Sau cùng cho Xạ hương, Băng phiến hòa đều. Dùng nước sắc Cam thảo 40 gam bỏ bã, rồi cho vào nước ấy 80 gam Câu đằng, tiếp tục đun trong 15 phút. Sau đó bỏ bã lấy nước sắc đó mà luyện thuốc làm hoàn. Mỗi lần chế được 91.425 viên. Đóng gói: Mỗi gói thuốc 5 viên.

Cách dùng: Trẻ em chưa đầy 1 tuổi, mỗi lần 3-4 viên, 1 tuổi trở lên dùng 5 viên. Uống với nước ngày 1-2 lần.

Công dụng: Tức phong, trấn kinh hóa đàm khai khiếu.

Chủ trị: Trẻ em cảm thụ ngoại tà, cấp kinh, co giật, đờm dãi ứng thịnh.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Bạch phụ, Toàn yết, Thiên ma, Cương tâm, Khương hoạt, Phòng phong, Câu đằng để khứ phong tức phong; Đờm tinh, Xuyên bối, Thiên trúc hoàng hóa đàm; Ngưu hoàng không những thanh hóa đờm nhiệt, đồng thời phối Câu đằng, Toàn yết, Cương tâm, Hùng hoàng để giải độc, trấn kinh. Sà hàm thạch và Chu sa dùng để trấn kinh. Xạ hương, Băng phiến khai khiếu. Cam thảo hòa trung giải độc. Các thuốc hợp dùng có công năng tức phong, trấn kinh, hóa đàm khai khiếu. Mặt khác, phương này tuy dùng Khương hoạt, Phòng phong sơ tán ngoại phong nhưng tỉ lệ rất ít, cho đến thuốc thanh nhiệt giải độc càng ít, cho nên không dùng để giải biểu thanh nhiệt, lại càng không nên cho nó là một phương thuốc vạn ứng.

THÔNG QUAN TÁN

« Đan kê tâm pháp phụ dư »

Thành phần: Tạo giác, Tế tân đều bằng nhau nghiền thật mịn, hòa đều mỗi bánh 0,2 gam.

Cách dùng: Dùng ống nhỏ thổi thuốc vào mũi gây hắt hơi.

Công dụng: Thông qua khai khiếu.

Chủ trị: Đột nhiên hôn quyết (mê, lạnh) bất tỉnh nhân sự, nha quan khản bế, sắc mặt trắng xanh, đờm dãi ủng tắc.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Tạo giác khứ đàm, Tế tân thông khiếu, dùng ngoài kích thích lỗ mũi. Nhưng đối với chứng trúng phong (não huyết quắn) chấn thương sọ não ra hôn quyết, cảm được dùng phương này.

KẾT LUẬN

Thuốc khai khiếu chia ra 2 loại: Lương khai và ôn khai, đều chế thành dược (chế sẵn) để ứng dụng cấp cứu kịp thời.

1. Các phương lương khai để chữa chứng nhiệt bế. *An cung ngưu hoàng hoàn* thanh nhiệt giải độc, khai khiếu an thần để chữa nhiệt bế thanh khiếu thần hôn nói nhảm.

Tử tiết đan giải độc kém an cung Ngưu hoàng nhưng làm mát gan và tức phong, dùng để chữa các chứng trảng nhiệt, kinh quyết.

Thần tồ đan mạnh về thanh nhiệt lương huyết, giải độc, chủ yếu chữa các chứng trảng nhiệt thần hôn, có ban chân tía đỏ.

Chi bảo đan khai khiếu tức phong là chủ, chủ trị các chứng hôn quyết mà bế.

2. Các phương ôn khai lấy *Tô hợp hương hoàn* làm tiêu biểu có công năng chính là tịch uế hóa đàm dùng chữa các chứng do đờm trọc làm trở ngại khí cơ, mông muội thanh khiếu gây ra hôn mê.

Thông quan tán kích thích ty khiếu là phương đơn giản dùng ngoài để cấp cứu.

Các phương khác: *Hành quân tán* tịch uế giải thử mà khai khiếu dùng chữa trúng thử, cấp cứu trị thổ tả. *Ngọc khu đan*, *Tịch ôn đan*, *Hồng linh đan* có công dụng tương tự.

Hầu tảo tán, *Hồi xuân đan* dùng cho trẻ em, là các phương thanh nhiệt hóa đàm khai khiếu trấn kinh. *Hầu tảo tán* nặng về hóa đàm. *Hồi xuân đan* nặng về trấn kinh.

Chương 20

THUỐC TRẦN KINH

Thuốc trần kinh có tác dụng bình can tức phong để trị các chứng tay chân co giật, đầu lắc lư, huyễn vựng, mờ mắt méo xệch, đau đầu, đau tứ chi v.v... thường dùng Toàn yết, Ngô công Địa long làm chủ dược. Nhưng có nội phong, ngoại phong khác nhau. Nếu bệnh thuộc nội phong nên phối hợp Câu đằng, Cúc hoa, Thiên ma, Thạch quyết minh, Linh dương giác để bình can, tức phong và tiềm dương.

Nếu thuộc về ngoại phong thì nên phối hợp Bạch phụ, Cương tằm, Chế Đờm tinh để thông kinh hoạt lạc.

CHI XINH TÁN

« Nghiệm phương »

Thành phần: Toàn yết, Ngô công đều bằng nhau nghiền nhỏ làm thuốc bột tiện dùng.

Cách dùng: Mỗi lần 0,6-1g ngày 2-4 lần, với nước nóng. Trẻ em theo tuổi mà giảm liều lượng.

Công dụng: Trần kinh, chỉ thống.

Chủ trị: Tứ chi co giật, kinh quyết và chứng đau đầu dai dẳng (ngoan cố tính đầu thống), thiên đầu thống, đột khớp đau nhức.

Giải bài thuốc: Toàn yết Ngô công sưu phong thông lạc, trần kinh, định thống, phối hợp hai vị tác dụng càng tăng. Gần đây dùng phương này để trị trẻ em cấp mạn kinh phong tứ chi co giật, là nghiệm phương trị phong hàn tý bệnh. Phương này còn chữa được chứng não viên có dịch phát sinh ra kinh quyết co giật, nhất định có hiệu quả.

Gia giảm: Ở Thượng Hải dùng *Chỉ kinh tán* có hai loại phương thuốc.

1. Toàn yết, Ngô công đều 40 gam, Địa long 80 g.
2. Toàn yết, Ngô công đều 40 gam, Thiên ma 40 g, Cương tằm 80 gam.

Hai phương này cách dùng, công dụng và chủ trị giống phương *Chỉ kinh tán*.

TRẦN CAN TỨC PHONG THANG

Thành phần:

1. Ngưu tất	40 gam	7. Huyền sâm	20 gam
2. Sinh giả thạch	40 gam	8. Thiên đông	20 gam
3. Sinh long cốt	20 gam	9. Xuyên luyện tử	8 gam
4. Sinh mẫu lệ	20 gam	10. Sinh mạch nha	8 gam
5. Sinh Quy bản	20 gam	11. Thanh hao (hoặc Nhân trần)	8 gam
6. Sinh bạch thực	20 gam	12. Cam thảo	6 gam

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Trần can, tức phong.

Chủ trị: Can dương Thượng xung, can phong nội động, mạch huyền kính hữu lục, huyền vụng hay đầu đầu phát sốt, mắt sưng tai ù, trong tâm phiền nhiệt, thường hay thở dài, cơ thể kém cảm giác, hoặc mồm mắt méo xệch, sắc mặt như say hoặc chóng mặt té ngã, mê không nhận người, một lúc lại tỉnh, hoặc tỉnh rồi không được như cũ, hoặc chân tay mềm yếu, hoặc thành thiên khô (liệt nửa người).

Giải bài thuốc: Phương này chủ trị các chứng thường gọi là: “loại trung phong” (ngoài não huyết quản). Phương này dùng lượng lớn Ngưu tất, Đại giả thạch để dẫn huyết hạ hành, bình giáng nghịch khí; Long cốt, Mẫu lệ, Quy bản, Thược dược tiềm dương, nhiếp âm, trấn can tức phong là thành phần chủ yếu. Huyền sâm, Thiên đông tư âm giáng hỏa; Thanh hao, Sinh mạch nha (dùng sống lý khí); Xuyên luyện tử sơ can lý khí. Cam thảo hoãn cấp hòa trung là các thuốc phò tá để tiết can điều can, hoãn can, giúp cho can dương bình giáng.

Gia giảm: Tâm trung nhiệt gia sinh Thạch cao 40 gam (hoặc gia Khổ đĩnh trà 8 gam, Long đờm thảo 8 gam) để thanh nhiệt, nhiều đờm gia Đờm tinh 8 gam-xích mạch trọng án hư là thận âm suy, gia Thục địa (hay Sinh địa) 32 gam, Sơn thù nhục 20 g để bổ thận âm, dầu váng mắt hoa gia Hạ khô thảo 16 g để bình can.

THIÊN MA CÂU ĐĂNG ẨM

(Phụ: *Linh dương câu đăng ẩm*)

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Thiên ma	8 gam	7. Sơn chi	12 gam
2. Câu đằng	16 gam	8. Hoàng cầm	12 gam
3. Sinh thạch quyết minh	20 gam	9. Ích mẫu thảo	12 gam
4. Tang ký sinh	12 gam	10. Chu phục thần	12 gam
5. Đỗ trọng	18 gam	11. Dạ giao đằng	20 gam
6. Ngưu tất	12 gam		

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bình can tức phong.

Chủ trị: Can dương Thượng xung gây ra can phong nội động, huyền vụng, đau đầu, đầu lác, giật mình, mất ngủ.

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Thiên ma, Câu đằng, Thạch quyết minh bình can dương, tức can phong, Sơn chi, Hoàng cầm tiết can hỏa. Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất bổ thận âm dưỡng can huyết, lại có tác dụng thông lạc. Dạ giao đằng, Chu phục thần dưỡng huyết an thần. Phương này có nhiều loại vị thuốc theo thực nghiệm dược lý có tác dụng hạ huyết áp.

Gia giảm: Thạch quyết minh có thể dùng Trân châu mẫu thay thế, tác dụng gần giống nhau, Ích mẫu có thể đổi dùng Tiêu kế thảo, tác dụng đều tốt. Chóng mặt nhiều gia Hạ khô thảo, Bạch tật lệ.

Phụ phương:

Linh dương câu đăng ẩm:

Gồm Linh dương giác, Tang diệp, Xuyên bối, Sinh địa, Câu đằng, Cúc hoa, Sinh Bạch thược, Sinh Cam thảo, Tiên trúc nhự, Phục thần hợp thành tễ, có công năng lương can tức phong, thanh hóa đờm nhiệt.

Nguyên phương này dùng chữa ngoại cảm nhiệt bệnh, nhiệt cực động phong, kinh quyết, chân tay co giật, lưỡi khô có gai. Các vị thanh nhiệt, giải độc lương huyết không đủ sức, dùng chữa chứng nhiệt cực động phong e rằng thuốc không tới bệnh. Nhưng đối chứng can dương Thượng xung gây đau đầu chóng mặt giật mình... thì phương này thanh tiết can dương khá tốt.

Linh dương giác không thật cần thiết không dùng. Có thể dùng sơn dương giác hoặc Trân châu mẫu thay.

ÂM GIÁC PHỤC MẠCH THANG

« Ôn bệnh điều biện »

Thành phần:

1. Mẫu lệ	40 gam	4. Chích thảo	12 gam	7. Mạch đông	12-24 gam
2. Miết giáp	20-40 gam	5. Đại sinh địa	20-40 gam	8. Ma nhân	12 gam
3. Quy bản	20-40 gam	6. Sinh bạch thược	12-24 gam	9. A giao	16 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Tư dưỡng tinh huyết, đục âm tiềm dương tức phong, trần kinh.

Chủ trị: Sau khi ngoại cảm nhiệt bệnh, có chứng thương âm lưỡi đen, mạch tế sắc vô lực, lòng bàn tay bàn chân nóng, kinh quyết, hoặc tay chân run rẩy, hồi hộp, hoặc tạp bệnh có chứng can thận bất túc, âm hư dương cương, xuất huyết, đầu vầng mắt hoa, tai ù hạng khô, mạch tế huyền, lưỡi khô, tron bóng.

Giải bài thuốc: Đây là phục mạch thang (Chích thảo, Can địa hoàng, Sinh bạch thược, Mạch đông, A giao, Ma nhân) gia Mẫu lệ, Miết giáp, Quy bản. Dùng Chích thảo phục hồi mạch. Phò tá có các thuốc tư nhuận, bổ âm lui được hư nhiệt. Lại gia thêm Mẫu lệ, Miết giáp, Quy bản để tiềm dương trần kinh gọi là đục âm (nuôi dưỡng âm) tiềm dương, dưỡng huyết an thần, trị huyết hư âm tổn, phong dương vọng động.

Gia giảm: Bản phương thuần thuốc nhu nhuận, nên trong quá trình ngoại cảm nhiệt, nếu là nhiệt quá thịnh mà kinh quyết, nhiệt cực động phong là có thực chứng nên dùng *Thanh vinh thang*, hoặc *Hoàng liên a giao thang* gia Linh dương, Câu đằng, *Tử tuyết đan*, không nên dùng phương này, Trong phương, Quy bản, Miết giáp, Mẫu lệ, trừ Mẫu lệ ra, đều là vị nhu nhuận cho nên bất tất dùng cả. Nhu nhị giáp phục mạch là phương này bỏ Quy bản. *Nhất giáp phục mạch thang* là phương này bỏ Quy bản, Miết giáp, Ma nhân. Nếu mạch lui, tinh thần mệt mỏi muốn hư thoát, nên gia Ngũ vị tử, Kê tử hoàng gọi là “đại định phong châu” (hạt ngọc qui định được phong) có thể gia cả Nhân sâm (tức là *Sinh mạch tán* hợp dụng).

Phụ phương:

Linh dương giác thang:

Linh phương giác, Quy bản, Sinh địa, Đan bì, Bạch thược, Sài hồ, Bạc hà, Thiên thoái, Cúc hoa, Hạ khô thảo, Thạch quyết minh.

Phương này khác phương “*Tam giáp phục mạch thang*”: Tam giáp phục mạch trọng về tư dưỡng tinh huyết, nuôi âm tiềm dương. Còn phương trên một mặt dùng Địa hoàng, Cúc hoa, Quy bản để đục âm tiềm dương, mặt khác tập trung dùng Linh dương giác, Đan bì, Bạc hà, Thiên thoái, Cúc hoa, Hạ khô thảo, Thạch quyết minh, Sài hồ là trọng về bình can tức phong, trị chứng can thận bất túc, can dương thượng cương, can phong nội động biểu hiện các chứng: đau đầu chóng mặt kịch liệt mặt mắt môi lưỡi đều run, nặng nữa thì tứ chi co giật.

KHIÊN CHÍNH TÁN ⁽¹⁾

« Dương thị gia tàng phương »

Thành phần: Bạch phụ tử, Cương tâm, Toàn yết đều bằng nhau. Các vị nghiền bột mịn trộn đều thành thuốc bột.

Cách dùng: Mỗi lần uống 4 gam, với rượu nóng, cũng có thể sắc nước làm thang uống. Trong phương này, có vị Bạch phụ tử tính độc, không nên uống quá liều.

Công dụng: Khư phong đàm, chống kinh lâm co quắp.

Chủ trị: Mặt tê đau, mồm mắt méo xệch, gân cơ trên mặt máy động (gân rung thịt máy).

Giải bài thuốc: Phương này dùng Bạch phụ tử để tán phong tà ở vùng đầu mặt, Cương tâm khư phong đàm, Toàn yết tức phong trần kinh, hai vị này hợp dụng, có công năng suu phong thông lạc. Nếu dùng rượu mà uống thuốc, thì dẫn được sức thuốc của ba vị thượng hành. Đến thẳng nơi có bệnh ở đầu mặt.

⁽¹⁾ Khiên: Dắt tức là dẫn cho qui về chính khí.

Phương này thích lợi chữa các chứng phong. Đàm làm trở ngại kinh lạc vùng đầu mặt. Không có chứng trạng toàn thân. Cổ nhân cho rằng 3 vị trên chạy thẳng lên lạc mạch vùng đầu mặt, khu phong hóa đàm, rất là đặc lực, không cần gia thêm vị thuốc khác. Nhưng nếu khí hư huyết ứ, hoặc xen phong nội động mà dẫn đến mồm mắt méo xệch (khẩu nhỡn oa tà). Hơn nữa 1 chi hoặc nửa người không cử động được, thì phương này không thể chuyên trị được.

NGỌC CHÂN TÁN

(Phụ: Ngũ hổ truy phong tán)

« Ngoại khoa chính tông »

Thành phần:

- | | | | | | |
|----------------|---------|----------------|--------|----------------|--------|
| 1. Bạch phụ tử | 480 gam | 3. Thiên ma | 40 gam | 5. Bạch chỉ | 40 gam |
| 2. Nam tinh | 40 gam | 4. Phòng phong | 40 gam | 6. Khương hoạt | 40 gam |

Cách dùng: Mỗi lần dùng 0,6-1 gam thuốc bột ngày 1-2 lần uống với rượu nóng hoặc với nước nóng, uống thuốc xong phải kiêng gió, quạt. Có thể dùng ngoài: hòa thuốc vào rượu hoặc giấm mà đồ.

Bạch phụ, Nam tinh dùng sống có tính độc, cho nên không được quá liều lượng.

Phụ nữ có mang cấm dùng.

Công dụng: Khu phong đàm, trần kinh.

Chủ trị: Phá thương phong (uốn ván - tetanos) nha quan khẩn bệ, giác cung phản trương (người uốn cong như cái ván gỗ vênh cong).

Giải bài thuốc: Phương này ở trong sách « Bản sự phương » chỉ có Nam tinh, Phòng phong để trị phá thương phong (sỏi uốn ván) người sau do kinh nghiệm lâm sàng gia Khương hoạt, Bạch chỉ, Thiên ma, Bạch phụ-Bạch phụ, Nam tinh khu phong đàm, Khương hoạt, Bạch chỉ, Thiên ma sơ tán phong tà trúng vào kinh lạc.

Phụ phương:

Ngũ hổ truy phong tán:

Là nghiệm phương lâm sàng gần đây. Gồm các vị:

- | | | | |
|------------------|--------|------------------|-------|
| 1. Thiên thoái | 40 gam | 4. Toàn yết | 7 con |
| 2. Nam tinh | 8 gam | 5. Cương tâm sao | 7 con |
| 3. Minh thiên ma | 8 gam | | |

Ngày dùng 1 thang sắc nước uống. Trước khi uống thuốc, dùng Chu sa 2 gam uống với rượu trị phá thương phong nhất định hiệu quả. Loại có phương chỉ dùng độc vị là thiên (thuyền) thoái bỏ đầu, chân, cánh sao vàng tán thành bột 20 gam hòa với 80 gam rượu mà uống (sung phục). Đó là 1 liều trong 1 ngày.

Hoặc có khi dùng Thiên thoái 40 gam-60 gam hòa với lượng rượu bằng trong lượng thuốc rồi cho vào nước sắc uống. Ngày 1 thang.

KẾT LUẬN

Chương này lựa chọn 9 phương tễ (kể cả phụ phương).

Chỉ kinh tán chuyên về trần kinh, bất luận là nội phong, ngoại phong đều dùng được. *Trần can tức phong thang*, *Thiên ma câu đằng ẩm* và phụ phương là *Linh dương câu đằng thang*, *Linh dương giác thang* dùng để tức can phong. *Tam giáp phục mạch thang* chủ yếu dùng điều trị sau khi ngoại cảm nhiệt bệnh có hư phong nội động thuộc về trị nội phong. *Khiên chính tán* chuyên trị tê ở mặt. *Ngọc phân tán* và phụ phương *Ngũ hổ truy phong tán* chuyên trị phá thương phong, là thuốc chuyên trị ngoại phong.

Chương 21

THUỐC TRỌNG TRẤN AN THẦN

Thuốc trọng trấn gồm chủ yếu là Chu sa, Tỳ thạch, Long cốt, Mẫu lệ là các vị thuốc loại khoáng vật, hoặc loại giáp xác (vỏ các động vật nhuyễn thể như sò, trai...) mà hợp thành để trị kinh cuồng mất ngủ, hồi hộp, thờ ơ. “Trọng khả trấn khiếp” (nặng có thể làm hết sợ).

Thuốc trọng trấn có thể an thần, nhưng an thần không chỉ ở trọng trấn. Các loại thuốc khác như dưỡng huyết (dưỡng tâm) có thể an thần; thanh tâm (giáng hỏa) cũng có thể an thần; giao thông tâm thận cũng có thể an thần; hóa đàm hòa vị cũng có thể an thần.

Phạm chọn lựa những vị thuốc có công năng nói trên để lập phương trị mất ngủ, hồi hộp trống ngực đánh đều đạt mục đích an thần, và đều có thể gọi là thuốc an thần được.

QUẾ CAM LONG MẪU THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------|----------|-------------|-----------|
| 1. Quế chi | 4-12 gam | 3. Long cốt | 20-40 gam |
| 2. Cam thảo | 8-12 gam | 4. Mẫu lệ | 20-40 gam |

Cách dùng: Ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Trấn kinh an thần, thông dương chỉ hãn.

Chủ trị: Tâm quý (tâm hồi hộp) chính xung (sợ hãi) ra mồ hôi, chân tay lạnh, chất lưỡi đậm nhuận.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Quế chi, Cam Thảo ôn thông tâm dương. Long cốt, Mẫu lệ nặng để trấn khiếp, phối ngũ thành phương trọng trấn an thần.

Gia giảm: Phương này bỏ Quế, Cam gia Nhân sâm, Bào phụ tử sắc nước gọi là *Sâm phụ long cốt thang* tức là biến phương ôn thông tâm dương thành phương ôn bổ thận dương, là một phương thuộc đại - (rất kín đáo) đại cô (rất bền chặt) để trị chứng vong dương hư thoát ra mồ hôi, tứ chi lạnh, tinh thần hoảng hốt là chứng đại nguy cấp.

HẮC TÍCH ĐẠN

(Phụ: Nhị vị hắc tích đan)

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

- | | |
|----------------------|--------|
| 1. Hắc tích (chì Pb) | 80 gam |
| 2. Lưu hoàng (S) | 80 gam |
| 3. Xuyên luyện tử | 40 gam |
| 4. Hồ lô ba | 40 gam |
| 5. Mộc hương | 40 gam |
| 6. Sao phụ tử | 40 gam |
| 7. Nhục đậu khấu | 40 gam |
| 8. Bỏ cốt chỉ | 40 gam |
| 9. Dương khởi thạch | 40 gam |
| 10. Trầm hương | 40 gam |
| 11. Hồi hương | 40 gam |
| 12. Nhục quế | 20 gam |

¹ Phong: Là gói như niêm phong. Ở đây dịch là kín đáo (ND).

Cách dùng: Các vị trên nghiền bột, viên bằng hồ gạo to bằng hột ngô đồng: Mỗi lần uống 4-12 gam vào lúc đói bằng nước nóng hoặc nước muối loãng. Ngày uống 1 lần. Mỗi liệu có thể uống từ 3-5 ngày. Không nên uống kéo dài để phòng trúng độc chì. Có thể dùng vải bọc thuốc nói trên cho vào nước sắc uống. Phụ nữ có mang cấm dùng.

Công dụng: Ôn thận dương, tán âm hàn, trấn nghịch khí, định hư suyễn.

Chủ trị: Hạ nguyên hư lạnh, thận bất nạp khí. Khí suyễn lên trên, đàm tắc trong ngực, tay chân giá lạnh, trên đầu ra mồ hôi lạnh, mạch trầm tế, lưỡi nhạt rêu trắng... là chứng hạ hư Thượng thực.

Giải bài thuốc: Hắc tích giáng nghịch khí trừ đờm đãi, Lưu hoàng bổ mệnh môn hỏa tiêu âm hàn. Hai vị dùng để trấn nhiếp phù dương là thuốc chủ yếu để ôn giáng nghịch khí. Hồ lô la, Bồ cốt chi, Dương khởi thạch, Nhục quế, Phụ tử, đều có tác dụng ôn thận dương, bổ mệnh môn hỏa, nhất là hai vị quế phụ càng có công năng dẫn hỏa qui nguyên, hiệp trợ cho Lưu hoàng Hắc tích bình giáng nghịch khí.

Khí suyễn không thuận, tất phải trệ mà không thư phái cho nên dùng Trầm hương thuận khí, Mộc hương hành khí, Xuyên luyện tử lý khí, lưu thông khí cơ để bình suyễn trị chứng thương thực. Dương hư bất chấn (không đẩy lên được) thì âm hàn từ trong mà sinh ra, cho nên lại dùng Hồi hương, Nhục đậu khấu giúp thuốc ôn bổ mà tán được âm hàn. Vì vậy, phương này không những trị được chứng hạ hư thượng thực mà còn trị được chứng đau bụng do hạ tiêu hàn lạnh. Nhưng cũng cần phải nói rõ chứng hạ hư thượng thực của phương này:

Hạ hư là chỉ hạ nguyên hư lạnh, thượng thực là chỉ đờm khí thượng nghịch. Chứng này rất khác về căn bản với những hạ hư thượng thực do âm hư hỏa vượng mà ra, không được dùng làm phương. Hơn nữa, phương này tuy sức ôn trấn tán hàn có thừa, công năng bổ ích tinh khí lại không đủ, chỉ là phương dùng tạm chứ không phải là phương chữa gốc bệnh, vả lại phương này chuyên trị thận, mà không chuyên trị phế. Nếu có chứng hạ hư thượng thực, đờm suyễn phát tác, mà chứng thượng thực là chủ yếu, thì không nên chỉ chuyên dùng phương này được (nên tham khảo chương thứ 14 chỉ khái Bình suyễn và hóa đàm tễ phần lý giải *Tô tử giáng khí thang*).

Phụ phương:

Nhiệm vụ hắc tích đan: (Một tên nữa là: *Y môn hắc tích đan*)

Chỉ có hai vị Lưu hoàng và Hắc thích hợp thành cũng trị hư suyễn.

TỪ CHU HOÀN

« Thiên kim yếu phương »

Thành phần:

- | | |
|-------------|---------|
| 1. Từ thạch | 40 gam |
| 2. Chu sa | 40 gam |
| 3. Lục khúc | 160 gam |

Cách dùng: Nghiền nhỏ, luyện mật, làm viên-mỗi ngày 8 gam uống với nước, lúc đói có thể lấy bao vải bọc thuốc sắc thành thang tễ mà uống.

Công dụng: Nạp phù dương, trấn tâm, minh mục.

Chủ trị: Nhìn vật không rõ, tai ù tai điếc, đầu đau đầu vụng, tim hồi hộp (tâm quế).

Giải bài thuốc: Bản phương dùng Từ thạch, Chu sa để nhiếp nạp phù dương, trấn tâm an thần, minh mục (làm sáng mắt); Lục khúc trợ tiêu hóa làm cho hai vị thuốc đan thạch trên không làm hại vị khí mà còn làm lợi sức vận hành của thuốc ấy. Nhưng phương này tuy có Lục khúc trợ vận, Từ thạch Chu sa đều là kim thạch nên đối với bệnh nhân tỳ vị hư nhược thì nên chuyển thành thang để uống..

BỔ TÂM ĐAN

(Tên cũ: *Thiên vương bổ tâm đan*)

« Thể y đặc hiệu phương »

Thành phần:

1. Nhân sâm	20 gam	7. Cát cánh	20 gam
(hoặc Đảng sâm)		8. Đương quy	40 gam
2. Huyền sâm	20 gam	9. Thiên môn	40 gam
3. Đan sâm	20 gam	10. Mạch đông	40 gam
4. Bạch phục linh	20 gam	11. Bá tử nhân	40 gam
5. Ngũ vị tử	40 gam	12. Toan táo nhân	40 gam
6. Viễn chí	20 gam	13. Sinh địa	160 gam

Cách dùng: Các vị thuốc nghiền bột, luyện với mật làm hoàn, viên to bằng hạt Ngô đồng, lấy Chu sa làm áo. Mỗi ngày dùng 12 gam chia làm 2 lần uống, hoặc uống trước khi ngủ với nước. Hoặc có thể sắc thuốc làm dạng thang.

Công dụng: Tư âm, dưỡng huyết an thần.

Chủ trị: Mất ngủ, tim hồi hộp (tâm quý) ra mồ hôi trộm (đạo hãn) lưỡi khô, mạch tế sắc.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Sinh địa, Thiên môn, Mạch đông, Huyền sâm để dưỡng âm; Đan sâm, Đương quy dưỡng tâm huyết; Chu sa, Phục linh, Viễn chí, Táo nhân, Bá tử nhân an thần, Nhân sâm bổ tâm khí, Ngũ vị tử liễm tâm âm. Cát cánh dẫn thuốc đi lên để thông được tâm khí, khiến cho sức thuốc tác dụng được ở Thượng tiêu. Phương này trị tâm âm hư mà hỏa không vượng lắm gây chứng mất ngủ thì nhất định hiệu quả.

CHU SA AN THẦN HOÀN

« Lan thất bí tàng »

Thành phần:

1. Hoàng liên	6 gam	4. Qui thân	2 gam
2. Chu sa	4 gam	5. Chích thảo	2 gam
3. Sinh địa	2 gam		

Cách dùng: Nghiền bột, làm hoàn. Mỗi lần 4-12 gam uống trước khi đi ngủ, hoặc ngày uống 3 lần (chia đều liều thuốc làm 3) uống với nước nóng, hoặc sắc thuốc với nước làm thang tùy chứng gia vị.

Công dụng: Trấn tâm an thần, dưỡng âm thanh hỏa.

Chủ trị: Tim hồi hộp (tâm quý) sợ hãi (chính xung) phiền táo không ngủ được, lưỡi đỏ mạch sắc.

Giải bài thuốc: Chu sa định tâm an thần, dùng lượng lớn để tư âm dưỡng huyết để chữa chứng tâm thận âm hư, tâm huyết bất túc mà tâm hỏa cang thịnh.

HOÀNG LIÊN A GIAO THANG

« Thương hàn luận »

Thành phần:

1. Hoàng liên	4 gam	4. Kê tử hoàng	2 quả
2. A giao	12 gam	(lòng đỏ trứng gà)	
3. Hoàng cầm	12 gam	5. Bạch thược	12 gam

Cách dùng: Sắc thuốc làm 2 nước. Trộn 2 nước thuốc làm một, rồi cho A giao vào đun tiếp cho tan để nguội, cho lòng đỏ trứng gà để sống vào thuốc khuấy đều rồi chia làm 2 lần uống. Khi uống hâm thuốc cho nóng.

Công dụng: Tư âm giáng hỏa.

Chủ trị: Âm hư hỏa vượng, tâm phiền, mất ngủ, lưỡi đỏ, rêu khô, mạch tế sắc.

Giải bài thuốc: Phương này dùng cầm, liên giáng hỏa; Kê tử hoàng, Bạch thược, A giao dưỡng âm huyết. Đối với chứng âm hư hỏa vượng nặng gây mất ngủ dùng phương này rất có hiệu quả.

Gia giảm: Trên lâm sàng có thể gia Nữ trinh tử, Hạn liên thảo, âm hư nặng, tân dịch hao thương, yết hầu khô ráo gia Huyền sâm, Mạch đông, Thạch斛. Hỏa vượng nặng trong tâm bồi hồi gia Sơn chi, tiên Trúc điệp. Khi ngủ hay kinh hoàng mà dễ tỉnh gia Long xỉ, Trân châu mẫu. Ngủ không được say gia Toan táo nhân, Dạ giao đằng.

TOAN TÁO NHÂN THANG ⁽¹⁾

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

1. Toan táo nhân 8-16 gam
2. Tri mẫu 12 gam
3. Xuyên khung 6 gam
4. Cam thảo 8 gam
5. Phục linh 12 gam

Cách dùng: Trước khi ngủ sắc 1 nước uống ngay. Táo nhân nên sao kỹ nghiền bột mà ăn.

Công dụng: Bình hư phiền, định tâm thần.

Chủ trị: Tâm phiền mất ngủ, ngủ nhiều mộng寐, hay kinh hoàng mà tỉnh (thỉnh ngủ) đầu nặng, đau đầu, phiền táo hay giận, mạch huyền tế và sắc.

Giải bài thuốc: Toan táo nhân bổ can dưỡng huyết, làm chủ dược. Phò tá có Xuyên khung thượng hành dầu mục, sơ can tán uất; Tri mẫu tư âm giáng hỏa để thanh can dương; Phục linh hiệp trợ Táo nhân định tâm an thần, Cam thảo hoãn cấp điều trung. Phương này dùng chữa bệnh can khí uất kết hóa hỏa gây ra mất ngủ.

Gia giảm: Trên lâm sàng hay gia Hợp hoan bì, Uất kim, Đương quy, Bạch thược, Phục linh, Chu sa.

GIAO THÁI HOÀN

« Hàn thị y thông »

Thành phần:

1. Hoàng liên 4 gam
2. Nhục quế 2 gam

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, uống thuốc trước khi đi ngủ 3 giờ. Có thể phân làm 2 lần uống buổi sáng và quá trưa.

Công dụng: Giao thông tâm thận.

Chủ trị: Mất ngủ, khi đi nằm tinh thần hưng phấn tâm hồi hộp không yên, không nằm được. Ban ngày đầu hôm (như mê) hay buồn ngủ.

Giải bài thuốc: Hoàng liên, Nhục quế cùng dùng. Theo nền văn hóa cổ trung y có câu rằng: “năng giao tâm thận vu đồn khắc” (nghĩa là hay giao thông tâm thận ngay tức khắc, để hình dung cái công hiệu an miên (ngủ yên) của phương) chứng mất ngủ, phần nhiều do tâm hỏa thượng cang. Nhưng tâm hỏa thượng cang được, lại do thận âm bị hao tổn, cũng có thể do thận dương suy nhược mà ra. Loại

⁽¹⁾ Nguyên bản không thấy chú thích gì.

trước thuộc về âm hư hỏa vượng, loại sau thuốc về hỏa bất qui nguyên. Hai loại hình này tuy khác nhau nhưng đều thuộc cơ chế “tâm thận bất giao”. Cho nên trong phương chữa chứng mất ngủ, thường dùng Hoàng liên tả tâm hỏa; phối ngũ A giao, Kê tử hoàng, Bạch thược để tu dưỡng thận âm, chế ngự được cang dương. Nếu phối hợp Nhục quế là để ôn thận dương là pháp dẫn hỏa qui nguyên đó.

Hai loại phối ngũ này đều thuộc trị pháp “giao thông tâm thận”.

Bản phương dùng hai vị Hoàng liên, Nhục quế. Hoàng liên thanh tâm để tả hỏa thượng cang. Nhục quế ôn thận để dẫn hỏa qui nguyên. Khiến cho tâm thận giao nhau là tự ngủ yên được. “Được giản hiệu đa” thuốc ít mà công hiệu nhiều, cho nên mới có tên là GIAO (là ý nghĩa tâm thận hỗ trợ để chế ước). Trên kinh nghiệm lâm sàng, nếu chỉ đơn thuần dùng thuốc trấn tĩnh an thần thường không có hiệu quả. Nếu gia thêm ít chút thuốc hưng phấn thường hay thu được hiệu quả man.

Phương này dùng Hoàng liên phối hợp với lượng nhỏ Nhục quế, hai vị cùng dùng chính là pháp phối ngũ ấy. Ngoài ra Viễn chí, Xương bồ có tính vị tân ôn, công năng khai khiếu, lại phối hợp thuốc dưỡng huyết trọng trấn có công hiệu an thần thì cũng gọi là pháp “giao thông tâm thận”.

Thí dụ như Hoàng liên hợp Nhục quế ở phương này có thể tùy tình hình thực tế mà gia giảm, nhưng lượng của Nhục quế phải ít hơn lượng của Hoàng liên.

KẾT LUẬN

Bản chương tuyên tị các phương; *Quế cam long mẫu thang*, *Hắc tích đan*, *Từ chu hoàn* là các phương tể trọng trấn.

- *Quế cam long mẫu thang* để trấn tâm, liễm hãn làm chủ, chữa tâm quý, chính xung (sợ hãi) ra mồ hôi nhiều.

Hắc tích đan lấy nạp khí ôn thận làm chủ để chữa hạ hư thượng thực.

Từ chu hoàn lấy trấn liễm phù dương làm chủ dùng để sáng mắt.

- An thần tể gồm các phương *Bổ tâm hoàn*, *Chu sa an thần hoàn*, *Hoàng liên a giao thang*, *Toan tân nhân thang*, *Giao thái hoàn*. Các phương này chủ yếu để chữa chứng mất ngủ.

Ba phương trên có công dụng như nhau nhưng *Bổ tâm hoàn* lấy tư âm dưỡng huyết làm chủ. *Chu sa an thần* lấy giáng hỏa làm chủ. *Hoàng liên a giao thang* thì tư âm và giáng hỏa cùng coi trọng. *Toan tân nhân* chứng sơ can giải uất, giáng hỏa an thần. *Giao thái hoàn* giao thông tâm thận dẫn hỏa qui nguyên. Tác dụng của các phương không giống nhau.

Trị chứng mất ngủ còn có các phương thường dùng như *Quy tỳ hoàn*, trị tâm tỳ huyết hư, *Ôn đờm thang* thích hợp chữa chứng đờm nhiệt thượng kháng, nên cần tham khảo.

Còn phải nêu lên một vấn đề quan trọng là: Các chứng mất ngủ lâu ngày có liên quan đến yếu tố tinh thần, không nên chỉ ý lại vào thuốc để giải quyết các chứng ấy.

¹ Giao thái: Chữ giao đồng nghĩa chữ tế trong kinh Dịch.

Phụ: THÀNH DƯỢC (THUỐC CHẾ SẴN)

1. DƯỠNG HUYẾT AN THẦN ĐƯỜNG TƯƠNG (hoặc phiến)

(Thượng Hải sản xuất)

Thành phần:

- | | |
|------------------|------------------|
| 1. Tiên hạc thái | 5. Thục địa |
| 2. Hắc hạc liên | 6. Hợp hoan bì |
| 3. Dạ giao đằng | 7. Kê huyết đằng |
| 4. Sinh địa | |

Các vị trên chế thành dạng xi rô (đường tương) hay dạng viên dẹt (phiến).

Cách dùng: Mỗi ngày uống 3 lần. Nếu là xi rô, mỗi lần uống từ 1 đến 3 thìa canh. Nếu là phiến tễ. Mỗi lần uống 5 viên. Uống với nước chín.

Công dụng: Dưỡng huyết an thần.

Chủ trị: Mất ngủ, tâm quý, huyết vụng chóng mặt, nhĩ minh tai ù).

2. AN THẦN BỔ TÂM HOÀN (hoặc phiến)

(Thượng Hải sản xuất)

Công thức:

- | | |
|------------------|----------------|
| 1. Trân châu mẫu | 6. Hợp hoan bì |
| 2. Dạ giao đằng | 7. Thỏ ti tử |
| 3. Nữ trinh tử | 8. Sinh địa |
| 4. Hắc hạn liên | 9. Xương bồ |
| 5. Đan sâm | 10. Ngũ vị tử |

Cách dùng: Mỗi ngày 3 lần. Viên tròn (hoàn) mỗi lần 15 viên. Viên dẹt (phiến) mỗi lần 4 viên. Uống với nước nóng.

Công dụng: An thần.

Chủ trị: Mất ngủ, tâm quý, huyết vụng, tai ù.

3. ĐAN PHƯƠNG (thuốc một vị)

1. Toan táo nhân 15-25 hạt sao vàng (gọi là bán nhiệt) đảo kỹ và nghiền thành bột. Trước khi đi ngủ dùng nước nóng uống với thuốc này, chữa được mất ngủ. Thành phần dược lý trị mất ngủ của Táo nhân có trong hàm lượng chất tinh dầu của Táo nhân cho nên khi sử dụng phải đem nghiền nhỏ, đồng thời, chất thơm của tinh dầu Táo nhân dễ khuếch tán, nên trước khi uống thuốc mới nghiền nhỏ thì công hiệu mới hoàn hảo.

2. Ngũ vị tử 4 gam tới 12 gam sắc với nước, chia làm 2 lần uống trong 1 ngày. Trị mất ngủ.

Chương 22

THUỐC CỐ SÁP

Phạm lấy các vị thuốc có tính thu liễm cố sáp làm chủ dược để điều trị các chứng khí huyết tinh dịch hao tán hay hoạt thoát, mà lập thành phương đều thuộc phương tễ cố sáp với ý nghĩa “Sáp khả cố thoát” (nghĩa là sáp có thể giữ vững không cho thoát ra). Các loại phương này chủ trị các chứng tự hãn, đạo hãn, di tinh, hoạt tinh, tiểu tiện bất cầm, băng lậu đái hạ, trường hư hoạt thoát cho đến các chứng ho lâu không khỏi v.v... phần nhiều hay phối ngũ với các loại thuốc bổ ích mà ứng dụng.

Bệnh mới mắc không nên dùng thuốc cố sáp. Khi xuất hiện các chứng đàm trọc nội thịnh thì phải nhớ cầm dùng.

MẪU LỆ TÁN

« Hòa tễ cục. phương »

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------|-----------|------------------|-----------|
| 1. Mẫu lệ nướng | 20-40 gam | 3. Ma hoàng căn | 12-20 gam |
| 2. Hoàng kỳ | 16 gam | 4. Phù tiêu mạch | 20-40 gam |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột. Hiện nay dùng dạng thang sắc nước, chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ khí, liễm âm, cố biểu, chỉ hãn.

Chủ trị: Khí âm bất túc, tự hãn, đạo hãn, tâm quý (tim hồi hộp sợ hãi).

Giải bài thuốc: Mẫu lệ cố sáp, Ma hoàng căn chỉ hãn, Phù tiêu mạch dưỡng tâm liễm hãn. Hoàng kỳ bổ khí cố biểu. Bốn vị phối hợp cùng dùng mục đích chủ yếu là liễm mồ hôi. Bất luận là chứng tự hãn hay đạo hãn đều có thể gia giảm mà ứng dụng phương này.

Gia giảm: Tự hãn nên trọng dụng Hoàng kỳ và gia thêm Bạch truật; đạo hãn nên gia Lỗ đậu y (vỏ đậu), Nhu đạo căn tu (rễ chùm cây lúa nếp), Sương đào can v.v...

NGỌC BÌNH PHONG TÁN

« Thệ y đặc hiệu phương »

Thành phần:

- | | |
|----------------|--------|
| 1. Hoàng kỳ | 24 gam |
| 2. Phòng phong | 8 gam |
| 3. Bạch truật | 8 gam |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột, hiện dùng dạng thang tễ sắc nước uống, hoặc dụng dạng thuốc viên. Mỗi ngày dùng 12 gam, chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Bổ khí, cố biểu, chỉ hãn.

Chủ trị: Khí hư tự hãn, dễ bị cảm mạo.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Hoàng kỳ bổ khí, phò tá có Bạch truật kiện tỳ, cố biểu mà sáp được chứng tự ra mồ hôi. Phòng phong phối ngũ Hoàng kỳ, dẫn Hoàng kỳ ra biểu mà chế ngự phong tà. Hoàng kỳ có Phòng phong thì tránh được cái tệ lưu luyện ngoại tà. Phòng phong có Hoàng kỳ thì tránh được cái tệ phát biểu thái quá. Phương này thuộc về pháp trong bổ có tán, trong tán có bổ vậy.

KIM TỎA CỔ TINH HOÀN

(Phụ: Thủy lục nhị vị hoàn)

« Y phương tập giải »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|--------|-------------------|--------|
| 1. Sa uyển tạt lê | 80 gam | 4. Long cốt nướng | 40 gam |
| 2. Khiếm thực | 80 gam | 5. Mẫu lệ nướng | 40 gam |
| 3. Liên tu | 80 gam | | |

Các thuốc tán nhỏ, lấy Liên nhục nghiền bột, quấy hồ làm thành viên.

Cách dùng: Mỗi tối, khi đi ngủ dùng 12 gam, thuốc viên uống với nước muối hoặc nước chín.

Công dụng: Cố thận, sáp tinh.

Chủ trị: Thận hư, cửa tinh không bền chặt, di tinh.

Giải bài thuốc: Đặc điểm của phương này là 5 vị thuốc đều có tính cố sáp cả, lại đều có tác dụng bổ thận. Trong phương, Long cốt, Mẫu lệ còn có tác dụng trấn tĩnh, Liên tu còn có tác dụng thanh tâm. Có thể chữa chứng tâm thận bất giao, thích hợp các đối tượng thần kinh suy nhược. Toàn phương có tính vị bình hòa, là phương thuốc bình bổ để trị các chứng di tinh rất có hiệu quả.

Phụ phương:

Thủy lục nhị vị hoàn: (Tên cũ là: Thủy lục nhị tiên đan)

Gồm có Khiếm thực, Kim anh hợp thành. Tác dụng cơ bản giống như phương trên.

TANG PHIÊU TIÊU TÁN

« Bản thảo thuật nghĩa »

Thành phần:

- | | | | |
|--------------------|-----------|---------------------------|--------|
| 1. Tang phiêu tiêu | 12 gam | 5. Nhân sâm hoặc Đảng sâm | 12 gam |
| 2. Viễn chí | 8 gam | 6. Phục thần | 12 gam |
| 3. Xương bồ | 6 gam | 7. Đương quy | 12 gam |
| 4. Long cốt | 16-40 gam | 8. Quy bản | 20 gam |

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột. Hiện hay dùng thuốc thang.

Công dụng: Cố sáp, giao thông tâm thận, chỉ di niệu, di tinh, súc tiểu tiện, trị kiện vong (hay quên).

Chủ trị: Tiểu tiện luôn luôn, hoặc đái són, hoạt tinh kiện vong...

Giải bài thuốc: Tang phiêu tiêu bổ thận, cố tinh quan, phò tá có Long cốt, Quy bản tư thận cố sáp, tăng cường công hiệu của tang phiêu tiêu. Phục thần, Xương bồ, Viễn chí khai tâm khiêu, an tâm thần, phối ngũ với các vị thuốc trên có tác dụng giao thông tâm thận. Ngoài ra, còn có Đương quy bổ huyết, Nhân sâm bổ khí để cường tráng thể chất là các vị phụ trợ của phương. Phương này chữa được các chứng nam, phụ, lão, ấu đêm có đái dầm rất hiệu quả...

Gia giảm: Có thể gia Thổ ti tử, Sa uyển tạt lê, Phúc bồn tử, Khiếm thực, Ích khí nhân, Ngũ vị tử và một vài vị bổ thận, súc niệu. Nếu thể chất bệnh nhân không hư nhược lắm, có thể không cần dùng sâm, quy, nhưng các vị Viễn chí, Xương bồ và Phục linh không thể thiếu được.

SÚC TUYỀN HOÀN

« Phụ nhân lương phương »

Thành phần:

1. Sơn dược 240 gam
2. Ô dược 240 gam
3. Ích trí nhân 240 gam

Cách dùng: Các vị nghiền thành bột, dùng nước sôi để nguội luyện thành hoàn to bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 4-12 gam với nước nóng. Ngày 2-3 lần.

Công dụng: Ôn tỳ thận, súc tiểu tiện.

Chủ trị: Người già hạ nguyên hư lạnh, tiểu tiện nhiều lần, hoặc đái són, đái dầm.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Ích trí nhân, Sơn dược ôn bổ tỳ thận, cố sáp tiểu tiện, Ô dược ôn chân tỳ thận hóa khí, khiến cho thận khí đủ, bàng quang cố, khí hóa lấy lại mức bình thường, nên trị được chứng lão nhân thận khí suy mà bàng quang vô lực, tiểu tiện nhiều lần, nóng nữa thì đái són, đái dầm v.v...

CHẤN LINH ĐẠN

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Vũ dư lương 160 gam | 5. Đại giả thạch 160 gam |
| 2. Xích thạch chi 160 gam | 6. Nhũ hương 80 gam |
| 3. Tử thạch anh 160 gam | 7. Một dược 80 gam |
| 4. Ngũ linh chi 80 gam | 8. Chu sa 40 gam |

Cách dùng: Các vị nghiền thành bột mịn trộn đều, gia thêm bột gạo tẻ từ 10% đến 20% làm hồ luyện thành viên to bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần 4-16 gam, ngày 1-2 lần với nước nóng, hoặc cho vào túi vải sắc với nước làm thang.

Công dụng: Chỉ băng đái, khử ứ sinh tân.

Chủ trị: Phụ nữ băng lậu hoặc bạch đới lâu ngày không cầm, tinh thần hoảng hốt, đầu hôn, mắt hoa.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Chu sa, Vũ dư lương, Xích thạch chi, Tử thạch anh, Đại giả thạch là dựa vào lý “trọng khả trấn khiếp” “sáp khả cố thoát” mà có tác dụng trọng có thể an được khiếp sợ, sáp có thể bền chặt mà không hư thoát.

Lại phụ trợ có Ngũ linh chi, Nhũ hương, Một dược hoạt huyết hóa ứ, có tác dụng khử ứ sinh tân. Thông sáp cùng dùng, tương phản tương thành. Phương này trị các chứng băng lậu rất hay.

DŨ ĐỐI HOÀN

(Nguyên danh: *Thư thụ căn hoàn*)

« Thượng Hải thị trung dược thành dược chế tễ qui phạm »

Thành phần:

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| 1. Xuân căn bì 12 gam | 3. Lương khương khô 24 gam |
| 2. Bạch thược 40 gam | 4. Hoàng bá khô 16 gam |

Cách dùng: Các vị tán bột, dùng bột gạo nếp từ 10-20% quấy thành hồ luyện thuốc bột thành viên to bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 4-12 gam. Ngày 1-2 lần với nước chín.

Công dụng: Thanh thấp nhiệt, chỉ đới hạ.

Chủ trị: Các chứng đới hạ của phụ nữ, hoàng đới, bạch đới, xích đới... đều dùng được.

Giải bài thuốc: Phương này là tễ lương sáo, Xuân căn bì có tác dụng thanh thấp nhiệt mà lại cố sáo, cho nên dùng lượng lớn, làm chủ dược của phương. Cùng với hoàng bá, Bạch thực phối ngũ: Hoàng bá thanh giải thấp nhiệt, Bạch thực sơ tiết hòa vinh. Cộng các vị là thuốc thu khổ mà táo thấp, công hiệu của phương ở chỗ: lấy hàn thanh nhiệt, lấy sáo cố thoát. Còn Lương khương khô là thuốc phân tá, để phòng các vị khổ hàn không tổn hại tỳ vị. Toàn phương là “sáo trung hữu tán” tuy thanh nhiệt mà không lưu luyến thấp tà.

Phương này nguyên có tên là *Thư thụ căn* (tức là *Xuân căn bì hoàn*) trong sách “Nhiếp sinh chứng diệu phương”. Hiện nay xí nghiệp dược Thượng Hải đổi tên là “*Dũ đới hoàn*” (Viên làm khỏi chứng đới hạ) đã có thuốc chế sẵn để cung cấp. Lại có phương *Dũ đới hoàn* khác ở sách “đồng hạc đình tập phương” gồm các vị Thục địa, Bạch thực, Đương quy, Hoàng bá, Lương khương, Xuyên khung, Xuân căn bì, công hiệu cũng giống như bản phương.

ĐÀO HOA THANG

(Phụ: *Trú xa hoàn*)

« Thương hàn luận »

Thành phần:

- | | |
|-----------------------------|--------|
| 1. Xích thạch chỉ | 32 gam |
| 2. Can khương | 8 gam |
| 3. Nganh mễ (tức là gạo tẻ) | 20 gam |

Cách dùng: Lấy nửa phần xích thạch chỉ 32-16 g và hai vị Can khương, gạo tẻ cho vào nước chung kỹ. Khi nào gạo chín nhừ, thì chắt nước ra lấy nước thuốc đó hòa với nửa phần xích thạch chỉ còn lại (nhớ tán bột mịn) rồi chia làm 2 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Ôn trung, sáo tràng, chỉ ly.

Chủ trị: Bệnh lý lâu ngày, bụng đau, đại tiện ra mủ máu, hoạt thoát không cầm, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch trì nhược hoặc vị tế.

Giải bài thuốc: Phương này nguyên là phương chữa Thiếu âm bệnh hạ lý ra chất mủ lẫn máu. Hạ lý có máu mủ phần nhiều thuộc nhiệt. Nhưng lý mãi không khỏi tất dẫn đến tỳ thận dương suy xuất hiện mạch nhược, rêu lưỡi trắng nhạt.

Hoạt thoát bất cầm đều quan hệ đến chứng hư hàn. Cho nên gọi là thiếu âm bệnh. Lúc ấy đại tiện ra máu phần nhiều sắc huyết âm đạm không tươi. Thương hàn luận gọi đó là nùng (mủ). Đó chính là chất niêm dịch (một chất nhờn do niêm mạc thành ruột tiết ra). Chứng đau bụng phần nhiều là thích ấn, thích chườm nóng. Hoạt thoát bất cầm là do hạ tiêu không cố nhiếp được mà sinh ra. Cho nên phương này dùng Xích thạch chỉ tính sáo để cố thoát, Can khương tính ôn để tán hàn, Nganh mễ để dưỡng vị hòa trung. Phương này còn chữa được chứng cửu tả (ỉa chảy lâu ngày) mà hoạt thoát. Nếu có chứng thấp nhiệt phải dùng rất thận trọng.

Gia giảm: Tỳ thận dương hư nhiều gia Phụ tử, có thể hợp sâm theo sách “Trừ hậu phương” gọi là *Sâm hợp xích thạch chỉ thang* (Xích thạch chỉ, Can khương, Phụ tử, nếu dưới rốn đau gia Đương quy, Thục dược để trị chứng của *Đào hoa thang* kiêm có chân tay giá lạnh, mạch trầm vị) gia giảm ứng dụng.

Phụ phương:

Trú xa hoàn:

Gồm các vị Hoàng liên, Bào khương, Đương quy, A giao hợp thành.

Trị chứng cửu lý thương âm, đại tiện ra máu mủ, có lúc hoạt thoát không cầm, có lúc ngồi ỉa không ra (buồn đi ỉa mà không ỉa được). Âm bị thương tổn thì bệnh hay thiên về nhiệt cho nên phương

¹ Thư thụ là 1 thứ cây có mùi hôi, rễ dùng làm thuốc, còn gọi là xuân. Ở Việt Nam kinh nghiệm cho biết là có thể dùng Xích đồng nam, Bạch đồng nữ hoặc cây Mần hôi (ND).

này dùng Hoàng liên. Thanh nhiệt chỉ lý, phụ trợ có Đương quy dưỡng âm hòa huyết, lấy thanh nhiệt dưỡng âm, chỉ lý làm chủ, Bào khương làm tá để ôn tán. Phương *Đào hoa thang* chữa chứng cứu lý thương dương, còn phương này chữa chứng cứu lý Thương âm rất là khác nhau.

DUỠNG TẠNG THANG

(Tên cũ: *Chân nhân dưỡng tạng thang*)

« Hòa tễ cục phương »

Thành phần:

1. Bạch thược	64 gam	6. Nhục quế	32 gam
2. Đương quy	24 gam	7. Cam thảo	32 gam
3. Nhân sâm (hoặc Đảng sâm)	24 gam	8. Mộc hương	48 gam
4. Bạch truật	24 gam	9. Kha tử bì	56 gam
5. Nhục đậu khấu	20 gam	10. Anh túc xá	136 gam

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột, nghiền nhỏ, mỗi lần dùng 8 gam, cho vào nước sắc uống. Ngày 2 lần.

Công dụng: Ôn bổ khí huyết, sáo tràng cổ thoát.

Chủ trị: Tả lý lâu ngày, khí huyết hư nhược, hoạt thoát không cảm, bụng đau thích ấn, kém ăn, rêu trắng, mạch trì tế.

Giải bài thuốc: Phương này lấy các vị thuốc cổ sáo chỉ tả làm chủ dược. Cho nên các chủ vị Anh túc xác, Kha tử là sáo dược đặc biệt dùng nhiều, lại phối ngũ với sâm, truật, thảo để bổ khí kiện tỳ. Nhục đậu khấu, Mộc hương ôn trung tán hàn, lý khí chỉ thống, khiến cho thuốc bổ và sáo không làm trệ khí. Toàn phương dựa vào pháp “Tiêu bản đồng trị, chủ thứ kiêm dùng” (dùng sáo dược cổ dược hoạt thoát để trị tiêu); lại dùng bổ dược để bổ khí huyết, để trị bản dùng ôn bổ cổ sáo dược để chỉ tả là chữa “chủ chứng”, lại dùng thuốc tán hàn lý khí chữa đau bụng là chữa “thứ chứng”.

Gia giảm: Hàn nhiều, gia Phụ tử, Can khương. Sau khi đi ngoài lòi dom (thoát giang) là khí hư hạ hãm, phải nên hợp dùng với bổ trung ích khí.

TỬ THẬN HOÀN

« Nội khoa trích yếu »

Thành phần:

1. Bồ cốt chỉ	160 gam	4. Ngô thù du	40 gam
2. Ngũ vị tử	80 gam	5. Đại táo	240 gam
3. Nhục đậu khấu	80 gam		

Cách dùng: Các vị nghiền bột, dùng Sinh khương 320 gam sắc nước làm thang, gia thêm bột mì từ 7-20 gam rồi luyện thuốc đó thành hoàn. Mỗi lần uống từ 8-12 gam, uống lúc đói với nước nóng. Ngày 2-3 lần. Có thể dùng thuốc có dạng thang. Sinh khương đổi làm Bào khương.

Công dụng: Ôn bổ tỳ thận, chỉ cứu tả.

Chủ trị: Tỳ thận hư hàn, cứu tả thành ngũ canh tiết tả, không muốn ăn uống, ăn không tiêu, hoặc bụng đau chỉ lạnh, tinh thần mỏi mệt, mạch trầm trì, lưỡi nhạt.

Giải bài thuốc: Cứu tả phần nhiều do bệnh tỳ vào thận. Phép chữa chú ý vào chữa thận, cho nên phương này trọng dụng Bồ cốt chỉ để ôn bổ thận dương làm chủ dược; phụ trợ có các vị, Ngô thù du ôn trung tán hàn, Nhục đậu, Ngũ vị sáo tràng cổ thoát, khương táo điều hòa tỳ vị. Toàn phương là thuốc ôn bổ tỳ thận nhưng lấy bổ thận làm chủ. Trong phương này, Ngô thù, Nhục đậu một mặt có tác

dùng thông tán, một mặt có tác dụng cổ sấp. Cùng dùng với Bỏ cốt chỉ Ngũ vị thì tác dụng cổ sấp là chủ. Cho nên phương này đặc biệt điều trị chứng cứu tả nhất là ngũ canh .

Gia giảm: *Tứ thân hoàn* có phương bỏ Ngũ vị, Ngô thù gia Tiểu hồi, Mộc hương.

Tiểu hồi hành khí, ôn thân; Mộc hương hành khí chỉ thống cho nên dùng để thực tràng chỉ tả. (Các thuốc chỉ tả hay dùng Mộc hương) công dụng gần giống phương trên nhưng thiên về hành khí.

CỨU TIÊN TÁN

« Y học chính truyền »

Thành phần:

1. Nhân sâm (hoặc Bắc sa sâm)	6-12 gam
2. Khoản đông hoa	6-12 gam
3. Cát cánh	4 gam
4. Tang bạch bì	6-12 gam
5. Ngũ vị	4-8 gam
6. A giao	12 gam
7. Bối mẫu	6-12 gam
8. Anh túc xác (sao mật)	4-8 gam
9. Ô mai	4 gam

Cách dùng: Nguyên là thuốc bột, hiện nay hay dùng dạng thuốc thang sắc với nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bỏ dương khí, âm liễm phế, chỉ khái.

Chủ trị: Phế hư, ho lâu, khí súc, tự hãn, đàm ít hoặc trong đàm lẫn máu, mạch hư.

Giải bài thuốc: Phương này dùng Nhân sâm bổ phế khí, A giao dưỡng phế âm, phụ trợ có Tang bạch bì, Khoản đông hoa tư phế; Ngũ vị tử, Ô mai, Anh túc xác liễm phế. Cát cánh tuyên khai phế khí để làm phân tán và dẫn thuốc đi lên. Phương này chủ trị phế khí hao tán phế âm tổn thương, các chứng ho lâu ít đờm nhất định có hiệu quả. Nhưng chứng ngoại cảm mới mắc, phế khí không tuyên mà có ho suyễn, cho đến trong phế có đình đàm phức ẩm, hoặc ho lâu có đờm nhiều không nên dùng phương này.

KẾT LUẬN

Phân tích các công hiệu cụ thể của chương thuốc cổ sấp này chúng ta có thể phân chia làm năm loại hình:

1. Cổ biểu: *Mẫu lệ tán, Ngọc bình phong tán* dùng để cầm mồ hôi.

2. Cổ thận: *Kim hỏa cố tinh hoàn, Thủy lục nhị vị hoàn* để trị di tinh. *Tang phiêu tiêu tán* dùng chữa trẻ em đái dầm. *Súc tuyền hoàn* dùng chữa người già thận hư, tiểu tiện luôn mà lượng nhiều, hoặc di niệu. (đái không tự chính).

¹ Ngũ canh tả còn gọi là kê minh tả (đi tả lúc gà gáy) hoặc thận tả (cứu tả do thận dương, mệnh môn hỏa suy) ND.

3. Cổ băng chỉ đới: *Chấn linh đan* chủ trị phụ nữ băng lậu bất chỉ. *Dũ đới hoàn* chủ trị phụ nữ xích bạch đới hạ.

4. Sáo tràng cổ thoát: *Đào hoa thang* chủ trị cửu ly thương dương. *Trú xa hoàn* chủ trị cửu ly thương âm. *Dưỡng tạng thang* chủ trị cửu tả hoạt thoát. *Tứ thần hoàn* chủ trị tứ thận dương hư, cửu tả hoặc ngũ canh tiết tả (hay thanh chẩn tả).

5. Liễm phê chỉ khái: *Cửu tiên hoàn* thuộc phương liễm phê chỉ khái.

Phụ: THÀNH DƯỢC (THUỐC CHẾ SẴN)

1. TRỊ ĐỐI PHIẾN

Công thức: Kim anh tử, Thương truật, Tri mẫu, Khổ sâm. Các vị chế thành phiến.

Cách dùng: Mỗi lần 5 phiến ngày uống 2-3 lần với nước.

Công dụng: Tiêu thấp nhiệt, chỉ đới hạ.

Chủ trị: Các loại xích, bạch, hoàng đới hạ.

2. BẠCH ĐỐI HOÀN

Công thức: Long cốt nướng, Lộc giác sương, Bạch chỉ, Phục linh, Bạch truật, Bạch thược, Sơn dược, Mẫu lệ nướng, Can khương cháy, Xuân căn bì, Bồ cốt chỉ, Thục địa.

Cách dùng: Mỗi lần 5 viên, ngày 2 lần.

Công dụng: Kiện tỳ bổ thận, cố sáo chỉ đới.

Chủ trị: Thê hư đới hạ, không có chứng thấp nhiệt hạ trú.

3. KIM ANH TỬ ĐƯỜNG TƯƠNG (xi rô Kim anh)

Công thức: Kim anh tử, Khiêm thực, Phi lai tử.

Cách dùng: Mỗi lần uống 1 thìa, ngày 2-3 lần.

Công dụng: Cố tinh bổ thận.

Chủ trị: Thận hư, di tinh, hoạt tinh.

Chương 23

THUỐC TRỊ UNG DƯƠNG ⁽¹⁾

Thuốc trị các loại chứng ung thương (các nốt và các bệnh ngoài da) chủ yếu là dùng các vị thuốc thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết hóa đàm hoặc ôn thông khí huyết mà lập thành. Công năng cơ thể của các phương tễ này là tiêu viêm, tán kết, bài nùng, đề chuyên dùng chữa các loại chứng nội ung, ngoại thương.

Phương tễ trị ung dương phần nhiều lấy sự công tà khí làm chủ.

VỊ KINH THANG

(Phụ: Ngân vi hợp tễ)

« Thiên kim phương »

Thành phần:

- | | |
|------------------------------------|-----------|
| 10. Tiên lô căn 1 chỉ (tức 80 gam) | |
| 11. Ý dĩ nhân | 20-40 gam |
| 12. Đông qua nhân | 20-40 gam |
| 13. Đào nhân | 12 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bỏ phế hóa đàm, trục ứ bài nùng.

Chủ trị: Phế ung, ho, thờ ra đờm thổi máu mủ, trong ngực lúc đau lúc không, cơ da khô ráo, thô ráp; mạch hoạt sắc, miệng khô, lưỡi đỏ, rêu vàng nhuận.

Giải bài thuốc: Đây là phương thuốc cổ đại trị bệnh phế ung (abcès du poumon), nhưng sức thanh nhiệt giải độc e rằng còn thiếu. Nếu chỉ dùng bài này mà chữa, hiệu quả không cao. Khi uống thuốc này nên gia thêm các vị thuốc thanh nhiệt giải độc như Dã mãng mạch căn⁽²⁾, Ngự tinh thảo, Ngân hoa, Sinh cam thảo, Bồ công anh, Hoàng cầm v.v... Trong đó Dã mãng căn trị các vết thương có mủ trong phổi rất tốt. Cũng nên gia thêm các vị thuốc hoạt huyết hóa ứ như Xích thực, Đan bì, lại càng cần gia thêm Cát cánh để lợi phế khí mà bài nùng (tổng chất mủ ra). Bệnh lâu ngày, khí huyết hư, nên gia Hoàng kỳ, Đương quy bổ hư.

Phụ phương:

Ngân vi hợp tễ:

Đây là phương thuốc kinh nghiệm của bệnh viện Thủ quang ở Thượng Hải, dựa cơ sở của phương trên phát triển lập thành nhưng có sức công tà mạnh hơn. Gồm có các vị:

- | | |
|----------------|-----------|
| 1. Cát cánh | 12 gam |
| 2. Hạnh nhân | 8-16 gam |
| 3. Ngân hoa | 20-40 gam |
| 4. Liên kiều | 20-40 gam |
| 5. Đông qua tử | 12 gam |
| 6. Đào nhân | 12 gam |

⁽¹⁾ Dương còn độc là thương suy sang, chỉ các bệnh ngoài da (ND).

⁽²⁾ Dã mãng mạch căn: Là rễ của một loại lúa mạch hoang dùng làm vị thuốc bên Trung Quốc. Ở Việt Nam dùng rễ lúa nếp cũng được (ND).

7. Tiên lô căn (bỏ đốt) 2 xích (khoảng 40 cm)
8. Hồng tât 4 gam
9. Ngư tinh thảo 40-80 gam.

Các vị hợp thành phương.

(Có một phương khác không có vị Hồng tât, mà có Ma hoàng, Đậu xị, Cam thảo). Phương này chữa chứng phế cùng thương thời kỳ đã có mủ. Nếu có sốt cao, đờm thối nên gia tăng Bạch bì, Địa cốt bì từ 20 đến 40 gam, tâm phiến, khạc thò ra máu mủ nên gia Bách hợp 40 gam, Mạch đông 12 gam, A giao 12 gam, ngực đau nên gia Qua lâu 12 gam, chỉ xác 6 gam, Đan sâm 16 gam.

ĐẠI HOÀNG MẪU ĐƠN THANG

(Phụ: *Lan vĩ hóa đàm thang*, *Lan vĩ thanh giải thang*, *Hồng hoàng bồ phác thang*)

« Kim quỹ yếu lược »

Thành phần:

- | | | | |
|---------------|-----------|------------------|-----------|
| 1. Đại hoàng | 16 gam | 4. Đông qua nhân | 20-40 gam |
| 2. Mẫu đơn bì | 12 gam | 5. Mang tiêu | 12 gam |
| 3. Đào nhân | 12-20 gam | | |

Cách dùng: Sắc với nước uống hàng ngày 1-2 thang.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, tả hỏa trục ứ, tán kết tiêu ung.

Chủ trị: Trường ung, bụng dưới (mé 2 bên) sưng rắn, ấn vào càng đau, sợ lạnh, phát sốt, mạch tượng huyền khẩn (sơ kỳ) hoặc huyền sắc, hoạt sắc, hồng sắc (hậu kỳ, rêu lưỡi vàng nhớt, hoặc vàng khô).

Giải bài thuốc: Chứng Trường ung, theo y học của Tổ quốc cho rằng do nhiệt độc ứ kết trong ruột, huyết ứ không tán mà thành bệnh. Bản phương dùng Đại hoàng thanh nhiệt giải độc, tả hỏa, Đan bì lương huyết tán ứ làm chủ dược. Mang tiêu phụ trợ Đại hoàng tả hạ, Đào nhân phụ trợ Đan bì hoạt huyết phá ứ. Lại gia đông qua nhân tính hàn chất hoạt, có thể thanh đàm nhiệt ở phế, lại dẫn được chất ô trọc ở đại tràng đi và có thể bài nung. Phương này là phương cần thiết để trị nội ung.

Phương này hợp các vị thanh nhiệt giải độc, tả hỏa trục ứ, tán kết tiêu thũng đều có công hiệu. Thường người ta hay dùng phương này để điều trị bệnh viêm ruột thừa cấp tính (Lan vĩ viêm: appendicite).

Gia giảm: Ứng dụng trong lâm sàng thường hay gia vị Hồng tât, Bồ công anh, Ngân hoa, Liên kiều, Cam thảo là các thuốc thanh thanh nhiệt giải độc, và lại gia Nhũ hương, Một dược, Diên hồ sách là các loại thuốc điều khí hoạt huyết giảm đau.

Phụ phương:

1. Lan vĩ¹ hóa đàm thang: « Nam Khai y viện nghiệm phương »

Thành phần:

1. Xuyên luyện tử 20 gam
2. Diên hồ sách 12 gam
3. Đan bì 12 gam
4. Đào nhân 12 gam
5. Mộc hương 12 gam
6. Ngân hoa 20 gam
7. Đại hoàng 12 gam

Có huyết tụ thành khối nên gia Hồng tât từ 40-80 gam.

¹ Lan vĩ tiếng Trung Quốc nghĩa là ruột thừa, không phải huyết Lan vĩ (ND).

Cách dùng: Ngày 1 tễ uống làm 1 lần hoặc chia làm 2 lần uống.

Công dụng: Hành khí hoạt huyết là chủ. Thanh nhiệt giải độc là phụ.

Chủ trị: Bệnh viêm ruột thừa cấp tính ở thời kỳ có ứ trệ (có hình khối) hoặc đã biến chứng viêm phúc mạc (péritonite), thời kỳ sau của chứng viêm ruột thừa, khối sưng có mũ đã tiêu tán, sốt không lui, bụng lại chướng đầy, khí nóng, ăn kém lợm lòng, khí trệ nặng thì bụng đau ở quanh rốn, huyết ứ nặng thì điểm đau ở chỗ nhất định, nơi đau cự ấn (chống lại sự ấn) hoặc có xuất hiện hình khối. Đại tiện bình thường hoặc bí kết, tiểu tiện nước trong hoặc vàng, mạch tượng huyền khẩn, hoặc sáp, hoặc tế, rêu trắng, chất lưỡi bình thường, hoặc có tử ban (nốt huyết ứ).

2. Lan vĩ thanh hóa thang: « Nam Khai y viện nghiệm phương »

Thành phần:

1. Ngân hoa	40 gam	5. Xuyên luyện tử	12 gam
2. Bồ công anh	40 gam	6. Xích thực	16 gam
3. Đan bì	20 gam	7. Đào nhân	12 gam
4. Đại hoàng	20 gam	8. Sinh cam thảo	12 gam

Thấp nhiệt nặng gia Hoàng liên, Hoàng cầm là thuốc khổ hàn táo thấp, thanh nhiệt.

Thấp nặng gia Bạch khấu nhân, Hoắc hương là thuốc phương hương hóa thấp.

Cách dùng: Mỗi ngày 2 thang. Chia ra 4 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, hành khí hoạt huyết lại hóa thấp thông tiện.

Chủ trị: Bệnh viêm ruột thừa cấp tính thời kỳ phát sốt, hoặc ruột sớm sưng mũ, hoặc đã viêm phúc mạc, có dề nhiệt (sốt âm) hoặc phát sốt sau giờ ngo, miệng khô khát, bụng đau, đại tiện bí, tiểu tiện vàng, hoặc thấp nhiệt nặng gây ra đau đầu chóng mặt, sốt không lui, lợm lòng nặng, miệng khát không muốn uống, bụng trước đau, hung quân bỉ mãn, hoặc đại tiện tiết tả, mạch huyền sáp, hoạt sáp, rêu lưỡi vàng khô, hoặc vàng nhợt, chất lưỡi đỏ, hoặc đầu lưỡi đỏ.

3. Lan vĩ thanh giải thang: « Nam - Khai y viện nghiệm phương »

Thành phần:

1. Ngân hoa	80 gam	5. Đan bì	20 gam
2. Bồ công anh	40 gam	6. Mộc hương	12 gam
3. Đông qua nhân	40 gam	7. Xuyên luyện tử	12 gam
4. Đại hoàng	32 gam	8. Sinh cam thảo	12 gam

(Đại nhiệt, đại khát gia Sinh thạch cao 40 gam, Thiên hoa phấn 20 gam).

Cách dùng: Mỗi ngày 2 thang, chia làm 4 lần uống hoặc mỗi ngày 4 thang chia nhiều lần uống cả ngày đêm.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc là chủ yếu. Hành khí hoạt huyết là thứ yếu.

Chủ trị: Viêm ruột thừa cấp tính thời kỳ độc nhiệt, phần lớn bệnh tình nghiêm trọng, có thur (nhọt âm) viêm ruột nặng, hoặc viêm ruột thừa dẫn đến biến chứng viêm phúc mạc, phát sốt, sợ rét hay không sợ rét, miệng khô, khát nước, mặt đỏ, mắt đỏ, môi khô, lưỡi ráo nôn dữ không ăn được, bụng chướng ấn vào khó chịu, nặng thì bụng cứng rắn, đại tiện bí kết, tiểu tiện đỏ sáp, hoặc đái đau, mạch hồng hoạt sáp, đại hoặc huyền sáp hữu lực, rêu lưỡi vàng tác hoặc vàng nhợt, chất lưỡi đỏ giáng hoặc đầu lưỡi đỏ.

4. Hồng hoàng bồ phác thang:

Thành phần:

- | | | | |
|----------------|--------|-------------------|-------|
| 1. Hồng tấu | 80 gam | 3. Sinh đại hoàng | 8 gam |
| 2. Bồ công anh | 40 gam | 4. Hậu phác | 8 gam |

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang, chia 2 lần sắc uống.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tiêu ung.

Chủ trị: Bệnh viêm ruột thừa cấp tính.

TIÊU UNG THANG

(Tên cũ là: *Tiên phương hoạt mệnh ẩm*)

« Phụ nhân lương phương »

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------|--------|--------------------|--------|
| 1. Sơn giáp nung | 12 gam | 8. Phòng phong | 12 gam |
| 2. Thiên hoa phấn | 12 gam | 9. Một dược | 12 gam |
| 3. Sinh cam thảo | 12 gam | 10. Tạo giác thích | 12 gam |
| 4. Nhũ hương | 12 gam | 11. Đương quy vĩ | 12 gam |
| 5. Bạch chỉ | 12 gam | 12. Trần bì | 12 gam |
| 6. Xích thực | 12 gam | 13. Ngân hoa | 40 gam |
| 7. Tượng bối | 12 gam | | |

Cách dùng: Sắc thuốc với nước, thêm rượu 2 thìa canh. Mỗi ngày uống từ 1 đến 2 thang, chia từ 2-4 lần uống trong 1 ngày.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tiêu ung.

Chủ trị: Ung mới mọc, sưng nóng đỏ đau thuốc về dương chứng.

Giải bài thuốc: Bản phương là phương thuốc chủ yếu thường dùng để chữa các chứng ung thương mới mọc. Phương do 3 loại dược vật hợp thành:

- Loại thuốc thanh nhiệt giải độc: Ngân hoa, Sinh cam thảo. Người xưa cho 2 vị này là “ung thư yếu dược” (thuốc cần thiết trị nhọt độc).
- Loại thuốc hoạt huyết hóa: Quy vĩ, Xích thực hoạt huyết hòa vinh; Nhũ hương, Một dược tán ứ định thống.
- Loại thuốc tiêu thũng: Phòng phong, Bạch chỉ phát tán, Sơn giáp, Tạo giác thích cống kiên, Hoa phấn, Tượng bối, hóa đàm tán kết, Trần bì lý khí hành trệ.

Toàn phương có công năng thanh nhiệt giải độc hoạt huyết tiêu ung, gia thêm rượu vì “tửu năng hành dược tính”; khiến cho sức thuốc chóng tới nơi có bệnh. Phạm các chứng sang, thương (nhọt độc) mới mọc thuộc về dương, chứng dùng phương này, nếu chưa có mũ thì nhọt có thể tiêu; nếu đã thành mũ thì có thể bài ra. Nhưng khi mũ đã ra hết thì không nên dùng bài này nữa.

Gia giảm: Sang thương đỏ, nóng đau nặng nên gia Tử hoa địa đĩnh, Bồ công anh, Liên kiều, Hoàng liên là các loại thuốc thanh nhiệt giải độc. Khối sưng phạm vi không lớn không sâu lắm, có thể bỏ Sơn giáp, Tạo giác thích, đại nhiệt đại khát thương tân nên bỏ Bạch chỉ, Phòng phong, Trần bì và rượu tức là các vị có tính ôn nhiệt.

¹ Chữ ung thư ở đây là chỉ các thứ nhọt độc, chứ không phải chữ ung thư để dịch nghĩa chữ Cancer của y học hiện đại (ND).

DƯƠNG HÒA THANG

« Ngoại khoa toàn sinh tập »

Thành phần:

1. Thục địa	40 gam	5. Bào khương thán	2 gam
2. Bạch giới tử	8 gam	6. Ma hoàng	2 gam
3. Lộc giác giao	12 gam	7. Sinh cam thảo	4 gam
4. Nhục quế	4 gam		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Ôn dương khí thông kinh lạc, trừ đờm kết.

Chủ trị: Bệnh lưu trú, hạch tất phong, đờm hạch, loa lịch, thoát thư và các loại bệnh ung thư thuộc về âm chứng, nơi có bệnh bình thần, sắc trắng hoặc ám (tối) không sung, hoặc có khối sưng tăn mạn.

Giải bài thuốc: Bản phương là phương chủ yếu điều trị các loại ung thư dạng âm chứng. Trong phương 1 lấy Bào khương, Nhục quế, ôn dương khí; Lộc giác giao, Thục địa bổ tinh huyết. Đó là ý nghĩa “hình bất túc giả ôn chi dĩ khí, tinh bất túc giả bổ chi dĩ vị” (nghĩa là hình đã hư thì ôn bằng khí, tinh đã suy thì bổ bằng vị) để chữa căn bản. Ma hoàng tán ôn phát tán để trục hàn tà; Bạch giới tử “khí bì lý mạc ngoại chi đàm” (khử đàm ở ngoài mạc và trong da) để chữa tiêu chứng (ngón). Về phương diện phối ngũ có ý nghĩa là: Thục địa, Lộc giác giao phối ngũ Ma, Quế, Bào khương các loại thuốc ôn được thì sức thuốc dễ dàng lưu tán, đã bổ tinh huyết mà không bị thấp trệ. Ma Quế Bào khương phối ngũ với các thuốc bổ như Thục địa, Lộc giác giao thì tác dụng tân tán phải giảm bớt đi mà thành tác dụng ôn thông kinh lạc. Cam thảo điều hòa chư dược. Toàn phương này có công năng khiến cho tinh huyết của toàn thân được bổ sung, dương khí được ấm áp. Tất cả các chứng âm hàn đàm thấp ngưng kết, nhờ có công năng ôn bổ thác lý và thông khí mà đạt đến chỗ phải tiêu tan. Vì vậy phương này có tên là DƯƠNG HOA.

Nhưng khi ứng dụng phương này, ngoài việc lấy triệu chứng nơi bệnh có sắc trắng, khối sưng tăn mạn, đau âm ỉ là những dấu hiệu cục bộ để làm căn cứ sử dụng phương thuốc còn phải xem xét các chứng trạng của toàn thân. Nếu có biểu hiện chứng mạch tượng tri tế, sắc mặt trắng bệch, rêu trắng, lưỡi nhạt... là biểu hiện chứng hư hàn, thì dùng phương này lại càng thích hợp.

Gần đây người ta ứng dụng phương này chữa bệnh lâm ba kết hạch (Adénite lymphocytaire), phúc mạc kết hạch (Péritonitegranu lense), cốt kết hạch, cho chí viêm phế quản mãn tính (Bronchite chronique) khi đã xuất hiện dương hư suyễn khái, đờm khô khè v.v... nhất định là có hiệu quả.

THẤU NÙNG TÁN

« Ngoại khoa chính tông »

Thành phần:

1. Sơn giáp	4-12 gam	4. Xuyên khung	8-12 gam
2. Tạo giác thích	12-20 gam	5. Đương quy	12 gam
3. Sinh hoàng kỳ	12-20 gam		

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc với nước, có thể thêm chút ít rượu lâu ngày (trần tửu) mà uống.

Công dụng: Thác độc thấu nùng.

Chủ trị: Nhọt độc chưa vỡ, mà trong đã có mủ.

Giải bài thuốc: Sơn giáp và Tạo giác thích là hai yếu dược để thấu nùng (làm chín mủ). Các loại ung thư nhọt độc đã thành mủ mà chưa vỡ tất phải dùng đến. Phương này lấy hai vị ấy làm thành phần chủ yếu để lập phương tể thấu nùng. Hoàng kỳ dùng sống thì tính nó bổ khí chạy ra biểu. Nếu thấy hiện

chúng khí hư, thì phải tăng liều lượng Hoàng kỳ cho thích đáng, để bổ khí thác độc. Đương quy, Xuyên khung hoạt huyết thông lạc, cùng dùng với Hoàng kỳ để tăng cường sức vận hành của khí huyết. Đó là bộ phận phù chính thác độc của phương này. Vì vậy phương này đối với tất cả các loại ung thư chưa vỡ, mà trong đã lên mũ, nếu chưa có biểu hiện chính khí hư thì nên dùng Sơn giáp, Tạo giác thích làm chủ; và 1 liều lượng của hai vị này nên tăng thêm cho thích ứng. Nếu thấy khí huyết bất túc, có dấu hiệu chính khí hư nội hãm thì phải lấy Hoàng kỳ làm chủ mà cho liều lượng lớn (đại tể).

Gia giảm: Phương *Thấu nùng tán* ở trong sách “Y học tâm ngộ” tức là phương này gia Bạch chỉ, Ngưu bàng tử, Kim ngân hoa. Đặc điểm chủ yếu của phương ấy là ngoài tác dụng thác lý thấu nùng ra, còn có tác dụng thanh nhiệt giải độc nữa. Trên thực tiễn lâm sàng hiện nay, khi muốn thấu nùng, phần nhiều người ta hay phối ngũ phương này với các vị thuốc thanh nhiệt giải độc như Bồ công anh, Từ hoa địa đỉnh, Ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên mà ứng dụng.

TỨ DIỆU DỮNG AN THANG

« Nghiệm phương tân thiên »

Thành phần:

1. Huyền sâm	120 gam	3. Ngân hoa	120 gam
2. Đương quy	80 gam	4. Cam thảo	40 gam

Cách dùng: Ngày dùng 1 thang sắc nước chia 3-4 lần uống.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết, tư âm.

Chủ trị: Thoát thư⁽¹⁾ (viêm mạch quản bị tắc) đã vỡ loét, nước mũ dò dì ra, phiền nhiệt, miệng khát.

Giải bài thuốc: Phương này dùng đại tể Huyền sâm, Ngân hoa, Cam thảo, để thanh nhiệt giải độc. Trong đó Huyền sâm còn kiêm có tác dụng tư âm, lại gia Đương quy hoạt huyết hòa vinh; các vị thuốc tuy đơn giản, nhưng dùng liều lượng lớn thì sức thuốc phải chuyên, dùng điều trị các loại chứng thoát thư vỡ loét, nhiệt độc đang lúc thịnh mà âm huyết lại hao thương rất là thích hợp. Nhưng với các chứng đau kịch liệt cần phải gia vị Nhũ hương, Một dược để hoạt huyết chỉ thống. Cần phải đặt một vấn đề là: Các chứng bệnh thoát thư (viêm tắc động mạch) biểu hiện rất nhiều chứng trạng rất khác nhau nên không phải chỉ dùng một phương để giải quyết, nếu như ứ huyết rõ ràng, thì trị pháp phải chú trọng hoạt huyết khứ ứ; nếu hàn chứng hiện rõ, thì trị pháp lại phải chú trọng ôn kinh tán hàn; nếu hư chứng hiện rõ, thì trị pháp phải chú trọng thông bổ khí huyết. Thí dụ các loại dược vật như: Đào nhân, Hồng hoa, Xích thực, Đan sâm, Nhũ hương, Một dược, Quế chi, Phụ tử, Hoàng kỳ, Đảng sâm, Thục địa, Lộc giác giao v.v... đều có thể tùy chứng mà tuyển lựa để dùng, nhưng phải nhớ nên kiêm có thuốc thanh nhiệt giải độc với một tể lượng tương đối khá lớn.

⁽¹⁾ Thoát thư: Là một loại bệnh khó chữa. Y học hiện đại gọi là bệnh viêm tắc động mạch (artérite oblitérante). Hệ động mạch các đầu ngón các chi hay bị và hoại tử té rụng dần dần (ND).

KẾT LUẬN

Vị kinh thang, *Đại hoàng mấu đơn thang* là hai phương tễ trị nội ung. Phương trước trị phế ung, phương sau trị trường ung thêm ra như *Ngân vị hợp tễ* trị nhọt độc hay gia giảm ứng dụng và được phát triển. Hai phương này trên thực tiễn lâm sàng ở phế có mủ chính là sự phát triển *Phương vị kinh thang*. Các phương *Lan vĩ hóa ứ thang*, *Lan vĩ thanh hóa thang*, *Lan vĩ thanh giải thang* và *Hồng hoàng bồ phác thang* dùng chữa các chứng viêm ruột thừa đều từ cơ sở bài *Đại hoàng mấu đơn thang* phát triển ra.

- *Tiêu ung thang*, *Dương hòa thang* là các phương trị ngoại thương. Phương trước thích hợp trị dương chứng; phương sau thích hợp trị âm chứng.

- *Thấu nùng tán* là phương thác độc thấu nùng, dùng chữa các loại ung thư nhọt độc chưa vỡ, mà trong đã lên mủ.

- *Tứ diệu dĩnh an thang* là một phương thuốc thanh nhiệt giải độc để điều trị các chứng bệnh thoát thư, độc tính thịnh đã vỡ loét, nước mủ đi đi v.v...

Phụ: THÀNH DƯỢC (THUỐC CHẾ SẴN)

I. YẾT HẦU HOÀN

(Tên cũ: *Lục thần hoàn*)

Công thức: Lục (Không nói)¹.

Cách dùng: Mỗi lần dùng 5-10 viên. Mỗi ngày dùng 3 lần, với nước chồn. Thuốc có thể dùng tại chỗ.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, tiêu viêm chỉ thống.

Chủ trị: Hầu nga, hầu ung, bạch hầu (dịptérie). Yết hầu sưng đỏ, đau nhức hoặc nổi mụn nhọt, ung thư dinh sang cho chí các loại thũng độc vô danh. Phụ nữ có mang cấm dùng.

2. NGURU HOÀNG TỈNH TIÊU HOÀN

(Một phương không có Nguru hoàng tên là *Tĩnh tiêu hoàn*)

Công thức:

1. Nguru hoàng 0,6 gam
2. Xạ hương 2 gam
3. Nhũ hương 40 gam
4. Một dược 40 gam
5. Hùng hoàng 20 gam

Dùng bột gạo tẻ sao vàng từ 15-18%, rượu cao 1 lượng 40% để luyện thành viên to bằng hạt cao lương (1 loại ngũ cốc).

Cách dùng: Mỗi lần 4 gam ngày 1-2 lần, uống với nước sôi để âm ầm, hoặc uống với rượu.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, ôn thũng chỉ thống.

Chủ trị: Ung thư, loa lịch (bệnh tràng nhạc) lưu trú, vô danh thũng độc.

Phụ nữ có mang dùng thận trọng.

¹ Theo nguyên bản sách Trung Quốc có nhiều phương, nhất là các phương thuốc chế sẵn gọi là thành dược chế biến cung cấp thị trường không nói phần công thức, chưa rõ lý do ra sao. Xin chú thích cho các bạn đọc (ND).

3. TIÊU KIM ĐAN

Công thức:

1. Bạch giao hương	64 gam	6. Địa long	44 gam
2. Nhũ hương	30 gam	7. Hương mặc	44 gam
3. Xạ hương	12 gam	8. Đương quy	30 gam
4. Chế thảo ô	64 gam	9. Một dược	30 gam
5. Ngũ linh chi	64 gam	10. Phiên mộc miết tử	64 gam

Các vị nghiền nhỏ dùng bột gạo nếp viên thành hoàn. Với liều lượng phương trên chế được 500 viên. (ở Thượng Hải hay chế thành viên dẹt gọi là phiến).

Cách dùng: Mỗi lần 1-2 viên (tức là 2-4 phiến). Ngày uống 2 lần với nước sôi hoặc rượu nóng, lúc đói.

Công dụng: Tiêu thũng bạt độc.

Chủ trị: Đàm hạch lưu trú, loa lịch thũng khối, các loại âm thư mới mắc.

Phụ nữ có mang cấm dùng.

4. NGOẠI KHOA THIÊM TÔ HOÀN

Công thức:

1. Kinh phần	2 gam	7. Chu sa	12 gam
2. Nhũ hương	4 gam	8. Đờm phần	4 gam
3. Hàn thủy thạch	4gam	9. Khô phần	4 gam
4. Một dược	4 gam	10. Thiêm tô (mủ cóc)	8 gam
5. Hùng hoàng	8 gam	11. Đồng lục	4 gam
6. Yết ngư (bọ trâu bò)	21 con		

Các vị nghiền nhỏ, dùng nước sôi để nguội đập viên, to bằng hạt cao lương.

Cách dùng: Mỗi lần 3-5 viên, ngày 1-2 lần với nước nóng, dùng ngoài hòa giấm dồ chỗ đau.

Công dụng: Tiêu sang.

Chủ trị: Ung thư đỉnh sang.

Phụ nữ có mang cấm dùng.

Chương 24

NGOẠI DỤNG PHƯƠNG TỄ

- Thuốc dùng ngoài -

THĂNG ĐƠN

(Tức thăng dược)

« Y tông kim giám »

Thành phần:

1. Thủy ngân	40 gam	4. Hùng hoàng	20 gam
2. Hỏa tiêu	160 gam	5. Chu sa	20 gam
3. Bạch phàn	40 gam	6. Tạo phàn	240 gam

Dùng phương pháp thăng hoa⁽¹⁾. Hiện nay dùng thăng hoa chế được thành phần thuần túy do khí hóa thu lại mà dùng. Sắc đỏ là *Hồng thăng đan*, sắc vàng là *Hoàng thăng đan*.

Hiện nay lại còn phương pháp chế *Tiểu thăng đan* gồm các vị Thủy ngân 40 gam, Bạch phàn 320 gam, Hỏa tiêu 28 gam chế thành thuốc bằng phương pháp thăng hoa.

Cách dùng: Thăng hoa thuần túy có dược tính quá mạnh. Trên lâm sàng khi ứng dụng phải gia Thạch cao chín nghiền bột thường từ 11-20% hòa vào mà dùng. Nếu chỗ thịt thối chưa thoát ra hết, đều phải dùng từ 30-50% hàm lượng *Thăng đan*. Phàm bệnh nhân nào có tính quá mẫn (tính dị ứng) đối với *Thăng đan*, thì tất phải cấm dùng. Nếu vết thương ở các vùng phụ cận môi, mắt có loét dùng *Thăng đan* phải rất thận trọng.

Thăng đan để lâu ngày, thì dược tính hòa hoãn có thể dùng để giảm đau. Thuốc này chỉ chuyên dùng ngoài, cấm kỵ cho vào miệng.

Công dụng: *Thăng đan* có tác dụng để dùng khử mù (hút mù và trừ thịt thối), có khả năng làm cho chất mù độc súc tích sớm được bài xuất ra ngoài, các chỗ thịt nát thối chóng được tiêu trừ hoặc rụng ra (bong vảy).

Chủ trị: Phàm các loại vết thương đã vỡ, mù tràn ra giường chiếu, thịt thối chưa tiêu, hoặc mù hôi thối bất tịnh, thịt mới lại chưa sinh, đều có thể sử dụng thuốc này.

CỬU NHẤT ĐƠN

« Y tông kim giám »

Thành phần:

1. Thạch cao	36 gam
2. Thăng đan	4 gam

Các thuốc đem nghiền bột để tiện dùng.

⁽¹⁾ Thăng hoa: Là phương pháp chế thủy ngân các loại kim thạch và một số hóa chất dùng lối chung thuốc cho bốc hơi, hơi đó đọng lại thành chất rắn ngay không qua giai đoạn thể lỏng. (Lời người dịch).

Cách dùng: Rắc thuốc vào trong miệng vết thương, hoặc dùng đực tuyến (dây dẫn lưu) để cho thuốc vào, ngoài đắp thuốc cao hoặc bôi thuốc dạng cao. Mỗi ngày thay thuốc 1-2 lần. Không được cho vào miệng.

Công dụng: Đề nùng khí hư.

Chủ trị: Tất cả các loại vết thương đã vỡ, chất mũ chưa ra hết.

Giải bài thuốc: Tác dụng đề nùng khí hư của phương này chủ yếu do công hiệu của *Thăng đan*. Nhưng Thạch cao chín là loại thuốc hết nhuận lại kiêm có tác dụng thanh lương, tốt nhất là dùng loại Thạch cao đã tẩm nước tiểu (tẩm nửa năm, lại làm sạch trong 2 tháng) rất hay.

Gia giảm: Tỷ lệ thành phần giữa *Thăng đan* và Thạch cao trong phương này có thể tăng giảm. Nếu dùng thực Thạch cao 32 gam, *Thăng đan* 8 gam để lập tễ, gọi là "*Bát-Nhị đan*", có thể chữa tất cả các vết thương đã vỡ mũ ra khó khăn, thịt thối không hóa. Nếu dùng thực Thạch cao 28 gam, *Thăng đan* 12 gam để lập tễ, gọi là "*Thất-Tam đan*", có thể chữa các loại ung, cốt hết hạch, cốt tủy viêm (Osteomyélite), hệ lâm ba ở cổ gáy hết hạch (adénite lymphocytaire cervicale) sau khi đã vỡ, thịt thối khó tiêu (bong) hoặc nụ thịt mới tăng sinh nhanh quá.

THIÊN CHỦY CAO

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Tỳ ma tử nhục	200 gam	4. Đông đan	80 gam
2. Nộn tòng hương phần (bột nhựa thông non)	400 gam	5. Ngân chu	80 gam
3. Khinh phần	40 gam	6. Trà du (mùa đông ướm đổi là 96 gam)	64 gam

Trước hết lấy Tỳ ma tử nhục cho vào cối giã nát, rồi cho dần dần bột Tòng hương vào đánh cho thật đều, xong cho dần dần bột Khinh phần, Đông đan, Ngân chu. Sau cùng, mới cho dầu trà (trà du) vào đảo giã độ nghìn chà⁽¹⁾ luyện thành thuốc cao.

Xí nghiệp dược ở Thượng Hải sản xuất *Hồng cao dược*, cách xử phương cơ bản giống phương này.

Cách dùng: Chung nóng cách thủy cho chảy - phết thuốc cao ấy lên giấy, đắp vào chỗ có bệnh.

Công dụng: Tiêu thũng chỉ thống, đề nùng khí hư.

Chủ trị: Các loại dương chứng như ung, trĩ, đinh, sang v.v...

NGỌC LỘ TÁN

« Nghiệm phương »

Thành phần: Phù dung điệp - Nghiền bột cực mịn.

Cách dùng: Có thể dùng dầu vừng, nước Cúc hoa, nước Ngân hoa, nước sôi để nguội hòa thuốc trên để đắp vào chỗ đau. Cũng có thể dùng Va dơ lin (phàm sĩ lâm) 8/10, Ngọc lộ tán 2/10 điều lẫn thành cao mà đắp. Cứ 10 lạng thuốc cao trên gia thêm Thạch khô toan 10 giọt⁽²⁾.

Công dụng: Lương huyết, thanh nhiệt, thoái thũng.

Chủ trị: Các loại ung thư dương chứng.

⁽¹⁾ Thiên chủy, có nơi đọc là chủy: nghìn chà (ND).

⁽²⁾ Y dung thạch khô toan: Là loại vôi tôi rồi có cho chút ít độ chua (acide) dùng trong ngành y để khử trùng (ND).

BẠCH NGỌC CAO

Thành phần:

1. Thạch cao tẩm nước tiểu (hoặc các loại thực thạch cao): 90%
2. Chế lô cam thạch: 10%

Thạch cao tẩm nước tiểu phải tẩm trong nửa năm, đem ra rửa sạch, lại tẩm trong 2 tháng nữa, sau mới đem nướng chín nghiền bột, sau hòa vào một Chế lô cam thạch trộn thật đều rồi cho chút ít dầu vừng chế thành cao thuốc. Lại có thể gia phàn si lâm (va sơ lin). (Khi chế loại cao này thì lấy bột thuốc 3/10 loại đầu 7/10.

Cách dùng: Phiết cao thuốc này lên mặt vải thưa, đắp vào nơi đau.

Công dụng: Sinh cơ, thu liễm.

Chủ trị: Nhọt đã vỡ, thịt thối đã tiêu hết mà miệng vết thương không thu nhỏ được.

Giải bài thuốc: Thạch cao tẩm nước tiểu thanh lương giải độc, Lô cam thạch tảo thấp thu liễm, phối hợp 2 vị này mà thành phương có công năng sinh cơ thu khẩu. Lại có thể rắc thêm bột thuốc sinh cơ khác vào cao thuốc này cùng dùng. Như gần đây người ta dùng *Xích mai tổ* (tức “920”) 20 gam cho vào 100 gam *Bạch ngọc cao* mà ứng dụng, có hiệu quả lên da liền thịt tốt hơn *Bạch ngọc cao* nhiều.

KIM HOÀNG TÁN

(Tên khác: *Như ý kim hoàng tán*)

« Y tông kim giám »

Thành phần:

1. Đại hoàng	3200 gam	6. Trần bì	1280 gam
2. Hoàng bá	3200 gam	7. Thương truật	1280 gam
3. Khương hoàng	3200 gam	8. Xuyên phác	1280 gam
4. Bạch chỉ	3200 gam	9. Cam thảo	1280 gam
5. Nam tinh	1280 gam	10. Thiên hoa phấn	6400 gam

Các vị trên nghiền cực nhỏ để tiện dùng.

Cách dùng: Dùng nước trấp, hành sống hoặc rượu, dầu vừng, mật, Ngân hoa lộ, Cúc hoa diệp, Ty qua diệp giã lấy nước trấp... hòa thuốc mà đắp vào. Hoặc dùng phàn si lâm 8/10, Kim hoàng tán 2/10 hòa đều thành cao mà đắp.

Công dụng: Tiêu nhiệt trừ thấp. Chí tiêu thũng.

Chủ trị: Các loại ung thư sang trĩ dương chứng.

BẰNG BẰNG TÁN

« Nghiệm phương »

Thành phần:

1. Bằng sa phi 40 gam
2. Bằng phiến 4 gam

Các vị nghiền cực mịn không nghe tiếng lạo xạo mới được.

Có phương có cả Huyền minh phàn và Chu sa.

Cách dùng: Thổi thuốc vào vết thương. Nếu thuốc có vào họng, ăn nuốt không sao cả.

Công dụng: Thanh hỏa, tiêu viêm.

Chủ trị: Nga khẩu sang, yết hầu, răng lợi xoang miệng niêm mạc bị sưng đau.

XUY NHỊ HỒNG MIÊN TÁN

Thành phần:

- | | | | |
|-----------------|--------|----------------|-------|
| 1. Yên chi khô | 12 gam | 4. Trần bì khô | 8 gam |
| 2. Sà thoái khô | 4 gam | 5. Khô phân | 8 gam |
| 3. Xạ hương | 3 gam | 6. Băng phiến | 2 gam |

Các vị nghiền cực mịn tiện dùng.

Cách dùng: Dùng bông thuốc lau sạch lỗ tai, rồi cho bột thuốc này vào. Ngày 2 đến 3 lần.

Công dụng: Bài nùng tiêu thũng, giảm đau giảm ngứa.

Chủ trị: Các chứng trong tai sưng đau, nước chảy vàng hoặc mù.

THANH ĐẠI TÁN

(Có tên là: *Khẩu cam dược*)

Thành phần:

- | | | | |
|-------------------------------|--------|---------------|-------|
| 1. Bạc hà | 12 gam | 5. Nhi trà | 8 gam |
| 2. Cam thảo | 4 gam | 6. Băng phiến | 2 gam |
| 3. Hoàng liên | 8 gam | 7. Nhân trung | 8 gam |
| 4. Nguyệt thạch (băng sa phi) | 12 gam | | |

Các vị nghiền cực mịn không có tiếng lạo xạo mới được.

Cách dùng: Trước hết rửa sạch khoang miệng, cho thuốc bột trên vào, thổi vào chỗ có bệnh, mỗi ngày 2-3 lần. Nếu thuốc có vào yết hầu, có thể nuốt được.

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, chỉ thống tiêu thũng.

Chủ trị: Yết hầu sưng đau, nhũ nga, com răng chảy máu, khẩu thiệt sinh sang.

TỊCH LOẠI TÁN

« Ôn nhiệt kinh vi »

Thành phần:

- | | | | |
|------------------|---------|----------------|---------|
| 1. Băng phiến | 0,6 gam | 5. Tượng nha | 12 gam |
| 2. Nhân chỉ giáp | 2 gam | 6. Thanh đại | 24 gam |
| 3. Trân châu | 12 gam | 7. Bích lý loa | 200 con |
| 4. Ngưu hoàng | 2 gam | (Ốc tường) | |

Các vị nghiền cực nhỏ không có tiếng lạo xạo mới được.

Cách dùng: Trước hết rửa sạch khoang miệng, cho thuốc này vào, thổi vào yết hầu chỗ có thịt thối loét. Mỗi ngày 1-2 lần. Nếu thuốc có vào họng ăn, có thể nuốt được.

Công dụng: Tiêu viêm, giải độc, khí hư, sinh tân.

Chủ trị: Các chứng xoang miệng, yết hầu tê loét sưng đau, âm đạo có vết loét cũng dùng được. Trực tràng, đại tràng có vết loét mãn tính, có thể dùng thuốc này làm thành dạng hồ loãng thụt vào hậu môn để điều trị.

Giải bài thuốc: Ngưu hoàng, Thanh đại thanh nhiệt giải độc, Nhân chỉ giáp, Bích lý loa giải độc, khứ hư sinh tân. Trân châu, Tượng nha khứ hư sinh tân, Băng phiến chỉ thống. Thuốc này dùng ngoài chữa yết hầu lở loét rất có hiệu quả.

Chú thích: Đại tràng xích ma (Colon sigmoïcle) là đại tràng xuống, trên khúc trực tràng.

----- HẾT -----